

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI

KHAITHÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Tập 2

**ĐỀ TÀI KHAITHÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ
HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975**

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

Tập 2 ĐỀ TÀI KHAITHÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VĂN TÀI

**TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II**

TẬP 2

**ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ
HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975**

ARCHIVES.GOV.VN

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

**TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ**
tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

TẬP 2
ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ
HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
HÀ NỘI - NĂM 2017

Chỉ đạo biên soạn:

VŨ VĂN TÂM

Giám đốc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II

Ban biên soạn:

NGUYỄN THỊ THIÊM

TRẦN THỊ VUI

LÊ VỊ

HÀ THỊ TUYẾT MAI

MỤC LỤC

Lời nói đầu	7
Bảng chữ viết tắt	10
Phần Một	11
TỔNG QUAN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975	
1. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA (1955 - 1963)	11
2. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ QUÂN QUẢN (1963 - 1967)	24
3. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA (1967 - 1975)	32
Phần Hai	53
TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỘC GIẢ	
I. TỔ CHỨC, HÀNH CHÍNH	53
1. Những vấn đề chung	53
2. Tổ chức Chính quyền VNCH	57
3. Tổ chức Lưu trữ VNCH	63
II. ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH	65
III. KINH TẾ	87
1. Những vấn đề chung	87
2. Các lĩnh vực kinh tế	88
a) Nông nghiệp	88
b) Công thương nghiệp	94
c) Tài chính - thương mại - xuất nhập khẩu, hàng hải, hàng không	100

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI	107
1. Những vấn đề chung	107
2. Giáo dục	117
3. Y tế, cứu tế xã hội	125
4. Dân cư, lao động	131
5. Hệ thống đề điều, giao thông công chánh và công trình kiến trúc	142
6. Tư tưởng, tôn giáo và văn hóa, nghệ thuật	154
V. AN NINH, CHÍNH TRỊ	187
1. Những vấn đề chung	187
2. Tổ chức và điều hành quân lực VNCH; các vấn đề về nội an, chính sách dinh điền, ấp chiến lược	198
3. Lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và nhân dân yêu nước miền Nam Việt Nam	207
a) Tổ chức TW Cục miền Nam và các lực lượng vũ trang	207
b) Các phong trào đấu tranh chính trị chống VNCH và can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam	243
VI. NGOẠI GIAO	288
VII. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC	305
Phần Ba	309
TUYỂN TẬP CÁC ĐỀ TÀI, XUẤT BẢN PHẨM VÀ BÀI VIẾT CỦA ĐỘC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ, XUẤT BẢN	
1. ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN, LUẬN ÁN	309
2. XUẤT BẢN PHẨM	334
3. BÀI VIẾT, THAM LUẬN VÀ BÁO CÁO KHOA HỌC	361

LỜI NÓI ĐẦU

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II - nơi đang gìn giữ hơn 14.000 mét giá tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu, gắn liền với quá trình khai hoang lập làng, đấu tranh chống thực dân, đế quốc và xây dựng, bảo vệ vùng đất phía Nam của Tổ quốc từ cách nay hơn 200 năm. Với hơn 180 phong và sưu tập tài liệu, sưu tập sách, tạp chí bổ trợ lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (Trung tâm II) cung cấp nguồn sử liệu quan trọng, phản ánh khách quan, chân thực tiến trình lịch sử của vùng đất Nam Bộ và Việt Nam nói riêng từ thế kỷ XVI đến nay.

Tài liệu do Trung tâm quản lý trở thành “nguyên liệu” chính cho hàng nghìn đề tài, ấn phẩm nghiên cứu khoa học, từ khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ, các bộ địa chí, lịch sử Đảng bộ các tỉnh thành, huyện thị, cũng như các công trình khoa học chuyên khảo về các mặt đời sống xã hội, các nhân vật lịch sử chính diện và phản diện,... Tổng kết 40 năm, Trung tâm đã phục vụ hàng trăm nghìn hồ sơ cho hơn 30.000 lượt độc giả trong và ngoài nước.

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập (29/11/1976 - 29/11/2016), Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tổ chức thống kê, sưu tầm các đề tài, công trình, ấn phẩm của độc giả đến nghiên cứu và sử dụng tài liệu lưu trữ, tập hợp thành bộ sách *“Tuyển tập đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II”* gồm 2 tập:

Tập 1: Đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ hình thành trước năm 1954.

Tập 2: Đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ giai đoạn 1955 - 1975.

Tập 2 gồm ba phần:

Phần Một: Tổng quan thành phần, nội dung tài liệu lưu trữ hình thành trong giai đoạn 1955 - 1975, giới thiệu lịch sử hình thành, thành phần và khái quát nội dung các phong, sưu tập tài liệu, sưu tập sách, tạp chí hỗ trợ hình thành thời kỳ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975) do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý.

Phần Hai: Tuyển tập đề tài nghiên cứu của độc giả, giới thiệu các đề tài nghiên cứu tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa của độc giả tại Phòng Đọc từ năm 1976 đến năm 2016. Các đề tài nghiên cứu của độc giả được trình bày theo bố cục: tên độc giả, tên đề tài, tổng quan nội dung tài liệu nghiên cứu, phong và hồ sơ tài liệu độc giả yêu cầu khai thác. Tuy nhiên, trải qua quá trình xử lý khoa học kỹ thuật, một số phong và các số ký hiệu tài liệu có nhiều sự thay đổi. Vì vậy, độc giả cần đến Phòng Đọc của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, đối chiếu với mục lục (hoặc) cơ sở dữ liệu hiện hành để có địa chỉ tra tìm hồ sơ, tài liệu chính xác.

Phần Ba: Tuyển tập các đề tài, xuất bản phẩm và bài viết của độc giả đã công bố, xuất bản, giới thiệu các đề tài khoa học, luận văn, luận án, sách, bài viết khai thác sử dụng và tham khảo khối tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975) do Trung tâm Lưu trữ quốc gia II quản lý.

Tuyển tập hướng tới mục tiêu cung cấp cho độc giả, các nhà nghiên cứu những thông tin cần thiết về nguồn tài liệu, cũng như tập hợp, hệ thống các đề tài nghiên cứu của độc giả để làm

rõ hơn tiềm năng, giá trị tài liệu lưu trữ mà Trung tâm đang quản lý. Đồng thời, giúp độc giả, các nhà nghiên cứu có thông tin hữu ích về các đề tài đã được công bố, xuất bản. Qua đó xây dựng đề tài, công trình khoa học tránh trùng lặp, cũng như tập trung đi sâu nghiên cứu vào những lĩnh vực đang còn bỏ ngỏ.

Tuy nhiên, trong điều kiện độc giả đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, Tuyển tập chưa phải là bộ sưu tầm đầy đủ nhất các đề tài, công trình sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Đặc biệt là những đề tài, công trình do các độc giả công bố, xuất bản ở nước ngoài. Vì vậy, Trung tâm rất mong nhận được sự thông tin của độc giả, các nhà nghiên cứu, để Tuyển tập được đầy đủ hơn ở lần tái bản sau./.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BCH	Ban Chấp hành
CC>	Công chánh và Giao thông
CC>VT	Công chánh và Giao thông vận tải
CS	Cộng sản
ĐỊCH	Đệ nhất Cộng hòa
ĐIICH	Đệ nhị Cộng hòa
GT&BD	Giao thông và Bưu điện
GTCC	Giao thông Công chánh
GTVT	Giao thông vận tải
QGVN	Quốc gia Việt Nam
QNCM	Quân nhân Cách mạng
MTDTGPMNVN	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam
TUĐD&NV	Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ
Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTLTII	Trung tâm Lưu trữ quốc gia II
TW	Trung ương
TWTB	Trung ương Tình báo
UBLĐQG	Ủy ban Lãnh đạo quốc gia
VC	Việt cộng
VNCH	Việt Nam Cộng hòa

Phần Một

TỔNG QUAN THÀNH PHẦN, NỘI DUNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975

I. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA (GIAI ĐOẠN 1955 - 1963)

Sau khi Hiệp định Genève¹ năm 1954 được ký kết, được sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ và các nước đồng minh, ở miền Nam Việt Nam đã hình thành một chính thể mới với tên gọi VNCH. Chính quyền của VNCH được thành lập theo Hiến ước ngày 26/10/1955, do Ngô Đình Diệm lãnh đạo, lấy danh hiệu là Tổng thống VNCH.

Về tổ chức bộ máy chính quyền ĐỊCH (1955 - 1963), Ngô Đình Diệm ban hành Sắc lệnh số 4-TTP ngày 29/10/1955, thành lập Chính phủ đầu tiên của chính thể VNCH với bộ máy hành chính theo kiểu dân chủ của Hoa Kỳ. Trong giai đoạn này, Chính quyền VNCH đã từng bước cải tổ bộ máy hành chính từ TW đến địa phương, địa giới lãnh thổ miền Nam cũng được từng bước cải tổ cho phù hợp với mục đích nhằm cô lập nhân dân, dập tắt phong trào cách mạng tại miền Nam Việt Nam.

Về chính trị, được sự hỗ trợ đặc lực từ Hoa Kỳ, Diệm đã đưa vào bộ máy chính quyền hàng loạt tay chân thân tín, những

¹ Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam (Genève) năm 1954, hồ sơ B7-19, phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần, TTLTH.

nhân vật thân Mỹ nắm giữ các chức vụ then chốt, nhằm chống lại các thế lực đối kháng Mỹ - Diệm (tiêu diệt các tướng lĩnh thân Pháp và loại trừ lực lượng vũ trang của giáo phái thân Pháp, Cao Đài Tây Ninh và Hòa Hảo) đang được Pháp ngầm yểm trợ. Song song với việc truất phế Bảo Đại và lực lượng thân Pháp, Mỹ - Diệm dùng mọi thủ đoạn hòng phá hoại Hiệp định Genève. Diệm công khai tuyên bố không có hiệp thương tổng tuyển cử, bác bỏ công hàm^{2, 3, 4} của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về đề nghị quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, ráo riết chuẩn bị tổng tuyển cử riêng rẽ nhằm mục đích thành lập một nước riêng biệt ở miền Nam Việt Nam. Mặt khác, Ngô Đình Diệm ra sức củng cố quyền lực, tuyên bố đặt CS ra ngoài vòng pháp luật, đưa “tố Cộng, diệt Cộng” trở thành quốc sách và dùng mọi thủ đoạn để đàn áp cách mạng và phong trào đấu tranh yêu nước của quân và nhân dân miền Nam Việt Nam.

Về kinh tế, những chính sách phát triển kinh tế của Chính quyền VNCH trong giai đoạn này có những tiến bộ nhất định như: triển khai kế hoạch Ngũ niên kinh tế, phát hành đơn vị tiền tệ mới thay cho tiền Đông Dương, gia nhập Quỹ Tiền tệ quốc tế, kêu gọi đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước, khuyến khích phát

² Công hàm ngày 18/7/1957 của Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi chính quyền Việt Nam Cộng hòa đề nghị thiết lập quan hệ bình thường hai miền Nam - Bắc, hồ sơ 133, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng, tờ số 8 - 11, TTLTH.

³ Công hàm ngày 7/3/1958 của Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi chính quyền Việt Nam Cộng hòa đề nghị thiết lập quan hệ bình thường hai miền Nam - Bắc, hồ sơ 133, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng, tờ số 12 - 16, TTLTH.

⁴ Công hàm ngày 22/12/1958 của Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi chính quyền Việt Nam Cộng hòa đề nghị thiết lập quan hệ bình thường hai miền Nam - Bắc, hồ sơ 133, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng, tờ số 20 - 24, TTLTH.

triển doanh nghiệp, triển khai chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. Ở nông thôn, VNCH thi hành chính sách cải cách điền địa, cho lập các khu trù mật, khu dinh điền và xây dựng áp chiến lược, hòng biến miền Nam Việt Nam thành trại giam khổng lồ phục vụ nhiệm vụ quân sự, an ninh chống Cộng và phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân yêu nước miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, đến những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi năm 1960 do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo nổ ra liên tiếp, từng bước làm sụp đổ hệ thống chính quyền cơ sở của VNCH ở nông thôn miền Nam, giáng những đòn mạnh mẽ vào tinh thần và lực lượng của chính quyền Sài Gòn.

Cuối năm 1960, chính quyền Sài Gòn bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng khi các cuộc nổi loạn, đảo chính của các nhóm nổi dậy ngày càng gia tăng, sự bất đồng trong giới lãnh đạo quân sự và sự hoài nghi từ các nhà cố vấn ngày càng dâng cao. Đỉnh điểm của hoạt động ngầm chống đối anh em Ngô Đình Diệm là cuộc đảo chính ngày 11/11/1960 do Đại tá Nguyễn Chánh Thi và Trung tá Vương Văn Đông cầm đầu, cho thấy thời kỳ “ngghiêm trọng”, “cáo chung” của Chính quyền Ngô Đình Diệm đã đến, buộc Hoa Kỳ phải tiến hành thay “ngựa” giữa dòng. Ngày 03/11/1963, dưới sự hậu thuẫn của CIA - Hoa Kỳ, lực lượng quân đội chính quyền Sài Gòn làm cuộc đảo chính lật đổ Chính quyền Ngô Đình Diệm, đặt dấu chấm hết cho nền ĐỊCH ở miền Nam Việt Nam.

Quá trình hoạt động của chính thể ĐỊCH giai đoạn 1955 - 1963 đã sản sinh ra một khối lượng tài liệu lớn thuộc các lĩnh vực kinh tế, an ninh, chính trị, ngoại giao, văn hóa, xã hội,... Tài liệu là các văn bản gốc thuộc các phong tài liệu tiêu biểu hiện lưu trữ tại TTLTII được hình thành trong thời kỳ này như: Phong Phủ

Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (26/10/1955 - 01/11/1963), phong Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần (04/8/1954 - 1959), phong Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963), phong Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội (1960 - 1963).

Cụ thể như:

1. Phong Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (26/10/1955 - 01/11/1963)

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động xâm nhập vào Đông Dương về kinh tế, quân sự, Hoa Kỳ không ngừng dùng áp lực với Pháp để trực tiếp “kiểm soát” Việt Nam. Tháng 6/1954, Hoa Kỳ đã buộc được Pháp chấp thuận Ngô Đình Diệm (đang sống lưu vong) về nước làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam. Ngày 16/6/1954, Quốc trưởng Bảo Đại buộc phải ký liên tiếp hai sắc lệnh: một là, Sắc lệnh số 37-QT giải tán Chính phủ của hoàng thân Bửu Lộc; hai là, Sắc lệnh số 38-QT⁵ chỉ định Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng. Tiếp đó, ngày 19/6/1954, Bảo Đại ký Dự số 15⁶ chính thức bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Chính phủ, có toàn quyền về dân sự và quân sự ở Việt Nam.

Sau khi được giao một quyền hạn rộng lớn về mọi mặt đối nội, đối ngoại, quân sự, dân sự,... trong phiên họp của “Hội Đồng Nhân dân Cách mạng” ngày 08/5/1955 đã tuyên bố truất phế Bảo Đại và ủy nhiệm cho Ngô Đình Diệm thành lập Chính phủ lâm

⁵ Sắc lệnh số 38-QT ngày 16/6/1954 của Quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng VNCH toàn quyền về quân sự và dân sự, phòng ĐỊCH, hồ sơ 3916, TTLTII.

⁶ Bản dịch Dự số 15 ngày 19/6/1954 của Quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng VNCH, phòng ĐỊCH, hồ sơ 3916, TTLTII.

thời⁷. Dự số 8⁸ và 9 ngày 23/01/1956 đã triệu tập và ấn định thể thức bầu cử Quốc hội lập hiến. Thực tế, Quốc hội này chỉ nghiên cứu, thảo luận một dự án Hiến pháp⁹ do Tổng thống chuyển đến. Ngày 04/3/1956, Quốc hội được bầu xong. Ngày 17/4/1956, Ngô Đình Diệm chuyển đến Quốc hội bản thông điệp nêu lên những nguyên tắc làm nền tảng cho chính thể mới. Ngày 26/10/1956, Hiến pháp VNCH được ban hành, văn kiện này mang đến cho Chính quyền Ngô Đình Diệm một giá trị pháp lý, nhằm hợp thức hóa quyền lãnh đạo đã được thực thi từ trước khi có Hiến pháp. Theo Hiến pháp năm 1956¹⁰, Quốc hội giữ quyền lập pháp do dân cử. Tổng thống giữ quyền hành pháp cũng do dân cử. Hai quyền này hoàn toàn độc lập với nhau.

Như vậy trong suốt nhiệm kỳ cầm quyền 5 năm, Tổng thống chỉ chịu trách nhiệm trước quốc dân là thành phần trực tiếp bầu ra Tổng thống, các cơ quan tư pháp, lập pháp, không có quyền giải nhiệm, truất phế hay tuyên bố bất tín nhiệm Tổng thống. Quyền truất phế Tổng thống phải do cử tri, có nghĩa là phải hết một nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống bắt đầu từ ngày 26/10/1956 - ngày ban hành Hiến pháp và chấm dứt vào ngày 30/4/1961. Quyền chỉ huy của Tổng thống được thể hiện dưới nhiều hình thức¹¹:

⁷ Sắc lệnh số 145-CP của Thủ tướng Chính phủ Ngô Đình Diệm ký ngày 10/5/1955, hồ sơ 641, phòng ĐỊCH, TTLTII.

⁸ Dự số 8 ngày 23/01/1956 do Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành, hồ sơ 732, phòng ĐỊCH, TTLTII.

⁹ Hiến ước tạm thời của Việt Nam Cộng hòa ngày 26/10/1955, hồ sơ 641, phòng ĐỊCH, TTLT II.

¹⁰ Việt Nam Cộng hòa (năm 1956), Hiến pháp năm 1956, ký hiệu VN.1380, tr 13, TTLTII.

¹¹ Niên giám hành chính VNCH năm 1957, tr 35 - 37, TTLTII.

Về phương diện ngoại giao, Tổng thống ký kết và phê chuẩn các điều ước và hiệp định quốc tế (sau khi được Quốc hội chấp thuận); bổ nhiệm các sứ thần Việt Nam và tiếp nhận ủy nhiệm thư của đại diện ngoại giao các nước; thay mặt quốc gia để giao thiệp với ngoại quốc tuyên chiến và ký hòa ước với sự thỏa thuận của Quốc hội.

Về phương diện dân sự, Tổng thống điều khiển tất cả các cơ quan hành pháp trong nước. Các cơ quan hành pháp được phân chia thành 14 bộ như sau: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Kinh tế, Bộ Thông tin và Thanh niên, Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Canh nông, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Bộ Kiến thiết và Thiết kế Đô thị. Mỗi bộ đặt dưới quyền một vị bộ trưởng do Tổng thống bổ nhiệm và chịu trách nhiệm đối với Tổng thống về mặt chính trị cũng như về mặt chuyên môn. Riêng bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có nhiệm vụ phụ tá Tổng thống về các công việc trong phủ. Các bộ trưởng là cộng sự viên của Tổng thống nhóm họp thành Hội đồng Nội các, dưới quyền chủ tọa của Tổng thống để bàn xét các vấn đề quan trọng trong nước.

Về phương diện quân sự, Tổng thống là tư lệnh tối cao các lực lượng quân sự và bổ nhiệm, cách chức các tướng sỹ, công chức ngành Quân sự.

Về phương diện tư pháp, Tổng thống sử dụng quyền ân xá, ân giảm, hoán cải hình phạt.

Về phương diện tài chính, Tổng thống lập dự án ngân sách chuyển sang Quốc hội thảo luận.

Tổ chức Phủ Tổng thống gồm hai cơ quan nòng cốt là

Văn phòng Phủ Tổng thống¹² (Nha Đồng lý Văn phòng) và Tòa Tổng thư ký¹³. Ngoài hai cơ quan trên còn có Văn phòng Bộ trưởng¹⁴ tại Phủ Tổng thống trực thuộc Tổng thống. Nha Đồng lý Văn phòng được cải tổ do Nghị định số 126/TTP/ĐL ngày 03/01/1954 và được sửa đổi bởi các Nghị định: số 154-PTT/VP/KT ngày 04/10/1954, số 183-PTT/VP/KT ngày 17/10/1955, số 662-TTP/CV ngày 01/3/1956, số 1266-TTP/NV ngày 15/5/1956, số 3020-TTP/NV ngày 24/12/1956, số 1321-TTP/NV ngày 28/8/1957, số 969-TTP/VP ngày 05/6/1958, số 805-TTP/VP ngày 11/6/1959, số 888-TTP/VP ngày 04/9/1961.

Tóm lại, Tổng thống là người đứng đầu cơ quan Chính phủ và là người tổ chức, ấn định kế hoạch vừa là người chỉ đạo thực hiện. Các bộ trưởng đều do Tổng thống bổ nhiệm, đặc trách một công tác riêng của mình trong kế hoạch chung do Tổng thống ấn định và chỉ chịu trách nhiệm trước Tổng thống mà không qua một cấp chỉ huy trung gian nào cả. Như vậy, Tổng thống có quyền ký sắc lệnh hay các sắc luật với tư cách quốc trưởng và ký nghị định với tư cách Thủ tướng Chính phủ. Đối với các vấn đề có tính cách lập pháp, trước ngày có quốc hội lập pháp, Tổng thống quyết định bằng dụ sau khi hội đồng nội các thảo luận. Trong trường hợp khẩn cấp, giữa hai khóa họp của quốc hội, Tổng thống có quyền ký sắc luật nhưng phải chuyển đến quốc hội ngay sau đó. Nếu quốc hội không bác bỏ, các luật sẽ trở thành đạo luật. Tổng thống còn có quyền đề nghị sửa đổi hiến pháp hoặc đưa quốc hội ủy quyền ký sắc luật trong thời hạn nhất định. Đứng ra, quốc hội là cơ quan cao nhất do dân cử và có quyền lập pháp. Nhưng thực

¹² Niên giám Hành chính VNCH năm 1957, tr 40, TTLTII.

¹³ Niên giám Hành chính VNCH năm 1957, tr 42, TTLTII.

¹⁴ Niên giám Hành chính VNCH năm 1957, tr 39, TTLTII.

chất, quốc hội chỉ là một tổ chức để hợp pháp hóa việc ban hành luật lệ, các chế độ, chính sách do Tổng thống dự định trước.

Quá trình hoạt động của Phủ Tổng thống ĐỊCH đã sản sinh ra 460,25 mét giá tài liệu. Thời gian hình thành tài liệu từ năm 1955 đến ngày 01/11/1963. Hầu hết tài liệu chủ yếu là tiếng Việt, ngoài ra còn có một số lượng nhỏ tài liệu được thể hiện bằng tiếng Anh, Pháp, với loại hình ghi tin trên giấy, bản đồ và ảnh. Nội dung chứa đựng các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền trong 7 năm của các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống và các vấn đề thuộc các lĩnh vực nội an - quân sự, an ninh, chính trị, tư pháp, thanh tra, ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội,... như sau:

- Tài liệu về tổ chức, hoạt động của chính quyền ĐỊCH: gồm các dự thảo, sửa đổi hiến pháp; tổ chức cuộc trưng cầu dân ý, bầu cử, thiết lập thành phần Chính phủ; về hành chính các tỉnh; kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, 5 năm lần thứ hai của Chính phủ VNCH; các báo cáo, phúc trình, biên bản họp hàng năm về hoạt động của Chính phủ và tình hình kinh tế, xã hội 7 năm của các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Bộ Canh nông, Bộ Giáo dục, Bộ Lao động,...

- Tài liệu về thi đua khen thưởng của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ như: kê khai và thiết lập các loại huy chương cho các ngành; thiết lập “Trung dũng Bội tinh”; Huy chương “Canh nông Bội tinh” cho Bộ Canh nông; thiết lập, ấn định đẳng cấp và thăng thưởng Huy chương “Kim khánh”; ảnh, tranh vẽ mẫu các huy chương VNCH; thiết lập huy hiệu riêng cho Bộ Nội vụ và các nha trực thuộc; ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh, Bảo quốc Huân

chương cho các cá nhân trong nước có thành tích, ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân nước ngoài,...

- Tài liệu về nội an, gồm các tờ trình, bản đồ, bản tin tức,... hàng tháng của Tòa Đại biểu Chính phủ Trung Việt, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu và các tỉnh về tình hình an ninh, chính trị, hoạt động quân sự của VC, quân phiến loạn tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Bình Định, Bình Thuận, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Pleiku, Long An, Tây Ninh, Kiên Giang,...; về tình hình các nước Á châu, Việt Nam qua đài phát thanh VC và tài liệu về hoạt động của Phái đoàn Cố vấn Anh tại Việt Nam.

- Tài liệu về ngoại vụ, là các bản phúc trình, báo cáo, bản tổng hợp tin tức của Bộ Ngoại giao về các hoạt động của Bộ Ngoại giao hàng năm; tổ chức hội nghị, hội thảo, quan hệ ngoại giao giữa VNCH với các nước; tổng hợp tin tức quân sự về chiến tranh tại Việt Nam.

- Tài liệu về kinh tế - tài chính, là những sắc lệnh, phúc trình, báo cáo của Bộ Kinh tế và Bộ Tài chính về tình hình kinh tế, bảo vệ an ninh và kiểm soát kinh tế tại các tỉnh như: khai thác Côn Đảo và quần đảo Trường Sa; chấn hưng kinh tế tỉnh Cà Mau; áp dụng và miễn các sắc thuế, sửa đổi giá biểu quan thuế nhập nội; chương trình cải cách thuế khóa...

- Tài liệu về các vấn đề văn hóa - xã hội, là các báo cáo, phúc trình về hoạt động của Phủ Đặc ủy Công dân vụ, Bộ Thông tin và Thanh niên; Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Xã hội, Bộ Lao động về các vấn đề liên quan.

- Tài liệu riêng biệt của Phủ Tổng thống, của Tham mưu Biệt bộ về việc Tổng thống tiếp phái đoàn đồng bào Thượng và

phái đoàn tổ Cộng Hoa kiều tại Dinh Độc Lập; hình ảnh về cuộc tiếp dân của Tổng thống; công tác chuẩn bị cho Tổng thống đi thị sát, kinh lý tại Trung nguyên Trung phần, Ban Mê Thuột, Huế, Bình Định, vùng B' Lao - Đà Lạt, Biên Hòa, các tỉnh miền Tây Nam phần,...

2. Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần (04/8/1954 - 1959)

Ngày 04/8/1954, Dụ số 21 đã bãi bỏ chức Thủ hiến và thay bằng Đại biểu Chính phủ tại các phần, trong đó có Đại biểu Chính phủ tại Nam phần¹⁵. Theo đó, Đại biểu Chính phủ tại Nam phần có chức năng đại diện cho Chính phủ và thực thi các nhiệm vụ được Chính phủ giao phó tại các tỉnh Nam phần. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Đại biểu Chính phủ được quy định tại Dụ số 57a ngày 24/10/1956 của Tổng thống VNCH.

Đứng đầu Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần là một Đại biểu Chính phủ và bên cạnh Đại biểu Chính phủ là một Ủy viên Chính trị và Hành chính. Tổ chức Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần¹⁶ gồm có: Đồng lý Văn phòng và Phòng Công văn, Đồng lý Sự vụ, Võ phòng, Quản trị Địa phương Ngoại quốc Viện trợ. Ngày 24/9/1958, Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần bị bãi bỏ bằng Sắc lệnh số 480-TTP ngày 24/9/1958 của Tổng thống VNCH¹⁷.

Phòng tài liệu này gồm những tài liệu như:

- Các sắc lệnh của Tổng thống VNCH; các nghị định, quyết định, chỉ thị của Đại biểu Chính phủ Nam phần.

¹⁵ Công báo Việt Nam năm 1954, tr 1.980, TTLTII.

¹⁶ Hồ sơ D.3 - 58, phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần, TTLTII.

¹⁷ Công báo VNCH năm 1958, tr 3.780, TTLTII.

- Tài liệu về tổ chức chính quyền TW, địa phương, tổ chức nhân sự; các nghị định, quyết định về nhân viên, hồ sơ nhân viên; sửa đổi ranh giới các tỉnh Nam phần; các công văn trao đổi giữa Tòa Đại biểu và các tỉnh Nam phần; báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Nha Công an Nam phần; hoạt động của Bảo an, vệ binh, các trung tâm huấn luyện; tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh Nam phần; hoạt động của VC, Pháp, Mỹ và hoạt động của tôn giáo, ngoại kiều.

- Tài liệu về chính trị: Hiệp ước Genève 1954; thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh Nam phần.

- Tài liệu về tư pháp: hoạt động của các nhà tù và phóng thích tội phạm.

- Tài liệu về công chánh - giao thông: xây cất, quản lý, duy tu nhà cửa, công thự; xây cất, quản lý, duy tu, đổi tên, quy hoạch đường sá.

- Tài liệu về văn hóa, giáo dục, xã hội: tổ chức bộ máy, nhân sự ngành giáo dục; các cuộc thi cử; xây dựng đài kỷ niệm, hoạt động của các viện bảo tàng và các hoạt động văn hóa xã hội khác.

3. Phòng Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963)

Là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống theo Sắc lệnh số 103-TTP ngày 23/4/1957¹⁸ và Nghị định số 691/TTp/vp ngày 23/4/1957 của Tổng thống VNCH. Cơ quan này đặt dưới quyền kiểm soát và điều hành của Phó Tổng thống với nhiệm vụ: sưu tầm và áp dụng những phương pháp kỹ thuật để khai khẩn ruộng đất bỏ hoang để tăng cường diện tích canh tác; di chuyển và phân cấp đất đai cho các phần tử nông nghiệp muốn khai thác và giúp

¹⁸ Sắc lệnh số 103-TTP của Tổng thống Ngô Đình Diệm thiết lập Phủ Tổng ủy Dinh điền, hồ sơ 4231, phòng Phủ Thủ tướng, tờ số 1, TTLTII.

đỡ họ với mọi phương tiện sẵn có; tăng cường sức sản xuất, cải thiện cơ cấu nông thôn trên mọi phương diện; đệ trình Tổng thống những kế hoạch thích hợp và theo dõi việc thực hiện kế hoạch.

Tổ chức của Phủ Tổng ủy Dinh điền được tổ chức như một bộ đặt dưới quyền điều khiển của một tổng ủy ngang hàng với bộ trưởng, gồm một số cơ quan tại TW và các địa phương giúp việc, gồm có văn phòng và các nha, sở nội thuộc.

Phủ Tổng ủy Dinh điền hoạt động đến ngày 28/9/1959 thì được cải tổ theo tinh thần Mật văn số 417-TTP/ĐL ngày 29/9/1959 của Văn phòng Tổng thống. Năm 1961, với Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 về việc ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn thì Phủ Tổng ủy Dinh điền là cơ quan trực thuộc của Bộ này¹⁹. Năm 1963, Sắc lệnh số 9-TTP ngày 12/11/1963 bãi bỏ Phủ TUDĐ&NV và thiết lập Phủ Tổng ủy Tân sinh Nông thôn trực thuộc Phủ Thủ tướng²⁰.

Phòng Phủ TUDĐ&NV (1957 - 1963) chứa đựng những tài liệu liên quan đến tổ chức, nhân sự; ngân sách, kế toán và tài vụ. Cụ thể như sau:

- Tài liệu về tổ chức, là các chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình của Phủ Tổng ủy Dinh điền, các nha, sở trực thuộc về các vấn đề liên quan đến hoạt động, hội nghị, huấn thị và công tác an ninh,...; Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy, việc tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, lương bổng nhân viên,...

- Tài liệu về tài chính, kế toán, tài vụ: dự trù ngân sách của nha, sở; cấp phát ruộng đất cho đồng bào di dân, di cư; kết quả

¹⁹ Niên giám Hành chính năm 1963, tr 333, TTLTH.

²⁰ Công báo VNCH năm 1963, tr 85, TTLTH.

canh tác tại các địa điểm dinh điền; việc xây dựng nhà ở, làm cầu đường và các khu dinh điền; khai thác các vùng đầm lầy,...

4. Phong Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội (1960 - 1963)

Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội trên thực tế đã hoạt động và tồn tại từ năm 1961 - 1963. Căn cứ theo một số công văn đề nghị và bản thảo Sắc lệnh²¹ về việc thành lập thì tổ chức Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội quy định: Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội có nhiệm vụ điều hòa, đơn đốc, phối hợp hoạt động của các bộ: Quốc gia Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động và trình bày kế hoạch lên Tổng thống; các bộ trưởng Quốc gia Giáo dục, Công dân vụ, Y tế, Lao động đảm nhiệm trách vụ các bộ, sở quan trong phạm vi chuyên môn của mỗi bộ và Bộ trưởng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội điều khiển các cơ sở Văn hóa Xã hội có tính cách chung.

Trong thời gian tồn tại, Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội đã đạt được những thành tựu nhất định trong sự phát triển chung của Nhà nước VNCH. Do yêu cầu của lịch sử, Tổng Bộ Văn hóa Xã hội đã chấm dứt hoạt động vào năm 1963.

Phong Bộ Đặc nhiệm phối hợp Văn hóa Xã hội chứa đựng tài liệu liên quan đến tổ chức, nhân sự; ngân sách, kế toán và tài liệu về giáo dục, văn hóa, xã hội.

Ngoài các phong tài liệu nêu trên, thời kỳ ĐỊCH còn hình thành và tiếp tục duy trì những phong tài liệu tiêu biểu khác được hình thành từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến năm 1975. Những phong tài liệu này, chúng tôi sẽ đề cập cụ thể trong phần tài liệu lưu trữ thời kỳ ĐỊCH.

²¹ Hồ sơ số 17, phong Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội, TTLTII.

II. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ QUÂN QUẢN (1963 - 1967)

Năm 1963, dưới sự chỉ đạo của Hoa Kỳ, Dương Văn Minh cầm đầu tướng lĩnh Sài Gòn làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, chấm dứt nền ĐỊCH ở miền Nam Việt Nam. Sau khi ĐỊCH bị sụp đổ ngày 01/11/1963, sự phụ thuộc của VNCH vào viện trợ của Hoa Kỳ về tài chính, quân sự, cũng như sự can thiệp của tòa đại sứ Hoa Kỳ vào công việc nội bộ về chính trị và quân sự của VNCH ngày càng lên cao.

Về tổ chức Chính quyền VNCH sau cuộc đảo chính: Tổng thống Diệm bị sát hại, chức vụ Tổng thống chưa được thiết lập, Quốc hội của chính quyền Diệm bị giải tán, dẫn đến sự tranh giành quyền lực giữa các tướng lĩnh, phe phái trong nội bộ ngày càng sâu sắc. Từ năm 1963 - 1965, chính thể cộng hòa ở miền Nam Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng triền miên với đảo chính nối tiếp đảo chính. Trong thời gian này, bản Hiến pháp năm 1956 bị vô hiệu hóa. Để quản lý và điều hành đất nước khi không còn Hiến pháp, Hội đồng QNCM đã lần lượt ban hành Hiến ước tạm thời thành lập ra Ban Lãnh đạo lâm thời và Quân lực Quốc gia. Tuy nhiên, những bất ổn về tình hình chính trị trong giai đoạn này tạm lắng xuống cho đến năm 1967, Nguyễn Văn Thiệu được Hoa Kỳ đưa lên lãnh đạo Đại hội đồng Quân lực VNCH và thiết lập nền ĐIICH tại miền Nam Việt Nam.

Về kinh tế, nền kinh tế VNCH bất ổn định, bị hạn chế do tình hình bất ổn về chính trị và sự tàn phá của chiến tranh, nền kinh tế mới chỉ ở quy mô nhỏ, chưa có sự biến chuyển rõ rệt, chủ yếu lệ thuộc vào sự viện trợ của Hoa Kỳ. Việc Chính phủ hủy bỏ “Áp Chiến lược” và đổi tên là “Áp Đời mới” hay “Áp Tân sinh” cũng không thu được kết quả khả quan. VNCH ngày càng phụ thuộc vào nguồn viện trợ từ Hoa Kỳ và bị Hoa Kỳ chi phối trong

hầu hết các lĩnh vực kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao,... Vì thế, trong giai đoạn này, sự tồn tại của chính thể VNCH chỉ mang tính hình thức. Việc Hoa Kỳ đưa Thiệu lên lãnh đạo Đại Hội đồng Quân lực VNCH là nhằm ổn định tình hình, tạo điều kiện để Hoa Kỳ và chư hầu (Úc, Thái Lan, Phi Luật Tân, Nam Hàn) đưa quân vào mở rộng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, từ nửa cuối năm 1964, những thất bại liên tiếp của liên quân Hoa Kỳ - Chính quyền Sài Gòn trên chiến trường miền Nam đã đặt chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Hoa Kỳ trước nguy cơ thất bại đối lập với tình hình chiến trường miền Nam đang trên đà thắng lợi liên tiếp của Quân Giải phóng ở Núi Thành, Ba Gia, Bình Giả,... làm cho các mục tiêu cơ bản của chiến lược “tìm diệt” và “bình định” của Hoa Kỳ - Chính quyền Sài Gòn đặt ra đều đi đến bế tắc, ngày càng sa lầy và bị tổn thất nặng nề.

Quá trình hoạt động của Hội đồng QNCM giai đoạn 1963 - 1967 đã hình thành nên các phong tài liệu quan trọng như: Phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng (01/11/1963 - 14/6/1965), phong Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia (14/6/1965 - 31/10/1967), phong Bộ Cải tiến nông thôn (1961 - 1965), phong Tổng bộ Văn hóa Xã hội (1965 - 1967). Cụ thể như sau:

1. Phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng (01/11/1963 - 14/6/1965)

Sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm, Hội đồng QNCM được thành lập ngay sau ngày quân đội thực hiện thành công cuộc đảo chính lật đổ Chính quyền Ngô Đình Diệm (01/11/1963)²². Đứng đầu Hội đồng là BCH Hội đồng do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch. Ngày 04/11/1963, Hiến ước số 01 được ban hành. Hội

²² Hồ sơ số 1, phong Hội đồng QNCM, TTLTII.

đồng QNCM ký Sắc lệnh số 01/HĐQN cử ông Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời.

Nhiệm vụ của BCH Hội đồng này chấm dứt vào ngày 30/01/1964, sau khi Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm phản đảo chính, và được thay thế bằng Hội đồng Quân sự Cách mạng hay còn gọi là Hội đồng Cách mạng, hay Hội đồng Quân lực do Nguyễn Khánh làm Chủ tịch. Trong thời gian này, Hiến ước số 02 được ban hành, Hội đồng QNCM ủy nhiệm Trung tướng Dương Văn Minh giữ chức vụ Quốc trưởng và Trung tướng Nguyễn Khánh giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 16/8/1964, Hiến chương VNCH được ban hành. Theo Hiến chương, Hội đồng QNCM là cơ quan cao nhất, có nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia và bầu Chủ tịch VNCH. Tổ chức của Hội đồng này bao gồm: Bộ Tổng tư lệnh: Bộ Tổng Tư lệnh Không quân, Bộ Tổng Tư lệnh Hải quân, Bộ Tổng Tư lệnh Quân huấn, Bộ Tổng Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt, Bộ Tổng Tư lệnh Địa phương quân và Nghĩa quân, các đơn vị, các vùng chiến thuật, Tổng Cục Thăm vãn, Tổng Cục Chiến tranh Chính trị; Bộ Quân lực: Nha Đồng Lý, Nha Tổng Thanh tra Tài chính và Thanh tra Quân khí, Nha Động viên, Nha Quân pháp, Nha Cự binh và Phế binh.

Ngày 27/8/1964, Hội đồng QNCM tuyên cáo bỏ Hiến chương ngày 16/8/1964 và tự ý giải tán. Vào thời điểm này, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực được thành lập do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch²³.

Ngày 08/9/1964, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực thành lập Thượng Hội đồng Quốc gia do ông Phan Khắc Sửu

²³ Hồ sơ số 1, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

làm Chủ tịch²⁴. Ngày 20/10/1964, Hiến chương lâm thời được ban hành và kèm theo là Quyết định số 01 ngày 24/10/1964 của Thượng Hội đồng và cử ông Phan Khắc Sửu làm Quốc trưởng.

Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực chấm dứt nhiệm vụ và giải tán vào ngày 26/10/1964. Ngày 31/10/1964, Quốc trưởng Phan Khắc Sửu bổ nhiệm ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ²⁵. Ngày 20/12/1964, các tướng: Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Hữu Cồ làm đảo chánh và Hội đồng Quân lực VNCH được thành lập, giữ chức Chủ tịch là Tướng Nguyễn Khánh. Hội đồng này tuyên cáo ủng hộ Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Chính phủ dân sự Trần Văn Hương²⁶. Ngày 27/01/1965, Hội đồng Quân lực bổ nhiệm bác sỹ Phan Huy Quát thay ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ và lập Chính phủ mới. Đến ngày 28/01/1965, Hội đồng cử ông Nguyễn Xuân Oánh làm quyền Thủ tướng Chính phủ²⁷.

Ngày 16/02/1965, Hội đồng Quân lực cử ông Phan Huy Quát làm Thủ tướng. Ngày 17/02/1965, Hội đồng Quân lực ban hành Quyết định số 06 thành lập Hội đồng Quốc gia lập pháp²⁸.

Ngày 21/02/1965, Hội đồng Quốc gia Lập pháp truất quyền Tổng Tư lệnh của Tướng Khánh và cử Tướng Dương Văn Minh thay thế. Hội đồng Quân lực VNCH quyết định tự giải tán vào ngày 05/5/1965²⁹. Ngày 11/6/1965, Chính phủ Dân

²⁴ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

²⁵ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

²⁶ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

²⁷ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

²⁸ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

²⁹ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

sự tuyên cáo trao trả quyền lãnh đạo quốc gia cho Quân đội và được chấp nhận trong khi chờ đợi thành lập cơ cấu quốc gia phù hợp. Ngày 14/6/1965, UBLĐQG ra đời do Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch và cũng là thời điểm kết thúc sự lãnh đạo của Hội đồng QNCM³⁰.

Qua các sự kiện trên cho thấy, từ ngày 01/11/1963 đến ngày 19/6/1965, trong thời gian 19 tháng, những diễn biến lịch sử về cơ cấu lãnh đạo Quốc gia như sau:

Về phía Quân lực có 3 tổ chức: Hội đồng QNCM hoạt động công khai kể từ ngày 01/01/1963 và tuyên bố giải tán ngày 27/8/1964; Ban Lãnh đạo Lâm thời Quốc gia và Quân lực được thành lập kể từ ngày 27/8/1964 và tuyên cáo giải tán ngày 20/10/1964; Hội đồng Quân lực VNCH được thành lập kể từ ngày 20/12/1964 và tuyên cáo tự giải tán ngày 05/5/1965.

Về Chính quyền có 4 chính phủ: Chính phủ Lâm thời với Thủ tướng Nguyễn Ngọc Thơ được ủy nhiệm ngày 04/11/1963; Chính phủ Quân nhân với Quốc trưởng là Trung tướng Dương Văn Minh và Thủ tướng Nguyễn Khánh được ủy nhiệm ngày 7/12/1964; Chính phủ Dân sự với Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ tướng Trần Văn Hương được ủy nhiệm ngày 31/10/1964; Chính phủ Dân sự với Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ tướng Phan Huy Quát được ủy nhiệm ngày 16/02/1965.

Hội đồng QNCM có nhiệm vụ cố vấn Tổng Tư lệnh đối với những quyết định quan trọng có ảnh hưởng đến thể chế Quân lực VNCH; cứu xét các biện pháp về quân kỷ và thăng thưởng; thực hiện sự công bằng trên tiêu chuẩn, khả năng và sự hy sinh và đại diện cho Quân lực VNCH là cơ quan tối cao lãnh đạo quốc dân.

³⁰ Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng QNCM, TTLTH.

Phòng tài liệu hình thành trong thời kỳ này chủ yếu là tài liệu về các cuộc binh biến; các hiến ước, hiệu triệu, tuyên cáo; việc đề cử, ân thưởng; Đại hội, phiên họp của Hội đồng QNCM; đình công, bãi khóa của công nhân; học sinh, sinh viên; biểu tình của đồng bào phật giáo, công giáo; cải tổ bộ máy hoạt động của các bộ, cơ quan TW và các vấn đề liên quan đến khôi phục trật tự, xã hội,...

2. Phòng Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia (14/6/1965 - 31/10/1967)

Ủy ban LĐQG được thành lập do Quyết định số 03-QLVNCH/QĐ ngày 14/6/1965 và được bổ túc bởi Quyết định số 6-QLVNCH/QĐ, Quyết định số 7-QLVNCH/QĐ ngày 06/6/1966 do Hội đồng Quân lực VNCH ấn định³¹.

Thành phần của UBLĐQG gồm: Chủ tịch là Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, 01 Tổng Thư ký là Trung tướng Phan Xuân Chiêu, 01 Ủy viên Điều khiển Hành pháp là Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, 07 Ủy viên Quân nhân, 10 Ủy viên Dân sự do 10 Ủy viên Quân nhân nói trên đề nghị và được Hội đồng Quân lực chấp nhận. Theo Ước pháp tạm thời ngày 19/6/1965, UBLĐQG có thẩm quyền³² nhiệm vụ hành xử chủ quyền và điều khiển mọi công việc quốc gia, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Quân lực về mọi quyết định của UB³³.

Tài liệu trong phòng Phủ Chủ tịch UBLĐQG phần lớn là tài liệu bản gốc, có bút tích của Trung tướng Chủ tịch UBLĐQG (như khối tài liệu lưu công văn đi, khối tài liệu kinh lý, đoàn thể,...) và một số lượng nhỏ tài liệu được phô tô, sao y. Nội dung phòng tài

³¹ Hồ sơ số 1, phòng Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, TTLTII.

³² Hồ sơ số 146, phòng Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, TTLTII.

³³ Hiến pháp năm 1967, Chương IX, Điều 111.

liệu phản ánh các hoạt động Quốc gia thuộc các lĩnh vực quân sự, an ninh trật tự, kinh tế, văn hóa - xã hội...; tài liệu tổ chức - hành chính quản trị và tài liệu về các hoạt động mang tính riêng biệt của Trung tướng Chủ tịch UBLĐQG như: các cuộc kinh lý, công du, yết kiến, tin tức báo chí, thư tín riêng, đơn thư, thỉnh nguyện của nhân dân gửi đến,...

3. Phong Bộ Cải tiến nông thôn (1961 - 1965)

Năm 1961, Bộ Cải tiến Nông thôn được thành lập và ấn định tổ chức bằng các Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961 của Tổng thống VNCH, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 của Bộ Cải tiến Nông thôn³⁴. Bộ Cải tiến Nông thôn đảm nhiệm các trách vụ của các bộ: Bộ Canh nông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Hợp tác xã và Nông tín, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Sở Kiến thiết Nông thôn.

Tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn gồm có các cơ quan TW, các cơ quan ngoại thuộc và các cơ quan đặc biệt như: cơ quan TW (Nha Đồng lý Văn phòng, Nha Tổng Thư ký, Nha Thanh tra), cơ quan ngoại thuộc (Tổng nha Điền địa, Nha Lâm vụ, Nha Mục súc, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn, Nha Khảo cứu, Thảo cầm viên), cơ quan đặc biệt (Phủ Tổng ủy Hợp tác xã Nông tín, Phủ TUDĐ&NV). Năm 1965, Bộ Cải tiến Nông thôn chấm dứt nhiệm vụ bằng Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965³⁵.

Tài liệu trong phong chủ yếu là tài liệu hành chính, gồm các vấn đề như: tiếp tế thuốc cho các địa điểm dinh điền chưa địa

³⁴ Niên giám Hành chính năm 1963, tr 333, TTLTH.

³⁵ Niên giám Hành chính năm 1967, tr 254, TTLTH.

phương hóa; công văn trao đổi về xuất, nhập cảng mục súc, giống, thức ăn gia súc; chứng từ xây cất tại các kho trữ mạt; sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của bộ, các ty.

4. Phong Tổng Bộ Văn hóa Xã hội (1965 - 1967)

Tổng Bộ VHXH được thành lập theo Sắc lệnh số 178-VHXH của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW ngày 25/8/1965³⁶. Theo Sắc lệnh này, Tổng ủy viên Văn hóa Xã hội trực tiếp điều hành 4 bộ: Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Xã hội, Bộ Lao động. Sau đó, Bộ Lao động được tách khỏi Tổng Bộ và Bộ Thanh niên lại được sáp nhập vào khối Văn hóa Xã hội. Do Sắc lệnh số 218-VHXH ngày 17/11/1965, 4 cơ quan: Nha Văn hóa, Nha Văn khố và Thư viện, Nha Kỹ thuật và Viện Khảo cổ trước thuộc Bộ Giáo dục, được chuyển sang Tổng Bộ Văn hóa Xã hội³⁷. Sau khi nội các chiến tranh cải tổ lần thứ nhất, Tổng Bộ Văn hóa Xã hội gồm 4 bộ: Giáo dục, Y tế, Xã hội, Cựu chiến binh. Khi Nội các Chiến tranh cải tổ lần thứ hai, thì Bộ Văn hóa³⁸ được thành lập và được đặt trực thuộc Tổng Bộ Văn hóa Xã hội. Tổng Bộ Văn hóa Xã hội do Tổng Ủy viên Văn hóa Xã hội trực tiếp điều khiển, có nhiệm vụ tham gia ý kiến, đề xuất, nghiên cứu và soạn thảo các kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến những vấn đề giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thanh niên.

Tổ chức của Tổng Bộ Văn hóa Xã hội bao gồm: Văn phòng, Hội đồng Hoạch định chính sách Văn hóa Xã hội. Tổ chức của Văn phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội được quy định do Nghị định

³⁶ Công báo VNCH năm 1965, tr 3.288, TTLTI.

³⁷ Phong Tổng Bộ VHXH, TTLTI.

³⁸ Phong Tổng Bộ VHXH, TTLTI.

số 16-VHXXH/NĐ ngày 14/9/1965³⁹, sau đó được bổ túc bởi Nghị định số 158-VHXXH/NĐ ngày 31/5/1966⁴⁰.

Thành phần tài liệu trong phòng gồm các báo cáo về hoạt động của các tổng bộ, các bộ, nha, trung tâm, viện, các phiên họp của Hội đồng Nội các, Hội đồng Liên bộ về Văn hóa Xã hội, các hội nghị, đi công cán trong nước và quốc tế của Tổng Bộ và các đơn vị trực thuộc và tập lưu công văn đi; tài liệu về tổ chức, nhân sự: thành lập, cải tổ tổ chức bộ máy của tổng bộ, một số viện, trung tâm, trường; tổ chức nhân sự của Tổng Bộ và các bộ trực thuộc; bầu cử Quốc hội lập hiến, bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống và Thượng Nghị viện; Sắc luật, sắc lệnh, nghị định, công văn của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng và các bộ. Tài liệu về ngân sách, kế toán nội bộ và tài liệu về phân phối, điều chỉnh công ớc, công xa và tài liệu về giáo dục, văn hóa, xã hội, đoàn thể.

III. TÀI LIỆU LƯU TRỮ THỜI KỲ ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA (1967 - 1975)

Chính phủ ĐIIICH tiếp thu chính quyền từ UBLĐQG do các tướng lĩnh Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu điều hành trong thời kỳ Quân quản giữa nền ĐICH và ĐIIICH. ĐIIICH (1967 - 1975) là chính thể dân sự của VNCH bắt đầu với bản Hiến pháp tháng 4/1967. Sau cuộc bầu cử tháng 9/1967 tạo cơ sở cho Chính phủ dân sự chấp chính, ngày 01/11/1967 là ngày chính thức thành lập nền ĐIIICH.

Về tổ chức bộ máy, từ năm 1967 đến năm 1975, tổ chức chính quyền thời ĐIIICH được xây dựng bằng Hiến pháp năm 1967, xác lập cơ cấu tổ chức Chính quyền VNCH, thể hiện khá

³⁹ Phòng Tổng Bộ VHXXH, TTLTII.

⁴⁰ Công báo VNCH năm 1966, trang 2.791, TTLTII.

đầy đủ tinh thần của chủ nghĩa hợp hiến theo mô hình của nhà nước Hoa Kỳ. Để điều hành Phủ Tổng thống đi vào hoạt động, cùng ngày nhận chức (31/10/1967), trong khi chờ đợi hoàn thành việc tổ chức Phủ Tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Sắc lệnh giữ nguyên trạng các cơ quan thuộc Phủ Chủ tịch UBLĐQG và hoạt động dưới danh nghĩa cơ quan thuộc Phủ Tổng thống.

Tháng 11/1967, Nguyễn Văn Thiệu ấn định lại tổ chức Phủ Tổng thống gồm: cơ quan riêng biệt và Tòa Tổng Thư ký. Tháng 10/1969, cơ cấu tổ chức Phủ Tổng thống được thay đổi hoàn thiện hơn gồm⁴¹: thành phần cố vấn, thành phần riêng biệt, thành phần phụ trách các lĩnh vực quốc gia, thành phần quản trị hành chính và các cơ quan trực thuộc như: Phủ Đặc ủy TWTB, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện, Tổng nha Kế hoạch. Các thành phần và cơ quan trên là bộ máy giúp việc cho Tổng thống về các vấn đề liên quan đến việc ấn định các chính sách và kế hoạch quốc gia; theo dõi, nhật tu các phúc trình và các vấn đề liên quan tới quân lực VNCH như: kế hoạch phòng thủ lãnh thổ, theo dõi các hoạt động của đồng minh, thu thập các tin tức, tài liệu trong phạm vi trách nhiệm, thu thập các tin tức trên báo chí; các vấn đề chỉ đạo đường lối, chính sách thuộc các lĩnh vực quốc gia, phối hợp hoạt động khi công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau có nhận định chung và trình lên Tổng thống; liên lạc với các cơ quan hành pháp, lập pháp, đoàn thể để thu thập tài liệu, nhận định tình hình, làm sáng tỏ đường lối, chính sách do Tổng thống đề ra; quản trị và yểm trợ tất cả các cơ quan thuộc phủ trên phương diện nhân viên, ngân sách, công ốc, vật liệu, công xa, bảo đảm an ninh cho Tổng thống và gia đình.

⁴¹ Niên giám Hành chính năm 1971, tr 43, TTLTH.

Tổng thống ĐIICH được bầu ngày 03/9/1967 và chính thức nhậm chức vào ngày 31/10/1967, với nhiệm kỳ của Tổng thống là 4 năm. Nhưng theo Luật số 001/1974 ngày 22/01/1974 tu chính Hiến pháp thay đổi nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Tổng thống có thể được tái cử 2 lần. Tổng thống ĐIICH do Nguyễn Văn Thiệu lãnh đạo theo Hiến định trải qua 2 nhiệm kỳ: nhiệm kỳ I từ ngày 03/9/1967 đến ngày 03/10/1971 và nhiệm kỳ II từ ngày 03/10/1971 đến ngày 31/10/1975. Tuy nhiên, trên thực tế, Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức khi chưa hết nhiệm kỳ II vào ngày 21/4/1975. Như vậy, trong giai đoạn này, chế độ VNCH đã trải qua hai thời kỳ tổng thống là Tổng thống Trần Văn Hương từ ngày 21 - 27/4/1975 và Tổng thống Dương Văn Minh từ ngày 27 - 30/4/1975.

Về kinh tế, Chính quyền VNCH sử dụng tiền viện trợ để tạo dựng một xã hội trong vùng kiểm soát nhằm ổn định và phát triển nền kinh tế tự lập. Tuy nhiên, đây là một nền kinh tế mang bộ mặt phồn vinh giả tạo. Vì thực chất, VNCH có nền kinh tế phụ thuộc lớn vào nguồn viện trợ từ Hoa Kỳ, mặt khác, do sự tàn phá của chiến tranh dẫn đến sự bất ổn định của nền kinh tế trên các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Về chính sách, VNCH vẫn triển khai dựa trên các kế hoạch kinh tế 5 năm, 4 năm nên không có sự tăng trưởng rõ rệt; công nghiệp thì nhỏ lẻ, thương mại thì chủ yếu nhập khẩu và tiêu thụ hàng viện trợ,... Từ những năm 70 trở đi, nguồn viện trợ của Hoa Kỳ cho VNCH dần dần giảm sút, việc cắt giảm viện trợ dẫn đến nền kinh tế VNCH ngày càng suy thoái nghiêm trọng.

Về quân sự, thất bại của Hoa Kỳ - VNCH trong hai cuộc chiến lược Đông - Xuân 1965 - 1966 và 1966 - 1967 và biến cố Tết Mậu Thân năm 1968 đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Hoa Kỳ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, buộc Hoa Kỳ phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh, chuyển

hướng chiến lược “phi Mỹ hóa chiến tranh” sang chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969 - 1970), hòng tạo thế bao vây, cô lập cách mạng Việt Nam, hoàn thành cơ bản giai đoạn thứ nhất của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Sự rút lui của quân đội Hoa Kỳ sau biến cố Tết Mậu Thân và sau cuộc tấn công của Quân Giải phóng trên 3 mặt trận vào mùa xuân năm 1972 đã làm cho quân lực VNCH ngày càng suy yếu và đi đến thất bại hoàn toàn do sự yếu kém, thiếu viện trợ về vật chất và tinh thần từ đồng minh.

Về phía Trung ương Cục miền Nam, nhằm đẩy mạnh tiến công trên các mặt trận và làm thay đổi cục diện chiến trường miền Nam, Trung ương Cục miền Nam ban hành Chỉ thị số 01 và bổ sung Chỉ thị số 01 tháng 01/1971 nhằm chuyển hướng chiến lược sang chống đánh bình định nông thôn của chính quyền Sài Gòn. Mùa khô 1971 - 1972, lực lượng cách mạng đã làm phá sản bước đầu chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Hoa Kỳ, bẻ gãy hai nội dung cơ bản là bình định nông thôn và tăng cường khả năng tác chiến của quân đội Sài Gòn, mở ra thời cơ chiến lược cho cuộc tổng tiến công quyết định trong năm 1972. Thắng lợi của cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 đã làm chuyển biến thế và lực trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đánh dấu sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ phải rút dần quân về nước, chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, ngồi đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Hội nghị Paris, tạo bước ngoặt bản lề cho công cuộc cách mạng miền Nam Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Quá trình hoạt động của chính thể ĐIICH giai đoạn 1967 - 1975 đã hình thành nên một khối lượng tài liệu đồ sộ gần 80 phong/sưu tập lưu trữ, với hầu hết các phong/sưu tập tài liệu được thể hiện bằng tiếng Việt, ngoài ra, có một số phong thể hiện bằng

tiếng Anh và tiếng Pháp được ghi tin trên chất liệu giấy, ảnh, băng từ, microfilm,... thuộc các lĩnh vực kinh tế, an ninh, chính trị, ngoại giao, văn hóa, xã hội,... Trong đó, có các phong tài liệu lớn và quan trọng của các cơ quan TW chính quyền Sài Gòn như: Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH, phòng Phủ Thủ tướng VNCH,... Cụ thể như sau:

1. Phòng Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa (1967 - 30/4/1975)

Với số lượng tài liệu là 158,60 mét giá. Thời gian hình thành tài liệu từ năm 1967 - 30/4/1975. Hầu hết tài liệu chủ yếu là tiếng Việt, ngoài ra còn có một số lượng nhỏ tài liệu được thể hiện bằng tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc, Thái, Kh'me, Hàn Quốc, Ả Rập, với loại hình ghi tin trên giấy, bản đồ, ảnh,... Nội dung chứa đựng các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền và các vấn đề thuộc các lĩnh vực nội an - quân sự, an ninh, chính trị, tư pháp, thanh tra, ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội,... Cụ thể như sau:

- Tài liệu về tổ chức, là những hồ sơ về các cuộc bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống, Thượng Nghị viện, Hạ Nghị viện nhiệm kỳ I, II; bầu cử Hội đồng đô, tỉnh, thị, xã; tổ chức bộ máy các cơ quan Chính phủ, các bộ, đô, tỉnh, thị; đề bạt, bổ nhiệm, thăng thưởng, hồ sơ nhân sự các nhân vật cao cấp, nhân viên các phủ, bộ; tổ chức hành chính tại TW, địa phương; dự luật “Hải phận Việt Nam”, soạn thảo, ban hành Sắc luật ấn định lãnh hải Việt Nam về phương diện ngư nghiệp, các vi phạm chủ quyền VNCH trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, thu thập tài liệu chứng minh chủ quyền của VNCH trên đảo Hoàng Sa, Trường Sa, các tàu thuyền nước ngoài vi phạm hải phận Việt Nam; tách, sáp nhập, điều chỉnh ranh giới các tỉnh, quận, huyện, xã.

- Tài liệu về nội an - quân sự: gồm chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo chung của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Cục An ninh Quân đội VNCH, Tham mưu Biệt bộ về tình hình quân sự, an ninh, chính trị của Sài Gòn và các tỉnh; tổng hợp tin tức hàng tuần của Phủ Tổng thống về quân sự, chính trị trong nước và ngoài nước; về Hội nghị Quốc phòng Đông Nam Á (SEATO) và Hội nghị 7 Quốc gia Hội viên Thượng đỉnh Manila; tình hình chiến sự tại miền Bắc Việt Nam, hoạt động của VC; tài liệu của Bộ Quốc phòng về các kế hoạch và chiến dịch; biến cố Tết Mậu Thân, lực lượng quân sự Bắc Việt và hoạt động của Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, phái đoàn Bộ Quốc phòng thăm viếng VNCH, bản tin báo cáo nói về sự can thiệp của Hoa Kỳ tại Việt Nam, hoạt động của Hải quân, Không quân Hoa Kỳ, máy bay Hoa Kỳ xạ kích lầm vào quân lực VNCH đóng tại trường Phước Đức - Chợ Lớn, quân đội Hoa Kỳ tàn sát thường dân tại xã Sơn Mỹ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi, Hoa Kỳ rút quân khỏi VNCH, lễ tiễn đưa quân nhân Hoa Kỳ về nước.

- Tài liệu về an ninh, gồm các báo cáo, hồ sơ của Bộ Tư lệnh CSQG, Hạ Nghị viện, Bộ Nội vụ, Tổng nha CSQG, Cục An ninh Quân đội, Phủ Đặc Ủy TWTB về tình hình chính trị, hoạt động kinh tài của VC, đấu tranh, đình công của công nhân. Các hoạt động của các đoàn thể chính trị; di chuyển can phạm nội địa ra Côn Sơn và phân loại, cải huấn, cải tiến lễ lối giải quyết tình trạng can phạm; về tình trạng dân số toàn quốc.

- Tài liệu về chính trị, gồm các kế hoạch, báo cáo, hồ sơ của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Bộ Chiêu hồi về tình hình an ninh, chính trị; chiêu hồi và chính sách đại đoàn kết dân tộc; các phong trào chống VNCH và can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam; hoạt động chính trị của trí thức, sinh viên và học sinh; tổ chức TW Cục miền Nam; hòa đàm Ba Lê giữa VNCH, Hoa Kỳ, đồng minh;

các hoạt động của CS Bắc Việt; các phong trào chống VNCH và can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam, các phiên họp khoáng đại lần thứ 1-121 bàn về vấn đề hòa bình Việt Nam tại Paris năm 1969; hoạt động của Ủy ban Liên hiệp Quân sự hai bên, bốn bên về việc thi hành Hiệp định Ba Lê; tình hình chính trị tại Việt Nam, các đề nghị giải pháp chính trị ôn hòa để ngừng tiếng súng giữa hai miền Nam - Bắc; tình hình chiến cuộc tại Việt Nam...

- Tài liệu về tư pháp, gồm các phiếu trình, báo cáo của Phủ Tổng thống, Bộ Tư pháp, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về Đại hội Luật gia chế bản gửi tin về thành tích hoạt động một năm của Bộ Tư pháp; về sự thiệt hại của các cơ quan Tư pháp trong vụ biến cố Tết Mậu Thân; ân xá, ân giảm cho các tù nhân nhân dịp các ngày lễ, tết; giới thiệu Bộ Luật Giá thú, tử hệ thay hệ thay thế bộ Luật Gia đình, luật lệ hiện hành trừng trị các hành vi phản động phá hoại, thông đồng tiếp tay cho CS; soạn thảo ban hành Bộ Dân luật, Bộ Hình luật, Luật quy chế ngành chưởng khế; thể thức bồi thường tai nạn lưu thông do quân nhân đồng minh gây ra; Đại hội Thẩm phán toàn quốc.

- Tài liệu về thanh tra, là các báo cáo, đơn thư của Phủ Tổng thống, dân biểu về bài trừ tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện; soạn thảo các sắc luật nhằm hữu hiệu hóa công cuộc bài trừ tham nhũng; phát động phong trào bài trừ tham nhũng; nạn tham nhũng tại Sài Gòn, các tỉnh, điều tra tham nhũng tại Cơ quan Tiếp vận TW, ngành Điện lực, Biệt khu 44, quỹ tương trợ và tiết kiệm quân nhân; kê khai tài sản của nhân viên Văn phòng Tổng thống; tố cáo tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện.

- Tài liệu về ngoại giao, gồm các chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tháng, quý, năm của Bộ Ngoại giao, Thượng nghị viện, Phụ tá Liên lạc Quốc hội về chính sách ngoại giao của VNCH; giải đáp các thắc mắc liên quan đến đường lối ngoại giao của VNCH;

tái lập hòa bình tại Việt Nam và một số biến cố; cải cách thủ tục về quy chế Việt kiều; những thực hiện của Chính phủ trong lĩnh vực ngoại giao; hoạt động của Tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, về hoạt động và thành tích của Tòa Đại sứ VNCH tại Phnom Pênh; về cuộc tổng tiến công của VC, tài liệu về công tác ngoại giao vận và hoạt động của Bắc Việt tại Liên Hiệp quốc; các nước công nhận và tuyên bố quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam; tình hình chính trị tại Campuchia, Ai Lao, Đại Hàn, Mỹ, Tây Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Pháp, Tây Ban Nha, Ba Tây; các cuộc viếng thăm của Tổng thống VNCH, các phái đoàn tại Hoa Kỳ, Đại Hàn, Trung Hoa Dân quốc, Đài Loan, Phi Luật Tân,...

- Tài liệu về kinh tế, là các báo cáo, phiên họp của Chính phủ VNCH, Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Tái thiết và Phát triển, Bộ Kinh tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Phát triển Nông thôn về các chương trình và chính sách phát triển, ổn định kinh tế kế hoạch tài chính trong thời kỳ chuyển tiếp các phiên họp của Ủy ban Kinh tế Tài chính; ngân sách quốc gia của các phủ, bộ, tỉnh; thành lập ngân hàng tại các tỉnh; về tuyên cáo, tuyên bố đối với tài nguyên thiên nhiên quốc gia trong vùng biển, dưới đáy biển, tranh chấp biên giới, tìm kiếm, khai thác dầu hỏa thêm lục địa; thiết lập các khu công nghiệp, khuếch trương hệ thống thủy điện, viễn thông, giao thông vận tải, các vấn đề khẩn hoang lập ấp; nhận định về tình hình kinh tế tài chính Việt Nam trong 15 năm; các quốc gia, các tổ chức cá nhân đang viện trợ hoặc sẽ viện trợ cho VNCH, tài liệu đề nghị viện trợ ngầm của thế giới tự do cho VNCH; Luật bãi trừ tham nhũng và chống lạm phát của Dân biểu Phan Huỳnh Đức; ban hành Luật Ngân sách quốc gia, dự án ngân sách quốc gia của các bộ; tình hình viện trợ thương mại và tín dụng ngoại quốc; tái thiết, xây cất cầu, đường ở các địa phương, dự án xây dựng cầu Bắc Mỹ Thuận.

- Tài liệu về văn hóa - xã hội - đoàn thể, gồm các kế hoạch, báo cáo về tổ chức các ngày lễ, tết; giáo dục, thông tin, y tế, xã hội; hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, nghiệp đoàn, các hiệp hội, mặt trận, tổ chức phụ trợ và về công tác cứu trợ nạn nhân chiến cuộc, bão lụt.

- Tài liệu về các hoạt động riêng biệt, là các chuyển kinh lý của Tổng thống, các bài nói chuyện, diễn văn; báo chí phục vụ cho Tổng thống; các đơn, thư, thiệp trong nước, ngoài nước gửi Tổng thống; và hoạt động của phu nhân, lễ đính hôn của con gái Tổng thống.

- Tài liệu thi đua khen thưởng, là cách thiết lập về các loại huân, huy chương; ân thưởng Bảo quốc Huân chương, Chương mỹ Bội tinh, huy chương,... cho các cá nhân trong và ngoài nước; lễ gắn huân, huy chương.

- Tài liệu về hành chính - quản trị, là cách thức làm hồ sơ trình Tổng thống đọc và ký các văn kiện; hội nghị, hội thảo hành chính; các sắc lệnh, nghị định, công văn, phiếu trình; về cách sắp xếp và lưu trữ hồ sơ; về trực hàng ngày, di dời văn phòng, mua xe, xăng nhớt, địa chỉ, điện thoại của các phủ, bộ.

2. Phong Phủ Thủ tướng VNCH (1954 - 1975)

Ngày 06/7/1954, Quốc trưởng Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 43-CP⁴² ấn định thành phần Chính phủ và bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Chính phủ QGVN kiêm Tổng trưởng Bộ Nội vụ⁴³.

⁴² Sắc lệnh số 43-CP ngày 06/7/1954 của Ngô Đình Diệm ấn định thành phần Chính phủ, hồ sơ 3916, phong ĐICH, tờ số 6, TTLTH.

⁴³ Công báo Việt Nam năm 1954, tr 1692, TTLTH.

Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng tồn tại đến ngày 23/10/1955 là ngày trưng cầu dân ý để thành lập chính thể Cộng hòa. Với Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm tự phong mình là Quốc trưởng đồng thời cũng là Thủ tướng Chính phủ lấy danh hiệu là “Tổng thống VNCH”⁴⁴. Ngày 01/11/1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chấm dứt chế độ gia đình trị của họ Ngô.

Từ tháng 11/1963 có các đời Thủ tướng sau: Chính phủ lâm thời Nguyễn Ngọc Thơ từ ngày 04/11/1963 - 07/02/1964; Nội các Nguyễn Khánh từ ngày 08/02/1964 - 31/10/1964; Nội các Trần Văn Hương từ ngày 04/11/1964 - 28/01/1965; Nội các Nguyễn Xuân Oánh từ ngày 28/01/1965 - 16/02/1965; Nội các Phan Huy Quát từ ngày 16/02/1965 - 11/6/1965; Nội các Nguyễn Cao Kỳ từ ngày 19/6/1965; Nội các Nguyễn Văn Lộc từ ngày 09/11/1967; Nội các Trần Văn Hương thành lập ngày 25/5/1968; Nội các Trần Thiện Khiêm thành lập ngày 01/9/1969 - 04/4/1975; Nội các Nguyễn Bá Cẩn từ ngày 04/4/1975 - 24/4/1975; Ngày 28/4/1975, Vũ Văn Mẫu được cử làm Thủ tướng Chính phủ, trong khi nội các chưa thành hình thì ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Về tổ chức Phủ Thủ tướng, từ thời Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng và khi làm Tổng thống kiêm Thủ tướng đều lấy cơ cấu tổ chức Phủ Thủ tướng thời Nguyễn Văn Tâm làm chính, trên cơ sở đó sửa đổi và bổ sung thêm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các đời Thủ tướng tiếp tục lên nắm chính quyền nhưng chỉ trong thời gian ngắn, vì vậy tổ chức Phủ Thủ tướng cơ bản vẫn giữ nguyên.

Từ năm 1965 trở về sau, do tình hình chính trị ổn định nên cơ cấu tổ chức rõ ràng hơn. Bằng Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC1 ngày

⁴⁴ Công báo VNCH năm 1955, tr 2, TTLTII.

06/7/1971 và Nghị định số 623-NĐ/Th.T/CP1 ngày 08/8/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng gồm: Phụ tá Đặc biệt, Văn phòng Đặc biệt, Võ phòng, Văn phòng Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng.

Những văn bản sau đây liên quan đến việc thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của Phủ Thủ tướng như: Sắc lệnh số 1-SL-Th.T/VP ngày 13/11/1967 và bổ túc Sắc lệnh số 39-SL/Th.T/VP ngày 21/12/1967 và Nghị định áp dụng số 285-NĐ/Th.T/VP cùng ngày; Sắc lệnh số 51-SL/Th.T/VP ngày 03/6/1968 và sửa đổi bởi Sắc lệnh số 152-SL/Th.T/CS ngày 05/11/1968 và Nghị định số 1337-NĐ/P.Th.T/CS ngày 24/12/1968; Sắc lệnh số 176-SL/Th.T/QTCS ngày 01/12/1972 sửa đổi tổ chức Phủ Thủ tướng; Và Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC1 ngày 06/7/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng và Nghị định số 623-NĐ/Th.T/PC1 ngày 08/8/1974.

Quá trình hoạt động của Phủ Thủ tướng VNCH đã hình thành khối lượng tài liệu rất lớn, với số lượng tài liệu là 1.021,5 mét giá, thời gian hình thành tài liệu từ năm 1954 - 1975. Hầu hết tài liệu chủ yếu là tiếng Việt, ngoài ra còn có một số lượng nhỏ tài liệu được thể hiện bằng tiếng Anh, Nhật, Pháp, Ý, Thái, Hàn, Đài Loan, Nga, Miên, Đức, Miến Điện, loại hình ghi tin đa dạng trên giấy, bản đồ, ảnh. Nội dung chứa đựng các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền và các vấn đề thuộc các lĩnh vực nội an - quân sự - an ninh - chính trị, tư pháp, ngoại vụ, kinh tế - tài chính, văn hóa - xã hội,... Cụ thể như sau:

- Tài liệu về hành chính - quản trị như Dụ của Đức Quốc trưởng; các luật, sắc luật, sắc lệnh, thông tư. Tập lưu công văn, công điện, sự vụ lệnh, di dời công sở.

- Tài liệu về hoạt động riêng biệt như hoạt động của Quốc trưởng, Thủ tướng: yết kiến, chiêu đãi, kinh lý. Điệp văn, thư của các đoàn thể, cá nhân xin phước truat Bảo Đại. Tập lưu diễn văn, công văn, thư từ chúc mừng Thủ tướng.

- Tài liệu về tổ chức như tài liệu về phân ranh địa giới; hoạt động của Quốc hội; bầu cử Thủ tướng, Phó Thủ tướng; cải tổ hành chính và công vụ; tổ chức bộ máy và nhân sự của Phủ Thủ tướng và các cơ quan trực thuộc, các bộ, các tỉnh.

- Tài liệu về thi đua - khen thưởng như sắc lệnh, nghị định, quyết định ân thưởng Huân, Huy chương,...

- Tài liệu về nội an - quân sự - an ninh - chính trị như các chương trình, kế hoạch quân sự, an ninh, tình báo; báo cáo hoạt động của Bộ Quốc phòng, các quân khu, đơn vị; hồ sơ Hội nghị Genève 1954, Hiệp định Paris, các hiệp ước, thỏa ước quân sự với nước ngoài; bản tin, công văn, công điện về tình hình an ninh, quân sự và chính trị trong và ngoài nước; tuyển dụng đào tạo sỹ quan, huấn luyện và công tác quân dịch; bản đồ hành chính, quân sự, không ảnh, các cuộc hành quân, chiến dịch; hoạt động của Việt Minh, VC và các lực lượng đảng phái đối lập; hoạt động của các hiệp hội, nghiệp đoàn; vấn đề di cư, tị nạn; quản lý, sử dụng và cấp phát quân trang, quân dụng, và khí tài quân sự; kiểm soát, xuất, nhập cảnh; an ninh cho Thủ tướng và nguyên thủ quốc gia; các cuộc đảo chính và biến cố chính trị; văn bản pháp quy, luật, sắc lệnh, nghị định,...; triệt thoái quân đội đồng minh tại miền Nam Việt Nam; các phiên họp của Ủy ban An ninh; hoạt động của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam: Hội đồng Thập tự, Ủy hội Quốc tế, Ủy ban Liên hợp Quân sự 4 bên; hoạt động của Cựu Hoàng Bảo Đại. Hoạt động báo chí tại Việt Nam; quản lý phạm nhân.

- Tài liệu về tư pháp như các chương trình, kế hoạch và báo cáo của Bộ Tư pháp; các bộ luật, soạn thảo, sửa đổi và ban hành sắc lệnh, dụ,...; hộ tịch: thay đổi quốc tịch, khai sinh, khai tử, kết hôn, cho và nhận con nuôi; phóng thích, xét xử, ân xá, giảm án cho phạm nhân và các cuộc hội thảo, đại hội của ngành tư pháp.

- Tài liệu về ngoại vụ như các cuộc thăm viếng của các phái đoàn, chính khách VNCH và các nước, các tổ chức tôn giáo; các cuộc thương thuyết, thỏa ước, giữa VNCH với các nước; hoạt động của Tòa Đại sứ VNCH tại các nước; chính sách đối ngoại của VNCH, tham dự các hội nghị quốc tế; hoạt động của quân đội Bắc Việt, tình hình Việt kiều ở các nước; vấn đề biên giới với Cao Miên; chúc mừng Việt Nam và các quốc gia nhân dịp quốc khánh, lễ, tết.

- Tài liệu về thanh tra như các chương trình, kế hoạch và báo cáo về công tác thanh tra, điều tra xác minh đơn, thư khiếu nại và tố cáo các vụ việc tham nhũng, lợi dụng và có hành vi mờ ám; kiểm tra, kiểm soát hành chính - tài chính tại các tỉnh, các cơ quan; công văn của cơ quan Tổng Thanh tra TW.

- Tài liệu về kinh tế - tài chính như các văn bản pháp quy về kinh tế - tài chính: luật, sắc lệnh, nghị định,... kế hoạch và báo cáo của các bộ, ngành khối kinh tế - tài chính; vấn đề viện trợ; dự trữ, chuẩn y và ban hành ngân sách của các bộ, ngành và địa phương; tham gia, tham dự các Hội nghị đàm phán, ký kết các Hiệp ước kinh tế - tài chính với nước ngoài; các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính; các thể thức chi tiêu ngân sách quốc gia; giao dịch ngân hàng: tín dụng, chuyển ngân, hối đoái tiền tệ; quản lý và sử dụng các quỹ; ấn định, tu chỉnh và thi thành các sắc thuế; quản lý và sử dụng công sản; lương, thưởng, bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân chiến tranh, kiểm soát tài sản của công chức; xuất nhập cảng: máy móc, thiết bị, hàng hóa; thu mua, kiểm

soát tiếp tế lúa gạo, hàng hóa và nhu yếu phẩm; tham dự các hội chợ thương mại ở nước ngoài; đàm phán, ký kết các thương ước với nước ngoài; khai thác tài nguyên, khoáng sản: than đá, dầu mỏ, thủy điện; quản lý, khai thác GTCC: đường bộ, đường thủy, hàng không, thương cảng; quy hoạch, kiến trúc đô thị, xây dựng nhà cửa đường sá và các công trình khác; ấn định các thể lệ quản lý và khai thác các dịch vụ bưu chính viễn thông, khí tượng thủy văn; quản lý ruộng đất, cải cách điền địa: khai khẩn, mua bán, cấp phát; xây dựng các hệ thống thủy lợi; khai phá, cải hóa các khu rừng và khai thác lâm sản; hoạt động của các khu dinh điền, đồn điền, phát triển trồng trọt, chăn nuôi.

- Tài liệu về văn hóa - xã hội như báo cáo hoạt động của các bộ, nha, sở thuộc khối văn hóa xã hội. Các văn bản pháp quy về lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế; tổ chức các ngày lễ, tết, khánh tiết; tổ chức lạc quyên, công tác cứu trợ; kiểm duyệt báo chí, phim ảnh: đình chỉ, thu hồi, thiêu hủy các ấn phẩm vi phạm luật; hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; xét, cấp học bổng cho các du học sinh; hoạt động của các tổ chức tôn giáo, đoàn thể xã hội, sinh viên; giao lưu thể thao, văn hóa với các nước; trao giải thưởng điện ảnh, văn học; bài trừ các tệ nạn xã hội; thành lập đoàn thể, hiệp hội,... và bảo vệ thắng cảnh, di tích văn hóa.

Tuy nhiên, khối tài liệu lưu trữ hình thành thời kỳ VNCH (1955 - 1975), ngoài các phong tài liệu quan trọng kể trên, còn có các phong tài liệu thuộc các bộ, ngành của Chính quyền VNCH ở các lĩnh vực sau:

Về nội vụ, gồm các phong tài liệu như:

- Phủ Tổng ủy Di cư tỵ nạn
- Phủ Tổng ủy Tân sinh nông thôn
- Phủ Tổng ủy công vụ (1933 - 1975)

- Hội đồng An ninh và Phát triển (1965 - 1975)
- Học viện Hành chính Quốc gia (1953 - 1974)
- Viện Tu nghiệp Quốc gia (1971 - 1975)

Về giao thông công chính, gồm các phong tài liệu như:

- Bộ CC> (1948 - 1966)
- Bộ GTVT (1966 - 1968)
- Bộ Công chánh (1966 - 1968)
- Bộ CC>VT (1968 - 1969)
- Nha Kiều lộ VNCH (1960 - 1973)
- Bộ GT&BD (1969 - 1973)
- Bộ Công chánh (1969 - 1973)
- Bộ CC> (1973 - 1975)
- Nha Viễn thông Việt Nam (1952 - 4/1975)
- Tổng cuộc Phát triển Gia cư (1951 - 29/4/1975)

Về nông nghiệp, gồm các phong tài liệu như:

- Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963)
- Bộ Cải tiến nông thôn (1961 - 1965)
- Bộ Canh nông (1952 - 1974)
- Nha Canh nông (1932 - 1975)
- Bộ Xã hội và Khẩn hoang lập ấp (1949 - 1975)
- Nha Ngư nghiệp (1963 - 4/1975)
- Nha Thủy lâm (1951 - 1975)
- Bộ Canh nông và Kỹ nghệ (28/11/1974 - 4/1975)

- Nha Thủy nông và Công tác nông thôn (1963 - 4/1975)
- Viện Khảo cứu Nông nghiệp (1961 - 4/1975)

Về tài chính, gồm các phong tài liệu như:

- Bộ Tài chính (1940 - 4/1975)
- Tổng Nha Quan thuế Việt Nam (1951 - 4/1975)
- Nha Tài nguyên Công sản (1955 - 4/1975)
- Kế toán cuộc TW (1969 - 02/1975)

Về hoạt động ngân hàng, gồm các phong tài liệu như:

- Ngân hàng QGVN (1948 - 30/4/1975)
- Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín cuộc) (1957 - 4/1975)
- Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn (1961 - 1973)

Về thương mại, gồm các phong tài liệu như:

- Nha Ngoại thương (1949 - 1975)
- Nha Công kỹ nghệ (1951 - 1975)
- Nha Nội thương (1955 - 1975)
- Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia (1966 - 1975)

Về văn hóa - xã hội, gồm các phong tài liệu như:

- Bộ Đặc nhiệm phối hợp Văn hóa Xã hội (1960 - 1963)
- Tổng Bộ Văn hóa Xã hội (1965 - 1967)
- Bộ Văn hóa (1967 - 1973)
- Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa (1968 - 1973)
- Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên (9/1948 - 28/4/1975)

- Nha Khảo thí (1949 - 18/12/1974)
- Nha Học chánh (1952 - 28/4/1975)
- Nha Sinh hoạt Quốc tế (1953 - 1975)
- Tổng Nha Thanh niên (1955 - 22/4/1975)
- Nha Y tế và Xã hội học đường (1959 - 25/4/1975)
- Nha Sinh hoạt Văn hóa (1959 - 18/4/1975)
- Nha Sinh hoạt Học đường (1972 - 25/4/1975)
- Nha Suu tầm và Nghiên cứu (1973 - 26/4/1975)
- Trường Quốc gia trang trí Mỹ thuật (1940 - 1975)
- Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn (1956 - 1975)
- Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức (1966 - 1975)
- Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn (1971 - 1974)
- Bộ Y tế (1948 - 30/4/1975)
- Bộ Lao động (1949 - 1975)
- Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam (1950 - 1975)
- Sở Lao động Đô thành Sài Gòn (1957 - 15/4/1975)

Về hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, gồm các phong tài liệu như:

- Công ty Cao su Đông Dương (1956 - 1975)
- Công ty Vô danh Anh em Denis Đông Dương (1959 - 22/4/1975)
- Hãng Thuốc lá Mic (Manufactures Indochinoses de Cigarettes (1929 - 1975)
- Hãng Xăng dầu SHELL (1911 - 1975)

- Hãng Xăng dầu CALTEX (1946 - 1975)
- Hãng Xăng dầu ESSO, SHELL, CALTEX (1948 - 1976)

Đặc biệt, từ năm 1955 - 1975, song song với việc xây dựng bộ máy tổ chức, Chính quyền VNCH còn chú trọng đến việc cải tổ, xây dựng hệ thống tổ chức lưu trữ nhà nước như: thành lập Nha Văn khố quốc gia, xây dựng một hệ thống tổ chức các cơ quan lưu trữ từ TW đến địa phương; ban hành các văn bản pháp luật và Luật Lưu trữ số 020/73 ngày 26/12/1973 về “Văn khố tại Việt Nam”⁴⁵. Trong giai đoạn này đã hình thành các phong tài liệu sau:

- Tổng Thư viện (1940 - 1956)
- Thư viện Quốc gia Nam Việt (1945 - 1957)
- Nha Văn khố Quốc gia (1957 - 1975)

Ngoài ra, trong khối tài liệu thời kỳ VNCH, còn có một phong tài liệu chủ yếu được viết bằng tiếng Anh như phong Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (1955 - 1975) (United States Agency for International Development - USAID 1955 - 1975), với số lượng là 163,1 mét giá tài liệu, tổng cộng 5.435 hồ sơ. Nội dung chủ yếu của tài liệu trong phong là các chương trình, kế hoạch, báo cáo viện trợ cho VNCH, các dự án viện trợ cho các bộ, ngành, địa phương; các báo cáo kiểm toán các dự án viện trợ cho VNCH và các tài liệu về kế toán⁴⁶.

⁴⁵ Luật số 020/73 ngày 26/12/1973 về “Văn khố tại Việt Nam”, phong Phủ Tổng thống ĐIICH, hồ sơ 7567, TTLTII.

Luật số 020/73 ngày 26/12/1973 về “Văn khố tại Việt Nam”, hồ sơ 7567 phong Phủ Tổng thống ĐIICH, TTLTII.

⁴⁶ Nguyễn Thị Hiền, TTLTII với nguồn tài liệu lưu trữ thời kỳ VNCH, Bài đăng trong kỷ yếu Hội thảo “Lưu trữ VNCH (1955 - 1975) từ góc nhìn lịch sử và lưu trữ học”, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. HCM, tr 226 - 228.

Từ ngày 21/4/1975 cho đến ngày 30/4/1975, trong sự hoảng loạn tột cùng của chế độ nguy quyền Sài Gòn, mọi hoạt động hầu như bị tê liệt, tổng thống chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Chính vì vậy, dù trải qua 3 đời tổng thống nhưng tài liệu sản sinh ra trong quá trình hoạt động hầu hết nằm trong thời gian Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống. Với hơn 20 năm tồn tại, bộ máy Chính quyền VNCH đã sản sinh ra một khối lượng tài liệu lưu trữ rất lớn. Vì vậy, ngay sau khi giải phóng miền Nam, TW Đảng và Chính phủ Cách mạng Lâm thời đã ban hành một số văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn và tiếp nhận, bảo quản và khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ của Chính quyền VNCH tại các tỉnh phía Nam, nhằm lưu giữ nguồn tài liệu - di sản văn hóa vô cùng quý giá của dân tộc.

Ở phía Nam, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II là một trong bốn trung tâm lưu trữ quốc gia Việt Nam trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ có nhiệm vụ thu thập, bảo quản và quản lý tài liệu lưu trữ quốc gia từ tỉnh Quảng Trị trở vào phía Nam của Tổ quốc đã tiếp nhận, bảo quản Nha Văn khố Quốc gia của Chính quyền VNCH, bao gồm các hệ thống kho tàng, cơ sở vật chất, cùng hàng chục ngàn mét giá tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của chính quyền thuộc địa Pháp, của Chính quyền VNCH và các cơ quan Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Thời kỳ đầu, hầu hết khối tài liệu thời kỳ VNCH đã được TTLTH tiếp quản và thu thập còn trong tình trạng bó gói, tài liệu giữa các phong tài liệu bị xáo trộn, lẫn lộn; tài liệu chưa xác định được nội dung và chưa được chỉnh lý khoa học, nên việc phục vụ khai thác sử dụng nguồn tài liệu này chưa đạt hiệu quả cao. Chính vì vậy, từ năm 1999, Trung tâm đã mạnh dạn xây dựng đề án giải tỏa, nâng cấp các phong tài liệu lưu trữ, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống ký hiệu thông tin,... nhằm nhanh chóng

đưa tài liệu ra phục vụ các yêu cầu của xã hội⁴⁷. Hiện nay, TTLTII đang quản lý khối tài liệu thời kỳ VNCH với gần 100 phong/Sưu tập tài liệu, số lượng hơn 8.000 mét giá tài liệu, 597 băng ghi âm, 3.951 đĩa hát, 21 cuộn Video, 40.372 tấm phim, 104.800 tấm ảnh, 125 đĩa CD ghi âm, được ghi trên nhiều chất liệu khác nhau như: giấy, giấy dó, băng từ, ảnh, microfilm,... của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Tài liệu hình thành trong giai đoạn này hầu hết là nguồn sử liệu gốc, mang giá trị thông tin cao, phục vụ rộng rãi cho việc nghiên cứu của độc giả và xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục, ngoại giao, an ninh, quốc phòng,... Đồng thời, để phát huy được giá trị to lớn của tài liệu thời kỳ VNCH, TTLTII đã đẩy mạnh công tác trưng bày, triển lãm; biên soạn, xuất bản ấn phẩm lưu trữ, công bố và giới thiệu tài liệu trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, youtube, zalo,... giúp cho độc giả, các nhà nghiên cứu dễ dàng tiếp cận với nguồn tài liệu tại Trung tâm.

Tóm lại, tài liệu lưu trữ thời kỳ VNCH thực sự là nguồn sử liệu vô cùng quý giá, giúp cho các nhà khoa học trong nước và quốc tế nghiên cứu một cách toàn diện, khách quan về mọi phương diện của xã hội miền Nam, về cuộc kháng chiến chống Mỹ hào hùng của dân tộc suốt hai thập niên từ năm 1955 đến ngày 30/4/1975 - ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất⁴⁸.

⁴⁷ Bùi Văn The, TTLTII với việc bảo quản an toàn khối tài liệu lưu trữ thời kỳ VNCH, Bài đăng trong kỷ yếu Hội thảo “Lưu trữ VNCH (1955 - 1975) từ góc nhìn lịch sử và lưu trữ học”, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. HCM, tr 270 - 271.

⁴⁸ Nguyễn Thị Hiền, TTLTII với nguồn tài liệu lưu trữ thời kỳ VNCH, Bài đăng trong kỷ yếu Hội thảo “Lưu trữ VNCH (1955 - 1975) từ góc nhìn lịch sử và lưu trữ học”, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr 233.

ARCHIVES.GOV.VN

Phần Hai

TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỘC GIẢ

I. TỔ CHỨC, HÀNH CHÍNH

1. Những vấn đề chung

- ***Elizabeth Molong Hollingsworth***

Chính sách của VNCH trong thời kỳ ĐỊCH (1953 - 1963)

Tài liệu là các nghị định, công văn, biên bản, phúc trình của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ CC>, Bộ Y tế, Phủ Đặc ủy Công dân vụ, Tổng Thanh tra Hành chánh và Tài chánh, Trung tâm Huấn luyện Nhân vị Vĩnh Long, Đà Lạt. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: triết lý chính trị của chế độ Cộng hòa Nhân vị năm 1961, tổ chức các khóa huấn luyện nhân vị tại các tỉnh năm 1957 - 1963, tình trạng phạm nhân chính trị bị bắt giam tại các tỉnh Trung Việt và Nam Việt năm 1956, Đại hội Công dân vụ năm 1957, các phái đoàn cá nhân tổ chức Ford Foundation quốc tế viếng thăm Việt Nam năm 1959 - 1963, các buổi học tập chính trị và tổ Cộng năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1410, 1576, 4471, 4472, 16841, 19420, 20530, 20531, 20532, 20895.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29361.

- Phòng Phủ TUĐĐ&NV: 669.
- Phòng Bộ Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội: 28.
- Phòng Bộ CC>: 1213, 1318, 1452, 1592, 2868, 3273, 3505.

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

Về chế độ VNCH

Tài liệu là các nghị định, công văn, công điện, điện tín, báo cáo, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng Quản trị Sự vụ Quốc hội, BCH TW Phong trào Cách mạng Quốc gia, Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, Phủ TUĐĐ&NV,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức hành chính tại các tỉnh, lược đồ tổ chức Tòa hành chánh hiện hữu, dự án thiết lập và tổ chức Võ phòng năm 1955, kế hoạch di cư Bắc Việt năm 1954, tổ chức và hoạt động của phong trào cách mạng quốc gia, phong trào phụng sự tiến hóa xã hội Việt Nam năm 1954 - 1963, hoạt động của Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng, bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ 1961 - 1966, phân chia lãnh thổ quốc gia thành các vùng chiến thuật năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 277, 423, 741, 1145, 1180, 1286, 1813, 2513, 2578, 2974, 5119.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 151, 1183, 14612, 14613, 14633, 14955, 29257, 29361.

- Phòng Hội đồng QNCM: 15-17.

- ***Trần Thị Minh - Nguyễn Ngọc Châu***

Chế độ độc tài Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam

Tài liệu là các công văn, công điện, điện tín, tờ trình, thông cáo, báo cáo của Phủ Thủ tướng, Đồng lý Văn phòng Phủ Thủ

tướng, Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc trưởng, Bộ Tư pháp, Võ phòng Vùng I chiến thuật, Ngân hàng BNCI, Nha Không vận, tỉnh Tuyên Đức. Ngoài ra còn có nhiều tài liệu ảnh, bản tin, báo cắt của các báo trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các chuyến kinh lý của Ngô Đình Diệm tại Đà Lạt, Phan Rang, Quảng Đức, Tuyên Đức, Quảng Tín; cuộc đảo chính ngày 01/11/1963, giải quyết các can nhân chính trị và người làm kinh tài cho chế độ Ngô Đình Diệm năm 1964; hoạt động chính trị của bà Trần Lệ Xuân từ năm 1964 - 1966; Chính phủ Việt Nam trả ngân hàng số tiền Tổng thống Ngô Đình Diệm còn nợ năm 1964, thanh toán các chi phí cho Phủ Tổng thống cũ và bà Ngô Đình Nhu từ năm 1963 - 1965, tịch thu tài sản của Ngô Đình Diệm và thuộc hạ từ năm 1963 - 1975, bàn giao tu bổ biệt thự Lam Ngọc tại Đà Lạt từ năm 1971 - 1974; dự án thành lập Viện Bảo tàng Sắc tộc tại Đà Lạt, Trung tâm Du lịch, Học viện Cộng đồng Thực nghiệp Cao nguyên, tiếp nhận Dinh Cao ủy Pháp tại Đà Lạt do Chính phủ Pháp giao lại năm 1956, tình hình an ninh tại thị xã Đà Lạt từ năm 1968 - 1973.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 15685, 15702, 17649, 21332, 21841, 21810, 17059, 17341, 18882.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 7698, 7699, 7700, 7701, 7702, 214, 3322.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3053, 3086, 15079, 15099, 15744, 19665, 19678, 19679, 21783, 22117, 28539, 28541, 28542, 28544.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 3003, 413.

- Phòng Bộ CC>: 868, 7578, 7677, 7784, 7878, 8066, 9924, 11707.

- Phòng Bộ GTVT: 854/1.

- Phòng Bộ Công chánh: 403, 826.

- Phòng Bộ GT&BD: 1049, 1957.

- Suu tập tài liệu ảnh: 1509, 1723, 1729, 1741, 1745, 1752, 2031, 4743, 4744, 4778, 4880, 5064.

- **Hà Kim Phương**

Chế độ Ngô Đình Diệm

Là một đề tài rộng nên độc giả khai thác hầu hết các hồ sơ ở nhiều khía cạnh như chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh xã hội. Đặc biệt, các hồ sơ về Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Trần Lệ Xuân, về các tổ chức, cá nhân, các bộ, các ngành, các cơ quan, các hoạt động đảo chính hụt và đảo chính chiếm đa số.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 18445, 18502, 18550, 18619, 18620, 18717, 18741, 18961, 18962, 18975, 19006, 19007, 19010, 19045, 19048, 19053, 18341 - 18432, 18337 - 18349, 18430 - 18432, 18156 - 18163.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4125, 29176, 29257, 29361, 32132a.

- **Nguyễn Văn Thỏa**

Hệ thống pháp luật về ban hành văn bản quản lý nhà nước của Chính phủ VNCH (1955 - 1963)

Tài liệu là các hồ sơ của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tòa Đại biểu Chính phủ tại cao nguyên Trung phần. Nội

dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cải tổ nền hành chính các Phần, phê chuẩn Hiệp ước quốc tế viễn thông, cách trình bày các văn kiện, xử lý công văn đi, công văn đến, thể thức văn bản, mật độ và khản độ của công văn, cách trình Tổng thống duyệt ký các dự thảo sắc lệnh hay nghị định, ấn định thành phần Chính phủ năm 1958, quan hệ làm việc giữa Tòa Đại biểu, tỉnh trưởng, quận trưởng và các ty chuyên môn năm 1958, quyền hạn, trách nhiệm của Tỉnh trưởng dân sự và Tỉnh trưởng quân sự năm 1957 - 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1415, 1498, 1499, 1500, 1712, 1743, 1744, 1892, 1881, 1902, 1906, 1912.

2. Tổ chức Chính quyền VNCH

• *Đồ Văn Biên*

Thành phần nội các Chính phủ VNCH (1954 - 1975)

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành phần Chính phủ VNCH từ năm 1963 - 1975; cải tổ Chính phủ năm 1956 và 1961; tổ chức Chính phủ Nguyễn Văn Lộc; tổ chức Chính phủ Trần Thiện Khiêm; tổ chức Chính phủ Nguyễn Bá Cẩn; tổ chức Chính phủ Trần Văn Hương năm 1964 - 1965; tổ chức Chính phủ Phan Huy Quát năm 1965; tổ chức Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ từ năm 1965 - 1967.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 792, 794, 2619.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 5424, 6562, 6563, 9759.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4263, 4609, 4625, 4738, 5456, 5457, 5458, 5459, 5461, 5771, 5772, 5774, 5775, 6099, 6100, 6101, 9746, 9747, 9753, 9754, 9758, 9759.

- ***Nguyễn Thị Hương Giang - Nguyễn Thị Bội Uy - Lê Thị Nhượng***

Dinh Độc Lập

Tài liệu được khai thác là các công văn, phiếu trình của Phủ Tổng thống. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thư, báo cáo trong nước về tử vi của Tổng thống VNCH từ năm 1970 - 1973, tổ chức lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng thống và Phó Tổng thống nhiệm kỳ II, bài nói chuyện của Tổng thống VNCH với các dân biểu tại Dinh Độc Lập, tiểu sử Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Phó Tổng thống Trần Văn Hương, Nguyễn Cao Kỳ năm 1971, hồ sơ chuyển ngân bồi hoàn cho tòa Tổng Lãnh sự tại Hồng Kông tiền mua vật dụng trang trí Dinh Độc Lập từ năm 1970 - 1975, hoạt động của Tổng thống VNCH từ năm 1971 - 1975, chiến dịch tổng công kích của CS xuân 1975.

- Phong Phủ Tổng thống ĐICH: 1761, 8853, 9262, 12912, 13241, 14131, 14957, 14958, 19165, 19166, 19412, 22212.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 3281, 3587, 3797, 3948, 4058, 5027, 5039, 5136, 5282.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 3056, 3057, 3325, 3326, 3432, 3473.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 1884, 1886, 1888, 1889, 1893, 1912, 1913.

- ***Ngô Thu Hà***

Tổ chức Nhà nước ở miền Nam Việt Nam (giai đoạn 1960 - 1975)

Tài liệu là các hồ sơ của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh,...

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tuyển dụng cán bộ nhân viên từ năm 1971 - 1972; thi hành kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên các năm: 1969, 1971, 1973; chấn chỉnh tổ chức từ năm 1969 - 1975; chế độ bồi dưỡng lương các năm: 1960, 1962, 1966; đào tạo y dược sỹ trong chiến khu từ năm 1973 - 1974; bổ nhiệm cán bộ y tế từ năm 1971 - 1976; đề nghị xác nhận các khoản phụ cấp từ năm 1971 - 1976; điều động cán bộ và hủy bỏ quyết định điều động từ năm 1971 - 1976; chế độ chuyển ngạch tuyển dụng nhân viên; công tác tổ chức từ năm 1971 - 1976.

- Phòng Bộ Y tế Xã hội và Thương binh: 15, 24, 34, 100, 104, 105, 107, 109, 115c, 115d, 124, 128, 2629, 2401, 2551.

- **Mai Xuân Hòa**

Chính quyền Mỹ - nguy giai đoạn 1964 - 1975 (làm phim tài liệu “Đi qua thế kỷ”)

Tài liệu được khai thác là các điểm báo trong nước của Tham vụ báo chí Phủ Thủ tướng tháng 12/1967 và các tháng: 01, 02, 3 năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2545, 2546, 2547, 2548.

- **Hồ Huy Hoàng**

Tìm hiểu tổ chức bộ máy của tỉnh Vĩnh Long và của Nha Cảnh sát quốc gia năm 1967

Độc giả khai thác các tài liệu về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Nha Tổng Giám đốc quốc gia; danh sách các Đô, Tỉnh trưởng, Phó Tỉnh trưởng và Quận trưởng tại Nam phần; khảo

sát các tờ trình nguyệt đề của tỉnh Vĩnh Long và các hồ sơ nhân sự của tỉnh Vĩnh Long.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 304, 410, 5649, 5895, 5896, 6047, 6529, 10618, 16229.

- **Trần Thị Mai**

Tổ chức Chính quyền VNCH (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, dụ, huấn thị, nghị định, công văn,... về các nhóm vấn đề chính như: lập Chính phủ, cải tổ bộ máy hành chính các cơ quan, cải tổ thành phần Chính phủ; tiểu sử và cuộc đời các người đứng đầu chính quyền và các bộ trưởng, thành phần Chính phủ qua các năm và các Chính phủ khác nhau.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 13, 97, 420, 639, 771, 781, 786, 792, 793, 794, 1170, 1173, 1870, 2613, 9760.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3721, 3916, 3920, 6101, 8027.

- **Võ Thành Vị**

Chính quyền Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh 300 năm

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là Công báo VNCH năm 1973 - 1974 và các tài liệu có nội dung liên quan đến các vấn đề như: các cơ quan lập pháp ở Sài Gòn từ năm 1963 - 1965; Hội đồng quân lực VNCH năm 1965; các huấn thị, nghị định về việc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp tại Đô thành Sài Gòn; tổ chức quân đội Đô thành; bản đồ hành chính Sài Gòn.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 8839, 10994.

- Suu tập công báo: J.573 - J.591.

- **Nguyễn Thị Việt**

Cuộc đảo chính ngày 01/11/1963

Tài liệu là các tập bản tin, báo cắt của các hãng thông tấn, báo chí trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: VC đổi lập trong thời gian xảy ra vụ “Đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm năm 1962 - 1963”, tình hình Bắc Việt và sự rối loạn, mất ổn định ở miền Nam năm 1963, vấn đề tôn giáo và Đảng phái tại Việt Nam từ năm 1963 - 1968, dư luận đòi Hoa Kỳ chấm dứt can thiệp vào Việt Nam, lên án sự độc tài của Diệm và đường lối CS năm 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 19423, 19431, 19442, 19481, 19482, 19593, 19595, 19597, 19659.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29691, 3048, 3049, 3050, 3051, 3058, 3059, 3060.

- **Trần Thị Vui**

Tổ chức bộ máy Chính quyền VNCH thời Ngô Đình Diệm (1955 - 1963)

Tác giả khai thác các hồ sơ về cơ cấu tổ chức Phủ Tổng thống, tổ chức đơn vị hành chính của các tỉnh miền Tây Nam phần, các tỉnh miền Đông Nam phần. Đây là một đề tài rộng được tác giả khai thác các hồ sơ liên quan đến toàn bộ bộ máy Chính quyền Ngô Đình Diệm, từ TW tới địa phương, gồm các bộ, tổng bộ, sở, ban ngành, trên nhiều lĩnh vực như nhân sự, chính sách, hoạt động...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1125, 1424, 1456, 2144, 2664, 2986, 3016, 3385, 3402, 3406, 6256, 18976, 19272, 21173, 21330.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 27149, 17494, 21455, 16671, 1651, 32008, 32007, 2665, 4060, 4070, 31795, 31941, 31988, 31992, 32006, 32035, 9089, 9771, 32011, 3924.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D01235, D30737.

• ***Mai Thanh Xuân***

Quá trình phát triển của Chính phủ Sài Gòn giai đoạn 1965 - 1975

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, quyết định, công văn, biên bản của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hiến pháp, hiến chương, hiến ước từ năm 1955 - 1965 của VNCH, hiến pháp VNCH và việc tu chỉnh hiến pháp từ năm 1967 - 1974; hoạt động của Quốc hội Lập hiến năm 1967, về việc bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống năm 1967; thi hành và sửa đổi Luật Người cày có ruộng, cải tổ Chính phủ do Trần Văn Hương làm Thủ tướng năm 1968 - 1969,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 5757, 7675, 7610, 5325, 2566, 7794, 5424, 5489, 6562, 6563...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1443, 1580, 1690, 3322, 3323, 5067, 5740, 5408, 5409...

- Suu tập tài liệu ảnh: 1965, 1977, 2786, 3213, 3285, 3287, 3310, 3313, 3325, 1954, 3453, 3491.

- Suu tập công báo: J.363, J.364, J.440, J.441, J.448, J.449, J.434, J.435, J.459, J.460.

3. Tổ chức Lưu trữ VNCH

- **Nguyễn Văn Báu**

Lịch sử lưu trữ của Chính quyền VNCH

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo và một số loại tài liệu khác của Phủ Thủ tướng, Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: xây cất Thư viện Quốc gia từ năm 1954 - 1957, tổ chức và hoạt động của Lưu trữ Thư viện Đông Dương, thành lập Trường Quốc gia Văn khố và Thư viện, hiện trạng Nha Văn khố năm 1967 - 1968, về việc di chuyển Tổng Thư viện và Thư viện Quốc gia về thư viện Tân Lập năm 1971, thiết lập và cải tổ Tổng Bộ Văn hóa Xã hội từ năm 1965 - 1967, tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa Xã hội từ năm 1965 - 1967, thành lập Thư viện, Phòng Lưu trữ Công văn trực thuộc Tổng Bộ Văn hóa Xã hội năm 1967...

- Phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội: 66, 87, 90, 92, 160, 196, 197, 209.

- Phòng Nha Văn khố Quốc gia: 222, 224, 230, 265, 285, 365, 379, 387, 158, 214.

- **Nguyễn Văn Báu**

Tổ chức, hoạt động lưu trữ của Chính quyền VNCH (1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Nha Văn khố Quốc gia, Cơ quan Phát triển Quốc tế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như:

tổ chức và hoạt động của lưu trữ công văn và thư viện, cải tiến thư viện và văn khố, hợp nhất Thư viện Quốc gia, tổ chức và hoạt động của Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia từ năm 1959 - 1973, tài liệu hướng dẫn văn thư lưu trữ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ năm 1971 - 1972, hướng dẫn công tác văn thư lưu trữ từ năm 1958 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 800, 907, 4308, 19996.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 8566, 29709, 32700.
- Phòng Nha Văn khố Quốc gia: 560, 523, 565, 810, 987.
- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 22, 2978.

- ***Trần Văn Giáp***

Hệ thống văn bản quản lý và công tác công văn giấy tờ Chính quyền VNCH

Tài liệu là các báo cáo, công văn, chỉ thị, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống và các bộ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: công tác văn thư lưu trữ và chỉnh đốn giờ làm việc tại các công sở năm 1958; chấn chỉnh thủ tục trao đổi công văn giao dịch công vụ và xưng hô ngoại giao năm 1958, nguyên tắc gửi công văn, công điện; danh tính, chức vụ người ký tên các công văn; thể thức đánh công điện; viết công văn bằng tiếng Pháp; tổ chức phòng thường trực tại các cơ quan chính quyền để tiếp nhận công văn ngoài giờ làm việc; thủ tục ban hành các văn kiện có tính chất lập pháp và lập quy; chỉnh đốn văn khố Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần năm 1959.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 19995, 20032, 20033, 20203, 20204, 20207.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam Việt: DO-118, B1-18, B1-19, B1-118, B1-121.

- Suru tập công báo: J.369, J.370, J.392, J.393, J.394, J.395.

• ***Nguyễn Thị Việt***

Tìm hiểu về nghiệp vụ công tác văn thư lưu trữ của Chính quyền VNCH

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu có nội dung liên quan đến các vấn đề như: công tác văn thư từ năm 1947 - 1962, hệ thống lưu trữ hồ sơ và trang bị văn phòng tại Phủ Tổng thống năm 1960, dự luật chính sách văn hóa - giáo dục của Hội đồng Văn hóa - Giáo dục từ năm 1971 - 1975, luật quy định chế độ nạp bản, văn khố tại Việt Nam năm 1973, thông tư, huấn thị của Bộ Ngoại giao, Bộ Tổng Tham mưu về việc sắp xếp và lưu trữ hồ sơ từ năm 1970 - 1975, hướng dẫn công tác văn thư lưu trữ từ năm 1958 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 20205, 20376, 21254, 21359.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 6555, 7567, 7621.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 5079, 32700.

II. ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

• ***Lương Văn Có - Trần Minh Thành - Lý Minh Tâm***

Sưu tập Bản đồ đất đai tỉnh Tây Ninh

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc sáp nhập, phân chia, sửa đổi ranh giới, di dời các quận lỵ, xã ấp thuộc tỉnh Tây Ninh từ năm 1964 - 1975; về việc xin mua, thuê, hoán đổi nhà đất từ năm 1969 - 1970, cải thiện tình trạng phi trường

Tây Ninh năm 1973; vấn đề tài chính từ năm 1969 - 1974; hoạt động trong lĩnh vực kiến thiết - xây dựng từ năm 1967 - 1974, đồ án thiết kế tỉnh lỵ Tây Ninh năm 1973.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 7729, 7732.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2547, 10519, 26031, 26850, 15791, 176, 280, 389.

- Sưu tập bản đồ: 2636, 3032, 3109, 3350, 3435, 3460, 3777, 3873, 3874.

• ***Hoàng Thị Chúc - Ngô Đức Hải***

Kon Tum - 100 năm xây dựng và phát triển

Tài liệu là các công văn, công điện, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế, Ủy ban Canh nông, Vùng II Chiến thuật, tỉnh Kon Tum. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: trợ cấp do biến cố Mậu Thân tại tỉnh Kon Tum, bảng kê khai dân số và cử tri tỉnh Kon Tum năm 1972, chiến dịch “thừa thắng xông lên” tái chiếm các vùng CS chiếm đóng năm 1972 - 1973 tại tỉnh Kon Tum, lịch sử Vùng II Chiến thuật từ năm 1956 - 1959, 9 năm thành tích cải tiến dân sinh Thượng của Chính phủ VNCH, bản đồ an ninh và bản đồ các chiến khu VC, lập địa điểm dinh điền Thượng tại Kon Tum...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 5165, 6840, 6846, 6848, 6849, 7698, 18710.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 25, 31, 416, 2663, 5068, 7638.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 157, 366, 8773, 10515, 16598, 19410, 29372, 30153.

- ***Nguyễn Thanh Danh***

Đường biên giới Việt Nam - Campuchia (tỉnh Bình Phước)

Tài liệu là các công văn, giấy tờ có nội dung đề cập đến các vấn đề: xung đột quân đội Việt Nam với các lực lượng địa phương Cao Miên tại vùng biên giới; lập khu quân sự biên giới Việt Miên; báo cáo về những vụ lính Cao Miên xâm phạm địa phận Việt Nam; bàn giao các tỉnh biên giới Việt - Miên - Lào,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2171, 3487, 4244, 7903, 10486, 14117, 14371, 14458.

- ***Nguyễn Thanh Danh - Dương Thanh Huân***

Sưu tầm tư liệu liên quan đến tỉnh Bình Phước ngày nay, giai đoạn 1930 - 1975

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam phần, Bộ Nội vụ, Bộ CC>VT, Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện, gửi Tổng thống VNCH,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thiết lập bưu điện tại quận Đôn Luân tỉnh Phước Long năm 1969; trang bị công cộng của Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện từ năm 1960 - 1970; tình hình tổ chức hành chính, chính trị, dân số, cử tri của tỉnh từ năm 1970 - 1972; tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1960; VC tấn công quận lỵ Đức Phong tỉnh Phước Long đêm 28 rạng 29/6/1960; hoạt động dinh điền Phước Long II năm 1958; tình hình an ninh, chính trị tại tỉnh Bình Long năm 1957 - 1958; thanh tra tỉnh Bình Long năm 1957; cuộc thăm sát các ấp Đền Mít, Bình Xây, Bình Cam, Bình Chùa, Xóm Quạt thuộc xã Hưng

Long, Bình Tuy năm 1958; cuộc hành quân vùng Xuyên Mộc, Lộc Ninh (Quân khu I) tháng 11 - 12/1958; cuộc hành quân liên tỉnh Bình Long, Phước Long, Biên Hòa năm 1958; cuộc hành quân thám sát khu vực giữa suối Ma Da và Sông Bé (vùng Hớn Quản) năm 1958; thám sát đường đi Chơn Thành và vùng Dầu Tiếng năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4526, 4951, 5027, 5033, 5186, 5187, 5188, 5194, 5196, 5203, 5249, 5354, 5357, 5394, 5419, 5751, 6093, 6101, 6102, 11745, 11835, 17385.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2400, 2549, 5984.

• ***Bùi Ngọc Diệp***

Địa chí Nam Bộ

Độc giả khai thác một số sưu tập sách bổ trợ như: Tạp chí Hán Nôm, Tạp chí Địa dư, Tạp chí Sử Địa; Cà Mau xưa và An Xuyên nay, Địa phương chí tỉnh Rạch Giá, Địa chí tỉnh Biên Hòa, Địa phương chí tỉnh Kiên Giang, Tân An ngày xưa, Đất Việt trời Nam, Phủ Biên tạp lục (Lê Quý Đôn), Biên Hòa sử lược toàn biên, Văn hóa nguyệt san.

- Sưu tập sách bổ trợ: VV.3485, VV.3486, VV.3487, VV.3488, VV.3823, VV.3860, VV.3861, VV.3957, VV.3859, VV.3960, VV.3961, VV.4038, VV.4100; CVV.265, CVV.266, CVV.267, CVV.268, CVV.269, CVV.270, CVV.271, CVV.272, CVV.273, CVV.274, CVV.275, CVV.276, CVV.277, CVV.278, CVV.279, CVV.280, CVV.281.

- **Trương Bích Đào**

Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh

Tài liệu được tác giả sử dụng bao gồm các báo cáo của chủ tỉnh Gia Định thời gian từ năm 1957 - 1959 liên quan đến các vấn đề an ninh chính trị, thay đổi địa giới hành chính; tài liệu về hoạt động của Hội đồng tỉnh Gia Định năm 1971, 1972 và các bản đồ hành chính tỉnh Gia Định,...

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 819, 2443, 5615, 6550, 7317, 7351, 8273, 8274, 8276, 8753, 9066, 9359, 9554, 9998, 11655, 14043.

- **Phạm Thị Ánh Đào**

Tỉnh Bạc Liêu

Tài liệu có nội dung nói về ranh giới lãnh thổ, dân cư, cải cách đất đai tỉnh Bạc Liêu như: nghị định sáp nhập xã Vĩnh Hưng và xã Vĩnh Lợi; Suu tập Bản đồ sửa đổi ranh giới các xã; hồ sơ cải cách điền địa.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 34, 6512.

- **Huỳnh Thị Quỳnh Giao**

Địa chí tỉnh Đồng Tháp

Tài liệu được khai thác là các sưu tập bản đồ về tỉnh Sa Đéc, Kiến Phong, Vĩnh Long, Châu Đốc, An Giang, Long Xuyên, Sóc Trăng.

- Sưu tập bản đồ: 2922, 2987, 3045, 3042, 3049, 3036, 3120, 3123.

- **Hoàng Thị Luyện**

Biên giới Việt Nam

Tài liệu là các sắc luật, công văn, công điện, báo cáo, phiếu trình và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Tòa Đại biểu Chính phủ, Nha Cảnh sát và Công an,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình biên giới Việt - Miên - Lào năm 1958, đề nghị xét lại ranh giới hải phận Việt - Miên - Thái trong vịnh Thái Lan năm 1955; sửa đổi ranh giới của 3 tỉnh Phú Yên, Pleiku, Đắc Lắc năm 1961; ký kết thỏa ước sử dụng không phận và phi trường giữa Việt Nam - Cao Miên - Ai Lao năm 1956 - 1957; tổng kết vi phạm biên giới Việt Nam năm 1961, Miên kiều chủ trương hoạt động đòi lại 6 tỉnh miền Hậu Giang năm 1957, Nhà cầm quyền Pháp thuộc bán đất công sản hải phận tại Quy Nhơn trái nguyên tắc năm 1959,...

- Thông Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3312, 3983, 4919, 5773, 12451, 12721.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 3203, 8657, 9667, 9668, 9669, 9670, 9671, 9672.

- **Hoàng Thị Luyện**

Tìm tài liệu về Hoàng Sa - Trường Sa

Độc giả khai thác tài liệu về Hoàng Sa - Trường Sa như chủ quyền VNCH đối với Trường Sa, Hoàng Sa, kết quả cuộc viếng thăm quần đảo Trường Sa, sáp nhập Hoàng Sa, Trường Sa vào đơn vị hành chính nội địa và đặt xã mới lấy tên là xã Thổ Châu, tỉnh Kiên Giang, thu thập tài liệu chứng minh chủ quyền trên đảo

Hoàng Sa, Trường Sa; báo chí, thông báo về quan điểm của các nước trong vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6810, 8870, 11967, 13161, 18129, 21187.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 557, 2020, 4617, 5948, 6359, 6356, 6583, 6366.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3725, 8650 - 8656, 18350, 18352.

- ***Bùi Thị Thu Hà***

Tỉnh Đắk Nông - xưa và nay

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, tờ trình, báo cáo của các Tổng thống, các bộ và tỉnh trưởng Đắk Lắk về vấn đề an ninh chính trị, khám phá các tổ chức VC, hành quân thám sát các vùng cao nguyên, du kích chiến ở vùng cao nguyên, VC tấn công các công xa của Hoa Kỳ, tờ trình nguyệt đề A và B của tỉnh Đắk Lắk.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2001, 2167, 2254, 2328, 2771, 2760, 3672, 3716, 3776, 30394, 3842, 31066, 3873, 3909, 17037, 2049, 3738, 3005.

- Suu tập sách hỗ trợ: VV.3826, VV.3814, VV.3473, VV.3852, VV.3802, VV.3826.

- ***Nguyễn Thị Ngọc Hân - Đặng Kim Quy***

Tỉnh Phong Dinh, Chương Thiện (1972 - 1975)

Tài liệu là các báo cáo kết quả, huấn thị về các chiến dịch

bình định miền Nam của Chính quyền VNCH như: chiến dịch Thoại Ngọc Hầu, Trương Tấn Bửu, Cà Mau, Đô thành Sài Gòn; biên bản các khóa họp thường lệ của Hội đồng tỉnh Chương Thiện trong năm 1973; báo cáo của Phủ Đặc ủy TWTB VNCH về tình hình an ninh, quân sự và kế hoạch bình định tại Vùng IV Chiến thuật.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 350, 620, 653, 666, 767, 824, 1256, 7311, 7358, 7361, 7383, 7432, 10312.

- ***Nguyễn Thị Kim Hoa***

Địa chỉ tỉnh Phú Yên

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là các báo cáo của Ban Chỉ đạo chiến dịch “tố Cộng, diệt Cộng” ở Phú Yên; báo cáo về các hoạt động của các tỉnh Trung nguyên trung phần; danh sách các xã, thôn thuộc Trung Việt; các sơ đồ, bản đồ hành chính tỉnh Phú Yên.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1212, 1335, 15415, 2953, 4566.

- Phòng Tòa đại biểu Trung nguyên Trung phần: 244, 282, 412, 467, 525, 833, 865, 899, 967.

- ***Nguyễn Việt Hùng***

Địa chỉ và lịch sử Sóc Trăng

Tài liệu được tác giả đề tài sử dụng là các công văn, báo cáo về việc thay đổi địa giới hành chính tỉnh Sóc Trăng; báo cáo của Chủ tỉnh Sóc Trăng về tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, quân sự tại tỉnh trong thời gian từ năm 1957 - 1974.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 269, 271, 599, 4487, 4517, 4799, 5103, 5287, 7760, 8314, 8735, 8769, 12300, 12301, 11464, 12627.

- ***Đỗ Đức Hùng - Nguyễn Viết Độ - Nguyễn Thanh Danh - Trần Văn Quân***

Địa chỉ tỉnh Bình Phước

Tài liệu là các nghị định, công văn, báo cáo, biên bản, phúc trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Phủ TUĐ&NV, Bộ Cải tiến Nông thôn, Ban Tuyên giáo Xứ ủy Nam Bộ, Tòa Hành chính Phước Long, Bình Long. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch công tác cho đồng bào Thượng ở Phước Long năm 1960, tình hình tổng quát tại các khu dinh điền của tỉnh Phước Long năm 1960, công tác thiết lập ấp trừ mật Tân Khai và Tàu Ô năm 1960 - 1961, thiết lập các địa điểm dinh điền ở tỉnh Bình Long từ năm 1957 - 1959, tình hình an ninh và hành chính tại các địa điểm dinh điền thuộc tỉnh Bình Long năm 1960, chiến dịch tổng công kích của CS Xuân 1975, tổ chức hành chính, chính trị, dân số, cử tri của tỉnh Phước Long từ năm 1970 - 1972.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D7-311, E02-103, E03-173, L42-27.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 122, 189, 298, 1162, 3050, 4526, 5027, 6513, 6932, 12652, 13541.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 568, 5984, 6517, 6653, 15894.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 270, 379, 484, 592, 700, 813, 921, 6421, 9589, 10582.

- **Nguyễn Thị Nga**

Lịch sử địa phương tỉnh An Giang

Độc giả khai thác tài liệu là các báo cáo của tỉnh An Giang về tình hình an ninh, quân sự tỉnh từ năm 1957 - 1963; việc bàn giao quận Châu Phú năm 1958; tái lập tỉnh Châu Đốc năm 1964; phân chia ranh giới giữa hai tỉnh An Giang và Kiên Giang; lập quận An Phú,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 778, 2273, 2293, 4440, 8701, 10054, 10673, 12227, 12416, 13717, 15419, 15419.

- **Hà Kim Phương**

Lịch sử Côn Đảo (1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, phiếu trình của Tổng thống Phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam Việt, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Kinh tế, Bộ GTCC. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cải biến và tổ chức hành chính tỉnh Côn Sơn từ năm 1956 - 1959, tình hình nhà tù Côn Đảo và bắt động sản tại trại Cẩm Giang (Tây Ninh) năm 1956, đề nghị thiết lập một căn cứ hải quân tại Côn Đảo năm 1956, kế hoạch phòng thủ tỉnh Côn Sơn năm 1961, thiết lập sân bay Hà Tiên, Côn Đảo và Phú Quốc năm 1956, khai thác nguồn lợi tại Côn Đảo năm 1955 - 1956, thiết lập sân bay tại Côn Sơn năm 1963, tăng cường bảo vệ an ninh cho Trung tâm cải huấn Côn Sơn năm 1960 - 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 808, 1892, 4287, 6656, 6657, 7122, 9924, 10105, 15788.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D7-365, D7-368, D32-54, D72-384, E03-135, G82-66.

- **Trương Kim Sanh**

Địa chỉ tỉnh An Giang

Địa chỉ tỉnh An Giang năm 1961, 1963; tỉnh Châu Đốc năm 1968.

- Suu tập sách bổ trợ: VV.3816, VV.3818.

- **Lê Sơn - Đình Hồng Phúc**

Địa chỉ huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vận động di dân lập dinh điền tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi năm 1961; phục hồi các làng cũ tại hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi năm 1962; tình hình tại các xã thôn năm 1957 - 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3026, 5343, 14332.

- **Phan Văn Thân**

Huyện Đăkmil (Quảng Đức) từ thời Pháp đến VNCH

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phiếu trình, huấn thị, công văn, công điện của Tổng thống VNCH, Văn phòng Phủ Tổng thống, tỉnh Quảng Đức. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành lập tỉnh Quảng Đức và ấn định địa giới hành chính tỉnh năm 1959, tổ chức lễ tân thiết tỉnh Quảng Đức năm 1959, sáp nhập một phần đất của tỉnh Đắk Lắk vào tỉnh Quảng Đức năm 1962, việc cải biến tên gọi của các huyện, xã của tỉnh Quảng Đức từ năm 1959 - 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3040, 3430, 21399.

- ***Nguyễn Đình Tư***

Lịch sử tổ chức hành chính Nam Bộ qua các thời kỳ

Tài liệu tác giả Nguyễn Đình Tư sử dụng đề cập đến sự thay đổi tên đường, địa giới hành chính tại các tỉnh Nam Bộ.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 15410.

- Suru tập công báo: J.675-J.690, J.691-J.692, J.724-J.731, J.1125-J.1166.

- ***Nguyễn Đình Tư***

Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu

Độc giả đọc một số sách bổ trợ như: Miền Đông Nam phần, từ Yên Bái đến Côn Lôn (từ năm 1930 - 1945), Kỹ nghệ khai thác và chế biến ngư sản tại Việt Nam, Kỹ nghệ hải ngư sản, Chương trình khảo cứu ngư nghiệp viễn duyên Việt Nam, Tên mới của đường và cầu trên toàn quốc, Địa phương chí tỉnh Phước Tuy năm 1961 và 1965, Các vấn đề du lịch, tự vị địa danh VNCH.

- Suru tập sách bổ trợ: VN.2597, VN.2598, VN.3179, VN.3370, VN.3371; VV.3280, VV.3852; VL285, VL286.

- ***Huỳnh Thế - Trịnh Thanh Tùng***

Địa chí Quảng Ngãi

Tài liệu là các báo cáo, phúc trình, công văn, hồ sơ, công điện, bản tin của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Canh Nông, Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần, Nha Tổng Giám đốc Bảo An... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ông cố vấn Chính trị đi kinh lý tại các tỉnh Quảng Trị,

Quảng Ngãi và Bình Thuận năm 1963; dự án trồng mía và chế biến đường tại Quảng Ngãi năm 1956; tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh Quảng Ngãi năm 1961; điều tra nguyên nhân trâu bò chết tại tỉnh Quảng Ngãi và xử lý ông Đặng Phú Quỳnh - Trưởng ty Thú y năm 1956; tỉnh Quảng Ngãi xin miễn giá khoán than; lễ khánh thành đường xe lửa Quảng Ngãi - Đà Nẵng; xuất cảng quế sang Hoa Kỳ từ năm 1954 - 1956; tổ chức Nha Thương mại tỉnh Quảng Ngãi; cấp ngân khoản định cư đồng bào Thượng năm 1961; tình hình mưa gió năm 1959; Tổng thống chấp thuận cấp ngân sách khai khẩn Ba Tiêu - Ba Tư - Quảng Ngãi năm 1958 - 1959; tình hình dân chúng miền Thượng Quảng Ngãi năm 1960, chiến dịch xây dựng miền Thượng, trợ cấp lập lò than, mua trâu cho các địa điểm định cư đồng bào Thượng năm 1961, sử dụng Quỹ đặc biệt năm 1962; khảo sát địa điểm định cư ở Quảng Ngãi; bãi bỏ Nha Thông tin thuế và khánh thành Đài Phát thanh Quảng Ngãi năm 1962; tình hình tại các xã, thôn; đề án chiến dịch bình định ở Quảng Ngãi; thiết lập khu dinh điền ở Quảng Ngãi; tình hình an ninh và giải pháp cấp thời tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi năm 1961 - 1962; thành lập Nhà máy Đường tại Quảng Ngãi từ năm 1956 - 1962, Chính phủ mua đường tại Quảng Ngãi; vận động di dân lập dinh điền tại Quảng Ngãi năm 1961; danh sách các đảng phái và lý lịch các cấp lãnh đạo Đảng tỉnh Quảng Ngãi năm 1972, danh sách và lý lịch lãnh đạo hiệp hội, danh sách và lý lịch lãnh đạo Nghiệp đoàn, lý lịch các thân hào có uy tín năm 1973; bầu cử Dân biểu Hạ viện, bầu cử Dân biểu Thượng viện tại Quảng Ngãi, bầu cử Hội đồng xã năm 1973, bổ nhiệm Phó Quận trưởng, Tỉnh trưởng; hoạt động của quân đội Hoa Kỳ từ năm 1967 - 1975; hoạt động Hội Người mù, Hội Ái hữu người mù Quảng Ngãi năm 1972.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 244, 283, 391, 473, 546, 575, 624, 1155, 3830, 3832, 3901, 3902, 3951, 3970, 4517, 4601, 4655, 4705, 4720, 4862, 5015, 5091, 5195, 5219, 5236, 5343, 5532, 5580, 5581, 5886, 5913, 6611, 6612, 6884, 7113, 7263, 7264, 7543, 7577, 7649, 7837, 8232, 8492, 8600, 9718, 9986, 10066, 10073, 10323, 11429, 11730, 12440, 12460, 12737, 12786, 12968, 12511, 12645, 17129, 17333, 17348, 17723, 17763, 19168.

- Phủ Tổng thống ĐIICH: 221, 598, 3344, 3796, 4446, 4451, 4472, 4479, 4485, 4504, 4533, 4582, 4875, 3796, 5165, 5775, 5957, 6072, 6180, 7218, 7219, 16738.

• ***Phạm Thị Hà Trang - Nguyễn Hùng Cường***

Điều tra, khảo sát tài liệu về chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Trung Cộng vi phạm chủ quyền VNCH trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1971 - 1974, phổ biến cuốn Bạch thư về Hoàng Sa, Trường Sa năm 1975, Trung Cộng xâm chiếm Hoàng Sa từ năm 1973 - 1975; phản ứng của Quốc hội và các tổ chức đoàn thể trong việc Trung Cộng xâm lược quần đảo Hoàng Sa tháng 02/1974; Trung Hoa dân quốc tuyên bố quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần lãnh thổ của Trung Hoa dân quốc và việc xác nhận chủ quyền của VNCH tại hai quần đảo này năm 1971 - 1972; dự án chiếm đóng và khai thác các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Bộ Tư lệnh Hải quân năm 1972, việc giữ gìn chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa từ năm 1956 - 1959, chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa và Tây Sa từ năm 1956 - 1959.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: F02-48.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1751, 2052, 4552, 8870, 4735, 12368, 21187.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 6363, 6364, 6367, 6368, 6369, 6376, 6583.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 8655, 8656, 18235, 18352, 18514, 18752, 32162.

- Phòng Bộ CC>: 709, 621, 3794, 6697, 10019, 11397, 11399, 11828.

- Phòng Bộ GTVT: 167.

- Phòng Bộ GT&BD: 1356, 1371.

- Phòng Nha Văn khố quốc gia: 907, 923, 11626.

- Phòng TTLTII: 209, 922.

• ***Ngô Xuân Trường***

Địa chỉ tỉnh Lâm Đồng

Độc giả khai thác các tài liệu liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh Lâm Đồng từ năm 1954 - 1975, điển hình như các báo cáo hoạt động thực hiện dự án phát triển tỉnh Lâm Đồng năm 1973; báo cáo về chương trình tái thiết phát triển tại các tỉnh Tuyên Đức; tình hình an ninh quân sự tại Lâm Đồng, Tuyên Đức năm 1961; việc thiết lập phòng thống kê, nghiên cứu kinh tế ở Đà Lạt; thiết lập đài thiên văn vật lý ở Đà Lạt,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 389, 511, 604, 923, 7321, 7325, 7373, 7385, 7392, 7390, 13368, 19505, 21431.

• ***Lưu Anh Rô - Võ Hà - Nguyễn Văn Tươi***

Đà Nẵng và Hoàng Sa trước năm 1975

Tài liệu là các nghị định, công văn, công điện, phiếu trình, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ CC>, Bộ Tài chính, Phái đoàn nghiên cứu kinh tế tại Ai Lao, Giám đốc Nha Thương cảng Đà Nẵng, Tòa Thị chính Đà Nẵng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chương trình Khuếch trương Đà Nẵng và các vùng phụ cận, việc thiết lập, sáp nhập, bãi bỏ, di dời các đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Nam từ năm 1964 - 1974, dự án thiết lập hải cảng sâu tại Đà Nẵng và xây cất cầu Trịnh Minh Thế năm 1965, tình hình an ninh tại tỉnh Quảng Nam từ năm 1968 - 1975, ngân sách tự trị thương cảng Đà Nẵng tài khóa năm 1974, các hoạt động tôn giáo tại Quảng Nam - Đà Nẵng trước năm 1975, biến cố Tết Mậu Thân năm 1968, chính sách dinh điền tại Quảng Nam năm 1968, hoạt động của VC tại Quảng Nam - Đà Nẵng, các phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2982, 6607, 6608, 6610, 14121, 16104, 15108, 14181.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 24, 184, 235, 257, 443, 435, 556, 560, 570, 5251, 7612, 7614.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1106, 14819, 15967, 17962, 17596, 18732, 26795, 22384.

- Phòng Bộ CC>: 11288, 11173, 11292, 11290, 11286.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 827, 4508, 5194, 5010.

- **Nguyễn Thanh Sinh**

Thành phố Cảng Đà Nẵng, giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu là các sắc lệnh, công điện, báo cáo, tờ trình của Phủ Thủ tướng, Phủ Thủ hiến, Nha Tổng Giám đốc Thương cảng Thương khẩu, Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Tòa Thị chính Đà Nẵng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: bảng tổng kết nhân viên Nha Thương cảng Đà Nẵng, quy chế và tổ chức bộ máy Thương cảng Đà Nẵng từ năm 1963 - 1973, thiết lập “Quân cảng Đà Nẵng” và bến tàu Trịnh Minh Thế từ năm 1967 - 1975, bảng kết toán ngân sách Thương cảng Đà Nẵng năm 1953 - 1954.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3398, 9399, 9907, 13154, 15770, 16497, 16500, 21385.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 148, 247, 356, 459, 568, 676, 677, 790.

- **Nguyễn Hữu Thiên - Lê Năng Đông - Lê Minh Chiến**

Lịch sử tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu là các công điện, báo cáo, phiếu trình, biên bản của văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Phủ TUDĐ&NV, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, Tham mưu biệt Bộ, Quân khu II, Quân khu III, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thám sát vùng rừng núi phía Tây quận Hướng Hóa (Quảng Trị) và các đường mòn thuộc Tiểu khu Quảng Nam năm 1958, tổ chức nhân sự cấp tỉnh, quận, xã và các cơ quan chuyên môn tại tỉnh Quảng Nam từ năm 1963 - 1975, địa phương chí tỉnh Quảng

Nam, Quảng Tín từ năm 1962 - 1974, tình hình an ninh quân sự, chính trị tại Quảng Nam năm 1958, hoạt động của VC tại Quảng Nam từ năm 1962 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 37, 281, 1638, 21958, 23590.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6072, 5982, 5981, 4873, 5015, 5220, 5221, 5742, 7548...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3376, 10551, 10552, 8642, 8703, 9579, 2088, 2235, 2876, 2992, 3037...

- Suru tập tài liệu ảnh: 1230, 1745, 1757, 2026, 2471, 2486, 2492, 2716, 2749, 3174, 3182.

• ***Phạm Thị Huyền Thương***

Lịch sử Gia Lai từ nguồn gốc đến nay

Tài liệu là các nghị định, công văn, sắc lệnh, công điện, phóng đồ của Tổng thống VNCH, Tòa Đại biểu Chính phủ, Nha cảnh sát và Công an, Nha Giám đốc Bảo an tại cao nguyên Trung phần, Hội đồng Bình định và Phát triển tỉnh Pleiku. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: sửa đổi, phân chia, bàn giao ranh giới giữa các tỉnh Kon Tum, Pleiku, Đăk Lăk, Phú Yên từ năm 1958 - 1961, phân ranh biên giới tại hai tỉnh Pleiku (Việt Nam) và Stieng (Cambodge) từ năm 1957 - 1960, điều chỉnh tình trạng hành chính một số quận tại tỉnh Pleiku (từ năm 1957 - 1961), tổ chức các đơn vị hành chính của cao nguyên Trung phần (từ năm 1958 - 1974), thiết lập, tổ chức tòa án phong tục Thượng tại cao nguyên Trung phần (từ năm 1964 - 1973), hoạt động của ngành Y tế tỉnh Pleiku (từ năm 1957 - 1975), vị trí sắc tộc và tình trạng dân số của các tỉnh Phong Dinh, Phú Yên, Phước Long, Phước Tuy,

Pleiku năm 1968, định cư, di cư, hồi cư đồng bào sắc tộc tại tỉnh Pleiku (từ năm 1973 - 1975), công tác công giáo tại tỉnh Pleiku năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1476, 1484, 1876, 2113, 2691, 1692, 3038, 21397, 21114.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 6869, 8315, 31941.

- Phòng Phủ Tỉnh ủy Dinh điền và Nông vụ: 5059.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 55, 1823, 1824, 1825, 54, 1710, 1828.

- Phòng Bộ CC>: 8965, 421.

- Phòng Bộ Y tế: 239.

• ***Trung tâm Quản lý Di tích tỉnh Đắk Lắk***

Tài liệu liên quan đến tỉnh Đắk Lắk từ năm 1975 trở về trước

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, biên bản của Văn phòng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, tỉnh Đắk Lắk. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc thành lập, sáp nhập, bãi bỏ, di dời, sửa đổi ranh giới các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 1963 - 1975, báo cáo hoạt động của tỉnh Đắk Lắk năm 1956, tìm biện pháp ngăn ngừa VC phá hoại các địa điểm dinh điền tại Đắk Lắk và Pleiku năm 1962, thành lập các địa điểm dinh điền tại Đắk Lắk, Quảng Đức từ năm 1959 - 1962, tình hình các nông trường và thanh tra các nông trường Bảo an Cao nguyên năm 1957, tình hình an ninh quân sự tại tỉnh Đắk Lắk năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2438, 4712, 4913, 5017, 4362, 4404, 4488, 4522, 5253, 5347, 5902.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1675, 21831, 15162, 15319, 15327, 15545, 15609, 15648.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 0008, 0402, 0569, 0572, 0583, 0595, 0780, 0782, 0790, 0797...

- Sưu tập bản đồ: 1363, 1364, 3918, 3947, 3948, 3991, 4010, 6157, 6810.

- ***Trần Thị Kiều Vân***

Tài liệu về tỉnh Đắk Nông

Tài liệu là các nghị định, quyết định, công điện, công văn, báo cáo của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Tham mưu biệt Bộ, Bộ Tư lệnh Vùng II Chiến thuật, Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Phủ Tổng ủy Dân sinh Nông thôn, Phái bộ viện trợ quân sự tại Việt Nam, Hội đồng Bình định và Phát triển các tỉnh Bình Thuận, Đắk Lắk, Đà Lạt, Tuyên Đức, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Quảng Đức. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành lập các đơn vị hành chính tại tỉnh Quảng Đức từ năm 1959 - 1963, tổ chức nhân sự của tỉnh Quảng Đức từ năm 1963 - 1975; tình hình an ninh của tỉnh Quảng Đức từ năm 1964 - 1967, khám phá tổ chức Tỉnh ủy CS nội tuyến tại Quảng Đức năm 1968 - 1969, nghiên cứu kế hoạch chống Cộng tại vùng Trung Sơn - cao nguyên Trung phần năm 1958, công tác bình định và phát triển của các tỉnh Cao nguyên Trung phần từ năm 1969 - 1973, tổ chức giao liên và tình hình quân sự của VC giữa các vùng Đắk Lắk, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7515, 7516, 7520, 7521, 7667, 7713, 14356, 16183, 16449, 17340.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 253, 6510, 17037.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 62, 127, 773, 1171, 7382, 15234, 18614.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 6134, 6218.

- Phòng Bộ GTCC: 7695.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 83, 89, 1864, 4069, 4127, 4223, 4275.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 797, 790, 799, 982, 1246, 1480, 1485, 1498, 1717, 1741, 1753.

• ***Phạm Thị Huyền Thương***

Lịch sử Gia Lai từ nguồn gốc đến nay

Tài liệu là các nghị định, công văn, sắc lệnh, công điện, phóng đồ của Tổng thống VNCH, Tòa Đại biểu Chính phủ, Nha Cảnh sát và Công an, Nha Giám đốc Bảo an tại cao nguyên Trung phần, Hội đồng Bình định và Phát triển tỉnh Pleiku. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: sửa đổi, phân chia, bàn giao ranh giới giữa các tỉnh Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Phú Yên từ năm 1958 - 1961, phân ranh biên giới tại hai tỉnh Pleiku (Việt Nam) và Stieng (Cambodge) từ năm 1957 - 1960, điều chỉnh tình trạng hành chính một số quận tại tỉnh Pleiku (từ năm 1957 - 1961), tổ chức các đơn vị hành chính của cao nguyên Trung phần (từ năm 1958 - 1974), thiết lập, tổ chức tòa án phong tục Thượng tại cao nguyên Trung phần (từ năm 1964 - 1973), hoạt động của ngành Y

tế tỉnh Pleiku (từ năm 1957 - 1975), vị trí sắc tộc và tình trạng dân số của các tỉnh Phong Dinh, Phú Yên, Phước Long, Phước Tuy, Pleiku năm 1968, định cư, di cư, hồi cư đồng bào sắc tộc tại tỉnh Pleiku (từ năm 1973 - 1975), công tác công giáo tại tỉnh Pleiku năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1476, 1484, 1876, 2113, 2691, 1692, 3038, 21397, 21114.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 6869, 8315, 31941.

- Phòng Phủ Tỉnh ủy Dinh điền và Nông vụ: 5059.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 55, 1823, 1824, 1825, 54, 1710, 1828.

- Phòng Bộ CC>: 8965, 421.

- Phòng Bộ Y tế: 239.

- ***Phạm Bình Vương***

Lịch sử tỉnh Kon Tum (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu độc giả sử dụng bao gồm: bản tổng hợp tình báo hàng tuần của Phòng Nhi - Bộ Tổng Tham mưu về hoạt động của Quân Giải phóng từ năm 1964 đến năm 1972 tại Kon Tum; tin tức của Phòng Nhi - Bộ Tổng Tham mưu về tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao tại Bắc Việt - Ai Lao - Campuchia từ năm 1974 - 1975; thành lập, sáp nhập, bãi bỏ, di chuyển các cơ sở phái viên hành chính quận lý xã ấp thuộc tỉnh Kon Tum từ năm 1964 - 1973; nhận định của Phủ Đặc ủy TWTB về chiến dịch “Xuân 1972” của Quân Giải phóng tại miền Nam Việt Nam năm 1971; bản đồ hành chính và quân sự tỉnh Kon Tum qua các năm 1958 - 1965.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 157, 471, 910, 8612, 16757, 16846, 17110, 17110, 17118, 17182, 17427, 17435, 18213, 18587.

- Sưu tập bản đồ: 2643, 2809, 2810, 3015, 3147, 3685, 3735, 5404, 5406, 5480, 6639, 6900.

III. KINH TẾ

1. Những vấn đề chung

• *Phạm Thị Hồng Hà*

Những chuyển biến của kinh tế VNCH dưới tác động của viện trợ Hoa Kỳ

Tài liệu là các công văn, báo cáo, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Nha Tổng Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, Tổng bộ Kế hoạch và Phát triển, Nha Canh nông. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch khẩn hoang, lập ấp 4 từ năm 1972 - 1975, kết quả hoạt động của chương trình cải cách điền địa từ năm 1955 - 1960, chính sách và chương trình viện trợ Mỹ năm 1960; Hiệp ước Thân hữu và liên lạc kinh tế giữa VNCH và Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1961; sự tiến triển của nền công nghệ Việt Nam năm 1961, xuất cảng các sản phẩm Việt Nam năm 1962; chương trình người cày có ruộng từ năm 1968 - 1974, về việc trồng, thu hoạch và tiêu thụ nông sản từ năm 1955 - 1974, vấn đề chăn nuôi từ năm 1955 - 1974, phát triển kinh tế vùng Sài Gòn và phụ cận từ năm 1972 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 13768, 13769, 14073, 14491, 14834, 15122, 15354, 13756, 13762, 12913.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1471, 2564, 2566, 2582, 2895, 3132, 3538, 3550, 3622, 3727, 25678.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 27691, 28176, 28177, 28209, 28210, 28324, 28279.

- Phòng Hội đồng Kinh tế Xã hội: 159, 174.

- Phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội: 184, 361, 527.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 364, 1604, 4833, 4434, 4438, 4602.

- ***Phạm Quang Trung***

Lịch sử kinh tế Việt Nam trước năm 1975

Tài liệu là các bản phúc trình, báo cáo của Nha Nông tín, Nha Quốc gia tín dụng có nội dung liên quan đến các vấn đề về Hợp tác xã nông nghiệp; tình hình thu thuế tại các tỉnh,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 128, 168, 597, 128, 3433, 3467, 3468, 9665, 22872.

2. Các lĩnh vực kinh tế

a) Nông nghiệp

- ***David Biggs***

Lịch sử khai thác hệ thống kinh rạch khẩn hoang đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1945 đến nay

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: khai khẩn đồn điền Cờ Đỏ năm 1965; viện trợ kinh tế Mỹ cho Việt Nam 1950 - 1955, tình hình viện trợ của Hoa Kỳ từ năm 1963 - 1966, viện trợ của Nhật cho Việt Nam từ năm 1967 - 1969; hoạt động của các dinh điền, cấp đất vùng

dinh điền Cái Sắn từ năm 1963 - 1966; đào kinh định cư của tỉnh An Xuyên tại vùng Tứ Giác - U Minh năm 1958; trang bị phương tiện thủy vận từ năm 1957 - 1958; cuộc triển lãm “Di cư 1945” - 1958; tình hình tại các địa điểm dinh điền năm 1959; xây cất khu trù mật Cai Sơn - Vĩnh Long năm 1960; ngân sách của Ủy ban Tư vấn sông Mê Kông năm 1955; cải cách điền địa tại Nam phần từ năm 1951 - 1956; dinh điền Tràm Chim năm 1965; thể lệ lưu thông trên sông năm 1949, lưu thông trên kinh rạch Nicolai năm 1948; kiểm soát đường lưu thông trên sông rạch năm 1955 - 1956; chuyển giao các vùng miền Tây cho Việt Nam năm 1953; phong tỏa vùng Hậu Giang năm 1949, các biện pháp phong tỏa miền Tây Hậu Giang năm 1952; địa phương chí tỉnh Long Xuyên năm 1956, địa phương chí tỉnh Ba Xuyên năm 1956, địa phương chí tỉnh Châu Đốc năm 1956, địa phương chí tỉnh Kiên Giang năm 1956, địa phương chí tỉnh Kiến Phong năm 1956, địa phương chí tỉnh Phong Dinh năm 1956, địa phương chí tỉnh Sa Đéc năm 1956, địa phương chí tỉnh Vĩnh Bình năm 1956, địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1956; báo cáo hoạt động của tỉnh An Xuyên năm 1958, báo cáo hoạt động của tỉnh An Giang năm 1958 - 1959, báo cáo hoạt động của tỉnh Kiên Giang năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 36, 38, 45, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 205, 207, 211, 310, 311, 314, 315, 382, 427, 428, 429, 430, 455, 524, 525, 597, 599, 4045, 4931, 5037, 5063, 5899, 6361.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 21191, 21208, 21467, 21482, 21487, 21491, 21574, 21682, 21691, 22370, 22391, 22824, 22828, 23740.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam Việt: O3-12, O3-18, O3-21, O6-8, O8-51, Q0-75, Q0-77, Q0-87, Q1-5, Q1-15, Q29-14.

- **Phạm Thị Thanh Hà**

Tình hình kinh tế nông nghiệp Bình Định (giai đoạn 1954 - 1975)

Các tài liệu được khai thác là các công văn, chương trình, thông báo của Bộ Canh nông về cải cách điền địa, phát triển nông nghiệp, khuyến trương kinh tế,... Bên cạnh đó, còn có các tài liệu là tờ trình nguyện đề của tỉnh Bình Định.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 285, 2405, 2558, 2698, 3246, 11960, 13741, 14494, 15993, 16374, 16381.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐHCH: 25, 30, 101, 157, 111, 2185, 2402.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16, 62, 64, 127, 140, 153, 254, 335, 362, 466, 574, 683, 796, 906, 1172.

- **Nguyễn Ngọc Phúc**

Tình hình nông nghiệp huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ từ năm 1954 - 2009

Tài liệu là các sắc lệnh, quyết định, nghị định, công văn, công điện, tờ trình, sự vụ lệnh, tập bản tin của Quốc trưởng Bảo Đại, Phủ Thủ tướng, Bộ Canh nông và Cải cách điền địa, Phủ Tổng ủy Tân sinh Nông thôn, Phủ Đặc ủy Ty nạn CS, Tòa Giám mục Cần Thơ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thiết lập Hội đồng Quốc gia Cải cách điền địa và Ủy ban TW điều

hiển các chương trình hoạt động Bộ Canh nông năm 1954, chính sách ấp chiến lược năm 1963, vấn đề di cư vào Nam của đồng bào Bắc Việt và Bắc Trung Việt Nam năm 1954 - 1955, tái lập “Sở Cao su” năm 1954, cải cách điền địa từ năm 1968 - 1970, tổ chức nhân sự của Phủ Đặc ủy Ty nạn CS năm 1966 - 1967.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 64, 1260, 1261, 1262, 3024, 3511, 3708, 3886, 3885, 5313, 5714, 5715, 6681, 4157.

- ***Phạm Như Quỳnh***

Phát triển kinh tế nông nghiệp

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, thông tư, phiếu trình và một số loại giấy tờ khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam Việt, Bộ Cải tiến Nông thôn, Bộ Phát triển Sắc tộc, Tổng Bộ Xây dựng, Bộ Canh nông, Phủ Tổng ủy Tân sinh Nông thôn, Hội đồng Tái thiết Nông thôn TW,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch khuếch trương canh nông và phát triển kinh tế nông nghiệp năm 1957, phát triển nông nghiệp cho đồng bào sắc tộc từ năm 1970 - 1974, Luật Người cày có ruộng năm 1969 - 1970, kiểm tra chương trình cải cách điền địa năm 1973 - 1974; khiếu nại của nông dân một số tỉnh Nam phần về việc chưa được cấp đất theo Luật Người cày có ruộng năm 1973 - 1974, khiếu nại về tranh chấp ruộng đất tại các tỉnh từ năm 1964 - 1975; đề nghị cho Việt Nam gia nhập tổ chức “Á - Phi kiến thiết hương thôn” năm 1961 - 1962; tổ chức chiến dịch thi đua công tác xây dựng nông thôn năm 1967, tình hình phát triển sơn thôn năm 1972; cải cách ruộng đất từ năm 1955

- 1974, so sánh cải cách điền địa của VNCH và cải cách ruộng đất của CS miền Bắc năm 1970, lớp huấn luyện Hiệp hội Nông dân tại các tỉnh Nam phần năm 1959; quy chế Hiệp hội Nông dân từ năm 1959 - 1961; chính sách ấp chiến lược năm 1963, VC chủ trương phá hoại công cuộc dinh điền tại các vùng dinh điền năm 1957.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: L43-112, F7-122.
- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 2166, 2651, 1652.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2091, 2668, 4297, 2895, 10782, 11357, 11979, 15124, 19545.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2166, 2561, 2562, 2895.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20162, 32365, 28176, 30454, 20286, 20287, 20932, 25477, 25481.
- Phòng Phủ TUDD&NV: 409, 537, 576, 577, 1400, 6842, 360, 23, 32, 165, 360, 408.
- Bộ Phát triển Sắc tộc: 1608, 193, 820.
- Phòng UBLĐQG: 7, 26.
- Phòng Bộ CC>: 2, 150, 395, 1375, 9793.
- Phòng Bộ Công chánh: 634, 762.
- Phòng Bộ GT&BD: 692, 841.
- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 187, 345, 364, 2, 1, 67, 72, 120, 146.
- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID): 1604, 847, 1385, 2042, 408, 3660, 3764...

- **Lê Đình Trọng**

Kinh tế nông nghiệp miền Nam Việt Nam (giai đoạn 1955 - 1975)

Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Phủ Tổng thống, Phủ Tổng ủy Dân sinh nông thôn, về các vấn đề như: quan điểm của Hoa Kỳ về áp chiến lược, tình hình an ninh tại các tỉnh, ngân sách, tài chính, an ninh nông thôn, công tác bình định - xây dựng nông thôn, hiệp hội các nhà trồng tía cao su, vấn đề áp chiến lược áp dân sinh, chương trình phát triển nông thôn

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 65, 67, 68, 115, 121, 122, 430, 438, 454, 542, 552, 231, 228, 235, 242, 325, 328, 426, 123, 127, 130, 230, 12, 31, 54, 62, 63, 21461, 21487, 21580, 215802, 21690, 21991, 21099, 21093, 21344, 21347, 22147, 22197, 22197, 22351, 22353, 22351, 22354, 22366, 22372, 22901, 22857, 22828, 23735, 25243, 25006, 24864, 24866, 25560, 25520, 25288, 25273, 24514.

- **Nguyễn Thu Vân**

Nông cụ tỉnh Vĩnh Long trong thế kỷ XX

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch phát triển nông nghiệp của Chính phủ Việt Nam, canh tác trồng trọt, khai thác các loại cây kỹ nghệ tại các địa điểm dinh điền năm 1960, Chính phủ Tây Đức viện trợ cho Việt Nam một số máy móc nông cụ nhẹ trong công cuộc dinh điền năm 1960; công tác dinh điền và định cư tại tỉnh Vĩnh Long năm 1961; báo cáo hoạt động năm 1962 của Ty Nông cụ Gia Định, Long An, Phước Tuy, Vĩnh Long; điều tra cung cấp đá xanh tại 2 khu trù mật Cái Sơn và Tân Lược - Vĩnh Long năm 1962; công tác di dân và định cư tại Vĩnh Long năm 1958 - 1959.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 369, 471, 518, 5248, 5249, 5628, 5630, 5647, 5659, 5666, 6083.

b) Công thương nghiệp

• ***Nguyễn Hồng Hải***

Khu công nghiệp Biên Hòa

Độc giả khai thác tài liệu của Ủy ban Kinh tế tài chính về các vấn đề về tình hình kinh tế qua các năm; dự án đầu tư, xây dựng khu chế xuất, khu công nghệ; hội chợ kỹ thuật công - nông - thương nghiệp và các bài diễn thuyết của các giáo sư về vấn đề khu công nghiệp.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2186, 2189, 2195, 2198, 2200, 2201, 2203, 2204, 2354, 2380, 2415, 2512, 2523, 2534, 2534, 2601, 2852, 14073, 14074, 14733.

• ***Aso Michitake***

Đồn điền cao su tại Nam Bộ từ năm 1945 - 1975

Tài liệu là các công văn, báo cáo, phúc trình, các tập bản tin, báo cáo của Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế, Bộ Lao động, Bộ Canh nông, Nha Nông nghiệp và Thực phẩm,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quỹ đặc biệt thuộc chương trình Nông vụ phát triển cao su tại Việt Nam năm 1969 - 1970, chương trình Kỹ nghệ cao su Việt Nam năm 1970 - 1971, dự án về trợ giúp kỹ thuật cho chương trình phục hồi cao su tại Việt Nam năm 1973; vấn đề lương bổng của công nhân đồn điền cao su, cuộc đình công cao su năm 1956, tăng cường lực lượng để bảo vệ các khản chủ trồng cao su năm 1962, diệt trừ nạn trộm mủ cao su

năm 1960 - 1961, công chức, quân nhân xin khẩn đất trồng cao su từ năm 1960 - 1966, bãi bỏ thuế đặc biệt cao su và giảm thuế các nhà trồng tía cao su năm 1964,...

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: M71-63, M76-70, N5-73, N5-75, R23-97, T45-13.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 10830, 10923, 10976, 11737, 11946.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2227, 4679.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 426, 3886, 6392, 7549, 15319, 15654, 17597, 20849, 21760, 21888, 22361.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 568, 4684, 5695, 6113, 6114, 6167, 6298, 6299, 6300, 6411, 6360, 6388, 6389.

- Phòng Bộ CC>: 5593, 7278, 7789, 8667, 9810.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 694, 855, 865, 871, 2203, 2795.

- Suu tập tài liệu phim ảnh: 581, 582, 584, 664, 934, 1423, 2958, 3424.

- ***Phan Đình Nham***

- Điện lực Lâm Đồng (giai đoạn 1954 - 1975)*

Tài liệu là các sắc lệnh, báo cáo, biên bản, tờ trình của Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Tổng Thư ký, Hạ Nghị viện, Bộ CC>, Bộ Y tế, các tỉnh Phú Bổn, Phú Yên, Pleiku, Quảng Đức, Tuyên Đức, thị xã Đà Lạt, Công ty Điện lực Việt Nam,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động

của điện lực từ năm 1966 - 1972, dự án thiết lập và xây dựng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim từ năm 1951 - 1956, xây dựng hệ thống thủy điện Đa Nhim từ năm 1955 - 1963, chương trình Đa Nhim và việc thi hành thỏa ước bồi thường chiến tranh Nhật, Tổng thống Ngô Đình Diệm dự lễ khởi công thủy điện Đa Nhim ngày 01/4/1961, kế hoạch bảo vệ an ninh cho công trình thủy điện Đa Nhim, VC tấn công công trường Đa Nhim tỉnh Tuyên Đức ngày 16/5/1961, thiết lập điện tuyến 66 kV Sông Pha - Phan Rang - Cam Ranh - Nha Trang từ năm 1971 - 1974, sửa chữa Nhà máy Điện Suối Vàng (Đà Lạt) và lập Nhà máy Điện ở Kiến Tường năm 1957, xây cất Nhà máy Điện Bảo Lộc, chuyển ngân sang Pháp cho các hãng Alsthom, Neyrpic về công tác làm ở các nhà máy điện Ankroet, Drayling và Ban Mê Thuột năm 1956, khai thác của CEE tại Nhà máy Đền Ankroet (Đà Lạt) năm 1960, ấn định giá điện bán cho CEE sau khi Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hoàn thành từ năm 1963 - 1966, Công ty Điện lực Việt Nam được cho phép thực hiện công tác kiến tạo hệ thống điện tại các tỉnh năm 1972.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 10762, 12550, 13917, 6644, 6731, 9955, 13383, 13916, 15109, 17801.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2676, 2763, 3112, 3242, 65.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 13358, 14455, 14833, 22337, 25164, 28150, 28151, 15821, 21498, 21617, 28152.

- Phòng Bộ CC>: 5317, 5832, 6966, 7266, 7270, 7271, 7314, 1462, 7322, 3259.

- Phòng Bộ Công chánh: 1079, 719, 726, 484, 1080.

- Phòng Bộ CC>VT: 771.

- Phòng Bộ GT&BD: 1136.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển: 2650, 2873, 2874, 3095, 3096, 3097, 3101, 3221, 3249, 1502, 3222.
- Sưu tập tài liệu ảnh: 1231, 1741.

- ***Lại Thị Huyền Trang***

Kinh tế công thương nghiệp Đà Nẵng

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, tờ trình, báo cáo của Phủ Tổng thống, Bộ Kinh tế, Bộ GTCC, Ty Kiến thiết Đà Nẵng, Tòa Thị chính Đà Nẵng, Nha Chính sách và Kế hoạch kinh tế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quy chế thương cảng Đà Nẵng, tình hình hoạt động của Nhà máy Dệt Đà Nẵng năm 1960; hoạt động của ngành công kỹ nghệ, giá cả thị trường thương mại Đà Nẵng năm 1971; viện trợ Mỹ cho các ngành An ninh, Cảnh sát, Tài chính, Giao thông, Y tế, Giáo dục, Xã hội và phát triển vùng Đà Nẵng, hoạt động của tỉnh Đà Nẵng từ năm 1963 - 1973, thành quả hoạt động của chương trình Khuếch trương vùng Đà Nẵng và phụ cận năm 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 9750, 10578, 13154, 13222, 14121, 14182, 15658, 22306.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 24, 219, 220, 3244, 4279, 4618, 7513.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 148, 247, 356, 459, 568, 666, 676, 790, 900, 1058, 26054.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 759, 934, 3997.

- Sưu tập sách bổ trợ: VN.1010, VN.1059; VV.1262, VV.3866, VV.3483, VV.3485.

• ***Tan Boon Hwee***

Lịch sử hình thành vùng cà phê ở miền Trung Việt Nam đầu thế kỷ XX đến nay

Tài liệu là các phiếu trình, báo cáo, công điện, công văn, nghị định, hồ sơ của Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Phủ Tổng ủy Di cư tỵ nạn, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Bộ Điền thổ và Cải cách điền địa, Bộ Canh nông, Bộ Kinh tế, Bộ Quốc gia Giáo dục,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ngân sách tài khóa năm 1955 của cao nguyên miền Nam; diện tích đất và sản xuất nông nghiệp tại cao nguyên miền Nam và các tỉnh Nam Việt năm 1955; công tác cải cách điền địa từ năm 1951 - 1955; các vụ khiếu nại và tranh chấp về đất đai tại các tỉnh; đoàn nghiệp điền chủ Cao nguyên miền Nam đề nghị xem xét về thuế và việc phát triển kinh tế năm 1956; xin miễn thuế điền thổ và đất bỏ hoang của các tỉnh cao nguyên, Phú Yên năm 1955 - 1956; đồng bào di cư chiếm hữu đất tư hữu và làm nhà bất hợp pháp tại Buôn Mê Thuột năm 1956; địa phương hóa các địa điểm Dinh điền năm 1959; dân số các tỉnh và quận Nam phần, Cao nguyên Trung phần và Trung nguyên Trung phần từ năm 1958 - 1959; tổ chức tự vệ các trại định cư năm 1955; hoạt động của Bộ Cải cách điền địa từ năm 1951 - 1955; thành lập một trung tâm phát triển cộng đồng ở một số làng tại quận Blao và tỉnh Bình Định năm 1956; điều tra tình hình phát triển cộng đồng xã thuộc vùng Cao nguyên Trung phần năm 1956; dự án khai khẩn tỉnh Pleiku năm 1956; mua bán và cấp đồn điền tại Đà Lạt, Đắk Lắk năm 1956; tình hình khai thác cao su và lập tổ chức hành chính trong các đồn điền năm 1956; đoàn đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần đi thăm các trại định cư tại

Đà Lạt, Pleiku, Buôn Mê Thuột; hội nghị về công tác xã hội miền Thượng năm 1957; tình hình đồng bào Thượng ở hai tỉnh Kon Tum và Pleiku, di chuyển đồng bào Thượng theo chương trình cải tiến dân sinh năm 1957; chính sách đối với đồng bào Thượng năm 1957, mở chiến dịch thân thiện đối với đồng bào Thượng năm 1957, lập một nha chuyên trách về các vấn đề liên quan đến đồng bào Thượng năm 1957; hoạt động của Nha Công tác Xã hội miền Thượng năm 1958; giáo dục hương thôn, cải tiến dân sinh trợ cấp đối với đồng bào Thượng tại tỉnh Kon Tum từ năm 1957 - 1960; xây dựng nông thôn Vùng IV Chiến thuật tại Pleiku năm 1968; công tác bình định xây dựng năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 25, 26, 27, 28, 29, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 153, 181, 182, 183, 184, 185, 246, 247, 290, 291, 292, 294, 295, 378, 397, 419, 428, 429, 430, 442, 451, 452, 478, 1900, 1903, 1910, 2203, 4251, 6485, 6550, 6551, 6624, 7468, 7469, 7978, 7663, 7665, 7666, 9401, 9479, 9483, 9489, 9490, 9491, 9492, 9493, 9494, 9495, 9496, 9507, 9519, 9553, 9616, 9854, 9968, 9970, 9977, 9978, 9979, 9999, 10000, 10014, 10031, 10033, 10787, 10791, 10814, 10816, 10822, 10831, 10839, 10853, 10855, 10856, 10857, 10858, 10924, 10990, 10990, 11176, 11438, 11480, 11682, 11694, 11714, 11715, 11716, 11723, 11724, 11726, 11734, 11740, 11741, 11742, 11757, 11870, 11992, 12606, 12718, 12733, 12734, 12735, 12739, 12741, 12733, 13407, 13410, 13409, 13503, 13504, 13505, 13509, 13486, 13521, 13579, 13549, 13520, 13510, 13582, 13583, 13589, 13595, 13601, 13610, 13617, 13620, 13667, 14061, 14151, 14321, 14368, 14869, 15236, 15240.

- Phủ Tổng thống ĐIIICH: 6, 20, 25, 26, 49, 55, 65, 88.

- ***Phan Xê - Lê Thanh Xuân***

Ngành Cao su Việt Nam

Tài liệu là các báo cáo, công văn, quyết định, hợp đồng, hồ sơ của Công ty Cao su Đất Đỏ, Tổng cục Cao su, Chính phủ Cách mạng Lâm thời... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chính sách khen thưởng từ năm 1974 - 1976, khen thưởng thành tích công tác từ năm 1976 - 1980; tiếp nhận cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty Cao su Tây Ninh, Phước Bình, Dầu Tiếng năm 1975 - 1976; đề bạt cán bộ năm 1987; thành lập Vụ Khoa học Kỹ thuật năm 1989; thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Vụ Động viên Tổng cục Cao su từ năm 1981 - 1983; tổ chức bộ máy Vụ Kinh tế Kế hoạch từ năm 1984 - 1986, tổ chức bộ máy Vụ Hợp tác Quốc tế từ năm 1982 - 1987; thành lập Viện Điều dưỡng Tổng cục Cao su, thành lập Ban Thanh tra Tổng cục Cao su.

- Phong Tổng cục Cao su: 1, 11, 12, 21, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 73, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 233, 845, 895, 918.

c) *Tài chính - Thương mại - Xuất nhập khẩu, Hàng hải, Hàng không*

- ***Mai Thị Kim Cương - Lê Trí Dũng - Trần Đăng Minh***

Tình hình xuất nhập khẩu của VNCH

Tài liệu mà các tác giả đề tài sử dụng là các nghị định của Bộ Kinh tế ấn định giá bán các loại hàng hóa, ấn định thể lệ ngoại thương; các quy định thể lệ và buôn bán bia rượu; các bản

thống kê, báo cáo về tình hình hàng hóa nhập cảng theo từng nước của Nha Ngoại thương; danh sách các công ty nhập cảng nước ngoài.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3460B, 3461, 4713B, 3536, 5141, 7454, 5378, 8240.

- Phòng Bộ Thương mại tiếp tế: 54, 413, 531, 553, 636, 678, 716, 717, 1631, 1677, 1678, 2096, 2218.

- **Lê Trí Dũng**

Tình hình xuất nhập cảng của VNCH với các nước

Tài liệu có nội dung đề cập đến tình hình xuất nhập cảng của VNCH với các nước, chủ yếu là các mặt hàng chè, cà phê và thuốc lá trong khoảng thời gian từ năm 1960 - 1975. Cụ thể: chính sách kinh tế và thương mại của Chính quyền VNCH; báo cáo của Công ty Trà Việt Nam, các nghiệp đoàn trà Lâm Đồng,... về tình hình sản xuất và xuất khẩu trà;...

- Phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế: 6, 11, 64, 548, 551, 553, 563, 13, 19, 413, 564, 565, 573, 598, 2361.

- **Trần Huy Định**

Lịch sử Kho xăng Yếu khu 102 Nhà Bè

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: công tác phòng thủ các kho xăng năm 1960 - 1961, cho phép Công ty Shell Việt Nam xây thêm 4 bể chứa dầu tại kho chính Nhà Bè năm 1957, tài liệu của Công ty Caltex và Shell về tình hình kho chứa và bảo vệ an ninh cho các kho năm 1960, việc thành lập và chuyển giao Yếu khu Nhà Bè cho Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Công an năm 1960, việc giao Yếu điểm Nhà Bè cho Biệt khu Thủ đô năm 1962 - 1963,

điều tra vụ kho xăng Shell Nhà Bè nổ cháy đêm 03/12/1973, công tác quản lý nhiên liệu từ năm 1968 - 1974; việc công nhân hãng ESSC đình công phản đối sa thải công nhân kho dầu Nhà Bè từ năm 1970 - 1974,...

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 2060.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2164, 3374, 7124, 10620, 13179.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 487, 3059.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18264, 26740, 31434.
- Phòng Bộ CC>: 8691.
- Phòng Bộ Công chánh: 347.

- **Đỗ Thị Hằng**

Quá trình hình thành và phát triển của Quân cảng Sài Gòn từ những năm 60 đến nay

Tài liệu được độc giả khai thác về các vấn đề như hợp thức hóa thiết lập một quân cảng và phi trường quân sự, hoạt động của Nha thương Cảng Sài Gòn, tổ chức dự phòng cho các hoa tiêu sông Sài Gòn, trung dụng cảng Sài Gòn, hoạt động và kết quả hoạt động của Bộ Tư lệnh Hải quân, biện pháp đối phó với các thuyền VC.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14986, 15010, 15655, 15857, 16244, 16459, 16260, 16792, 22789, 23251, 23252, 23263, 23442.

- **Lê Thị Khuyên**

Tài chính Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm

Tài liệu được tác giả sử dụng là các sắc thuế thiết lập cho ngân sách quốc gia trong năm 1957; ngân sách qua các năm; biện pháp của Chính quyền VNCH nhằm tận thu tiền thuế nhân dân; các bản báo cáo hoạt động tài chính của tỉnh Đồng Nai, Biên Hòa

từ năm 1957 - 1964; tờ trình nguyện đề về tình hình hành chính, kinh tế và xã hội của ông Trần Văn Hai,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1620, 2439, 3207, 3448, 3793, 4385, 4179, 4684, 4559, 8271, 8703.

- ***Phạm Thị Thúy Lành***

Hàng không Việt Nam trước và sau năm 1975

Hồ sơ liên quan đến các hoạt động của hàng không Việt Nam như: nói rộng phi trường Tân Sơn Nhất năm 1964, khuếch trương các đường bay quốc tế; thành lập Công ty Hàng không Việt Nam, các dự án khai thác và hoạt động của hàng không Việt Nam qua các năm.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1125, 2109, 5895, 6396, 7619.

- Phòng Bộ GTVT: 01, 04, 05, 12.

- ***Nguyễn Thành Long***

Tài liệu về nhãn hiệu FIT tại Việt Nam

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là các báo cáo của Nha Nội thương về tình hình thương mại tại miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955 - 1960; tài liệu của Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Thương Tín, Bộ Thương mại về việc kiểm nhận hóa đơn thương mại, về việc cấp giấy phép hành nghề và ấn định một số thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa từ năm 1960 - 1975.

- Phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế: 1, 3, 10, 12, 14, 15, 20, 27, 39, 270, 274, 275, 276, 277, 415, 434, 471, 476, 627, 628, 629.

- ***Nguyễn Cẩm Dương Ly***

Sự biến đổi hình thái kiến trúc đô thị khu vực trung tâm Tp.HCM dưới tác động của xây dựng tư nhân

Tài liệu là các luật, dự luật, dự về quy định chính trang các khu vực bị tàn phá, xây dựng trú khu cho nạn nhân, lập thủ tục đặc

biệt về việc trưng dụng các đất bỏ trống; khảo giá nhà thầu và biện pháp phát triển ngành Kiến trúc chung cư cao ốc.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 22274, 22287, 22404, 23163, 23184, 24007, 24039, 24057, 25347.

- ***Trần Văn Sơn***

Tỷ giá tiền Riel và giá thóc từ năm 1966 - 1970

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thống kê của Viện Hối đoái về việc chuyển ngân thị trường tự do và chính thức năm 1965, việc thiết lập quỹ đặc biệt của Ngân hàng Quốc gia để mua bán ngoại tệ năm 1965, Nha Đặc trách Thương vụ mua 183 tấn gạo trợ cấp cho đồng bào Thượng năm 1965, tổ chức và hoạt động của Công ty Lúa gạo và Công nghệ Denis Frère tại Sài Gòn từ năm 1958 - 1965; tình hình quân sự, chính trị, kinh tế Campuchia từ năm 1968 - 1974, bang giao VNCH - Campuchia từ năm 1969 - 1971; sửa đổi thuế kiệmt ước, gia tăng tín dụng cho công kỹ nghệ gia và vấn đề hối đoái, quan thuế đối với Việt kiều từ Cao Miên hồi hương mang theo tài sản năm 1969 - 1970.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20602, 20605, 20687, 20879, 22166, 22171, 22208, 22209, 22712, 24222, 24223.

- ***Dương Tô Quốc Thái***

Sự hình thành và phát triển tiền tệ Việt Nam (1945 - 1975)

Tài liệu là các công văn, tờ trình, báo cáo của Tổng thống VNCH, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chánh, Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính, Viện Phát hành Tiền tệ của các Quốc gia Liên kết Việt Nam - Lào - Campuchia,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc chuyển giao Viện Hối đoái Đông Dương năm 1954; hoạt động của các cơ quan bình dân nông nghiệp tín dụng năm 1955 - 1956; các phiên họp của Hội đồng

Tối cao Tiền tệ và Tín dụng năm 1958; tài chính năm 1952 của Viện Phát hành Tiền tệ của các Quốc gia Liên kết Việt Nam - Lào - Campuchia và Quỹ Tự trị Quản lý và Khấu hao trừ nợ; dự thảo quy định thành lập và quản lý các ngân hàng hoặc các cơ quan tài chính từ năm 1950 - 1952, việc sụt giá đồng bạc Đông Dương và các biện pháp khắc phục năm 1953; việc thành lập và điều lệ của Công thương Ngân hàng năm 1953, bảng dự trừ khai thác và báo cáo tình hình kế toán của Viện Phát hành Tiền tệ năm 1953.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 2456, 2457, 2458, 2460, 2461, 2462, 2470, 1906, 2048.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 11123, 11124, 11125, 11126, 11127, 11726, 12606, 12648, 12649.

- ***Huỳnh Đặng Tiến Thành - Nguyễn Lê Nữ Xuân Quỳnh - Võ Hữu Tài***

Hình ảnh và thông tin Công ty VIFON

Nội dung tài liệu liên quan đến một số vấn đề như: hội chợ Kỹ Nông Công Thương năm 1970, tình hình tài chính, các biện pháp kinh tế, tài chính, viễn cảnh kinh tế năm 1970 - 1971; tình hình tài chính và hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh, hợp doanh và cơ quan tự trị từ năm 1966 - 1974; duy nhất hóa giá gạch phụ cấp gia đình công nhân các xí nghiệp kỹ nghệ, thương mại và các nghề tự do năm 1966, những thiệt hại tại các xí nghiệp sau Tết Mậu Thân; tình hình tồn kho, giá thị trường một số lượng phân phối các loại thực phẩm thiết yếu của Nha Kiểm soát Kinh tế năm 1969, thành lập các hội, nghiệp đoàn từ năm 1968 - 1973.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2200, 2249, 2369, 2512, 7775a.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 22483, 21684, 22602, 22713, 24621, 24902, 27171.

- **Phạm Thị Thanh Vân**

Kinh tế, văn hóa người Hoa ở Tp. HCM từ năm 1954 - 1975

Tổ chức Phòng Thương mại Hoa kiều ở Việt Nam từ năm 1954 - 1963, cạnh tranh của Hoa kiều với ngành Kỹ nghệ ướp lạnh, bán và xuất cảng gạo giữa Hoa Kỳ, Nam Dương, Miến Điện từ năm 1960 - 1962, hoạt động của Hoa kiều tại Việt Nam từ năm 1955 - 1960, bang Hoa kiều tỉnh Gia Định năm 1946, quy chế của Phòng Thương mại Hoa kiều ở Nam Kỳ và Chợ Lớn từ năm 1947 - 1953.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D55-64, T13-70.
- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 2493, 1770.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3393, 21900, 14838.

- **Nguyễn Quang Việt**

Tra cứu hồ sơ nhập khẩu tàu kéo đẩy của Công ty Liên doanh Vietsovlighter

Tài liệu là các lệnh, chứng từ, biên bản, công văn, hồ sơ của Công ty Liên doanh Vietsovlighter. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kết toán giao nhận hàng với các tàu năm 1990 - 1991, lệnh giao hàng năm 1991; công tác bảo hiểm từ năm 1992 - 1994, phí bảo hiểm các tàu từ năm 1991 - 1995; bỏ thầu bán 19 salan LASH năm 1998; chuyển giao và tiếp nhận tàu giữa Công ty Liên doanh Vietsovlighter và BLASCO năm 1997.

- Phòng Thương vụ Vietsolighter: H01-01, H01-02, H02-04, H03-08, H03-10, H04-12, H04-13, H04-14, H05-15, H05-16, H05-22, H06-17, H06-18, H07-19, H07-20, H07-21, H07-22, H08-24, H09-28, H05-16, H11-30A, H31-70, H38-51, H39-56, H43-70.

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Những vấn đề chung

- ***Fear Sean Arthur***

Giai đoạn nền Cộng hòa thứ hai tại Nam Việt Nam, 1968 - 1975: kinh tế, chính trị, xã hội và quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ và các đồng minh quan trọng khác

Tài liệu là các công điện, công văn, bản tin của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Sở Thông tin hỗn hợp Hoa Kỳ và các hãng thông tấn báo chí nước ngoài. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các nước viếng thăm Việt Nam từ năm 1968 - 1971; vận động viện trợ và viện trợ cho Việt Nam từ năm 1968 - 1974; hoạt động ngoại giao từ năm 1968 - 1975; vấn đề tài chính, thuế từ năm 1969 - 1975; chương trình và chính sách ổn định kinh tế VNCH từ năm 1967 - 1977; Nga giúp Hoa Kỳ giải quyết chiến tranh ở Việt Nam; tổ chức và hoạt động của Thượng và Hạ Nghị viện từ năm 1967 - 1974, vấn đề hồi hương Việt kiều năm 1970, thăm sát Mỹ Lai.

- Thông Phủ Tổng thống ĐIICH: 7157, 7115, 7152, 7137, 7133, 7678, 7681, 7686, 7687.

- ***Cheng Grace Ming-Hui***

Lịch sử chiến tranh Việt Nam, những tác động tiêu cực của viện trợ Hoa Kỳ đối với quyền Sài Gòn

Tài liệu là các công văn, phúc trình, báo cáo, tập bản tin và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ An ninh, Hội đồng QNCM, Phủ Tổng ủy Dân sinh Nông thôn, Phái bộ Viện trợ và Cố vấn Hoa Kỳ (MAAG), Viện Hối đoái Quốc gia, Tham mưu biệt Bộ, Nha Cảnh sát Quốc gia Đô Thành,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức

và điều hành quân lực VNCH năm 1960, khóa tu nghiệp tại Viện Khuếch trương Kinh tế Hoa Kỳ năm 1959, chính sách và chương trình viện trợ Hoa Kỳ năm 1960, Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ cho chương trình Dinh điền ở Việt Nam năm 1959, tổ chức Bộ Nội vụ và các tỉnh năm 1956, quan hệ giữa VNCH với Hoa Kỳ từ năm 1956 - 1963, thư của ông Đại sứ Trần Văn Chương tại Hoa Kỳ gửi Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu về vấn đề liên quan đến sự sụp đổ của chế độ và tình hình ngoại giao từ năm 1954 - 1963, hoạt động của VC năm 1956, sách báo Hoa Kỳ nói về những hoạt động của CIA liên quan đến VNCH từ năm 1970 - 1974,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 805, 2143, 3986, 4360, 8455, 22048, 11976, 12904, 18750, 21156.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 501, 598, 599, 602, 823, 827, 949.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 64, 65, 3626, 4002, 14823, 17149, 17754, 20247, 22391, 28175.

- Phòng Hội đồng QNCM: 15, 95.

- Phòng UBLĐQG: 261.

• ***Trương Thùy Dung***

Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu được khai thác gồm các vấn đề như: chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ năm 1971 và việc bang giao VNCH - Hoa Kỳ các năm 1968 - 1969, phong trào ủng hộ hoặc chống đối VNCH và sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam năm 1968 - 1969, tình hình chính trị ở Việt Nam từ năm 1968 - 1975, tình hình Trung Cộng và bang giao Trung Cộng với Bắc Việt và các nước từ năm 1964 - 1967, thông tin báo chí về phản ứng quốc tế và Liên Hiệp Quốc về vấn đề Việt Nam từ năm 1965 - 1967, sinh viên Việt Nam

tại Hoa Kỳ gửi kiến nghị xin ngừng oanh tạc Bắc Việt năm 1968, Hiệp ước Việt Nam - Hoa Kỳ liên quan đến sự hiện diện của quân đội và nhân viên dân sự Mỹ tại Việt Nam năm 1967, lập trường của các quốc gia về tình hình Việt Nam, các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể chính trị, tôn giáo năm 1968 - 1969, viện trợ quân sự và việc sử dụng quân viện của các nước cho VNCH từ năm 1967 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 558, 588, 5057, 5147, 5251, 5253, 6564.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 316, 395, 919, 1114, 1171, 1218, 6564, 7677, 20477, 20529.

- ***Nguyễn Năng Hiến***

Làm phim tài liệu “Chiến tranh Việt Nam nhìn từ phía bên kia”

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, tờ trình, điện tín của Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần, Tham mưu biệt Bộ, Cảnh sát Hiến binh Quốc gia, Nha An ninh Quân đội,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức VC tại Vùng II năm 1962, đường mòn Hồ Chí Minh, khai thác tài liệu tịch thu của VC trong cuộc hành quân tại Chiến khu D năm 1962, kế hoạch binh định năm 1961, chiến dịch xây dựng nông thôn và chiến dịch Bình Minh tại các tỉnh miền Đông Nam phần năm 1961 - 1962, phòng thủ căn cứ không quân Biên Hòa năm 1962, đề án kiện toàn bộ máy binh định miền Nam năm 1962, tổ chức và hoạt động của Tòa án Quân sự, Tòa án Quân sự đặc biệt từ năm 1956 - 1962, nguồn gốc bom bay, đạn hỏa tiễn của Cộng phỉ và tổ chức quản lý, sử dụng vũ khí của quân đội VNCH năm 1961 - 1962,...

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1305, 1356, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1330, 1336.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7608, 7619, 7754, 7785, 7844, 7518, 7519, 7533, 7551, 7570.

- Sư tập sách bổ trợ: VN.3393, VN.365, VN.3568; VV.277, VV.849.

• ***Huang Wei Sheng***

Lịch sử chính trị và xã hội miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu là các tập lưu công văn, công điện, sắc lệnh, báo cáo, phúc trình, bản tổng hợp tin tức, báo cáo,... của Phủ Thủ tướng, Phủ Cao ủy Việt Nam tại Pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng và các báo trong nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vấn đề di cư năm 1954, hoạt động của các tôn giáo như Phật giáo, Cao Đài,... các vụ đàn áp tôn giáo từ năm 1954 - 1975, các quy định về ngoại kiều, hoạt động nhập tịch và trục xuất ngoại kiều từ năm 1954 - 1975, tổ chức và hoạt động của VC từ năm 1954 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: B4-55, B6-92, D61-7, D61-93, F02-17, F3-1, F6-134.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4171, 4187, 44295, 4310, 4309, 4317, 4318, 4319, 16454, 16471, 16474, 16476, 16804, 16805.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4410, 4142, 14835, 14836, 14847, 14941, 14963, 15045, 15354, 15420, 15633, 15065, 15671.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D625-14, D04-35, D04-36

- Phòng Hội đồng QNCM: 15, 16.

- Phòng Bộ CC>: 510, 559, 508.

- **Phạm Văn Lưu**

Văn hóa xã hội Việt Nam (giai đoạn 1954 - 1963)

Tài liệu là các nghị định, sự vụ lệnh, công văn, biên bản, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Văn phòng Quốc hội, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc cấp đất, đổi đất cho các cơ quan, tổ chức tôn giáo và cá nhân từ năm 1959 - 1962, dự trữ ấp trú mật, lập dinh điền tại các tỉnh Bình Dương, Bình Long năm 1961, xây dựng ấp chiến lược năm 1963, sưu tập bản đồ các địa điểm dinh điền của VNCH năm 1959, nguyên tắc cải cách điền địa năm 1959, thành lập hai khối CD Nhân vị và Liên minh xã hội, thiết lập các ủy ban và hội đồng liên bộ.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1928, 8252, 8255, 8256, 8260, 8267, 8270, 8278, 12648.

- **Masur Mathew Bernard**

Chương trình xây dựng quốc gia của Hoa Kỳ đối với VNCH giai đoạn 1954 - 1963

Tài liệu là các tờ trình, báo cáo, công văn, nghị định của Ủy ban Cứu trợ Quốc tế, Ty Thông tin, Nha Vô tuyến truyền thanh Việt Nam, Bộ Thông tin và Thanh niên, Bộ Chiến tranh tâm lý, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Xã hội và Y tế,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thương thuyết thỏa ước phát thanh văn hóa Pháp - Việt trên đài phát thanh Việt - Pháp năm 1957, nghị định của Bộ Văn hóa Thông tin và Thanh niên quy định việc kiểm soát lưu thông và tàng trữ ấn phẩm nước ngoài năm 1956; chương trình hoạt động của Ủy ban Cứu trợ Quốc tế tại Việt Nam từ năm 1954 - 1956, hoạt động của Ủy ban Cứu trợ Quốc tế tại Việt Nam năm 1955; công tác của Ty Thông tin Mỹ

Tho, Gò Công, Long Xuyên năm 1955; hoạt động của Nha Vô tuyến truyền thanh Việt Nam năm 1957, hoạt động thông tin tuyên truyền năm 1957 của Bộ Thông tin và Thanh niên, các hoạt động xã hội năm 1956, thành lập Nha Báo chí và khai thác vô tuyến truyền thanh truyền hình trên lãnh thổ Việt Nam năm 1955, các hoạt động thông tin tuyên truyền năm 1958, công tác thông tin tại Sài Gòn và các vùng khác năm 1958, các hoạt động báo chí năm 1957, viện trợ kinh tế Mỹ cho ngành Thanh niên năm 1957, tổ chức Lễ Khai mạc Đại hội Thông tin toàn quốc ngày 06/5/1957, về việc phân phối tăng ấn phẩm thông tin của Ngô Tổng thống năm 1957, về việc thành lập Nha Báo chí và Khai thác vô tuyến truyền thanh truyền hình trên lãnh thổ Việt Nam năm 1955, về việc kiểm duyệt, xuất nhập cảng sách báo và phim ảnh của phóng viên ngoại quốc năm 1956, cung cấp tài liệu để ấn hành số báo đặc biệt về thành tích hoạt động của Chính phủ năm 1955, các hoạt động thông tin tuyên truyền năm 1958, công tác thông tin tại Sài Gòn và các vùng khác năm 1958; phong trào cổ vũ cho cuộc trưng cầu dân ý và liên hoan mừng chính thể năm 1958; khảo sát công việc của Phòng Thông tin Hoa Kỳ năm 1957; hoạt động 3 năm của Bộ Quốc gia Giáo dục từ năm 1955 - 1957; hoạt động của ngành Y tế - Bộ Xã hội và Y tế năm 1955;...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 15978, 15979, 15984, 15985, 15986, 15987, 15992, 15997, 16000, 16007, 16029, 16035, 16070, 16071, 16072, 16073, 16075, 16078, 16082, 16083, 16087, 16088, 16092, 16096, 16107, 16108, 16128, 16145, 16110, 16175, 16176, 16184, 16191, 16199, 16209, 16210, 16211, 16229, 16249, 16255, 16258, 16259, 16260, 16288, 16291, 16303, 16306, 16309, 16310, 16311, 16312, 16313, 16315, 16319, 16322, 16325, 16330, 16331, 16334, 16342, 16520, 16523, 16524, 16527, 16565, 16570, 16571.

• **Nguyễn Hữu Nguyên - Lê Sơn**

Lịch sử phát triển vùng đất Nam Bộ

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Phủ Đặc ủy TWTB, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát quốc gia,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phong trào đòi tự trị của người Việt gốc Miên năm 1964; thành lập, sáp nhập, phân chia, sửa đổi ranh giới các xã ấp thuộc tỉnh Biên Hòa từ năm 1965 - 1975; giải quyết thỉnh nguyện xin tái lập, bãi bỏ, đổi tên, sửa đổi ranh giới, di dời các quận, quận lỵ, xã ấp thuộc tỉnh Kiên Giang từ năm 1965 - 1975; tìm hiểu người Việt gốc Miên và một số đảng phái tại các tỉnh năm 1965; Chính phủ Campuchia xúi giục người Việt gốc Miên trốn sang biên giới và đòi đất của VNCH năm 1965; biện pháp truy kích VC qua lãnh thổ Cao Miên năm 1966; tình hình biên giới Việt - Miên từ năm 1955 - 1964; VC xâm nhập khí giới qua biên giới Việt - Miên năm 1965; người Miên xin tỵ nạn chính trị năm 1965.

Bên cạnh đó, độc giả còn khai thác các sách bổ trợ như: Người Việt gốc Miên, Vấn đề Việt Nam với quốc tế công pháp, Giác thư kháng đối Chính phủ hoàng gia Cam-bốt, Tìm hiểu về Campuchia, Địa phương chí tỉnh Bạc Liêu, Địa phương chí tỉnh Bình Dương, Địa phương chí tỉnh An Giang, Địa phương chí tỉnh Châu Đốc, Địa phương chí tỉnh Phước Long, Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 10517, 10522, 10523, 15083, 15232, 15292, 15345, 15347, 15402, 15417, 15418, 15521, 15546, 15811, 15841, 16053.

- Suu tập sách bổ trợ: VN.3514, VN.3516, VN.3561;

VV.2021, VV.3804, VV.3805, VV.3807, VV.3809, VV.3816, VV.3817, VV.3818, VV.3819, VV.3839, VV.3840, VV.3862; NV2042, NV.2432, NV.2439.

- ***Simon Toner***

ĐIICH Việt Nam: kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao

Tài liệu là các báo cáo, tờ trình, thông cáo và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Kinh tế - Tài chính, Bộ Thương mại và Tiếp tế, Phái đoàn Kinh tế Mỹ tại Việt Nam, Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông - Ngư nghiệp. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình từ năm 1972 - 1975 và vai trò của người phụ nữ trong chương trình này; thể lệ, kế hoạch nhập cảng gạo Mỹ, ngoại tệ, nông ngư cơ giới, gà con và thực phẩm gia súc năm 1968 - 1969; Hội Bảo vệ Hạnh phúc Gia đình; dự án phát triển Khu Kỹ nghệ Sài Gòn năm 1972; tồn trữ chuyên chở và tiếp tế phân phối gạo, nhu yếu phẩm năm 1975, dự án chỉnh trang khu đất và thiết lập một trung tâm thương mại tại ga Sài Gòn từ năm 1966 - 1970...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2383, 2518, 2537, 2892, 2845, 2852, 2901, 2699, 3035, 3031.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 26554, 26185, 441, 31621, 28383, 27150.

- Phòng Bộ Công chánh: 696.

- Phòng Bộ Y tế: 581, 501, 585.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 209, 276, 278, 279.

- ***Nguyễn Thị Thanh Thanh***

Dân tộc và tôn giáo trước năm 1975

Tài liệu là các công văn, báo cáo, biên bản, phiếu trình, bản tin của Tổng thống Phủ, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam

phần, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Phát triển Sắc tộc,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động tôn giáo tại Việt Nam từ năm 1955 - 1974 (hoạt động của các giáo phái Phật giáo như: Giáo hội Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Giáo hội Tổ Tiên, Giáo hội Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Chính giáo Đại đạo Sinh tồn, đạo Cơ đốc, đạo Hồi, đạo Tin lành..., kiểm duyệt và kiểm soát sách truyền bá tôn giáo năm 1957, hoạt động và các kiến nghị của nhóm Phật giáo Ấn Quang, “những chiếc áo dòng đẫm máu trong lịch sử Công giáo tại Vĩnh Long” năm 1969); liên hệ giữa chức Linh mục và luật Độc thân năm 1970, xô xát giữa khối Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự tại Việt Nam Quốc Tự ngày 05/5/1970; tình hình đồng bào Thượng sau cuộc tổng công kích Mậu Thân, đồng bào Thượng ở các tỉnh miền Đông Nam phần và chính sách của VNCH đối với đồng bào Thượng từ năm 1957 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 16476, 16727, 16728, 16731, 16732, 16805, 17067, 17110, 17112, 17349, 17842.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4124, 4140, 4141, 4636, 4724, 4564, 4566, 4635, 4651...

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 2365, 2433, 2434, 2563, 2777, 1596, 1714, 1831, 1832, 1833, 1836.

- ***Nguyễn Thị Thanh Vân***

Lịch sử Việt Nam (giai đoạn 1953 - 1975)

Tài liệu là các công văn, báo cáo, tờ trình, biên bản của Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Đô thành Sài Gòn, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát quốc gia, Phòng Nhì, Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia, Tòa Tổng trấn Sài Gòn - Gia Định, Ủy ban Phụng hoàng tỉnh Gia Định, Ủy ban Phát triển vùng hạ lưu sông Mê Kông,

Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hiệp quốc. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Địa phương chí Sài Gòn - Gia Định từ năm 1953 - 1973; tình hình an ninh, quân sự Sài Gòn - Gia Định từ năm 1958 - 1975; luật lệ chuyên chở hàng hóa bằng đường thủy năm 1950, quân đội kiểm soát đường lưu thông bằng sông rạch năm 1948, đường sá và kênh rạch miền Tây Nam phần và các cuộc nạo vét kênh rạch từ năm 1953 - 1975, Thỏa ước Việt - Miên - Lào về chế độ lưu thông trên sông Cửu Long và các đường thủy vào thương cảng Sài Gòn; chương trình kinh tế khu vực sông Mêkông năm 1967,...

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D7-105, D7-581, D7-344, E02-108, E03-292, O8-54, O3-18.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 75, 5028, 5355, 7173, 8402, 8038, 10965, 10951, 22309.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 892, 8617, 8781, 10125, 15082, 15333, 15656, 15974, 16314, 21138, 23250.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: O3-21, T69-659.

- Phòng Bộ CC>: 33, 845, 866, 878, 1066, 1072, 1094, 8615, 11098, 11191.

• **Trần Thị Vui**

Hệ tư tưởng của Chính quyền Ngô Đình Diệm (từ năm 1954 - 1963)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chủ nghĩa Nhân vị và chủ nghĩa CS; cuộc cách mạng Nhân vị; tuyên ngôn của Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng; các khóa huấn luyện Nhân vị năm 1958; Đảng cương Đảng Cần lao Nhân vị; hiệu triệu và diễn văn quan trọng của Tổng thống Ngô Đình Diệm về chủ nghĩa Nhân vị,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 5119, 17875.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2936, 29257, 29361.
- Sưu tập sách bổ trợ: VN.610, VN.792; VV.579.

2. Giáo dục

• ***Võ Thị Hoàng Ái***

Giáo dục Việt Nam (từ năm 1954 - 1965)

Tài liệu là các báo cáo, công văn, phiếu trình, hồ sơ của Bộ Quốc gia Giáo dục, Văn phòng Phủ Tổng thống, Việt Tân xã... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: giáo dục năm 1955 - 1956; hoạt động 3 năm của Bộ Quốc gia Giáo dục từ năm 1955 - 1957; các vấn đề liên quan đến giáo dục năm từ 1957 - 1959; Khuếch trương giáo dục vào xây cất trường năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 16000, 16143, 16342, 16374, 16361, 16660, 16670, 16997.

• ***Võ Thị Hoàng Ái***

Viện trợ của Hoa Kỳ và Nhật Bản cho giáo dục miền Nam Việt Nam từ năm 1955 - 1975

Hai nhóm tài liệu chính được khai thác là viện trợ của Nhật cho VNCH, tình hình ngoại viện; quan hệ giữa VNCH với các nước trong lĩnh vực giáo dục; dự án các viện đại học, công tác cải cách giáo dục, hoạt động của sinh viên.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 5701, 23333, 23740, 27157, 27159, 27160, 29303, 29304, 29383, 29599.

• ***Nguyễn Thị Hồng Cúc***

Sự phát triển của đại học ngoài công lập tại Tp. HCM

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phiếu trình, bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Giáo dục, Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Nội

dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức và hoạt động của Hiệp hội Phát triển Giáo dục QGVN năm 1974, dự thảo luật ấn định giáo dục đại học quốc gia và quy chế tự trị của các viện đại học công lập, về việc ấn định vấn đề học vụ của các viện đại học tư, cho phép mở một số trường đại học tư thục từ năm 1969 - 1975, tổ chức nhân sự của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên từ năm 1967 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D06-68, D30-83, R0-11, R03-23, R03-25, T4-1289.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 839, 1145, 2674, 8426, 10630, 16668, 16997, 17280, 17767, 17974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3727, 3740, 3741, 3742, 3745, 3833, 4569, 4658, 5941.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 25634, 28271, 29763, 30462, 30464, 30674, 31138, 31337, 31338.

- **Vũ Cao Đàm**

Khoa học và Giáo dục trước năm 1975 ở miền Nam Việt Nam

Tài liệu là các dụ, sắc lệnh, báo cáo và một số loại giấy tờ khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc gia Giáo dục, Đức Quốc Trưởng Bảo Đại, Tòa Đại biểu Chính phủ Bắc Việt, Việt Tân xã. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục năm 1956, lược sử Trường Quốc học Ngô Đình Diệm ở Huế, Trường Quốc học Huế trở lại tên cũ, quan niệm về giáo dục dưới chính thể Cộng hòa hiện đại, việc cấp bằng “Bác sỹ danh dự” của Viện Đại học Quốc gia, tổ chức trường học và cải cách Khuếch trương giáo dục ở Việt Nam năm 1956 - 1957, quy định về giá trị tương đương văn bằng ngoại quốc, Chính phủ Việt Nam trợ cấp cho Đông Dương học xá năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 16108, 16143, 16366, 16368, 16143, 16108, 16134, 16368, 16366, 16377.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1176, 1177, 1178, 1179, 1203, 1204.

- **Huỳnh Hồng Hạnh**

Giáo dục phổ thông phục vụ nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương (từ năm 1953 - 1975)

Tài liệu là các tập nghị định, công văn, báo cáo, biên bản, bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Lao động, Bộ Ngoại giao, Nha Tổng Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, Tỉnh Bình Dương,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của tỉnh Bình Dương từ năm 1956 - 1963, việc thiết lập các viện, trường năm 1956, tuyển mộ học sinh, binh sỹ, hiến binh năm 1956; thiết lập 1 sở dạy nghề trực thuộc Nha Thanh tra Lao động từ năm 1955 - 1958; thanh tra tỉnh Bình Dương, Bình Tuy, Phước Long năm 1958; hiện tại và tương lai của nền giáo dục Việt Nam, các hội nghị về giáo dục tổ chức tại nước ngoài từ năm 1956 - 1958; hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục từ năm 1955 - 1963; nâng cao trình độ văn hóa của các giới cần lao, tổ chức những lớp học buổi tối và thanh toán nạn mù chữ năm 1956 - 1957, kiểm soát trường học và giáo viên tư thực năm 1958, đóng cửa các trường tư thực và mở trường dạy lái xe,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 31, 121, 188, 260, 297, 355, 6366, 16367, 16370, 16374, 16381, 16108, 16117, 16120, 16138, 16118.

- **Nguyễn Hữu Hòa**

Lịch sử ngành Giáo dục Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước năm 1975

Tài liệu là các nghị định, quyết định, thông tư, công văn,

báo cáo của Bộ Giáo dục Thanh niên, Bộ Phát triển Sắc tộc, Bộ Y tế, Ty Phát triển Sắc tộc các tỉnh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: bình dân giáo dục, thanh toán nạn mù chữ tại liên tỉnh Phước Tuy, Vũng Tàu từ năm 1970 - 1973, mở trường trung học tại Vũng Tàu năm 1954; triển hạn sử dụng quỹ ứng trước của khóa huấn luyện môn sinh học đường Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Vũng Tàu năm 1973 - 1974, trường thiếu sinh quân Vũng Tàu và Đà Lạt năm 1954; mở lớp dạy nữ công tại trường Thăng Tam ở Vũng Tàu năm 1952.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: Q99-45, R2-74, R03-13, R03-9, R03-8, R03-15, R29-123.

- Phòng Tòa Đại hiệu Chính phủ Nam phần: R2-87, R2-94.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2786, 27316.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 1995, 1993, 2050, 2057, 2061, 2125, 2193, 2270, 2786.

- Phòng Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên: 85, 413, 417, 420, 421, 422, 424, 2054.

• **Nguyễn Văn Hưng**

Chính sách giáo dục dưới chế độ Sài Gòn (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, báo cáo, phúc trình của Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, các viện đại học, Việt Tấn xã. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ấn định quy chế các trường tư thực tại Việt Nam năm 1955, việc thiết lập, cơ cấu bộ máy tổ chức và tình hình thực trạng của một số cơ sở giáo dục như Viện Đại học Sài Gòn, Viện Đại học Huế, các kế hoạch phát triển giáo dục của Chính phủ và một số vấn đề của nền giáo dục, ngân sách viện trợ của Hoa Kỳ cho giáo dục.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 11919, 19025, 16366, 16381, 3672, 1866.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3384, 3385, 3386, 3387, 3388, 3389.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 27, 29111, 29143, 29171, 29172.

- Suu tập sách bổ trợ: VN.1574, VN.2420; VV.2443, VV.2170, VV.2172, VV.2405, VV.2408, VV.2417, VV.2453.

• ***Hoàng Thị Hồng Nga***

Giáo dục bậc đại học dưới Chính quyền VNCH (từ năm 1956 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, sắc lệnh, phiếu trình, biên bản các cuộc họp của Phủ Tổng thống, Bộ Giáo dục, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dưới thời VNCH (từ năm 1956 - 1975) như: Viện Đại học Huế và các trường trực thuộc, Viện Đại học Sài Gòn và các trường trực thuộc, Viện Đại học Cần Thơ, Viện Đại học Minh Đức..., Luật Giáo dục Đại học qua các năm 1956 - 1975, quy chế các Viện Đại học Việt Nam và kế hoạch cải tổ nền Đại học từ năm 1960 - 1967, việc liên kết với các trường đại học nước ngoài.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1863, 2181, 1866, 17963, 17533, 17968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3392, 3854, 3748, 3858, 4399, 5941, 5946, 6172, 6346.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9512, 10440, 29934, 30687, 29765, 31125, 31582, 31355, 31141, 30473, 30686.

- Phòng Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa: 864, 909, 1240, 1343, 1485, 1331, 1336.

- Phòng Bộ Đặc nhiệm phối hợp Văn hóa Xã hội: 163, 24, 27, 132, 133.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID): 1204, 1400, 1401, 1395, 1396, 1397, 1402, 23, 632, 1009, 1126, 1127, 1128.

- Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục: 01, 11, 224, 225, 228.

- Suru tập sách bổ trợ: TC.34, TC.44, TC.163, TC.168, TC.862, TC.895, TC.1921, TC.4467, TC.4468, TC.4503.

• **Hồ Thị Quang**

Giáo dục bậc đại học dưới Chính quyền VNCH (từ năm 1955 - 1975)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức các viện, trường đại học, cao đẳng, trung học và phân khoa từ năm 1961 - 1975, dự án quy chế các viện đại học Việt Nam và kế hoạch cải tổ về đại học từ năm 1960 - 1967, việc thành lập, tổ chức bộ máy và hoạt động của Viện Đại học Huế, Viện Đại học Sài Gòn, Viện Đại học Cần Thơ, Học viện Quốc gia Nông nghiệp, Học viện Quốc gia Kỹ thuật và một số cơ sở giáo dục khác.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2181, 2671, 3410, 17963, 17968, 17533.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3392, 3550, 3748, 3854, 3858.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3281, 3671, 30459, 31137, 31354, 10438, 10442, 7883, 5701.

- **Nguyễn Thị Rằm**

Tổ chức Trường Đại học Kỹ thuật sư phạm

Độc giả khai thác chủ yếu là các tập sắc lệnh của Tổng thống VNCH qua các năm về thiết lập các viện, trường, thiết lập các cơ sở giáo dục; hồ sơ về tổ chức Học viện quốc gia Nông nghiệp và Học viện Kỹ thuật từ năm 1967 - 1972; thiết lập Trường Đại học Sư phạm.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 839, 1145, 2181.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 7415, 7496, 6340, 6343.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 7882.
- Sưu tập công báo: J.413, J.414, J.469, J.511.

- **Hà Ngọc Hương Trà**

Tìm hiểu tổ chức giáo dục trung học ở đô thành Sài Gòn, giai đoạn 1954 - 1975

Các hồ sơ được khai thác gồm những vấn đề như: chương trình giáo dục; chế độ quản lý, thi cử và những cải cách; tổ chức bộ máy giáo dục, trường, lớp, quy chế; nhân sự giáo dục và quản lý nhân sự.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 17973, 29600, 29607.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3451, 3461, 3849, 3968, 3638.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3819, 4990, 7380, 9534, 9500, 14444, 29111, 29174, 29299, 29301, 29302, 29304.

- **Nguyễn Thị Thanh Vân**

Nghiên cứu dân tộc học so sánh về giáo dục ở vùng cao đa dân tộc, trường hợp người M'Nông ở Đắk Nông và Mondul Kiri (Campuchia) trước năm 1975

Các tài liệu được khai thác là những sắc lệnh, nghị định, báo cáo, công văn, diễn văn của Tổng thống, Thủ tướng VNCH, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ Phát triển Sắc tộc về các vấn đề như: chính sách văn hóa giáo dục, vấn đề giáo dục văn hóa; vấn đề cứu trợ đồng bào chiến cuộc nhất là sau biến cố Mậu Thân, cải tiến hệ thống giáo dục, mở lớp sư phạm kỹ thuật và nâng đỡ các sinh viên dân tộc thiểu số, học bổng cho sinh viên, học sinh dân tộc thiểu số; báo cáo hoạt động của các bộ liên quan, kỷ yếu Hội Đồng quốc gia Giáo dục.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 32656, 32661, 30148, 30149, 30150, 30287, 30151, 30293, 30294, 30299, 30371, 30372, 30374, 30460-30462.

- Sưu tập sách hỗ trợ: VN.3473; VV.1570, VV.1599, VV.2593.

• ***Nguyễn Thị Việt***

Tìm hiểu về hoạt động giáo dục miền Nam (từ năm 1965 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Bộ Văn hóa Giáo dục Thanh niên, Nha Tổng Giám đốc Trung tiểu học và Bình dân Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quy chế và điều hành một trường trung học từ năm 1955 đến ngày 17/4/1975, chương trình giáo dục trung học đệ nhất cấp năm 1965, bảng tỷ lệ ngân sách các bộ so với ngân sách quốc gia từ năm 1964 - 1974, tổ chức của Nha Tổng Giám đốc Trung tiểu học và Bình dân Giáo dục từ năm 1958 - 1972, tổ chức trường theo hệ thống 12 năm (năm 1969 - 1970), thống kê tình hình trường lớp, nhân số giáo viên, học sinh của các ty, sở học chánh đầu niên học 1973 - 1974...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3154, 3155, 3165.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 28379, 31350, 31569, 31573, 31584.

- Phòng Bộ Văn hóa Giáo dục Thanh niên: 38, 43, 44, 46, 1680, 1705, 1710, 2166.

- Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục: 27, 33, 359, 360, 378, 392, 417.

3. Y tế, cứu tế xã hội

• *Ann Marie Leshkovich*

Nghề nghiệp công tác xã hội và chính sách về trẻ em mồ côi từ xưa đến nay

Tài liệu là các sắc luật, nghị định, báo cáo, tờ trình, biên bản của Tổng thống VNCH, Phủ Thủ tướng, Bộ Xã hội, Nha Tổng Giám đốc Xã hội, Ủy ban TW Cứu trợ Nhân dân. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: về việc đưa cô nhi Việt xuất ngoại làm con nuôi; lễ khánh thành Làng Thiếu nhi SOS và xin mở cô nhi viện tại Vũng Tàu năm 1968 - 1969, hoạt động của làng cô nhi Long Thành (Biên Hòa) từ năm 1968 - 1970; dự án thành lập Ủy ban Liên bộ Bảo trợ Chương trình Giải trí lành mạnh và Công tác xã hội năm 1965, thể thức hoạt động của các cơ quan từ thiện tại Việt Nam năm 1965 - 1966, Hội từ thiện Monaco đề nghị tiếp xúc với Chính phủ Việt Nam tìm cách giúp đỡ trẻ em Việt Nam năm 1966, thỏa ước, hiệp định giữa Chính phủ VNCH và các tổ chức cứu trợ xã hội nhân đạo quốc tế năm 1969.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 16008, 16009, 16415, 16416, 16433, 16434, 16435, 16718, 16724.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29463, 29467, 29468, 29636, 29647, 29950, 29983, 30349, 30350.

- ***Biggs Davids Andrew***

Lịch sử môi trường tại miền Trung, đặc biệt huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tài liệu được khai thác thuộc Phủ Tổng thống, Bộ Giao thông và Công chánh, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh tại khu Phú Bài và khu định cư Diêm Tự năm 1969, khu dinh điền Trung phần năm 1964 - 1965, phát triển kinh tế tại Vùng I từ năm 1967 - 1970, cứu trợ nạn nhân bão Doris năm 1969, về việc Công ty Vimico xin thêm giấy phép tìm kiếm và khai thác quặng sắt tại Thừa Thiên Huế năm 1961 - 1962, chu vi trồng cây Quảng Tế tại Hương Thủy năm 1965, vùng hoạt động của Việt Minh năm 1954, tình hình an ninh tại Thừa Thiên từ năm 1963 - 1975, kinh tế các xã từ năm 1969 - 1973 tại Thừa Thiên.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4933, 8280, 14319, 14230, 14353, 14572, 15181, 15625, 17331.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 252, 308, 2279, 3488.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 21487, 22206, 22319, 22314, 22836, 14579, 15956, 17026, 28946, 30037.

- ***Trần Đức Cảnh - Phạm Thành Tú - Trần Thị Thanh Xuân***

Lịch sử ngành Y tế Kon Tum từ năm 1930 - 2000

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, bản tin, báo cáo, biên bản của Văn phòng Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Tham mưu biệt Bộ, Bộ Y tế, Bộ Xã hội, Nha Tổng Giám đốc Thông tin, tỉnh Kon Tum. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: địa phương chí tỉnh Kon Tum năm 1956, quy chế cán bộ ngành Y tế và quy chế các ngành y tế từ năm 1951 - 1973, về việc thành

lập tổ chức của cơ quan y tế, Ủy ban Vệ sinh Đô, tỉnh, thị từ năm 1964 - 1974, tổ chức nhân sự của các Ty Y tế tỉnh từ năm 1964 - 1974; các tai nạn chết người, hỏa hoạn, dịch gia súc từ năm 1956 - 1960; tổ chức và hoạt động của Nha Tổng Quản trị Chương trình Phát triển Y tế từ năm 1964 - 1966; nguyên tắc khám chữa bệnh cho vợ con công chức, quân nhân năm 1968, về việc trưng tập y sỹ tư,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 27, 69, 116, 183, 398, 628, 2194, 6468, 7278, 7654.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 31, 5968.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4759, 4572, 4993, 8595, 8597, 9611, 9664, 8612.

• ***Dana Sachs***

Trẻ em mồ côi từ năm 1974 - 1975

Tài liệu là các báo cáo, quyết định, công văn, hồ sơ của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Bộ Xã hội Khẩn hoang lập ấp, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tái thiết và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc năm 1968; tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội Việt Nam các năm: 1971, 1974, 1975; hoạt động của Bộ Văn hóa Giáo dục và Y tế năm 1973 và hoạt động của các bộ.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 898, 1008, 1068, 1159, 2983, 3418, 3542, 3700, 3821.

• ***Lê Thu Hiền - Nguyễn Lan Phương - Hoàng Anh Tuấn***

Lịch sử Hội chữ Thập đỏ tại Việt Nam

Tài liệu là các sắc lệnh, thông tư, báo cáo, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Việt Tân xã,... Nội dung tài liệu liên quan

đến các vấn đề như: lịch sử thành lập Hội đồng Hồng thập tự và lịch sử Hồng thập tự Việt Nam từ năm 1956 - 1959; các hoạt động của Hội Hồng thập tự năm 1953; thành lập tổ chức, quy chế và các hoạt động của các hội ái hữu chuyên nghiệp tại các tỉnh Bắc Việt; cải danh và chuẩn y điều lệ mới cho Hội Hồng thập tự năm 1968; trợ giúp đồng bào tỵ nạn, bão lụt ở các nước năm 1962; các hoạt động xã hội năm 1956; Chính phủ Việt Nam trợ cấp cho các cơ quan từ thiện từ năm 1948 - 1956; cứu trợ của các nước ngoài cho Việt Nam năm 1956; phát hành tem thư giúp chiến dịch thế giới chống nạn đói năm 1963; cứu trợ các nạn nhân chiến cuộc do Bình Xuyên gây ra ngày 28 - 29/4/1955; hoạt động của các ủy ban cứu trợ quốc tế tại Việt Nam từ năm 1954 - 1956, cơ quan cứu trợ quốc tế CA - RE viếng thăm Việt Nam năm 1961; hoạt động của phong trào tương trợ đồng bào tỵ nạn CS năm 1962, trợ cấp cho đồng bào Thượng tỵ nạn CS và bà quả phụ Cái Văn Ngà năm 1962; trợ cấp cho 1.000 học sinh di cư mất liên lạc gia đình tập trung tại Pavie-Lamothe và nhà kiếng năm 1955.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 15102, 15163, 15829, 16012, 16013, 16454, 16187, 16188, 16191, 17836, 17844, 18768, 19098, 19576, 19577.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1697, 2100, 2182, 2513, 3395, 3435, 3478, 3651, 3662, 3763.

- ***Oda Nara***

Lịch sử y học cổ truyền Việt Nam (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc luật, nghị định, tờ trình của Phủ Thủ tướng, Ủy ban Hành pháp TW, Tổng trưởng Bộ Y tế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: dự án Luật “Hành nghề Đông Y dược” năm 1972, ban hành Sắc luật Đông Y dược năm 1964, về

thỏa ước hợp tác y tế Việt - Pháp năm 1969 - 1970, nghiệp đoàn Đông Phương từ năm 1964 - 1966, hoạt động của Trường Đại học Y khoa Sài Gòn từ năm 1964 - 1973.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 31137, 31377, 31378, 31613, 29191, 29316, 29438, 29619, 29624.

- Phòng Bộ Y tế - Xã hội và Thương binh: 100, 2547, 2548, 2549, 2716, 2727, 2802.

• **Lý Thanh Tuyền**

Lịch sử phát triển Khoa Dược - Trường Đại học Y Dược Tp. HCM từ khi thành lập đến nay

Tài liệu được khai thác bao gồm nhiều vấn đề như: Sắc lệnh ngày 31/8/1961 của Tổng thống VNCH về việc cải biến Ban Dược Khoa Trường Đại học Y Dược Sài Gòn thành Trường Đại học Dược Khoa, nghị định của Tổng thống VNCH, Bộ Y tế về việc ấn định quy chế ngạch Y sỹ, Y dược tá năm 1957; tập tài liệu của Ban Y tế R, Ban Dân Y T1, T2, T3 về việc đào tạo Y Dược sỹ trong chiến khu năm 1973 - 1974, Quyết định số 740/VHĐ/QĐ ngày 27/01/1970 của Viện Đại học Quốc gia Sài Gòn về việc đổi tên Trường Đại học Nha khoa Sài Gòn thành Trường Đại học Y khoa Sài Gòn, công tác đào tạo của Trường Đại học Y khoa Sài Gòn từ năm 1967 - 1974; cải tổ ngành Nha khoa và Dược khoa từ năm 1966 - 1973,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2673, 3675, 1732, 16257, 16919, 3411.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3387, 3640, 3853, 6259.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9541, 10437, 31355, 29765, 31137.

- Phòng Bộ Công chánh: 1479.

- Phòng Bộ Y tế: 073, 27, 3148, 3356, 3840, 4506, 4512, 646, 4004, 4368.

- Phòng Bộ Y tế - Xã hội và Thương binh: 60, 40, 42, 183.

- Phòng Bộ Lao động Thương binh Xã hội: 39, 2700.

• ***Nguyễn Marshall Thanh Vân***

Tổ chức tự nguyện và từ thiện ở Sài Gòn

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hội Hướng đạo Việt Nam xin Tổng thống bảo trợ cho Trại Hóp bạn năm 1974; các hiệp hội, tổ chức xin trợ giúp để xây cất cơ sở và hoạt động từ năm 1970 - 1974; Hội “Anh quốc Bảo trợ Nhi đồng” đề nghị lập tại Sài Gòn một trung tâm chỉnh hình cho các trẻ em bị liệt, hoạt động của Tổng hội Sinh viên từ năm 1968 - 1971; danh sách các cơ quan từ thiện xã hội; thỏa ước, dự án giữa Chính phủ VNCH và các cơ quan cứu trợ xã hội quốc tế, thỏa ước về chương trình trợ giúp công tác xã hội VNCH của Hội Hồng Thập tự Tân Tây Lan và Thụy Sĩ từ năm 1966 - 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4842, 4984, 4985, 4987, 4988, 5559, 6579.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3768, 4014, 4277, 4274, 4342, 4255, 4161, 4429.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4353, 29870, 29832, 29651, 29881, 29954, 29983, 29890, 29346, 29472.

• ***Trần Thị Vui***

Vấn đề y tế đối với phụ nữ (từ năm 1960 - 1975)

Tài liệu của Tổng thống VNCH, Bộ Y tế và các ty y tế tỉnh

có nội dung liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy Trường Cán sự Y tế và Điều dưỡng, Trường Nữ công Quốc gia tại Sài Gòn, Huế, Hà Nội từ năm 1952 - 1963; nguyên tắc về việc nghỉ hộ sản của nữ công chức từ năm 1956 - 1965, ấn định quy chế riêng cho ngạch nữ phụ tá xã hội, nữ cán sự xã hội năm 1956 - 1957, phân tách hai phần việc các chức vụ nữ hộ sinh trưởng tại Ty Y tế và nữ hộ sinh Trưởng phòng Dịch vụ Hộ sinh Bệnh viện từ năm 1964 - 1967.

- Phòng Bộ Y tế: 3107, 3116, 3118, 3121, 3135, 3136, 3137, 3159, 3163.

4. Dân cư, lao động

- ***Phạm Văn Hoàng***

Sự hình thành phát triển của cộng đồng người Hoa tại Việt Nam

Đề tài tài liệu tác giả sử dụng là các biên bản, báo cáo của Sở Thương chánh Sài Gòn, sưu tập sách bổ trợ,... có nội dung liên quan đến vấn đề nhập cảng hàng hóa người Hoa ở Thương cảng Sài Gòn - Chợ Lớn; thỏa ước hợp tác kinh tế - kỹ thuật Hoa Việt năm 1960; hội người Hoa tại Sài Gòn.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1862, 1000, 629, 1959, 1960, 2517, 7132, 14171.

- Sưu tập sách bổ trợ: VN.169, VN.171, VN.176, VN.177.

- ***Amanda Jean Chapman Boczai***

Miền Nam VNCH: Phụ nữ, chiến tranh, văn hóa và những việc ngoại giao (từ năm 1965 - 1975)

Tài liệu được khai thác thuộc các phòng như Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Y tế, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa

Kỳ (USAID),... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chỉ thị hướng dẫn của USAID về các chương trình viện trợ cho các ngành Nông nghiệp, Công nghiệp, Y tế và các chính sách quốc gia từ năm 1966 - 1973, tình hình kinh phí Quỹ đặc biệt cứu trợ trong chương trình huấn luyện phụ nữ của Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ từ năm 1966 - 1968; bài trừ nạn số đười, mại dâm tại các tỉnh miền Trung Nam phần từ năm 1968 - 1973; tổ chức bộ máy và nhân sự của Ủy ban bài trừ Tệ đoan xã hội, mại dâm, ma túy từ năm 1955 - 1974; tiểu sử và hoạt động của một số nhân vật quan trọng của Hoa Kỳ từ năm 1972 - 1975; hoạt động từ thiện của Hội Phụ nữ Việt Nam Phụng sự Xã hội,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1330.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2513, 1330, 16921, 29839.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1131, 3166, 3815, 5341, 5531, 5905, 6000, 6633, 31232.
- Phòng UBLĐQG: 353, 476.
- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 1875.
- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID): 12, 227, 2064, 4776, 4777.
- Phòng Bộ Xã hội Khẩn hoang Lập ấp: 16.
- Phòng Bộ Y tế: 293.
- Sưu tập tài liệu ghi âm: 058-04.

• ***Nguyễn Thị Tâm Anh***

Cộng đồng người Việt ở Campuchia

Độc giả khai thác các tài liệu liên quan đến những vấn đề như: đại diện Chính phủ Cộng hòa Việt Nam ở Cao Miên, thiết lập Tòa đại sứ VNCH tại Phnompenh năm 1970, xây cất hệ thống

phòng thủ cho trụ sở sứ quán VNCH tại Phnompenh năm 1973, Cộng hòa Khmer xin thiết lập lãnh sự quán tại Châu Đốc và Ban Mê Thuột; tình hình Cambodge, những vấn đề khác như người Việt gốc Miên, tìm hiểu về Cambodge, Việt kiều ở Cambodge.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 518, 7073B, 158, 7064B, 4932.

- Suu tập sách bổ trợ: VN.3513, VN.3514, VN.3515, VN.3516; VV.3804.

- ***Trương Huyền Chi***

Di dân Bắc Nam và ngành cao su ở Sông Bé cũ

Tài liệu là các báo cáo về tình hình hoạt động của các khu dinh điền ở các tỉnh; báo cáo của Chủ tỉnh Phước Long về thực hiện chương trình và dự án phát triển tỉnh; công cuộc định cư định canh của đồng bào Thượng của Chính phủ VNCH.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 824, 972, 1485, 7221, 4727, 103, 4727, 8177, 9341, 9682, 15424, 48048.

- Suu tập sách bổ trợ: VV.700, VV.708, VV.710, VV.1533, VV.3488, VV.4991.

- ***Nguyễn Đệ - Phan Nguyễn Trung Minh***

Người Hoa ở Nam Bộ

Độc giả khai thác các sách bổ trợ như: điều tra dân số năm 1970, dân số Việt Nam theo đơn vị hành chính trong năm 1964 - 1965, điều tra dân số tại Sài Gòn năm 1967; niên giám thống kê Việt Nam năm 1964 - 1965, Việt Nam niên giám thống kê năm 1958 - 1959, Việt Nam niên giám thống kê năm 1954 - 1955, thống kê niên giám Việt Nam từ năm 1949 - 1950. Bên cạnh đó, tài liệu của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp về việc nhập Việt tịch cho người Trung Hoa năm 1956 cũng được khai thác.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4504.

- Suu tập sách bổ trợ: VV.295, VV.297, VV.303, VV.312, VV.320, VV.325, VV.331, VV.341, VV.342, VV.343, VV.344, VV.345, VV.346.

- ***Trương Võ Anh Giang***

Thanh Nga và những chuyện khác

Tài liệu là các phiếu trình của Võ phòng, Cục An ninh Quân đội. Ngoài ra còn có các tập cắt báo Hòa Bình, Đuốc Nhà Nam, Sóng Thần, tập bản tin của Việt Nam Thông Tấn Xã. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cái chết của Đại tá Phạm Ngọc Thảo năm 1971; các bí mật của lịch sử Việt Nam từ năm 1954 - 1971, 15 năm chiến tranh Việt Nam từ năm 1954 - 1968; hoạt động của Đảng Nguyễn Long Châu, Đảng “Nhân dân”, “Việt Nam Quốc dân Đảng” năm 1957, khám phá cơ sở Đảng “Nhân dân” tại Sài Gòn, cách mạng ngày 01/11/1963 và chánh biến ngày 30/01/1964; địa điểm VC làm trại giam Hoa Kỳ; khám phá và xét xử vụ VC Nguyễn Văn Hai can tội ném chất nổ vào cửa Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn ngày 30/5/1965, cuộc đảo chánh ngày 12, 13/9/1964, biến cố chánh trị ngày 20/12/1964.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1524, 4904.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15011, 15046, 15048, 15254, 15333, 15149, 15235, 15290, 15317, 15405, 15406, 15431.

- Phòng Bộ CC>: 573, 1800, 1802, 4204.

- Suu tập sách bổ trợ: TC.3505, TC.3521, TC.3555, TC.3561, TC.3572.

- ***Trịnh Minh Hiếu***

Thoại Ngọc Hầu với công cuộc khai phá An Giang (từ năm 1960 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc khai thác thủy lợi kênh Vĩnh Tế, quận Châu Đốc và Tịnh Biên (An Giang) từ năm 1960 - 1962, dự án đào kênh nối liền từ kênh Vĩnh Tế đến kênh Tri Tôn năm 1963, lịch sử, điều kiện tự nhiên, xã hội tỉnh An Giang năm 1969 - 1970.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 15277, 15930.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 118.

• ***Nguyễn Thị Quỳnh Hoa***

Đóng góp của phụ nữ Sài Gòn - Gia Định trong kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị quyết, công văn, thông tư, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Nha Cảnh sát, Ủy ban Phụ nữ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Vinatefinco xin điều chỉnh lương bổng ngày 28/12/1963, bản thỏa hiệp thứ hai phiên hòa giải ngày 22/02/1964 về vụ tranh chấp Vinatexco, tranh chấp và đình công của công nhân hãng Vinatexco và Vinatefinco, hoạt động CS của bà Ngô Thị Thanh Vân - Chủ tịch “Ủy ban Đòi quyền sống phụ nữ”, nghị quyết của phong trào phụ nữ Liên đới Việt Nam, huấn luyện bán quân sự cho phụ nữ, biểu tình chống Phật giáo của đại diện thương phế binh và cô nhi quả phụ toàn quốc năm 1963, bà Ngô Bá Thành xin thiết lập Viện Pháp học đối chiếu từ năm 1955 - 1959, thiết lập khu huấn luyện cán bộ phụ nữ tại Thị Nghè năm 1961 - 1962...

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: B6-130, B6-139.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1144, 2441, 7420, 7421, 8515, 16060, 16268, 17664, 16220, 17887, 17639.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18525, 29634, 29364, 29811.

- ***Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bạc Liêu***

*Lịch sử Hội Nông dân và giai cấp nông dân tỉnh Bạc Liêu
(từ năm 1927 - 1975)*

Các hồ sơ được khai thác như: quy định về cải cách điền địa, hoạt động cải cách điền địa, vấn đề thu mua, tồn trữ lúa gạo, Luật Người cày có ruộng, khai thác các ruộng đất bỏ hoang, truất hữu ruộng đất và Dự số 57.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1169, 1254, 22351, 22352, 22354, 28198.

- Suru tập công báo: J.509-J.522, J.563-J.570.

- ***Khuất Thu Hồng - Lê Bạch Dương - Nguyễn Thị Văn
- Nguyễn Thị Xuân Hương - Đinh Thái Sơn -
Nguyễn Lan Phương***

Phụ nữ - Dân số kế hoạch hóa gia đình - Giáo dục

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Bộ Quốc gia Giáo dục,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục; luật cấm tảo hôn, bỏ chế độ đa thê và thiết lập quỹ hỗ trợ dành riêng cho Bộ Quốc gia Giáo dục năm 1957; tổ chức trường theo hệ thống 12 lớp năm 1969 - 1970, chương trình mở trường mở lớp trung học từ năm 1958 - 1974, cải tổ chương trình trung học, mở hợp thức hóa, dời địa điểm các trường trung học bán công từ năm 1960 - 1962; công tác giáo dục ở bậc tiểu học, bổ dụng nhập ngạch các giáo chức tiểu học năm 1956 - 1957; ban hành chương trình dạy thổ ngữ lớp vỡ lòng, 1, 2 cho học sinh sắc tộc; tổ chức của Nha Tổng Giám đốc trung tiểu học và bình dân giáo dục từ năm 1958 - 1972; tổ chức Nha Học chánh Nam phần, Trung phần và các khu học chánh từ năm 1958 - 1973.

Ngoài ra, nhóm độc giả còn khai thác một số sách bổ trợ như: công báo VNCH từ năm 1969 - 1973; hiện trạng nền giáo dục QGVN, hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục từ niên học 1954 - 1961, thực trạng chính sách và kế hoạch phát triển nền đại học, kế hoạch phát triển nền giáo dục quốc gia, dự án chính sách văn hóa - giáo dục; văn hóa giáo dục miền Nam đi về đâu, kiểm khảo và hoạch định về nền giáo dục trung học tại miền Nam Việt Nam; hiến chương giáo dục năm 1973, những vấn đề văn hóa - giáo dục và xã hội; dự luật về quy chế tư thục trong tiểu học.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 3234, 9947, 9283, 4668.

- Thông Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên: 365, 370, 375, 413, 416, 426, 730, 1496, 1506, 1684, 1685, 1689, 1692, 1694, 2214.

- Suu tập công báo: J.491, J.496, J.497, J.507, J.509, J.510, J.513, J.526, J.521, J.540, J.541, J.542, J.544, J.545, J.546, J.547, J.549, J.551, J.552, J.563, J.564, J.576, J.577, J.578, J.579, J.595, J.598.

- Suu tập sách bổ trợ: VV.2422, VV.2423, VV.2424, VV.2428, VV.2429, VV.2835, VV.2410, VV.2419, VV.2417, VV.2420, VV.2452, VV.2433, VV.2443, VV.2446, VV.2440, VV.3032, VV.3034, VV. 2170, VV.2169, VV.2418, VV.2408.

• ***Jason Picard***

Người Bắc di cư vào Nam và người tập kết ra Bắc

Tài liệu là các công văn, công điện, phúc trình của ông Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Dinh điền. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động tại khu định cư Cái Sắn năm 1957; lập làng cho đồng bào Bắc Việt

di cư và thiết lập các trại định cư tại Ban Mê Thuột năm 1955 - 1956, các trại định cư tại Đà Lạt, Buôn Mê Thuột, Pleiku năm 1956; hoạt động tại khu định cư La Ngà năm 1956; ruộng đất bỏ hoang gần trại định cư Bình Giả tỉnh Bà Rịa năm 1955 - 1956, địa phương hóa các trại định cư năm 1956 - 1957; mua nông cụ cơ giới để phân phối cho các vùng định cư do viện trợ của nước ngoài năm 1957...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 10005, 10010, 10011, 10012, 10013, 10014, 10015, 10016, 10031, 10095.

- ***Trịnh Thị Mai Linh***

Người Hoa ở Đồng Nai (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu chủ yếu được khai thác là các báo cáo, công điện, hồ sơ về hoạt động hàng tháng của tỉnh Biên Hòa, tình hình an ninh ở Biên Hòa; mở trường cho học sinh Hoa Kiều; hoạt động của Hoa Kiều như mua bất động sản, di tản, kinh doanh các ngành nghề, hoạt động lũng đoạn nền kinh tế; chương trình, biện pháp, quy định về quản lý Hoa Kiều.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 30, 72, 120, 187, 296, 582, 4183, 4842, 4918, 4988, 5352, 5591, 6090, 6647, 6648.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2402, 2523, 2893, 2915.

- Sưu tập công báo: BV1.1, BV.2, BV1.3, BV1.25, BV1.36, BV1.46.

- ***Nguyễn Phi Vân Evelyne***

Những người Bắc di cư tại miền Nam Việt Nam (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, công điện, tờ trình, bản tin của Phủ Tổng thống, Văn phòng Quốc trưởng Phủ Thủ tướng,

Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế, Phủ Tổng ủy di cư Tỵ nạn và các bộ khác. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức của Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn năm 1954 - 1955; cuộc mít-tinh biểu tình phản đối Chính phủ của đồng bào Công giáo tại Sài Gòn và các tỉnh Vùng I Chiến thuật năm 1964; lạc quyền để trợ giúp các công chức Bắc Việt di cư vào Nam năm 1954; hoạt động của khối Công giáo từ năm 1968 - 1974, hoạt động của Thiên Chúa giáo từ năm 1965 - 1975; tình hình định cư của đồng bào tỵ nạn cao nguyên miền Bắc tại Đại xã Tùng Nghĩa (Đà Lạt) năm 1954 - 1955; chương trình tập trung dân tỵ nạn và những khó khăn về tài chính năm 1955, lập trường chính trị của khối Công giáo Việt Nam năm 1968, cấp kinh phí thực hiện chương trình định cư vùng U Minh Thượng năm 1956.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4415, 4418, 4423, 4436, 4438, 4440, 4457, 4465, 4398, 4399, 4400, 4401, 4405, 4410.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 29683, 31513, 31270, 30231, 31504, 31518, 29387, 29398, 32584.

• ***Nguyễn Thị Tuyết Thanh***

Tìm hiểu cuộc di cư và định cư của đồng bào Công giáo Bắc Kỳ vào khu Hồ Nai (từ năm 1954 - 1963)

Đề tài khai thác là các sắc lệnh, nghị định về tổ chức thôn xã, ấp, hành chính của Bảo Đại, Ngô Đình Diệm; công tác từ thiện, cứu tế, trợ cấp xã hội; cho phép đồng bào di cư khai thác phá rừng để định cư; đọc các hồ sơ về tỉnh Biên Hòa như hành chính, xây dựng, địa giới, tổ chức, các hoạt động của tỉnh, an ninh chính trị của tỉnh, các tờ trình nguyện đề A và B; hồ sơ về các trại định cư, vấn đề đồng bào Bắc Việt di cư, chính sách của Hoa Kỳ, viện trợ của Hoa Kỳ, cứu giúp các đồng bào di cư.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4435, 4437, 4438, 4439, 4444, 4934, 4935, 4950, 5352, 9489, 9495, 10849, 10850.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 30, 581, 582, 72, 10850, 3024, 4438, 4448, 10851, 9495, 10848, 14753, 14754, 14755, 14757, 14759, 14760, 18738, 29129, 29130.

- ***Nguyễn Hồng Thắng***

Di dân và định canh, định cư (từ năm 1954 - 2000)

Tài liệu là các công điện, công văn của Phủ Tổng thống, Bộ Kinh tế, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt, Phủ Tổng ủy Dinh điền. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: di dân đến các địa điểm dinh điền tại cao nguyên Trung phần năm 1959, vấn đề di dân ở các tỉnh miền Tây Nam phần năm 1959, về việc tìm cách tránh xích mích đồng bào Thượng và biện pháp áp dụng đối với đồng bào di dân trốn về nguyên quán năm 1958 - 1959, chương trình di dân và các đợt di dân năm 1958 - 1959, về việc tổ chức di dân, định cư đồng bào tại các địa điểm dinh điền năm 1957 - 1958, tập bản tin của ký giả Beverly Depe về thất bại của chính quyền Diệm trong việc di dân lập ấp đối với người Thượng năm 1962 - 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 11784, 12632, 12631, 12630, 12638, 12640, 15870, 19543.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 10889, 12637, 12633, 13510, 14329.

- ***Nguyễn Thái Thuận***

Tổ chức công đoàn và phong trào công nhân

Tài liệu được tác giả sử dụng gồm các nội dung: báo cáo về quy chế hoạt động của các nghiệp đoàn; bản tuyên ngôn của thanh niên trí thức Việt Nam đăng trong báo chí năm 1957; hữu sản công nhân xích lô máy năm 1964; tình trạng công nhân sau

Hiệp định Genève; đình công tại Nhà máy Xi măng Hà Tiên; vấn đề thất nghiệp tại Việt Nam và phương pháp giải quyết.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1722, 1822, 5006, 5470, 5007, 9866, 10343, 10355, 13545, 13809.

• ***Nguyễn Thị Thanh Vân***

Quá trình lịch sử hình thành, phát triển vùng đất và con người tỉnh An Giang

Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Hội đồng An ninh và Phát triển, Hội đồng Bình định và Phát triển, tỉnh An Giang, Nông gia Nghiệp đoàn tỉnh An Giang. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lịch sử, điều kiện tự nhiên và xã hội tỉnh An Giang năm 1969 - 1970, tổng kết dân số xã, ấp trong tỉnh An Giang năm 1972, về việc truất hữu, tái canh ruộng đất quận Núi Sập năm 1958, cấp ngân khoản cho tỉnh An Giang xây cất tu bổ các khu trù mật Ba Chúc và Ba Thê năm 1960, tổ chức nhân sự tại tỉnh An Giang từ năm 1956 - 1963, tỉnh An Giang xin cấp ngân khoản để tái thiết trục giao thông Long Xuyên - Núi Sập, Tân Châu - Hòa Hảo năm 1964, kế hoạch gia đình sản xuất của tỉnh An Giang năm 1974,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 11850, 12972, 15843, 18913, 21516, 22131, 2708, 3064.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 118, 160.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 21642, 391, 771, 5014, 15878, 15977, 16255, 16798, 16895, 17487.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1869, 1972, 2316, 866, 2377, 479, 2199, 2242, 2312, 2315.

- Phòng Bộ CC>: 10315, 10316, 11469, 11677, 11696, 11861, 8425.

- **Nguyễn Thị Thanh Vân**

Quá trình hình thành các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Tp. HCM - Nghiên cứu trường hợp người Hoa

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, tờ trình, tập bản tin, báo cáo của Tổng thống VNCH, Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc gia Giáo dục, Nha Sự vụ Trung Hoa, Nha Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: giải tán các lý sự hội quán Trung Hoa và các bang Á Kiều từ năm 1958 - 1960, về việc Hoa kiều đập phá Sứ quán Trung Hoa sáng ngày 04/4/1957, kiểm tra ngoại kiều trên lãnh thổ Việt Nam năm 1956 - 1957, ấn định vùng xung yếu cấm ngoại kiều lai vãng năm 1959, tình trạng các trường Hoa kiều ở Việt Nam từ năm 1950 - 1956, về việc Trung cộng xúi dục Hoa kiều tại Sài Gòn - Chợ Lớn làm lung đoạn nền kinh tế Việt Nam và bài báo “Ông Diệm tấn công người Hoa” đăng trong báo “The Economist” năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 909, 1973, 3546, 4918, 6810, 10498, 11815, 13074, 13602, 14666, 14748, 15694.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 17256, 17268, 17616, 18368, 18370, 19664, 20719, 21362, 22643, 30814, 32298.

5. Hệ thống đề điều, giao thông công chánh và công trình kiến trúc

- **Nguyễn Thị Hương Giang - Phạm Thị Thúy Lành**

Tài liệu, hình ảnh liên quan đến Dinh Độc Lập, các đời Tổng thống VNCH từ năm 1954 - 1975

Tài liệu được khai thác liên quan đến các vấn đề như: Thiệu tướng Nguyễn Cao Kỳ thiết tiệc nhân dịp dọn về Dinh Độc Lập ngày 20/12/1966; các hoạt động của Phó Tổng thống Nguyễn

Cao Kỳ diễn ra tại Dinh Độc Lập; kê khai chi tiêu của văn phòng Tổng thống Phủ nhân năm 1973 - 1974, các hóa đơn liên quan đến việc xây dựng, chỉnh trang và vận hành Dinh Độc Lập; danh sách nhân viên thuộc Sở Nội dịch Phủ Tổng thống, việc mang thẻ kiểm soát ra vào Dinh Độc Lập năm 1973,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 229, 225, 226, 228, 619, 613, 615, 3157, 3167, 3147.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1690, 429.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 1868, 1885, 1773, 1834, 1802, 1817, 1934, 1935, 2053, 2049, 2336, 2603.

• **Bùi Thị Thu Hà**

Bưu chính viễn thông (từ năm 1861 - 1975)

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ GT&BD, Bộ GTCC,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: liên lạc điện tín, điện thoại, thay số điện thoại; trao đổi về các hoạt động bưu chính viễn thông; thiết lập tại Vũng Tàu vệ tinh viễn thông; nhu cầu lắp đặt điện thoại từ năm 1966 - 1975, lắp đặt điện thoại tại các cơ quan, chính quyền năm 1975; hoạt động hai năm 1970 - 1971 của Bộ Công chánh GT&BD; tham dự hội đồng thường niên của Công ty Viễn thông Việt Nam, đại hội thường niên của Công ty Việt Nam viễn thông năm 1960; dự án thiết lập tại Việt Nam hệ thống viễn thông tối tân; khánh thành trung tâm điện thoại tự động tại Chợ Lớn; sửa đổi quy chế điện tín nội xứ.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 10743, 10745, 11652, 13365, 13367, 13368.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 785, 1009, 18671, 20953, 21460, 29049, 29050, 29054, 29056, 29057, 29058.

- **Phạm Hoàng Hải**

Sưu tập Bản đồ tổng thể phi trường Đà Lạt - Liên Khương

Tài liệu là các bản đồ và thông tin có liên quan đến sân bay Liên Khương, với các nội dung như: sáp nhập sân bay Liên Khương vào thành phố Đà Lạt từ năm 1951 - 1956, về việc thiết lập và sửa chữa các phi trường các tỉnh Trung nguyên Trung phần từ năm 1959 - 1960, về việc thiết lập, xây cất phi trường tại các tỉnh Cao nguyên Trung phần năm 1963, về việc lắp đặt hệ thống vô tuyến sân bay Liên Khương, về việc cải tạo, mở rộng sân bay Liên Khương - Đà Lạt năm 1949, sửa chữa phi trường Liên Khương - Đà Lạt thành phi trường quốc tế từ năm 1959 - 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 9925, 13346, 13345, 15076.

- Phòng Bộ CC>: 10530, 9993, 9994, 10065, 6317, 9805, 10072, 10529.

- **Nguyễn Thị Hương**

Vai trò của ga Sài Gòn (từ năm 1945 - 1975)

Tài liệu là các công văn, báo cáo, phiếu trình của Phủ Thủ tướng, Bộ Kế hoạch và Phát triển Quốc gia, Bộ Công chánh, Bộ GT&BD. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chương trình, kế hoạch hoạt động (từ năm 1972 - 1975) của Bộ GT&BD, tổ chức Ủy ban Điều hành đường thủy, đường bộ và luật lệ hộ tổng tàu xe trên đường thủy, bộ từ năm 1950 - 1954, lương bổng nhân viên tòng sự tại Nha Hàng không Thương vụ và nhân viên Pháp tòng sự tại Sở Hỏa xa năm 1954 - 1955, mở lại các chuyến xe lửa từ Sài Gòn - Mỹ Tho năm 1951, giá biểu vé hành khách, hành lý và hàng hóa đại tiểu tốc trên cung đường Sài Gòn - Đà Lạt, Sài Gòn - Nha Trang, Sài Gòn - Huế năm 1951, đình công tại xưởng hỏa xa Sài Gòn và Dĩ An năm 1955 - 1956.

- Phòng Bộ CC>: 9303, 9304, 9336, 9338, 9449, 9485, 9560, 9670.

- **Kevin Li**

Lịch sử đô thị hóa Sài Gòn (từ năm 1945 - 1975)

Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Phủ Thủ hiến Nam Việt, Tòa Đại biểu Chính phủ và các tỉnh, Nha Tổng Giám đốc Kiến thiết và Thiết kế Đô thị. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: đổi tên đường ở Sài Gòn - Chợ Lớn từ năm 1950 - 1955; xây dựng nhà khu Tân Định - Sài Gòn từ năm 1955 - 1958; công tác lấp trũng vùng Trần Hưng Đạo và các vùng khác trong đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1956 - 1957; mở thêm đường từ Sài Gòn - Chợ Lớn ra các tỉnh miền Đông và miền Tây năm 1955 - 1956; quy định việc thiết lập các đồ án tu chỉnh, khuếch trương và mỹ thuật hóa đô thị từ năm 1951 - 1955; hoạt động tại thương cảng Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1954 - 1955.

- Phòng Bộ CC>: 7601, 7606, 7613, 7614, 7639, 7640, 7641, 7649, 11001, 11002, 11003.

- **Phạm Thị Thúy Lành**

Dinh Độc Lập trước và sau năm 1975

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Anh, Báo Điện tín, Việt Tân xã,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tuyên thệ nhậm chức của Tổng thống ngày 31/10/1971; hoạt động của Thủ tướng Chính phủ Trần Văn Hương năm 1971; tiểu sử và hoạt động của Phó Thủ tướng VNCH và phu nhân từ năm 1970 - 1974; tiểu sử các quan chức VNCH từ năm 1969 - 1975; dư luận báo chí Anh quốc đối với Việt Nam từ ngày 14 - 21/3/1975; sửa đổi thành phần Ủy ban Tiếp nhận công tác trang trí Dinh Độc Lập năm 1966; tổ chức Chính phủ Nguyễn Khánh năm 1964; tổ chức Chính phủ Phan Huy Quát năm 1965; tổ chức Chính phủ Trần

Văn Hương từ năm 1964 - 1965, 1968 - 1969, tổ chức Chính phủ Ngô Đình Diệm, tổ chức Chính phủ lâm thời Nguyễn Ngọc Thơ năm 1963 - 1964, tổ chức Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ từ năm 1965 - 1967, tổ chức Chính phủ Nguyễn Văn Lộc năm 1967 - 1968, tổ chức Chính phủ Trần Thiện Khiêm từ năm 1969 - 1975; di chuyển các cơ quan Phủ Thủ tướng sang Dinh Norodom năm 1954 - 1955, di chuyển các cơ quan đến trụ sở Phủ Thủ tướng tại số 7, đại lộ Thống Nhất từ năm 1963 - 1965, di chuyển các cơ quan về Dinh Độc Lập từ năm 1965 - 1967; thành phần Chính phủ, lễ kỷ niệm ngày thành lập Nội các; các phiên họp Hội đồng Nội các.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 745, 746, 747, 748, 749, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1252, 1442, 1696, 1918, 566, 3688, 3805, 3814, 3823, 3914, 3915, 3916, 4148, 4260, 4261, 4262, 4625, 4626, 5306, 5403, 5404, 5456, 5457, 5458, 5460, 5770, 5771, 5772, 5775, 6099, 6100, 6101, 6102, 6936, 11306, 11721, 11852, 12453, 12744, 15046.

- ***Võ Thị Mẫn***

Nguồn gốc ngành Điện phía Nam trước ngày 30/4/1975

Tài liệu là các phiếu trình, báo cáo, công văn, nghị định, sắc lệnh, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ CC>,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: xây cất cơ sở tại Thủ Đức thuộc công trình Đa Nhim; cho phép Quốc gia trùng tu Điện lực cuộc thiết lập và khai thác Nhà máy Nhiệt điện cho vùng Sài Gòn; khởi công thực hiện thiết lập tuyến phân phối điện vùng Sài Gòn và phụ cận; ông Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện nước Đông Dương từ chức và đề nghị phái đoàn viện trợ Pháp giúp một chuyên viên nghiên cứu điện lực tại Việt Nam năm 1960; sửa đổi thành phần Hội đồng Quản trị và cho phép các nhà máy điện gia

nhập Quốc gia Trùng tu Điện lực cuộc năm 1960; kiến tạo đập thủy lợi Đa Nhim năm 1960, xây dựng đập Đa Nhim năm 1960, xây cất công trình Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, huấn từ Tổng thống nhân dịp Lễ khởi công; thiết lập Nhà máy Thủy điện Phước Long năm 1962; thiết lập nhà máy nhiệt điện, đường dây cao thế, trạm biến điện cho các vùng tại Sài Gòn năm 1962; hoạt động của các ngành Điện lực năm 1962; thỏa ước vay tiền giữa Chính phủ Việt Nam và ĐLF dùng vào công tác lập Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức năm 1961; Công ty Thủy điện CEE xin chuyển ngân và sửa đổi giá cả từ năm 1959 - 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 13379, 13381, 13382, 13383, 13916, 13917, 13919, 14260, 14261, 14262, 14263, 14264, 14265, 14267, 14268, 15110, 15111, 15114, 16506, 16507, 17126.

- **Lê Văn Năm**

Phát triển không gian đô thị của Sài Gòn - Tp. HCM thể hiện qua các sưu tập bản đồ từ thế kỷ XVIII đến năm 2005

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, phúc trình, biên bản và một số loại tài liệu khác của Tổng thống Phủ, Bộ Nội vụ, Hội đồng Đô thành Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức quản trị đô thành Sài Gòn, phân chia ranh giới các quận trong đô thành Sài Gòn, đuổi chợ Gaudot, đặt tên đường trong đô thành, về việc cấp nhà lá không phép trong lòng đường và lề đường tại đô thành, về việc tháo dỡ các khu nhà lá tại Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1954, về việc giải tỏa dân số đô thành năm 1956, quy định về việc hạn chế xả nước máy ở đô thành năm 1958,...

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D98-280, D81-52, H37-58, H81-49, J.7-35, J.7-42, E90-18, E92-48, E02-122, E03-99.

- **Nguyễn Thị Thanh Nga**

Kiến trúc đô thị Sài Gòn thời Pháp, Mỹ

Tài liệu là các bản tin, phiếu trình, báo cáo, nghị định, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Kiến thiết và Thiết kế Đô thị, Việt Tân xã,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kiến thiết và thiết kế đô thị năm 1962 - 1963; thay đổi danh từ “đô thành”, “thành phố”, “thị xã”; hoạt động của Nha Quốc gia Du lịch; giữ yên tĩnh trong đô thị Sài Gòn từ năm 1953 - 1958; tổ chức Bộ Kiến thiết và Thiết kế đô thị từ năm 1956 - 1962; tái thiết Dinh Độc Lập.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 11315, 11578, 11673, 12197, 15674, 18356, 19272.

- **Quách Huyền Nga**

Tài liệu liên quan đến Dinh Độc Lập - Chế độ VNCH

Nội dung tài liệu liên quan đến vấn đề chuyển giao Dinh Norodom về Chính phủ Việt Nam năm 1954; quốc kỳ và quốc thiều Việt Nam; kiểm soát ra vào Dinh Độc Lập; tuyên bố của Thủ tướng về Hiệp định Genève 1954; hiệu triệu quân sỹ của Ngô Đình Diệm về việc chia sẻ đất nước năm 1954; thiết lập các khu quân sự tại các vùng chiến lược trọng yếu; Hội trợ kinh tế và quốc phòng Việt - Mỹ năm 1967; thành phần Chính phủ Trần Văn Hương, tổ chức Phủ Thủ tướng ĐICH, Phủ Tổng thống và Phủ Phó Tổng thống VNCH năm 1967 - 1968.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 161, 330, 804, 1329, 1332, 1334, 14653, 14777, 5498, 5715, 7652, 7653, 7157, 7158, 6084, 14441, 14118, 14122.

- **Trần Thị Nhung**

Ảnh hưởng của chiến tranh đến quá trình đô thị hóa Sài Gòn - Gia Định

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định của Tổng thống, Thủ tướng, Bộ Quốc phòng và các bộ khác về hoạt động của Bộ Quốc phòng, Nha Địa dư quốc gia; kế hoạch phòng thủ đô thành; giải tỏa các khu dân cư trong đô thành; trưng dụng, mua bán đất đai trong đô thành; lập hệ thống kiểm soát vành đai đô thành.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 437, 1097, 4089, 6288, 6950, 7753, 13252, 13282, 15676.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15277, 15856, 15388, 15452.

- **Dương Thị Cẩm Nhung**

Thành phố Hồ Chí Minh dưới góc nhìn của tài liệu lưu trữ

Tài liệu là các tập lưu công văn, tập bản tin của Văn phòng Tổng thống, Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lễ khánh thành Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn ngày 29/9/1967, tổ chức bộ máy và nhân sự của Phủ Tổng thống từ năm 1967 - 1972, nhật ký các ca trực năm 1968, các kế hoạch và chiến dịch năm 1968, biến cố Tết Mậu Thân năm 1968, vấn đề thanh niên chiến đấu từ năm 1963 - 1965, hoạt động của Phong trào sinh viên, học sinh Sài Gòn, miền Trung từ năm 1964 - 1968, tình hình an ninh tại Sài Gòn - Gia Định năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 271, 267, 276, 277, 278, 7422, 7441, 7413, 7477, 7489, 7808.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 6306, 5267, 16324, 16299, 15921, 29383, 29545, 29556, 29871, 30216, 30220.

- ***Pascal Bourdeaux***

Lịch sử Đà Lạt qua các loại bản đồ

Tài liệu là các bản đồ về thành phố Đà Lạt, tỉnh Tuyên Đức và các hoạt động liên quan qua các năm từ 1955 - 1971.

- Sưu tập bản đồ: 6983, 6642, 4430, 3204, 5969, 5970, 5971, 5972, 6176.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 4737, 2190, 2183, 2506, 3004, 2710, 3482, 4737.

- ***Vũ Thị Quyền***

Xây dựng bản đồ quy hoạch thực vật Thảo Cầm viên Sài Gòn

Tài liệu là các công văn và tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ TUĐĐ&NV, Bộ Canh nông, Nha Tổng Thông tin và Báo chí Việt Nam. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vườn Bách Thảo và Thảo Cầm viên năm 1955, về việc mua tặng thú cho Thảo Cầm viên, đổi voi của Thảo Cầm viên Sài Gòn lấy đà điều của Thảo Cầm viên Quezon (Phi Luật Tân) năm 1960, đại hội văn hóa toàn quốc tổ chức tại Viện Cognaeq (Thảo Cầm viên) năm 1956 - 1957, hoạt động của Thảo Cầm viên từ năm 1957 - 1962, kế hoạch thiết lập một Thảo Cầm viên mới tại khu Thanh Đa - Gia Định năm 1973, xây cất phòng học tại công viên Tao Đàn và Thảo Cầm viên Sài Gòn để giải tán lớp học ban trưa tại đô thành Sài Gòn từ năm 1965 - 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 9498, 9992, 10003, 13632, 14318, 16249, 22246.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3587, 7741.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 8496, 22459, 23630, 28642, 30629, 29705.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: T41-2231, T42-295.

- ***Nguyễn Thị Hồng Tâm***

Lập hồ sơ di tích quốc gia đối với Cụm bia chủ quyền đảo Song Tử Tây và đảo Nam Yết (huyện Trường Sa)

Tài liệu là các sắc lệnh, báo cáo, sưu tập bản đồ, bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng và các tỉnh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thanh tra các đơn vị quân đội năm 1956, công tác quân sự từ năm 1955 - 1959; hoạt động từ tháng 7 - 12/1956 của Bộ Kinh tế và các nha, sở trực thuộc, việc khai thác Côn Đảo và đảo Spratly năm 1956, danh sách các đơn vị hành chính Việt Nam, sưu tập bản đồ Nam phần Việt Nam, ấn định địa giới các tỉnh, các phần và tên gọi các miền lãnh thổ VNCH, cử phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị về Luật biển do Liên hiệp quốc tổ chức tại Caracas (Venezuela) năm 1974; hoạt động của Bộ Ngoại giao năm 1951.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1772, 1775.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2099.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 860, 1312, 4221, 9509, 9522.

- ***Nguyễn Văn Thủy - Phan Thanh Dân***

Di tích nhà tù Phú Lợi từ năm 1959 - 1964

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phản đối sự đầu độc tù chính trị phạm tại Phú Lợi năm 1959, về việc lực lượng bảo an thay thế quân đội tại Côn Sơn, Hoàng Sa, Phú Lợi, Tân Điền năm 1959, tình hình an ninh phòng thủ tại Trung tâm huấn chính Phú Lợi năm 1958, báo chí trong và ngoài nước viết về vụ đầu độc tù nhân tại Trung tâm huấn chính Phú Lợi, tỉnh Bình Dương năm 1959, bộ phòng Trung tâm cải huấn Phú Lợi năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2052, 5144, 5958, 7005, 8890.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 18717.
- Suu tập tài liệu ảnh: 1476, 1739.

- ***Đinh Thị Thanh Thủy - Trần Hạnh Minh Phương - Trần Thị Hạnh***

Bảo tàng Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh

Tài liệu liên quan đến lịch sử miền Nam từ năm 1954 - 1975, trọng tâm là những sự kiện lớn xảy ra tại Bảo tàng Cách mạng Tp.HCM như: hướng dẫn quan khách vào dinh Gia Long; An ninh; chào cờ, sửa chữa Dinh Gia Long; hoạt động của Văn phòng Tổng thống và các cơ quan trực thuộc Chính quyền VNCH từ năm 1956 - 1963;...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 05, 154, 194.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 110, 471, 488, 2217, 2218, 8945, 7902, 9021, 9307, 1426, 1753, 1075, 9228, 9498.

- ***Vũ Quốc Việt***

Công trình nâng cấp mở rộng quốc lộ 51

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thiết kế bản vẽ thi công nền, mặt đường, quá trình thực hiện dự án từ năm 1996 - 2000, các hợp đồng thi công, quyết định phê duyệt, biên bản bàn giao, hồ sơ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng.

- Phòng Quốc lộ 51: 1, 561, 562, 574, 577, 575.

- ***Nguyễn Thị Hoa Xinh***

Cảng Sài Gòn - nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước

Tài liệu là các sắc lệnh của Thủ tướng VNCH về việc tổ chức và ấn định quyền hạn của Nha Giám đốc Thương cảng Sài Gòn; về

thành lập Ủy ban Phối trí các thương cảng; về quản trị tất cả các thương cảng, các báo cáo của Tổng Nha Thương cảng Sài Gòn về các kho hàng và sức chứa của các kho hàng có tại các quận đô thành Sài Gòn.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 650-705, 6088.

- Suu tập công báo: J.421, J.446, J.447, J.490, J.522, J.523, J.529, J.549, J.565.

- ***Vũ Quốc Việt - Bùi Quang Huế***

Lộ giới quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc

Tài liệu độc giả sử dụng bao gồm: tài liệu thiết lập điều kiện sống chung áp dụng cho các công tác đo đạc và lập hồ sơ truat hữu đất đai trong lộ giới để canh tân kiều lộ năm 1972; đất thuộc khối công sản quốc gia; công điền công thổ; ấn định chiều rộng lộ giới và vùng bắt cấu trúc của các quốc lộ liên tỉnh lộ trên toàn quốc năm 1968 - 1969.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 298, 893, 5171, 8013, 8475, 13370, 13684.

- ***Tập đoàn Dầu khí Việt Nam***

Biên soạn lịch sử ngành Dầu khí Việt Nam

Các hồ sơ được khai thác như: dự án xây lắp bộ lọc dầu và sản xuất dầu tại Việt Nam năm 1960 của Công ty Shell V.N Standard Vacuum, dự án kỹ thuật xây dựng nhà máy phân bón, thiết lập nhà máy lọc dầu tại Việt Nam năm 1962, thiết lập nhà máy lọc dầu tại Nha Trang, phúc trình của Bộ Kinh tế về các vấn đề có liên quan đến lọc dầu, phân bón; ngoài ra, còn một số tài liệu liên quan về các lĩnh vực kỹ thuật, kiến thiết cũng được khai thác.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2530, 2531, 2532, 2671, 2674, 3047, 3046, 9358, 9383, 9423, 13217, 13219, 14087, 14091, 14093, 15621.

6. Tư tưởng, tôn giáo và văn hóa, nghệ thuật

• Nguyễn Thị Kim Vân

Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội ở Gia Lai - Kon Tum (từ năm 1945 - 1975)

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là các bản nghị định, sắc lệnh về việc thành lập các quận, đổi tên quận ở tỉnh Pleiku như quận Lệ Thanh, quận Thanh An...; các bản báo cáo, khảo sát về tình hình đồn điền cao su, chè tại Pleiku từ năm 1956 - 1960; báo cáo Chủ tỉnh Kon Tum về hoạt động định cư của đồng bào Thượng, về chính trị phạm vượt ngục; công tác thương vận; thiết lập phi trường; tổ chức thu thuế,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 342, 354, 356, 366, 364, 1299, 1304, 1420, 3436, 4181, 4481, 8129, 9465, 9473, 10009, 11512, 12185, 14239, 14826.

• Nguyễn Thanh Xuân

Đạo Cao Đài trước năm 1975

Tài liệu có nội dung liên quan đến: thể thức sáp nhập lực lượng Cao Đài và quân đội VNCH; hoạt động của các Cao Đài thống nhất và các chi phái khác; thỏa ước về đạo Cao Đài ở Tây Ninh; tình hình hoạt động của giáo phái Cao Đài từ năm 1955 - 1959.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 261.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 76, 920, 926, 938, 4006, 15510, 15429.

- ***Đinh Khắc An - Đinh Văn Hạnh - Nguyễn Đình Nam***

Lịch sử Báo Thừa Thiên Huế (từ năm 1930 - 2010)

Tài liệu là các công điện, báo cáo, biên bản, tờ trình,... của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Nha Vô tuyến truyền thanh, Nha Chiến tranh tâm lý, Nha Thông tấn và Báo chí, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra còn có các tập bản tin, báo cắt của các báo trong nước, thư từ của các cá nhân. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch đấu tranh trực diện của VC năm 1965 - 1966, góp ý về vấn đề chống Cộng năm 1954 - 1955; diễn tiến an ninh chính trị tại tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 1963 - 1967; bảo vệ an ninh cho các đài phát thanh, truyền hình năm 1968, hoạt động hàng tháng của tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 1957 - 1963; danh sách các báo bị cấm lưu hành năm 1957, khai thác báo chí VC năm 1957, đình bản một số báo chí từ năm 1960 - 1963, tịch thu và truy tố báo chí loan tin có hại cho an ninh từ năm 1969 - 1973.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 62, 105, 106, 171, 172, 284, 344, 393, 18375, 19855, 22453.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14775, 15636, 15647, 15956, 16068, 16067, 16196, 15647.

- Phòng Bộ CC>: 781.

- Sưu tập sách bổ trợ: VN.406.

- ***Phan Quốc Anh***

Lịch sử hình thành, phát triển Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn - Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh ngày nay

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hồ sơ tuyển sinh, tốt nghiệp của Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn năm 1970, sửa đổi nghị định tổ chức Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn năm 1970.

- Phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa: 52, 97, 122, 1401, 479, 480, 481.

- **Nguyễn Thị Hà Anh**

Chính sách văn hóa của chính quyền Sài Gòn từ năm 1965 - 1975

Tài liệu là các dự, báo cáo, phiếu trình và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Nha Văn hóa, Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chương trình hoạt động năm 1970 và báo cáo hoạt động từ tháng 01 - 12/1970 của Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa, công tác văn hóa từ năm 1968 - 1973, tổ chức kỷ niệm các ngày lễ từ năm 1967 - 1974, tổ chức và điều hành của Hội đồng Văn hóa Giáo dục từ năm 1967 - 1974, dự luật chính sách văn hóa, giáo dục của Hội đồng Văn hóa Giáo dục từ năm 1971 - 1975, các vấn đề văn hóa từ năm 1970 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3691, 4069, 3798, 4052, 3505, 6555.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3691, 7756a, 7759, 7763, 8730.

- Phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa: 18, 32, 5382.

- **Nguyễn Thị Hồng Cúc**

Lịch sử báo chí Sài Gòn (từ năm 1865 - 1975)

Tài liệu được khai thác có nội dung liên quan đến các vấn đề như: sự ra đời các tờ báo lớn ở Sài Gòn từ năm 1865 - 1975; hoạt động của các tờ báo lớn ở Sài Gòn (Liên hiệp hội Báo chí Bắc Việt, Tiếng dùi, Nhật báo thân chung, Việt Nam thông tấn xã, Cứu dân, Chuông rền, Tiền của hội Cao Đài, Bông lúa và Thời luận,...); chính sách của chính quyền miền Nam đối với hoạt động báo chí ở Sài Gòn; phong trào đấu tranh đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận.

- Phủ Thủ tướng VNCH: 1974, 4826, 5105, 5134, 5147, 7467, 7720, 7937, 7938, 8633, 8957, 9818, 9833, 10114, 10985, 11617, 12461, 12464, 11617, 14078, 14444, 14758, 15533.

• **Lê Cung**

Phật giáo Việt Nam

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các bộ khác. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Phật giáo tại các đô thị, đặc biệt là Huế, phong trào chống Chính phủ của Phật giáo, chính sách đàn áp của chính quyền đối với Phật giáo, hoạt động của các sinh viên ủng hộ Phật giáo chống chính quyền, VC lợi dụng Phật giáo chống chính quyền.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D635-157, D635-202, T10-555.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 8523, 8526, 8527, 8529, 8532, 8533, 8534, 8538.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 630, 1200, 1900, 3613, 4121, 4122, 4124.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 3019, 3022, 3319, 3320.

- Phòng Hội đồng QNCM: 187, 189.

- Phòng Ủy ban LDQG: 523, 524, 559, 560, 562.

• **Hà Thục Chi**

Tư tưởng yêu nước và xuất bản báo chí sách Việt Nam trong thế kỷ XX, đặc biệt giai đoạn 1945 - 1975

Tài liệu là các báo cáo, phúc trình, bản tin, báo cáo, ký sự, hồi ký của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, Nha Chính sách và Kế hoạch Kinh tế, Nha Tài vụ, Sở Tuyên truyền Phủ Cao ủy Pháp, Nha Thông tin Nam Việt,

các nhà xuất bản, hãng thông tấn, báo chí trong nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: viện trợ năm 1974 và triển vọng năm 1975, tổ chức giải thưởng văn học nghệ thuật từ năm 1967 - 1969, dự Luật Về quyền sở hữu văn học nghệ thuật năm 1975, vấn đề ty nạn và nạn nhân chiến tranh năm 1973 - 1974, Sắc luật về việc đình chỉ kiểm duyệt báo chí và tổ chức nền báo chí từ năm 1949 - 1964, Hội Nhà văn Việt Nam xin xuất ngoại thăm viếng, trao đổi văn hóa tại Gia Nã Đại, Thụy Sĩ, Pháp năm 1971, tình hình báo chí, thông tin, tuyên truyền, kiểm duyệt tuồng hát và sách báo năm 1950 - 1951, về biện pháp đối phó với công tác tuyên truyền của Việt Minh về Lệnh động viên trong giới sinh viên, học sinh năm 1954.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D01-67, D30-599, D69-38, E02-15, F7-51, F7-137, F7-178, R09-8, R3-84.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 474, 1299, 1519, 1522, 1531, 1727, 2858, 2945, 2946.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐHCH: 246, 3128, 3421, 3423, 3498, 3583, 3672, 3780, 3791, 3909, 3920, 4047.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29732, 30424, 30624, 30632, 30861, 30873, 31085, 31286.

- Phòng Nha Văn khố Quốc gia: 970, 1027, 1162, 1187, 1297, 1307, 1317, 1334, 1356.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 145, 1732, 2117, 2925, 3371, 4018, 4042, 4758, 4813.

- ***Hồ Sơn Diệp***

Trí thức Nam Bộ (từ năm 1945 - 1975)

Độc giả khai thác các tài liệu của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Hội đồng QNCM, Tỉnh giáo hội Phật giáo

Việt gốc Miên, Ủy ban TW chống chính sách nô dịch văn hóa ở miền Bắc, tỉnh Phú Yên, Gia Định. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Tổng thống Ngô Đình Diệm tiếp các thanh niên trí thức và kỹ thuật Việt Nam tại Dinh Độc Lập ngày 16/6/1956, hội thảo về “nhiệm vụ của người trí thức trong việc phát triển văn hóa” do Trung tâm Văn hóa Xã hội ASPAC tổ chức tại Taipei từ ngày 17 - 23/5/1972, hoạt động của phong trào trí thức công giáo Việt Nam năm 1968, tổ chức và hoạt động của Hội Trí thức Công giáo, Thánh Tin lành, Bảo trợ xã hội quân nhân Phật tử, Khổng học Việt Nam năm 1968, hoạt động chính trị của một số trí thức năm 1969, nhóm trí thức Việt Nam đề nghị thành lập “Liên bang các quốc gia Đông Nam Á” năm 1969, hoạt động của Việt Minh ở khu Sài Gòn - Chợ Lớn của học sinh Hà Nội, của giới trí thức và Đảng Đại Việt năm 1950.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1352.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4911, 6545, 20871.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 791, 4140, 4150.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20486.
- Phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách phát triển Văn hóa: 869.
- Phòng Tổng Nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên: 703.
- Phòng Hội đồng QNCM: 102.

• ***Hồ Sơn Diệp - Nguyễn Thị Thanh Tâm***

Trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống xâm lược giai đoạn (từ năm 1858 - 1975)

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Báo Cửu Long, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Hạ Nghị viện

Ủy ban Tranh thủ công bằng pháp lý, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức và Chi Cảnh sát Quốc gia Phụng Hiệp năm 1968 - 1975; điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức tỉnh Bình Dương, điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức tỉnh Phước Long; tố cáo một số dân biểu, luật sư Trần Văn Tuyên liên hệ với CS từ năm 1969 - 1973; hoạt động của các nhóm tin tức cho báo chí ở Sài Gòn năm 1970 - 1971; tổ chức và hoạt động phong trào cách mạng quốc gia, phong trào phụng sự tiến hóa xã hội Việt Nam; cuộc họp báo chí của nhóm “Toàn quốc cách mạng Việt Nam” do bác sỹ Phan Huy Cơ chủ tọa; điều tra lý lịch và thành tích hoạt động của những ký giả thân Cộng năm 1964, điều tra lý lịch và thành tích hoạt động của những ký giả Ủy ban Lâm thời bảo vệ quyền ký giả Việt Nam từ năm 1969 - 1975; truy tố xét xử báo chí vi phạm gây ảnh hưởng đến uy tín Tổng thống; bắt giữ một số ký giả và thu hồi biên lai các nhật báo bị CS chi phối lũng loạn năm 1975; thuyết trung lập của sinh viên năm 1964, tình hình sinh viên tại các trường đại học, tổng hội sinh viên thành lập Đoàn Văn nghệ Tiền tuyến; hoạt động của các hội phụ nữ Việt Nam từ năm 1964 - 1975, hoạt động của các hội từ năm 1968 - 1975, hoạt động của các nghiệp đoàn từ năm 1969 - 1975; hoạt động của sinh viên Sài Gòn và biện pháp đối phó năm 1970, phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn năm 1970, sinh viên Sài Gòn bị bắt giữ, tuyệt thực và đòi trả tự do năm 1970; thỉnh nguyện thư truyền đơn của Tổng hội Sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970; hoạt động của nhóm trí thức từ năm 1963 - 1968; hoạt động của Ủy ban Đấu tranh chống đàn áp sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970; tổ chức và hoạt động của Tổng hội Công chức Việt Nam năm 1968 - 1969;

tổ chức và hoạt động của Tổng hội Giáo giới, Tổng hội Sinh viên Việt Nam năm 1969; tổ chức và hoạt động của Hội Khổng học, Văn nghệ sỹ quân đội, Hội Chủ báo Việt Nam năm 1969; tập san, bản tin do sinh viên Sài Gòn phát hành; phong trào của sinh viên tại các tỉnh miền Trung, Đà Lạt, Cần Thơ.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 30218, 30219, 30220, 30221, 30222, 30215, 30216, 30235.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 1143, 1144, 1284, 1333, 1334, 4118, 4253, 4254, 4258.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 3552, 5535, 7564, 3567, 8574, 8575, 14453, 18916, 19056, 19104, 19399, 19400, 19587, 19446, 19494, 19575, 19585, 29257, 29259, 29290, 29386, 29549, 29734, 29751, 30235, 30277, 30229, 30405, 30401, 30403, 31140, 30591, 30592, 30593, 30594, 30595, 30596, 30597, 31562, 31563, 31565, 31709, 31711, 31712.

• ***Nguyễn Thị Hương Giang - Nguyễn Thị Như Trang***

Lịch sử Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: điều trần về hiện trạng của Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia từ năm 1959 - 1968, lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ban Trung học - Trường Nữ học Gia Long, xây cất Thư viện Quốc gia tại số 69 Gia Long, Sài Gòn từ năm 1960 - 1971, Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia xin sử dụng trụ sở Trường Đại học Văn khoa năm 1964 - 1967.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 15678, 18141.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 3623

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 29710

- Phong Nha Văn khố Quốc gia: 229, 251, 265.

- Phong Bộ CC>VT: 861, 862.

- **Phạm Thị Hồng Hà**

Chính sách dân tộc của VNCH (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, phúc trình của Tổng thống Phủ, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Nha Công tác xã hội miền Thượng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vấn đề đồng hóa đồng bào Thượng năm 1959, chính sách của Chính phủ VNCH đối với đồng bào Thượng từ năm 1954 - 1964.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 17069, 17073, 16728, 17813, 16444.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 32134, 29664.

- **Phạm Tân Hạ**

Tình hình hoạt động thư viện ở Sài Gòn (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các bảng thống kê, phiếu trình, báo cáo, công văn, nghị định, sắc lệnh, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Nha Báo chí,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: dân số và đơn vị hành chính trên toàn quốc năm 1970 và 1975; vấn đề giáo dục từ năm 1956 - 1963, vấn đề giáo dục đại học năm 1970; các vấn đề văn hóa năm 1970, từ năm 1974 - 1975; hoạt động của Hội đồng Văn hóa Giáo dục từ năm 1968 - 1973; hoạt động khối trung tiểu học năm 1972 và dự án thực hiện trong năm 1973; vấn đề giáo dục của các viện đại học vào Trường Sư phạm năm 1974; mở lớp tu nghiệp lưu trữ công văn và quản thủ thư viện năm 1958; nhập cảng sách báo ngoại quốc từ năm 1959 - 1962, nập bản ấn phẩm ngoại quốc nhập cảng năm 1961 - 1962; chế độ nập bản năm 1963.

Ngoài ra, độc giả còn khai thác một số sách bổ trợ như: Dự thảo luật căn bản về văn hóa giáo dục, Danh mục triển lãm thực trạng và chiều hướng phát triển sách tại Thư viện Quốc gia, Mục

lục tuyển trạch thư tịch về giáo dục tại Việt Nam; Bộ Quốc gia Giáo dục - Thư mục năm 1964, Bộ Thông tin chiêu hồi; Mục lục phân tích tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn; Thư tịch luận văn tốt nghiệp - Học viên Quốc gia Hành chính; Mục lục ấn phẩm quân đội; thư mục chú giải về văn hóa Việt Nam; Tiêu đề môn loại; Thư tịch hồi tố Quốc gia; Thư tịch QGVN, Thư tịch QGVN xưa và nay; Cẩm nang phương pháp tổng kê để sử dụng tại các thư viện luật pháp Việt Nam; Ấn phẩm định kỳ quốc nội.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 137, 152, 215, 242, 245, 445, 565, 3387, 3391, 3550, 3730, 3798, 3834, 3855, 3921, 3985, 11974, 16031, 16374, 16659, 16855, 17212, 17546, 17653, 17711, 17712, 17949, 17974, 17983, 17999.

- Suru tập sách bổ trợ: LT.180, LT.186, LT.193, LT.198, LT.199, LT.200, LT.202, LT.203, LT.204, LT.205, LT.209, LT.210, LT.211, LT.215, LT.217, LT.224, LT.225, LT.226, LT.227, LT.229, LT.233, LT.260, LT.266, LT.267, LT.276, LT.277, LT.278.

• **Nguyễn Thị Đăng Kha**

Viện Pasteur Sài Gòn

Độc giả khai thác tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quy chế và hoạt động các viện Pasteur ở Việt Nam từ năm 1951 - 1958, về việc nhập cảng dụng cụ cho viện Pasteur từ năm 1960 - 1963, quy chế nhân viên và quy chế của Viện Pasteur Việt Nam từ năm 1958 - 1974, thống nhất những phòng thí nghiệm giao cho Viện Pasteur năm 1942, trợ cấp cho Viện Pasteur năm 1943 - 1944, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Viện Pasteur Việt Nam năm 1951 - 1952.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 365.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 15572, 21209.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9515.

- **Lê Nam Hành**

Quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 1957 - nay)

Tài liệu là các sắc lệnh của Chính phủ và nghị định của Bộ Văn hóa - Giáo dục về vấn đề giáo dục như: cải cách, ấn định thể lệ thi tuyển, bổ nhiệm, từ nhiệm, cách chức thuyên chuyển; các hồ sơ về các hoạt động ở trường và phong trào đấu tranh ở các trường đại học, cao đẳng.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 29935, 29302, 29927, 30216, 30938, 30400, 30594, 31125.

- Sưu tập công báo: J.7691, J.7692, J.378, J.421, J.550.

- **Nguyễn Thị Như Hiền**

Giao lưu văn hóa giữa người Stiêng với các dân tộc khác ở Bình Phước từ năm 1945 đến nay

Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Canh nông và Cải cách điền địa, Trung tâm Điện toán, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Bộ Phát triển Sắc tộc, tỉnh Phước Long, Biên Hòa, Phước Tuy, Phước Thành, Bình Dương. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch bình định ba tỉnh miền Đông Nam phần năm 1961, báo cáo 9 năm thành tích cải tiến dân sinh Thượng của Chính phủ VNCH (từ năm 1954 - 1963); tình hình an ninh và hành chính tại các địa điểm dinh điền tỉnh Bình Long năm 1962; về việc tập trung định cư đồng bào Thượng tại tỉnh Đắk Lắk, Tuyên Đức, Bình Long năm 1962; thành lập dinh điền Thượng tại Doãn Đức (Phước Long) và Phước Thành năm 1961 - 1962.

- Thông Phủ Tổng thống ĐỊCH: 15172, 15188, 15196, 15209, 15212, 15242, 15307, 10827, 10862, 11745.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 48, 54, 166, 174, 770, 885, 1007, 3012, 3515, 3748, 3886.

• **Nguyễn Năng Hiền - Phạm Nguyễn Hoài Linh - Trần Văn Nhuệ**

Sưu tầm tài liệu làm phim truyền thống Công an Đồng Nai trước năm 1975

Tài liệu là các công điện, dự thảo luật và một số loại tài liệu khác của Nha Báo chí, Ủy ban Phụng Hoàng, tỉnh Biên Hòa. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: khám phá tổ chức huyện ủy Vĩnh Cửu, tỉnh ủy Biên Hòa năm 1959, VC đột kích Câu lạc bộ Sĩ quan Hoa Kỳ tại Biên Hòa, dự thảo Luật đặt CS khỏi vòng pháp luật năm 1957 - 1958; bạo động vượt ngục ngày 02/12/1957 ở Biên Hòa; dự án kiện toàn binh định miền Nam năm 1962, bảo vệ sân bay Biên Hòa; phá vỡ các tổ chức của VC ở Biên Hòa, Sài Gòn năm 1968, hoạt động khủng bố ám sát của VC năm 1965 - 1966.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4830, 5543, 5591, 5592, 5713, 5870, 5879, 7619, 7608, 6646.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3498, 15638, 16314, 16595.

• **Trần Thị Hòa**

Mối quan hệ giữa truyền hình và tiến trình toàn cầu hóa và phát triển ở Việt Nam giai đoạn đương đại

Tài liệu là các tập nghị định, công văn, công điện, sắc luật, thông tư, thông cáo, biên bản, phiếu trình của Phủ Thủ tướng, Văn phòng Quốc trưởng, Nha Báo chí, Bộ Văn hóa Giáo dục, Nha Vô tuyến Truyền hình. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: sắc luật ấn định quy chế báo chí năm 1972, hoạt động báo chí từ năm 1965 - 1975, công tác phát triển ngành Vô tuyến

truyền hình từ năm 1969 - 1970, dự án thiết lập Đài Vô tuyến Truyền hình Văn hóa và Giáo dục Việt Nam năm 1969, việc bảo tồn di tích và bảo vệ các sản phẩm văn hóa quốc gia từ năm 1965 - 1972, tổ chức nhân sự Nha Vô tuyến Truyền thanh, Truyền hình và Điện ảnh từ năm 1967 - 1974, ban hành Dự dành cho QGVN độc quyền khai thác vô tuyến truyền thanh và truyền hình năm 1955, Nha Vô tuyến xin trang bị hệ thống thu hình lưu động năm 1967, xin mua phim thời sự ngoại quốc cho Đài Vô tuyến Truyền hình Việt Nam năm 1968, nội dung phát hành phim thời sự hàng ngày năm 1974 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29294, 29420, 29421, 29170, 29743, 29742, 29925, 32655, 32645, 32654, 30263, 31541.

- Suru tập tài liệu ảnh: 2546.

• **Trịnh Hồng**

Chính sách của Chính quyền VNCH đối với người Hoa ở Việt Nam và những phản ứng của người Hoa (từ năm 1955 - 1963)

Tài liệu là các dụ, sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Tài chánh, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Nha Trung Hoa sự vụ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quy chế Hoa kiều tại Việt Nam sau ngày thành lập chế độ Cộng hòa từ năm 1955 - 1964; mở Trường Trung học đệ nhất cấp cho học sinh gốc Hoa kiều năm 1957 - 1958; ngoại kiều Trung Hoa xin nhập Việt tịch năm 1961 - 1962, việc quản trị, kiểm soát Hoa kiều năm 1957, Hoa kiều sinh tại Việt Nam xin về Đài Loan và biểu tình phản đối không chịu nhập Việt tịch năm 1956 - 1957, chính sách đối với Hoa kiều nhập Việt tịch từ năm 1958 - 1960; Hoa kiều bạo động tại Đại Sứ quán Trung Hoa năm 1957, cứu xét việc các Hoa kiều xin hồi hương vĩnh viễn và được mang theo các con năm 1970 - 1971, hoàn lại quyền tự trị

và quản lý tài sản các cựu lý sự hội quán cho người Việt gốc Hoa năm 1967.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3393, 4842, 4988, 5559, 6579, 6580, 9726, 10135, 10209, 13034, 15694, 18349, 21660.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3043, 14836, 16611, 16602, 17254, 17256, 17257, 17254, 19842.

• ***Phạm Ngọc Hưng***

Truyền thống thi đua yêu nước của Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh qua các thời kỳ

Tài liệu về Đại tá Phạm Ngọc Thảo và xung quanh cái chết của ông năm 1971; Cụm tình báo chiến lược A22 của VC năm 1969, Phá vỡ cụm A22, A26, A68 thuộc phòng Tình báo chiến lược của TW Cục miền Nam và cụm ZK8 thuộc Phòng Quân báo của TW Cục miền Nam năm 1969, phá vỡ tổ chức “Điện báo” thuộc Ban An ninh CS khu ủy Sài Gòn - Gia Định, tổ “Điện báo 3C” thuộc cụm Cần Thơ của Ban Quân sự Quân báo Quân khu 3 CS năm 1969; tịch thu và truy tố báo chí loan tin có hại cho an ninh năm 1971 - 1972; phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Sài Gòn năm 1965 - 1974.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1354, 1355, 1352, 1353, 1354, 1355, 1402, 1424, 1494, 1496.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 538, 671, 676, 811, 812, 821, 924, 925, 1049, 1108, 1178, 1334, 1396.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3417, 5702, 18323, 29383, 29540, 29544, 30214, 30219, 30401, 30593, 30592, 3551, 12714, 16180, 16556, 16559.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 4619, 4787, 4791, 4798, 4891, 4779.1, 4909.

- ***Võ Thị Mai Hương***

So sánh văn hóa Việt - Nhật (tín ngưỡng dân gian)

Một số tài liệu được khai thác liên quan đến vấn đề văn hóa, dân tộc như: Hội đua ngựa từ năm 1962 - 1964, Lễ rước đất ở Bắc Việt vào Nam, Sản phẩm văn hóa quốc gia, Hội Việt - Nhật; Nguyên tắc về phát triển cộng đồng năm 1957 - 1958, Các lễ trung thu, trung nguyên, lễ rước đuốc, lễ cầu nguyện quốc thái dân an.

Bên cạnh đó, độc giả còn khai thác một số sách bổ trợ như: Người Việt đất Việt, Miền Bắc khai nguyên, Nước Nhật ngày nay, Việt Nam điển lệ, Việt Nam quê hương yêu dấu, Việt Nam phong sử, Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Sài Gòn năm xưa...

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 856, 867, 2698, 3091, 9882, 11141.

- Phong Tòa đại biểu Chính phủ Nam phần: B4-66, B6-37, B6-161, B6-237.

- Suu tập sách bổ trợ: VV.3492, VV.3494, VV.3483, VV.3801, VV.3968.

- ***Nguyễn Thị Diệu Hương***

Đời sống xã hội thành phố Huế những năm 60

Tài liệu là các công văn, công điện, biên bản của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Giáo dục, Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia, Nha Văn hóa, Hội đồng sinh viên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: nhận định tình hình chính trị, kinh tế tại Thừa Thiên Huế từ ngày 01/5 đến ngày 15/5/1967; Hội đồng Sinh viên tranh thủ cách mạng Huế lên án vụ tàn sát sinh viên Đà Lạt năm 1966; chuyển tài liệu lịch sử từ Bảo tàng Huế lên Đà Lạt từ năm 1959 - 1961; Nguyễn Khánh, Mc.Namara, Taylor thăm đồng bào Huế năm 1964; Viện Đại học Huế mượn Châu bản Thiệu Trị

từ năm 1961 - 1965, điều tra sự thất lạc và chiếm đoạt cổ vật tại Huế năm 1964; hoạt động của cổ đồ Huế năm 1969; nguyện vọng của các vị đại diện tôn giáo và nhân sỹ Huế sau biến cố Mậu Thân; Công ty Hàng không Huế Việt Nam xin mở phi trường Huế cho nền không tải quốc tế năm 1961; kiểm soát đình chiến, tình hình tản cư đồng bào Bắc Việt.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8525, 8528, 3674, 3675, 12462, 13112, 16352, 2799, 17700, 3624.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 3489, 3423, 4151, 3745, 3968, 5536.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3044, 3207, 3338, 4579, 6052, 6868, 7632, 7883, 9614, 9736, 13387.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 4811, 4812, 4813, 5100, 6397, 5744, 5414, 5671.

- Phòng UBLĐQG: 29, 327.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 4, 643, 1867, 1898.

- Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia: 751, 804, 829, 1092, 1088, 1055, 1060.

- Phòng Bộ CC>: 276, 933, 2792, 3164, 4671, 7179, 6866, 1283...

- Phòng Bộ GTVT: 78, 579, 716.

- Phòng Bộ Công chánh: 84, 102, 786, 790, 711.

- Phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội: 27, 124, 125, 287, 314, 317, 436, 457, 335.

- Phòng Bộ Y tế: 763, 1265, 4817, 4971.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 1253, 1551, 1698, 2493, 2704, 3192, 4831.

- **Nguyễn Thu Hương - Trương Quang Đạt**

Lịch sử cảng Sài Gòn (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu có nội dung đề cập đến các vấn đề như: kiến thiết và thiết kế thương khẩu, kho chứa hàng tại Cảng Sài Gòn; phong trào đấu tranh của công nhân thương cảng Sài Gòn đòi tăng lương...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 4572, 4907, 972, 1027, 1029, 1030.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 418, 608, 1547, 1728, 1729, 2408, 4208, 5012, 4456, 8208, 8406, 2357, 3850, 4322, 5181, 8258, 8416.

- **Jessica Elkind**

Hoạt động viện trợ của USAID và các cơ quan khác tại Việt Nam, giai đoạn 1955 - 1963

Tài liệu là các công điện, công văn, sắc lệnh, nghị định, hồ sơ của Việt Tân xã, AFP, UB USOM Việt Nam, Nha Tổng Thanh tra Hành chính tổ chức, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Phủ Tổng thống... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cái nhìn chung đối với nước Mỹ năm 1956; viện trợ của Mỹ cho các nước năm 1956; chính sách tự do của Mỹ trước những khát khao của các quốc gia nhỏ bé đang bị nước ngoài đô hộ năm 1956 - 1957; các dự án về phát triển kinh tế; các chương trình viện trợ Hoa Kỳ về tài khóa từ năm 1953 - 1957; viện trợ Hoa Kỳ cho chương trình khuyến nông và thông tin năm 1957; viện trợ Hoa Kỳ dành cho đồng bào tị nạn; những khó khăn về tài chính và làm việc của cơ quan Viện trợ Mỹ (USOM); trao đổi với USOM để thực hiện dự án dinh điền năm 1957; viện trợ trâu cho nông dân tại Trung phần Việt Nam; thủ tục tài chính áp dụng riêng cho những ngân khoản viện trợ Hoa Kỳ năm 1956.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 677, 678, 679, 754, 780, 782, 783, 784, 785, 786, 4452, 4702, 10161, 10192, 10194, 10199, 10598, 10789, 10809, 10812, 18221, 18228, 18229, 18319, 18346, 18421, 18422, 18448.

- ***Kitazawa Naohiro***

Hoạt động của đạo Cao Đài năm 1975 trở về trước

Tài liệu của Ủy ban Tình báo Quốc gia, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Bộ trưởng, Phủ Thủ tướng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lực lượng chính trị và quân đội Cao Đài, hoạt động của Hòa Hảo Ba Cụt năm 1957, quân đội Phật giáo Hòa Hảo chiếm đoạt nhà máy xay lúa, lễ kỷ niệm 29 năm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo năm 1968, tổ chức và hoạt động của Viện Đại học Hòa Hảo năm 1970 - 1971, hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo năm 1969 - 1970, việc kiểm tra và động viên những thanh niên tín đồ Cao Đài.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D31-79, D61-72, D61-77, D61-84, D635-156, D9-27, D9-29, D61-86...

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1693, 1725, 3270.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4905, 7185, 8542, 9879, 14407, 14676, 14679, 909, 3746, 3981, 3987.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4401, 4402, 4403, 4404, 4461, 4462, 4565, 4566, 4242, 4243.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 19066, 19062, 29692, 29868, 29690, 29553, 29691, 30211, 30588.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D9-34, S6-140, T4-2388, T42-286, T43-401, D61-31, T4-2096.

- **Nguyễn Văn Hải**

Viện Pasteur Sài Gòn

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, báo cáo của Phủ Tổng thống, Viện Pasteur Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ấn định quy chế Viện Pasteur Việt Nam và thiết lập Ủy ban Vệ sinh Địa phương năm 1958, quy chế nhân viên và quy chế của Viện Pasteur từ năm 1958 - 1974, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Viện Pasteur Việt Nam năm 1951 - 1952, về việc sử dụng Viện Quốc gia Vi trùng học và Khảo cứu bệnh lý gia súc và Viện Pasteur Nha Trang, hoạt động kỹ thuật năm 1958 của Viện Pasteur Sài Gòn.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 365.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1473, 22342.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9515.

- **Trần Hồng Liên - Hồ Minh Tâm**

Tôn giáo vận giai đoạn Nam Bộ kháng chiến

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng Bộ Nội vụ, Tổng Giám đốc Công an,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo từ năm 1947 - 1956, từ năm 1960 - 1963, từ năm 1974 - 1975; hoạt động của Cao Đài từ năm 1955 - 1957; hoạt động của Thiên Chúa giáo từ năm 1965 - 1975; hoạt động của giáo phái Khất sỹ năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4905, 4907.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 691, 694, 695, 4317, 4318, 4319, 4320, 4321, 4325, 4326, 4327, 4328, 4909, 4910, 29252, 31691, 31694, 31695.

- **Dương Kiều Linh**

Báo chí Sài Gòn thời Ngô Đình Diệm

Tài liệu tác giả đề tài sử dụng bao gồm: các bộ luật, sắc lệnh, nghị định của Chính quyền VNCH về việc kiểm soát báo chí, quy định xuất bản, quy định hoạt động của Việt Tấn xã, ấn định quy chế báo chí; báo cáo Bộ Thông tin về hoạt động của các tờ báo như: Việt Tấn xã, Nhật báo ngôn luận, Tiến lên, Việt ngữ, Thời luận;...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1153, 1974, 2501, 5115, 7618, 7672, 7618, 10945, 12741.

- Phòng Tòa đại biểu Chính phủ Nam phần: D30-79, D30-337, D30-616, D30-112, D30-557, D30-547, D30-617, D30-366, D30-337, D30-597, D30-616, D31-45, D31-79.

- Suru tập công báo: J.337, J.334, J.345, J.368, J.370, J.418, J.433, J.430, J.358.

- **Trịnh Thị Mai Linh**

Chính sách của Chính quyền VNCH và vấn đề người Hoa ở Việt Nam (từ năm 1955 - 1975)

Tài liệu là các công điện, báo cáo, huấn thị của Tổng thống VNCH, Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin, Phụ tá đặc biệt nghiên cứu chính trị và văn hóa, Phủ Đặc ủy TWTB, Nha Giám đốc Cảnh sát quốc gia. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ 1961 - 1966, kiểm soát giá cả tại Việt Nam năm 1959, hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại VNCH, quan điểm của VNCH, Hoa Kỳ và Bắc Việt trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam năm 1968; địa phương chí các tỉnh Nam phần từ năm 1956 - 1971, thành tích hoạt động 1 năm của Chính phủ từ ngày 07/7/1955 - 07/7/1956.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2710, 3393, 3463, 1883, 2576, 2581, 2588, 2601, 639, 640, 641, 771, 857, 935, 1822, 909, 908.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1094, 1111, 1145, 1324, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 757, 661, 176, 747.

- Suu tập sách bổ trợ: VN.3474; VV.3818, VV.3816, VV.3815, VV.3821, VV.3814, VV.3862.

• **Trần Thị Ngọc Lưu**

Chính sách về bảo tàng của Chính quyền VNCH (từ năm 1954 - 1975)

Nội dung tài liệu được độc giả khai thác liên quan đến các vấn đề như: công tác quan trọng trong năm 1969 của Viện Khảo cổ và các viện bảo tàng, tình hình tổ chức và hoạt động của chi nhánh Bảo tồn Cổ tích Huế và các viện bảo tàng ở Huế và Đà Nẵng năm 1969 - 1970, hội nghị “Hợp tác giữa các bảo tàng trong vùng Á châu - Thái Bình Dương” do Trung tâm Văn hóa Xã hội ASPAC tổ chức tại Nhật Bản năm 1972 - 1973, tổ chức lại Bảo tàng Viện Blanchard de la Brosse từ năm 1951 - 1953, quỹ ủng hộ trước cấp cho Viện Bảo tàng Sài Gòn năm 1952, di chuyển Bảo tàng Viện - do quỹ Nam Việt đài thọ cho Bộ Quốc gia Giáo dục năm 1955.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: T69-721, R61-4.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20738.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D06-108, T4-1729.

- Phòng Nha Văn khố Quốc gia: 1586.

- Phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Phát triển Văn hóa: 13, 99, 864, 994.

- Phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội: 416.

- **Mc Leod Mark**

Chế độ Ngô Đình Diệm và vấn đề Phật giáo (từ năm 1950 - 1960)

Tài liệu là các công điện, công văn, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Nha Cảnh sát Quốc gia miền Bắc, Hội Phật giáo Việt Nam, Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tín đồ Phật giáo bị đàn áp tại các tỉnh năm 1962, những hành động và âm mưu của người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1963, hoạt động của Phật giáo từ năm 1956 - 1962, hoạt động của ông bà Ngô Đình Nhu từ năm 1959 - 1963, về việc thành lập và hoạt động của các hiệp hội Phật giáo năm 1957 - 1958, đàn áp Phật giáo và vấn đề Phật giáo năm 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4906, 8501, 8509, 8507, 8511, 7941, 16476, 16804, 16805.

- **Võ Thị Thu Nga**

Tình hình sở hữu ruộng đất và sự phân tầng giai cấp ở Bến Tre từ sau phong trào Đồng Khởi năm 1960

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu của phòng Phủ Thủ tướng VNCH bao gồm các quy định, báo cáo về cải cách điền địa, khai khẩn đất hoang tại tỉnh Kiến Hòa; chính sách tín dụng của Chính phủ; giá lúa - xuất cảng gạo; về hiệp hội nông dân.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 28, 110, 715, 1028, 1099, 1811, 2007, 2453, 3297, 3703, 3709, 3712, 3714, 3925, 4437, 5058, 5283.

- **Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thu Hương**

Sưu tầm tài liệu lưu trữ của TW Đảng, TW Cục miền Nam, các xứ ủy, khu ủy miền Nam và tài liệu của các đồng chí cách mạng tiền bối từ năm 1975 trở về trước

Tài liệu là các báo cáo, phúc trình, công văn, hồ sơ, công điện, bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tổng Tham mưu, của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: nghiên cứu Lê Duẩn vào Nam họp hội nghị năm 1963; tổ chức hoạt động của tỉnh ủy, huyện ủy VC năm 1963, tổ chức hoạt động của các sư đoàn, trung đoàn VC năm 1963; hệ thống giao liên, giao bưu vận của VC năm 1963; tổ chức hoạt động kinh tế - tài chính của VC năm 1963; hoạt động của thủ lĩnh Hòa Hảo Lê Quang Định - Ba Cụt năm 1956, khám phá tổ chức xã ủy VC ở Sóc Trăng năm 1958 - 1959; chiến thuật đánh chiếm khu VC năm 1959; lưu câu một số cán bộ thuộc ban TH xứ; về việc đối phó với các tổ chức chính trị trá hình của CS năm 1968; khám phá các tổ chức hoạt động của VC tại Sài Gòn - Chợ Lớn; Bộ Nội vụ xin dùng danh từ Ấp Chiến lược thay thế Ấp chiến đấu năm 1961 - 1962; hoạt động của MTDTGPMNVN năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4321, 4361, 5391, 5466, 5468, 5479, 5492, 5575, 5576, 5600, 5601, 5708, 5713, 5737, 5884, 6067, 6134, 6258, 6259, 6262, 6653, 6802, 7173, 7256, 7270, 7519, 7619, 7621, 7624, 7627, 7864, 7932, 7936, 7962, 8125, 8126, 8127, 8128, 8130, 8131, 8132, 8135.

- Phủ Tổng thống ĐIICH: 788, 808, 850, 866, 877, 1324, 1606, 1607, 2168, 2174, 3373, 4186, 4195, 4308, 4497.

- ***Nicolas Anthony Turse***

Tìm hiểu hoạt động báo chí và tình hình chính trị Sài Gòn từ năm 1967 - 1974

Tài liệu là các công văn và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc tế, Nha Báo chí... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của các ký giả và báo chí ngoại quốc tại Việt Nam từ năm 1969 - 1974, kiểm

soát các hoạt động của phóng viên - tại Việt Nam năm 1969, hồ sơ phóng viên UPI và NBC (Hoa Kỳ) bị hành hung trong khi quay phim, chụp hình các cuộc mít-tinh, biểu tình năm 1966, các ký giả Hoa Kỳ (văn S) xin nhập cảnh, lưu ngụ, tiếp kiến và phỏng vấn Tổng thống từ năm 1959 - 1974, khiếu nại của Hãng NBC về vụ phóng viên nhiếp ảnh bị đánh.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4849, 15716, 31316, 32615, 3754.

- ***Nguyễn Marshall Thanh Vân***

Quan hệ giữa chính quyền miền Nam Việt Nam và người Việt gốc Hoa

Tài liệu là các công điện, phiếu trình, tờ trình, thông cáo của Bộ An ninh, Bộ Ngoại giao, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: điều kiện và thủ tục xin nhập Việt tịch, tổ chức và sinh hoạt Hoa kiều tại miền Nam, cuộc bạo động của một nhóm Hoa kiều tại Sứ quán Trung Hoa Quốc gia, vấn đề hồi hương Hoa kiều sinh trưởng ở Việt Nam, lập phiếu hồi hương cho các Hoa kiều thổ sanh muốn về hản Đài Loan.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4984, 4988.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4364.

- ***Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Văn Hòa***

Điều kiện cấp thưởng các loại huy chương

Tài liệu độc giả sử dụng là các nghị định của Tổng thống VNCH ấn định đẳng cấp hình thức, thể thức và điều kiện cấp thưởng các loại huy chương từ năm 1966 - 1972.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 244, 2121, 2781, 3009, 10337.

- Suu tập Công báo: J.549, J.550, J.566-J.572, J.494, J.492, J.477, J.455, J.454.

- **Đỗ Thị Hương Nhu**

Cầm cố phân vốn góp và cầm cố phân theo pháp luật Việt Nam - lịch sử phát triển, thực tiễn và giải pháp

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc gia Giáo dục, Việt Tân xã,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành tích hoạt động 7 năm của Chính phủ từ năm 1954 - 1961; hoạt động từ năm 1954 - 1961 của Bộ Tư pháp, hoạt động từ năm 1954 - 1960 và chương trình hoạt động 5 năm từ 1961 - 1965 của Bộ Tư pháp; nền tảng kinh tế Việt Nam từ năm 1964 - 1973; Đại hội thẩm phán toàn quốc tổ chức tại hội trường Bộ Tư pháp Sài Gòn năm 1974; soạn thảo và ban hành Bộ Dân luật năm 1972.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 420, 424, 432, 438, 2914.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1386, 1405, 1437.

- **Pho Helen Nguyen**

Văn hóa tiêu dùng ở miền Nam Việt Nam (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo của Phủ Thủ tướng, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Bộ Kinh tế Tài chính, Việt Nam Thông tấn xã, Nha Cố vấn Tài chính Thương mại, USAID. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: USAID lưu ý vấn đề trộm cắp hàng hóa tại thương cảng Sài Gòn năm 1969, tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng Kinh tế Xã hội từ năm 1969 - 1975, hoạt động của Tổng Nha Quan thuế, chuyên chở vật liệu, hàng hóa cho cơ quan Chính phủ, quân đội và USAID của Hòa xa Việt Nam năm 1968 - 1969, chương trình trợ giúp của USAID cho VNCH năm 1968 - 1969, giá cả các loại hàng hóa năm 1967, tổng giá trị hàng hóa nhập cảng vào Việt Nam từ năm 1971 - 1974, kiểm tra tiêu thụ hàng nhập cảng thương mại trong các kho thương mại và ngân hàng từ năm 1970 - 1972.

- Phong Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 1115, 1116, 1304, 1308, 1309, 1325, 1328, 1334, 1860, 1867, 1875, 2058.

- Suru tập tài liệu ảnh: 1798, 1846, 1858, 1868, 1930, 2095, 2302, 2327, 2575, 2580, 2584.

- ***Phạm Xuân Quang***

Truyền thống ngành Kiểm tra Đảng Khu 5

Tài liệu là các báo cáo, tờ trình của tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đức, Đắk Lắk. Nội dung tài liệu liên quan đến các nội dung như: tình hình hoạt động của các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đức, Đắk Lắk từ năm 1968 - 1975; phân chia lãnh thổ quốc gia thành các vùng chiến thuật từ năm 1960 - 1970.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 220, 221, 251, 252, 253, 676, 685, 790.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 651, 6639.

- ***Phạm Trường Sơn***

Báo chí Sài Gòn

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu có nội dung liên quan đến vấn đề báo chí ở Sài Gòn như: kiểm duyệt báo chí; thu hồi báo; chính sách của Chính quyền VNCH đối phó với hoạt động báo chí chống chính quyền; dự thảo luật ấn định quy chế báo chí; tình hình báo chí sau ngày bầu cử Tổng thống.

- Phong Phủ thủ tướng VNCH: 1153, 3205, 5404, 5542, 5531, 8096, 12785, 14078.

- **Nguyễn Văn Tiệp**

Chính sách dân tộc của Chính quyền VNCH đối với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên (từ năm 1954 - 1975)

Độc giả khai thác tài liệu liên quan đến công cuộc dinh điền tại Việt Nam năm 1957 - 1958, cải tiến dân sinh tại cao nguyên Trung phần; thành tích cải tiến dân sinh Thượng sau 8 năm (từ năm 1954 - 1962); công tác xã hội miền Thượng từ năm 1960 - 1962, quy dân lập ấp và định cư đồng bào Thượng năm 1962, định cư đồng bào tỵ nạn CS năm 1959 - 1960; giáo dục học sinh Thượng từ năm 1957 - 1962, huấn luyện và sử dụng cán bộ Thượng từ năm 1958 - 1962; lập hệ thống ấp chiến lược và kiểm soát đồng bào thiểu số năm 1963,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 17812, 17813, 17819, 17827, 19237.

- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 115, 142, 169, 227, 249, 250, 94, 83, 73, 2196, 2206, 2563.

- Phòng Hội đồng Các Sắc tộc: 16, 23.

- Sưu tập sách bổ trợ: TC3860, TC3865, TC3864, TC3888, TC3894, TC3896.

- **Nguyễn Văn Tiệp - Hồ Ngọc Trí**

Chính sách của Chính quyền VNCH đối với các dân tộc Tây Nguyên

Tài liệu là các sắc luật, công văn, công điện, thông tư, biên bản, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Tài chính, Bộ Canh nông, Bộ Quốc Gia Giáo dục, Phủ TUĐĐ&NV, Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn 2 và Vùng II Chiến thuật, Giám đốc Nha Công tác xã hội miền Thượng. Nội dung tài liệu liên

quan đến các vấn đề như: về việc bãi bỏ thể lệ thuế khóa cho vùng cao nguyên từ ngày 01/01/1956, vấn đề khẩn hoang lập ấp định cư đồng bào nạn nhân chiến cuộc, về việc đồng bào Thượng tỵ nạn CS, dự thảo Luật Bãi bỏ Tòa án Tục quán các cấp tại cao nguyên Trung phần, về việc giáo dục cho con em đồng bào Thượng tại các làng định cư trên cao nguyên năm 1956, chương trình kiến điền cho đồng bào Thượng từ năm 1964 - 1969, về việc thiết lập, tu chỉnh mục ngoại ngân sách quỹ người cày có ruộng và quỹ ứng trước để thực hiện “chương trình người cày có ruộng” và “kiến điền đồng bào Thượng”.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1867, 4044, 4425, 8537, 8569, 16142, 16733, 17592.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4172, 4171, 4262, 4383.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 24151, 25687, 26191, 29073, 31781, 32661.

• ***Đỗ Lệnh Hùng Tú***

Về hòa thượng Thích Quảng Đức

Tài liệu là các công văn, công điện, phiếu trình, bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam phần, Tham mưu biệt Bộ, Phủ Đặc ủy TWTB, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia và các hãng thông tấn báo chí trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phong trào đấu tranh Phật giáo và công tác an ninh năm 1963, những nhóm Phật tử tại Huế phản kháng hành động quá khích của các thầy chùa Từ Đàm năm 1963, hoạt động biểu tình, bạo động của Phật giáo chống Chánh phủ tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần năm 1963, những hành động và âm mưu của

người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1963, nhận định của VC về vấn đề đảo chính tại đô thành năm 1963, VC lợi dụng vấn đề Phật giáo để gia tăng hoạt động năm 1963, dư luận quốc tế đối với vấn đề Phật giáo tại Việt Nam năm 1963, hình ảnh các nạn nhân chết đêm 08/5 tại Huế và cảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng Sài Gòn ngày 11/6/1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8513, 8519, 8524, 8526, 8532, 8538, 8539, 8540.

Sưu tập tài liệu phim ảnh: 4779.

• ***Hoàng Cẩm Thanh - Lê Nguyễn Anh Thư***

Giới trí thức Sài Gòn và bản sắc dân tộc giai đoạn VNCH (từ năm 1955 - 1975)

Tài liệu là các công văn, tờ trình, tập bản tin, báo cắt của Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin, Ủy ban Bình định TW, Nha Tổng Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, Bộ Giáo dục và Thanh niên, Tham vụ báo chí..., các báo trong nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động tôn giáo từ năm 1963 - 1970, tình hình dư luận và lập trường của VNCH, lập trường của Bắc Việt khối CS và phe thân Cộng đối với hòa đàm Ba Lê, hoạt động của các viện đại học từ năm 1969 - 1972, cựu Hoàng Bảo Đại kêu gọi hòa bình, xin về nước và để lại tài sản tại Đông Kinh từ năm 1969 - 1973, ký sự “Trở về từ An Lộc”, các phiên họp Hội đồng cao cấp Việt - Mỹ từ năm 1964 - 1966, dự trù chi, thu ngân sách xây dựng nông thôn trong dự án bình định và phát triển từ năm 1970 - 1974, hoạt động của đô thành Sài Gòn từ năm 1955 - 1974, chương trình “Xây dựng một nước Việt Nam thuần túy” từ năm 1955 - 1968, đường lối ngoại giao của VNCH tại ngoại quốc, ba đêm diễn hát Bội tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 3593, 3596, 3512, 3515, 3529, 3557, 3558, 3559, 3592, 3615, 3617, 3643.

• **Thy Phu**

Nhiếp ảnh trong chiến tranh chống Mỹ (từ năm 1954 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: nguyên tắc về việc chụp hình, quay phim từ trên phi cơ xuống và chế độ kiểm soát hàng hóa có tính cách lợi ích quân sự từ năm 1960 - 1962, hình ảnh về việc phóng thích tù binh tại Biên Hòa ngày 07/3/1953, hình ảnh về việc xử tử cán bộ VC tại Công trường Diên Hồng tháng 11/1965, ảnh chụp lực lượng quân đội bảo vệ Dinh Độc Lập ngày 11/11/1960, hình ảnh liên quan đến biến cố Tết Mậu Thân năm 1968, hình ảnh về những tổn thất về tài sản và nhân mạng do chiến tranh gây ra,...

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7724, 7821.

- Suru tập tài liệu ảnh: 4571, 4457, 4488, 4736, 4780, 4854, 4978, 5079, 5081, 5082, 5094, 5103.

• **Phạm Trung Trực - Nguyễn Bá Tâm**

Hệ thống dữ liệu văn hóa - lịch sử chiến khu D

Tài liệu là các công điện, công văn, phiếu trình và một số loại tài liệu khác của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Phủ Đặc ủy TWTB, Bộ Tổng Tham mưu, Nha Hiến binh, Nha An ninh Quân đội, Phòng 7 - Bộ Tổng Tư lệnh Quân lực VNCH, tỉnh Long Khánh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức, lãnh thổ và hệ thống chỉ đạo của VC tại miền Nam năm 1963, VC dự định tấn công căn cứ 2 Trại lực Không quân Biên Hòa và biện pháp phòng thủ căn cứ 23 Trại lực Không quân Biên Hòa năm 1962, nghiên cứu các căn cứ, mật khu của VC từ năm 1959 - 1963

như: chiến khu “D” Dương Minh Châu, mật khu Bời Lời, Bàu Gòn, Long Nguyên, Tô Hạp, Tràm Vạn.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 21746, 21747, 21749, 6278, 7457, 20867, 7491, 8128, 8189.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 27, 442, 2567, 458, 462, 463, 482.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 708, 32313, 18895, 17569, 16312, 15229, 920, 16748, 16465...

- Phòng UBLĐQG: 217, 239, 279, 307, 335.

• ***Trương Thị Chiêu Uyên***

Kỷ niệm 55 năm thành lập Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định và một số loại tài liệu khác của Tổng thống VNCH, Bộ Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên từ năm 1965 - 1974, tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục từ năm 1955 - 1974, thành lập trường dạy âm nhạc tại Sài Gòn năm 1944, thành lập 1 ban âm nhạc tại Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật năm 1956, buổi hội về văn hóa tổ chức tại Trường Quốc gia Âm nhạc năm 1964, về việc thiết lập các viện, trường năm 1956.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 838, 839, 1145.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 5002, 32000, 6492, 9504, 9509, 10432.

• ***Nguyễn Hữu Vang***

Lịch sử báo chí Sài Gòn từ năm 1975 trở về trước

Tài liệu là các tập lưu công văn, phúc trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Nha Báo chí Phủ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, Nha Giám đốc Cảnh sát điều tra Sài Gòn, đô thành Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cuộc đấu tranh lịch sử của báo chí Sài Gòn năm 1968, quy chế báo chí năm 1972, địa phương chí tỉnh Long An và Gia Định năm 1956, hoạt động của Trung tướng Dương Văn Minh - Chủ tịch Hội đồng QNCM, công trình kiến trúc Dinh Độc Lập,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 32, 33, 34, 47, 53, 74, 75, 76, 194, 195, 196, 90, 99, 124, 192, 127.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 594, 1131, 1175, 3279, 3296, 3417, 2552, 2883, 2927, 3036, 3138, 3025.

- ***Nguyễn Thị Thanh Vân***

Chính sách của Chính quyền VNCH đối với dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu của Tổng thống Phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam phần, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Nha Công tác xã hội miền Thượng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chính sách của VNCH đối với đồng bào Thượng năm 1958, cải tiến dân sinh đồng bào Thượng, tổ chức và điều hành các hợp tác xã cho đồng bào Thượng di dân tại cao nguyên Trung phần năm 1957, mở lớp bình dân giáo dục cho đồng bào Thượng.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 17349, 17352, 11766, 12673, 12717, 12758, 11763, 11765, 17344, 17343.

- Sưu tập sách bổ trợ: VN.2403, VN.2405; VV.3118, VV.3120, VV.3299, VV.2109, VV.3275, VV.2853.

- **Nguyễn Thị Bích Vân - Phan Vũ Lê Vi - Hồ Hoàng Hải Yến - Lê Hữu Hoàng Uyên - Chung Lê Tú Xuân**

Cơ sở pháp lý của hệ thống văn bản đối ngoại để giành quyền lợi cho nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: dự án thỏa ước Việt - Mỹ nhằm bãi bỏ sự bồi thường thiệt hại do quân lực hai nước gây lẫn cho nhau từ năm 1964 - 1970, ban hành và sửa đổi các sắc luật liên quan đến Tòa án Quân sự Mặt trận từ năm 1969 - 1972, các phiên họp Hội đồng cao cấp Việt - Mỹ từ năm 1964 - 1966, các phiên họp Hội đồng thân hữu Việt - Mỹ từ năm 1969 - 1970, hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại VNCH từ năm 1967 - 1975, Quốc hội Hoa Kỳ đối với vấn đề giải quyết chiến tranh tại Việt Nam năm 1972, Hội nghị Genève năm 1954, phái đoàn giáo sư Hoa Kỳ sang Việt Nam nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc khai hoang năm 1970 - 1971, đơn thư khiếu nại, tố cáo và đòi bồi thường thiệt hại do chiến tranh từ năm 1968 - 1974, Luật, Sắc lệnh cấm dùng những chất độc, ma túy và chất nguy hiểm năm 1972, Phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị ngoại giao về Luật Nhân đạo Quốc tế tại Genève năm 1974 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 230, 1717.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 9244, 18979, 19052.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 291, 427, 593, 584, 588, 599, 595, 1164, 1167, 2182.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 191, 194, 328, 768, 1183, 2551, 14998, 20968, 24463, 31029, 30712, 32658.

- **Mai Thanh Xuân**

Lịch sử Viện Đại học Sài Gòn

Tài liệu được khai thác chủ yếu là các sắc lệnh, nghị định, quy định, nội quy của Tổng thống VNCH về thiết lập các viện,

trường, thiết lập các cơ sở giáo dục, của Bộ Giáo dục, sở ban ngành giáo dục, trường học; các chính sách giáo dục như: ấn định quy chế riêng cho các ngạch giáo sư, giáo viên các cấp, lưu dụng giáo sư cũ; tài liệu về tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự trong ngành giáo dục; chế độ đãi ngộ đối với học sinh, giáo viên; chính sách kêu gọi học sinh giỏi về nước, lương bổng, phụ cấp cho giới chức; các cải cách giáo dục về các mặt.

- *Phông Phủ Tổng thống ĐỊCH*: 719-721, 839, 1041-1043, 1046, 1145, 1367-1373, 1376, 1868, 2181, 17537.

- *Phông Phủ Thủ tướng VNCH*: 2673, 3411, 17537, 30473.

- ***Yoshimoto Yasuko***

Xã hội và văn hóa Chăm

Tác giả đề tài sử dụng một số tư liệu như: Địa phương chí tỉnh An Giang, tỉnh Ninh Thuận; Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính từ năm 1945 - 1997; Đại Nam nhất thống chí, quyển 12; Non nước Ninh Thuận.

Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng các tài liệu là công văn của Nha Pháp chánh có nội dung liên quan đến các vấn đề như: tổ chức hoạt động tỉnh Bình Thuận; danh sách các xã và những người có uy tín làm việc cho Quốc gia tại tỉnh Bình Thuận từ năm 1957 - 1958.

- *Sưu tập sách bổ trợ*: VV.3472, VV.3819, VV.3830, VV.3833, VV.3834, VV.3835, VV.3879, VV.3880.

V. AN NINH, CHÍNH TRỊ

1. Những vấn đề chung

- ***Cù Thị Dung***

Tình hình chiến sự tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975

Độc giả khai thác tài liệu về tình hình quân sự hàng ngày của

quân lực VNCH; các sự kiện quan trọng tại các quân khu; tập báo cắt về tình hình Việt Nam.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 2675, 2679, 2680, 2695, 2696, 2697, 2698, 2699, 8224, 8241.

- **Trương Quang Đạt**

Các văn bản của VNCH đặt CS ra ngoài vòng pháp luật

Tài liệu bao gồm: Sắc lệnh năm 1957 về việc đặt CS ra ngoài vòng pháp luật; Các tuyên bố của Chính quyền VNCH trong tháng 3/1959 đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh; Đạo luật 10/59.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 1806, 1993, 3648, 9023, 15179, 23055, 23567.

- Sơu tập công báo: J.378-J.383, J.392-J.399.

- **Trần Thị Hà**

Chính sách dinh điền của Chính quyền Ngô Đình Diệm ở Tây Nguyên (từ năm 1957 - 1963)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, phiếu trình, tập bản tin, báo cắt của Tổng thống Phủ, Tham mưu biệt Bộ, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Tòa Đại biểu Chính phủ tại cao nguyên Trung phần, Bộ Nội vụ, Nha Công tác xã hội miền Thượng, tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum, các hãng thông tấn trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức Phủ Tổng ủy Dinh điền từ năm 1954 - 1962, công tác dinh điền và tình hình an ninh tại các địa điểm dinh điền từ năm 1959 - 1963, các vấn đề liên quan đến đồng bào Thượng từ năm 1956 - 1963 như kế hoạch đồng hóa Kinh - Thượng do Nha Công tác xã hội năm 1959, phong trào đồng bào Thượng đòi tự trị từ năm 1958 - 1959.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6624, 7894, 15026, 17063, 19871, 21328, 14365, 15878, 15891, 16731.

- Suu tập Công báo: J.376, J.377, J.378, J.408, J.415, J.416, J.427.

- **Trần Thị Hà**

Khu dinh điền Tây Ninh (từ năm 1957 - 1962)

Tài liệu được khai thác chủ yếu là các phúc trình và công văn về các hoạt động tổ chức, cách thức quản lý dinh điền, tình hình an ninh tại các dinh điền và hoạt động của VC tại các dinh điền; việc tiếp tế, vận chuyển lúa gạo, các sản phẩm tại dinh điền; ngoài ra còn có các hồ sơ về danh sách các dinh điền.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1089, 4647, 4665, 5617, 5747, 5803, 5867, 6067, 6144, 6145, 6339, 8013, 8015, 9978, 10857, 10893, 11713, 11714, 11717, 11754, 12638, 12649, 13519, 15183, 16175.

- **Nguyễn Diệu Hồng**

Chiến tranh tâm lý của Mỹ - nguy trong thời kỳ 1961 - 1965

Tài liệu là các công văn, báo cáo, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Tham mưu biệt Bộ, Võ phòng, Bộ Thông tin, Bộ Công dân Vụ, Bộ Thông tin Tâm lý chiến, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, Nha Chiến tranh tâm lý. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch đối phó với VC xuyên tạc chống lại Hội đồng QNCM năm 1963, chương trình dân vận năm 1965 của Cục Tâm lý chiến, hoạt động của VC và công tác chiến tranh tâm lý thuộc Tổng vụ Kế hoạch thông tin năm 1962, công tác Chiêu hồi từ năm 1959 - 1963, về việc thành lập và kết quả hoạt động của các đoàn võ trang tuyên truyền năm 1961, bài nghiên cứu “chiến tranh tâm lý toàn diện” năm 1960.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6306, 6309, 6312, 6530, 6763, 6885, 6974, 7190, 7248, 7558, 7559.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14785, 15248, 17454, 17455, 17701, 20866, 21687, 29402, 29419.

- **Phạm Thị Huệ**

Tài liệu liên quan đến gia đình họ Ngô và khu biệt thự Trần Lệ Xuân

Tài liệu được đọc giả khai thác chủ yếu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, diễn văn của Tổng thống Diệm và diễn thuyết của bà Ngô Đình Nhu cùng các bài báo đưa tin về bà Nhu.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 771, 792, 2537, 2581, 2587, 2595, 4388, 4396, 4650, 8700, 8701, 10030, 11957, 13860, 13875, 13882, 13885, 14191, 14197, 14202, 14205, 14237, 14262, 14313, 15991, 16060, 16854, 17460, 17492, 17493, 17496-17498, 18366, 18578, 19429, 19556, 19593-19596, 20860-20862, 28553, 28554, 28575.

- **Thái Văn Hùng**

Dinh điền ở Gia Lai từ năm 1957 - 1963

Tài liệu là các công văn, báo cáo của Phủ Tổng thống, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Quân khu 4, tỉnh Pleiku. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: định cư đồng bào Thượng ở Pleiku năm 1960, thiết lập Nha Công tác Xã hội miền Thượng, danh sách các xã Thượng định canh định cư và tập trung ở Cheoreo, tình hình kinh tế ấp chiến lược năm 1963, về việc cấp vũ khí cho bảo an, dân vệ, thanh niên cộng hòa, tiểu đội dân chính Ty Canh nông Pleiku năm 1962, về việc trợ cấp ngân khoản, hạt giống cho đồng bào Thượng năm 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1576, 7945, 8249, 11754, 11756, 11760, 12599, 12600, 12630.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 62-64, 127, 128, 4929-4931, 4981, 15011.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 4735, 5680, 6123, 6199, 6316, 6200, 6329, 7047.

• ***Phạm Thị Thu Hương***

Việc tổ chức di tản của Chính quyền VNCH vào giai đoạn cuối cuộc chiến tranh Việt Nam

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: VNCH ra tuyên bố yêu cầu Liên Hiệp Quốc cứu trợ di tản nạn nhân chiến tranh năm 1975, việc ủy lao và di tản nạn nhân chiến cuộc tại Phước Long, Đà Nẵng năm 1975, bài nói chuyện của Tổng thống về những thiếu sót của chính quyền dẫn đến việc không có ưu thế về chính trị và hậu phương vững chắc năm 1975, tình hình chính trị, quân sự tại Việt Nam từ tháng 01 - 4/1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1321, 1322, 1343, 1352, 1353, 2181, 4091, 5232, 5245, 5247, 5252.

• ***Trần Thị Lan - Trần Nguyên Phò***

Trại giam tù binh Phú Quốc

Tài liệu là các nghị định, công văn, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Dân vận và Chiêu hồi, Bộ Nội vụ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: đả phá chiến dịch CS về vấn đề tù nhân, kết quả thi hành phóng thích tù binh CS và thu hồi quân nhân Quân lực VNCH đợt 2, tình hình nguy hại tại trại tù binh Phú Quốc năm 1970, tù binh trại giam Phú Quốc nổi loạn từ năm

1969 - 1970, phóng thích tù binh Bắc Việt nan y, tàn phế về Bắc từ năm 1969 - 1970, bảng tổng kết số lượng tù binh hiện có tại các trại giam trên toàn quốc năm 1972, tình hình chiêu hồi toàn quốc năm 1972.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D01-300, D1-66, D7-115, D7-185, Q0-78.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 158, 1324, 1516.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 96, 2036, 4285, 4831, 4833, 5137, 5247, 5445, 8674, 10315, 21609.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 695, 751, 795, 798-801, 1135-1138, 1196-1199.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 6400, 16005, 17137, 17288, 17293, 17472, 17474, 18028, 23845, 24427.

• ***Nguyễn Trọng Kiều Mai***

Kế hoạch Phụng Hoàng

Tài liệu là các báo cáo, tường trình, công văn, nghị định, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng Nông thôn,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quốc gia Phụng Hoàng từ năm 1972 - 1974; đề nghị công khai hóa chương trình Phụng Hoàng năm 1972; quốc sách bình định và phát triển VNCH; cải tổ tổ chức của kế hoạch Phụng Hoàng, cải tổ hệ thống tổ chức Phụng Hoàng, tiến triển của kế hoạch Phụng Hoàng.

- Phòng Điều hợp An Ninh: 46, 50, 111, 127, 164, 196, 263, 300, 488, 638, 642, 651, 706, 753, 763, 940, 986, 1017, 1042, 1117, 1242, 1256.

- **Dương Thế Thanh**

Tìm hiểu về Đảng Cần Lao và Đảng Dân chủ từ năm 1954 - 1975

Độc giả khai thác các tài liệu về Đảng Cần Lao Nhân Vị và Đảng Dân chủ như: tuyên ngôn, đảng quy, thành lập, tổ chức và hoạt động.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4374, 4703, 4116, 4118, 4374, 4375, 4448, 4511, 4624, 4703.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29361, 4125, 29176, 29221, 29257, 29361.

- **Martin Loicano**

Chiến lược VNCH (từ năm 1968 - 1972)

Độc giả khai thác một khối lượng lớn tài liệu chủ yếu của thời kỳ VNCH. Các nội dung bao gồm những vấn đề chính: vấn đề an ninh chính trị gồm các hoạt động hành quân, thám sát, các báo cáo về các hoạt động của VC, tổ chức và thực hiện các chiến lược mới; vấn đề quốc phòng liên quan đến hoạt động của bộ và các nha, sở của Bộ Quốc phòng, các hoạt động ngoại giao giữa VNCH với Hoa Kỳ và với các nước khác trong thế giới tự do; các vấn đề về huấn luyện quân đội, vũ khí kỹ thuật; vấn đề về viện trợ của Hoa Kỳ về các mặt; vấn đề và đường lối chính sách của VNCH trong vấn đề chiến tranh và đối ngoại với các nước khác.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 161, 163, 256, 264, 331, 364, 468, 576, 685, 885, 3250, 3266, 3311, 3387, 4274, 4317, 4436, 5747, 5803, 5867, 6067, 6144, 6145, 6339, 8013, 8015, 9978, 10857, 10893, 11742, 11721, 11713, 11714, 11717, 11759, 11789, 12649, 13519, 15183, 16175, 17770-17776, 17950, 19684, 20219, 20265, 20782, 23307, 25079.

- **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Hoạt động của chính quyền Sài Gòn vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam (từ ngày 21/4 - 30/4/1975)

Tài liệu là các báo cáo, công điện, phiếu trình, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Phủ Đặc ủy TWTB,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các vấn đề quân sự năm 1974 - 1975, công tác an ninh chính trị năm 1975, nhận định tình hình an ninh chính trị năm 1975, tình hình an ninh quân sự tại Sài Gòn - Gia Định từ năm 1968 - 1975, tin tức liên quan đến chính trị và chiến cuộc tại Việt Nam năm 1975, các biện pháp an ninh trên toàn quốc trong tình trạng khẩn trương của đất nước năm 1975; giải pháp hòa bình ở Việt Nam năm 1975; nhân dân tự vệ gia tăng, nỗ lực và duy trì trật tự khi có biến cố năm 1975; hoạt động của cảnh sát, khủng bố sát hại thường dân tháng 4/1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 554, 555, 560, 567, 570, 574, 625, 757, 758, 1322, 1323, 1343, 1344, 1346, 1348, 1355.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9745, 9757, 9759, 9770, 18589, 18594, 18622, 18624, 18691, 18716, 18720, 18721, 18742, 18861, 18867.

- **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Cuộc khủng hoảng chính trị của chính quyền Sài Gòn (từ năm 1963 - 1965)

Hồ sơ được khai thác chủ yếu là hoạt động của Hội đồng QNCM như sắc lệnh, nghị định, quyết nghị, hoạt động của các bộ và nội các trong thời kỳ quân quản này; các cuộc chính biến, đảo chính, các biến động chính trị và sự tranh giành quyền lực trong giai đoạn khủng hoảng.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3119, 3050, 3169, 3192, 3192, 4244, 4245, 1541215412, 15046, 15049, 15050.

• ***Trần Thị Nhung***

Luật 10/59

Các hồ sơ được khai thác bao gồm: Tài liệu về việc tịch thu tài sản của tội nhân thuộc tòa án đặc biệt; Luật Xuất bản năm 1956; Sửa đổi luật lệ quản lý tù nhân; Các án tử hình và khổ sai năm 1960, Luật 10/59; Các báo cáo về tình hình kinh tế, an ninh, chính trị, xã hội từ năm 1954 - 1961 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ gửi Tổng thống VNCH.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 420, 422, 423, 279-301, 4498, 6024, 13038.

• ***Nguyễn Thị Hồng Nhung - Nguyễn Sinh Hương***

Hiệu ứng của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn về sự kiện Hồ Chí Minh qua đời (ngày 02/9/1969)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các chính khách miền Nam bình luận về cái chết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm nói về cái chết của Hồ Chí Minh, các nguồn tin ngoại giao nhìn nhận về cái chết Hồ Chí Minh, ý kiến của ông Nguyễn Phú Đức về đề nghị hưu chiến của VC để tang Hồ Chí Minh, trả lời của Phó Tổng thống Agnew với báo chí về việc hy vọng mở ra cơ hội chấm dứt chiến tranh từ sự kiện Hồ Chí Minh qua đời; hoạt động của VC từ năm 1969 - 1972; tình hình an ninh tại Sài Gòn - Gia Định từ năm 1969 - 1972.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 916-920, 930.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16460, 16494, 16582, 16591, 16662, 17427, 17604, 17702, 17780.

- **Trần Hạnh Minh Phương**

Dinh Gia Long và Chính quyền Ngô Đình Diệm

Tài liệu là các tờ trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Phủ Tổng ủy Pháp tại Đông Dương, Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quân nhân phục vụ ở dinh Gia Long; tình hình an ninh tại dinh Gia Long; thanh toán xây cất hầm trú ẩn tại Dinh Gia Long năm 1963 - 1964; thiết kế Dinh Gia Long năm 1954; phá hủy các biệt thự trước Dinh Gia Long và giải tỏa xây cất bất hợp pháp; thanh toán các chi phí cho Phủ Tổng thống cũ và bà Ngô Đình Nhu từ năm 1963 - 1965; tài sản của Dinh Độc Lập và Dinh Gia Long năm 1965; việc đi lại và ra vào Dinh Gia Long năm 1954.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7493, 14960, 17676, 17682, 19369, 19487.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3046-3050, 3055, 3057, 14591, 21124, 21747, 21848, 22117, 22129, 29240, 28537, 28538, 28539, 28540, 28541, 28542, 28549, 28555.

- **Phạm Thị Phương - Nguyễn Mai Anh**

Hiệu ứng của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn về sự kiện 12 ngày đêm năm 1972

Tài liệu là các công văn, công điện, tờ trình và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Phủ Đặc ủy TWTB, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, các tỉnh và vùng chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng năm 1972, xung quanh các cuộc mật đàm về Hiệp định chấm dứt chiến tranh, văn hội hòa bình năm 1972, Quốc hội Hoa Kỳ và

vấn đề giải quyết chiến tranh tại Việt Nam năm 1972, hoạt động ngoại giao vận công Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam và tăng cường sự hiện diện của VNCH trong các tổ chức quốc tế, các nước năm 1969, từ năm 1972 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 402, 409, 1141, 1164, 1184, 1185, 1231, 1146, 2168, 2761.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 17381, 30401, 30595, 31140, 31604, 31702, 31711, 31712.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 2989.

• **Phạm Thị Thèn**

Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Quản trị Ngoại quốc Viện trợ, Bộ Ngoại giao, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: viện trợ quân sự Hoa Kỳ cho Việt Nam từ năm 1955 - 1963, hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại VNCH từ năm 1967 - 1975, viện trợ quân sự và việc sử dụng quân viện trợ của các nước cho VNCH từ năm 1969 - 1975; so sánh giá cả hàng viện trợ với giá thị trường tự do từ năm 1969 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 7365.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 558, 588.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 21178, 21182, 21186, 21190.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 327, 402, 346, 476, 560, 659, 663.

2. Tổ chức và điều hành quân lực VNCH; các vấn đề về nội an, chính sách dinh điền, ấp chiến lược

• Tô Tuấn Đạt

Quốc sách Ấp Chiến lược của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam (từ năm 1954 - 1973)

Tài liệu là các quyết nghị, công văn của Văn phòng Phủ Tổng thống, Phủ TUDĐ&NV, Ủy ban Liên bộ Đặc trách Ấp Chiến lược, Trung tâm Khuếch trương Tiểu Công nghệ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy Phủ Tổng ủy Dinh điền trực thuộc Tổng thống Phủ năm 1957 - 1958, công tác bảo vệ ấp chiến lược năm 1963, tình hình kinh tế ấp chiến lược năm 1963; việc sử dụng công điền, công thổ tại các ấp chiến lược năm 1963; dời nhà dân chúng vào ấp chiến lược và bồi thường đất đai bị chiếm hữu cho ấp chiến lược năm 1963; sự tiến triển của công cuộc dinh điền năm 1959, tổ chức tuyển mộ, huấn luyện dân vệ chìm, nổi tại các vùng dinh điền năm 1960; chiến tranh tự lực cánh sinh và vai trò ấp chiến lược trong phạm vi Hội đồng Phát triển năm 1963,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2951, 2967, 2969, 3464, 3623, 14946.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 48, 62-65, 127-131, 226.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 247, 275, 501, 591, 642, 671, 672, 714, 6286, 6314, 6319-6321, 6325.

• Đinh Ngọc Hằng

Tổ chức và hoạt động của quân đội Hoa Kỳ ở miền Đông Nam Bộ (từ năm 1965 - 1968)

Các hồ sơ tài liệu được khai thác chủ yếu là các báo cáo và tình hình của Phòng Nhì như: lương thực, vũ khí, đạn dược,

kỹ thuật tổ chức thông tin, chiến thuật hành quân, hoạt động của quân lực thể giới tự do, chiến sự tại biệt khu thủ đô, tình hình an ninh quân sự, các cuộc hành quân, các đợt truy quét của quân lực VNCH và các đợt tấn công của VC.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 65, 258, 1821, 15700, 15765, 15766, 15770, 15771, 15804, 15805, 15828, 15829, 16086.

- **Lê Thị Hằng**

Tuyển phòng thủ trung gian bảo vệ Sài Gòn của Mỹ - ngày năm 1975

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình chính trị quân sự Việt Nam năm 1975, tình hình tuyển phòng thủ Xuân Lộc, Long Khánh huyết chiến, Tổng thống Thiệu tiếp riêng Đại tướng Weyand và mở hội đoàn Việt - Mỹ, tình hình thất thủ tại các tỉnh trong cuộc tấn công của VC năm 1975, tình hình an ninh tại tỉnh Biên Hòa từ năm 1962 - 1975, đại thắng mùa xuân 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 5251-5253, 5262, 5265.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 912, 3788-3791, 18738, 18897.

- Sưu tập công báo: J.899.

- Sưu tập sách bổ trợ: VL.349, VN.3485, VN.3487, VN.3583; VV.3860, VV.3861.

- **Hoàng Thị Hằng**

Hoạt động phong trào cách mạng quốc gia

Các hồ sơ được khai thác như: Kế hoạch chống Cộng, Kế hoạch phát triển và củng cố phong trào cách mạng quốc gia của tỉnh Ba Xuyên năm 1959, Phong trào Cách mạng quốc gia viếng thăm Nhật Bản và Đài Loan, Hồ sơ giải tán Phong trào Cách mạng quốc gia, Đảng Cần Lao Nhân Vị, Phụ nữ Liên đới.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6810.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1857, 5605, 11358, 15751, 16798, 17099, 17620, 17871.

• **Nguyễn Đức Hòa**

Cuộc chiến tranh hóa học của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam (từ năm 1961 - 1975)

Tài liệu là các công điện, báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề về tổ chức và hoạt động của Ủy ban 202 từ năm 1961 - 1963; bao vây kinh tế VC tại Cao nguyên và Trung nguyên Trung phần, phong tỏa kinh tế VC tại chiến khu D năm 1962 - 1963; kêu gọi đồng bào Thượng ra quy thuận; tối tân hóa và phát triển VNCH từ năm 1967 - 1974; hoạt động của không quân Hoa Kỳ, hoạt động của không quân VNCH từ năm 1965 - 1975; các vấn đề liên quan đến không quân VNCH; viện trợ của Hoa Kỳ cho VNCH; các tổ chức quốc tế phản ứng đối với cuộc chiến tranh Việt Nam năm 1968; phong trào phản chiến và bộ mặt thật của Hoa Kỳ.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7947, 7951, 8108-8118, 8396.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 498, 582, 586, 588, 592, 595, 609, 853, 960.

• **Hoàng Thị Lan Hương**

Áp chiến lược và kinh tế của chế độ ĐỊCH (từ năm 1954 - 1963)

Tài liệu là các công văn, công điện và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Ủy ban Liên bộ Áp Chiến lược, Tham mưu biệt Bộ, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam phần, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Xây dựng Nông thôn. Nội dung tài

liệu liên quan đến các vấn đề như: quốc sách, chính sách tổ chức áp chiến lược, VC tấn công làng định cư và áp chiến lược Cheo Leo Pleiku năm 1962, hành quân gom dân Bình Dương - Phước Thành và điều tra việc dân chúng áp chiến lược Hòa Nhứt bỏ đi năm 1962, âm mưu của VC đối phó với chủ trương thiết lập áp chiến lược năm 1962, chương trình cấp vốn và xây dựng các khu trù mật áp chiến lược năm 1961 - 1962, ước tính khả năng chống phá áp chiến lược và kế hoạch bao vây kinh tế VC năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6924, 6926, 6937, 6940, 6943, 7573, 7575, 7623, 7626, 7627, 7629.

- **Jessica Chapman**

Nội an của chế độ Ngô Đình Diệm từ năm 1954 - 1956

Tài liệu là các báo cáo, công văn, sắc lệnh, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Ngoại giao, Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á và Hội nghị liên phòng Đông Nam Á tổ chức tại Bangkok năm 1955; vấn đề quân sự năm 1954 - 1955; thi hành Hiệp định Genève từ năm 1954 - 1956; chiến dịch miền Tây năm 1955; di chuyển, sử dụng các đơn vị tại Bắc Việt và đồn trú của quân đội QGVN từ năm 1954 - 1956; bắt cóc, ám sát Pháp kiều; xét nhà tù và bắt cóc nhân viên cảnh sát do lực lượng Bình Xuyên gây ra năm 1955; biểu tình phản đối Hiệp định Genève tại Sài Gòn năm 1955; hoạt động của Pháp chống Chính phủ QGVN năm 1955; hoạt động của Phủ Đặc ủy Di cư tỵ nạn năm 1955; tình hình di cư định cư năm 1955.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1254-1259, 1262, 14595, 14598, 14633, 14638, 14655, 14671, 14672, 14675, 14684-14686, 14701-14703, 14739.

- **Kim Loan Thị Vũ Hill**

Sơ lược tình hình kinh tế, xã hội, chính trị VNCH (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, phiếu trình và một số loại tài liệu khác của Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Phái đoàn giao dịch Ủy hội Quốc tế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: những hành động âm mưu của người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1963, phong trào đấu tranh Phật giáo và nhận định của VC về vấn đề đảo chánh tại đô thành năm 1963, về việc vận động di dân và phân phối dân cho địa điểm dinh điền năm 1960, hồ sơ xây dựng hạ tầng cơ sở hương thôn năm 1960, bản điều tra dân số di cư ở các trại Cao nguyên miền Nam đến ngày 28/12/1955, về việc gọi nhập ngũ và triệu hồi các linh mục để phục vụ cho ngành Tuyên úy Công giáo năm 1963, biểu đồ báo cáo về chỉ số giá sinh hoạt tại Sài Gòn từ năm 1949 - 1955, ước lượng lợi tức quốc gia năm 1955.

- Thông Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8504, 9133, 9137, 9389, 9393, 9396, 13490, 13515, 13537, 13601.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 3877, 3908, 3926, 3956, 3979, 3991, 4157.

- **Trần Văn Lạc**

Chính sách dinh điền của Chính quyền Ngô Đình Diệm ở Gia Lai (từ năm 1957 - 1963)

Tài liệu là các nghị định, công văn, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ TUDĐ&NV, Bộ Cải tiến Nông thôn, Nha Nông vụ. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình nông nghiệp và hoạt động nông vụ năm 1963, tổ chức bộ máy Phủ Tổng ủy Dinh điền trực thuộc Tổng thống Phủ từ năm 1957 - 1959, bảng

kê danh sách các địa điểm dinh điền năm 1963, tình hình hoạt động của các khu dinh điền, tỷ lệ di dân trốn trại tại các khu dinh điền, công tác di dân và định cư tại khu dinh điền Pleiku thuộc cao nguyên Trung phần năm 1958, công tác tài chính tại khu dinh điền Pleiku năm 1959, công tác làm đường giao thông vào các địa điểm thuộc khu dinh điền Pleiku năm 1962.

- Phong Phủ TUDĐ&NV: 672, 6013, 6018, 6188, 6306, 6303, 6308, 6723, 6779.

- ***Nguyễn Hữu Mẫn***

Tổ chức hoạt động của lực lượng vũ trang và bán vũ trang của quân đội Sài Gòn (từ năm 1954 - 1975)

Các tài liệu được khai thác liên quan đến hoạt động của Vùng IV Chiến thuật, tổ chức bộ máy các đơn vị quân sự, phân chia lãnh thổ thành các vùng chiến thuật, tổ chức nhân dân tự vệ đoàn tại các tỉnh, hoạt động của bảo an, công an, dân vệ; các cuộc hành quân của các sư đoàn, quân đoàn và các vùng chiến thuật.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 958, 1170, 1384, 1424, 1431, 2627, 2816, 2975, 3351, 3857, 4211, 4209, 4222, 4400, 4588, 4589, 4850, 5027, 5581, 5582, 5877, 6215.

- ***Trình Mưu - Chu Thời Trung - Vũ Thị Thanh Xuân - Phạm Trần Thanh Hồng***

Tài liệu về việc xây dựng áp chiến lược (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu được các tác giả sử dụng bao gồm: Các bản chỉ thị, tuyên cáo, thông cáo, tuyên ngôn của Bộ Ngoại giao, Quốc hội VNCH, các đảng phái chính trị về hòa đàm Ba Lê; Tài liệu về việc tổ chức để chống lại các tổ chức chính trị của CS; Hồ sơ thành lập Nha Tổng Giám đốc Miền vụ năm 1968 - 1969; Tài liệu về các giải pháp chính trị nhằm chấm dứt chiến cuộc tại Việt Nam tháng 12/1971,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 9275, 9280, 9314, 9345, 9355, 9361, 9367, 9372, 9378, 9395, 9443, 9446, 9457, 9464, 9480, 9486, 9634, 9758, 9761, 9791.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 5149, 8676.

- ***Nguyễn Thị Quý***

Nền Đệ nhị VNCH và sự sụp đổ của nó (từ năm 1965 - 1975)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực VNCH, Cục An ninh Quân đội. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hiến pháp VNCH và việc tu chính Hiến pháp từ năm 1967 - 1974, các bài nói chuyện của Tổng thống VNCH từ năm 1968 - 1975, về việc thi hành Hiệp định Paris từ năm 1954 - 1975, các cuộc đảo chính từ năm 1963 - 1969, hoạt động của Tổng thống từ năm 1967 - 1975, chiến dịch tổng công kích của CS xuân 1975, hoạt động của quân đội Hoa Kỳ cho VNCH.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 114, 176, 215, 245, 271, 327, 567, 568, 560, 588, 910, 1538.

- ***Lê Tấn Thành***

Tài liệu về quốc sách áp chiến lược ở miền Nam

Tài liệu được sử dụng có nội dung liên quan đến chính sách của Chính quyền VNCH trong việc xây dựng áp chiến lược tại miền Nam Việt Nam như: Bản phân tích tóm tắt về chương trình xây dựng áp chiến lược; Biện pháp an ninh, tổ chức ban trị sự tại các áp chiến lược, học tập về áp chiến lược,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 952, 954, 956, 957, 1073, 5062, 7704, 8204, 8676, 13879.

- **Ngô Thị Vân**

Tuyển phòng thủ từ xa bảo vệ Sài Gòn

Tài liệu là các nghị định, nghị quyết, công văn, công điện, điện tín, bản tin của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Nha Báo chí Phủ Thủ tướng, Nha Yểm trợ, Bộ Quốc phòng, Biệt khu Thủ đô, Bộ Tổng Tham mưu, Phủ Đặc ủy TWTB. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: động viên tại chỗ, đào tạo cấp tốc viễn dương thuyền trưởng, sử dụng các sỹ quan hải quân giải ngũ năm 1975, bảng kê hàng tháng các chi phí của Hoa Kỳ viện trợ cho chương trình bình định và phát triển từ năm 1973 - 1975, tình hình chiến sự hàng ngày của VC và VNCH năm 1974 - 1975, số lượng các đơn vị chiến đấu của quân lực VNCH và biểu đồ hoạt động quân sự của VC năm 1974 - 1975, về việc thành lập khu chiến Hóc Môn và kiện toàn hệ thống chỉ huy, phòng thủ đô thành Sài Gòn năm 1975.

- Phủ Tổng thống ĐIICH: 48, 243, 570, 572, 574, 624, 755, 7826, 7828.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1141, 1142, 1145, 1157, 2916, 2918, 2963, 18545, 18553, 18590, 18591, 18599, 18621.

- **Lương Thị Vân**

Chiến dịch tổ Cộng

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chiến dịch tổ Cộng năm 1955, lễ khai mạc đại hội tổ Cộng toàn quốc và phong trào tranh thủ tự do ủng hộ chính sách đối ngoại của VNCH năm 1956, điểm báo, tạp chí về chiến dịch tổ Cộng năm 1956, giấy tuyên dương công trạng và bằng tưởng lệ tham gia chiến dịch tổ Cộng năm 1956, thông tư của Ban chỉ đạo tổ Cộng TW năm 1956, thành phần Ban chỉ đạo tổ Cộng Tòa Đại biểu Nam Việt năm 1956, tổng kết 1 năm tổ Cộng của Nha Cảnh sát và Công an Nam Việt.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4298, 19725.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14734.
- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam Việt: F6-137, F6-139, F6-46, F6-61, F6-140, F6-34, F6-117, F6-59,...

- **Lê Thị Vị**

Vụ thẩm sát tại nhà tù Phú Lợi, năm 1958 - 1959

Tài liệu là các công văn, phiếu trình, điện tín, thư, bản tin, báo cáo của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Chỉ huy Công binh, Bộ Thông tin, Bộ Tổng Tham mưu, Tham mưu biệt Bộ, Nha Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành lập yếu khu Phú Lợi (Sài Gòn) năm 1960, thiết lập sân bắn khu trục cơ tại vùng kế cận sân bay Phú Lợi năm 1958, tình hình an ninh, phòng thủ tại Trung tâm Huấn chính Phú Lợi năm 1958, các vấn đề liên quan đến can phạm năm 1959, báo chí bình luận về vụ đầu độc tại Phú Lợi (Bình Dương) năm 1959, cấp phát vũ khí, đạn dược, quân trang cho Trung tâm Huấn chính Phú Lợi và quận Thới Bình - An Xuyên năm 1960, các nước phản đối việc tàn sát tù nhân chính trị tại trại giam tập trung Phú Lợi năm 1959 - 1960.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2163, 5121, 5144, 5935, 5958, 6445, 6544, 7005, 7057, 7906, 7921, 8120, 8890.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 2500.

- **Trần Thị Vui**

Quá trình phát triển của giai cấp tư sản miền Nam Việt Nam (từ năm 1954 - 1965)

Tài liệu được khai thác gồm các vấn đề như: chính sách về kinh tế của VNCH, hoạt động kinh doanh, sản xuất của các hãng buôn, các công ty, chương trình phát triển kinh tế, điện lực, kỹ

nghệ, đường sắt, đường bộ, đường thủy, ngân hàng tín dụng; cải cách điền địa, khuyến trưong kinh tế, thành lập mới các công ty kỹ nghệ, các nhà nhập cảng vi phạm luật lệ kinh tế.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 10870, 10895, 10922, 10995, 11040, 11054, 11061, 11185, 11200, 11257, 11368, 11373, 11375, 11407, 11419, 11437, 11483, 11501, 1193, 11994, 12018, 12903, 13048, 13053, 13076, 14038, 14058.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 10719, 10761, 10763, 10766, 10789, 11016, 11054, 11062, 11066.

3. Lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và nhân dân yêu nước miền Nam Việt Nam

a) Tổ chức TW Cục miền Nam và các lực lượng vũ trang

• *Đỗ Văn Biên*

Tổ chức và hoạt động của Ban Tuyên huấn TW Cục (từ năm 1961 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, công văn, báo cáo của Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Phủ Đặc ủy TWTB, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng Cục Chiến tranh Chính trị. Nội dung tài liệu liên quan các vấn đề như: công tác tuyên huấn của D413 từ năm 1970 - 1972, báo cáo tuyên huấn của Ban Y tế R từ năm 1971 - 1974, chương trình công tác và tổ chức bộ máy của Vụ Tổ chức cán bộ và Tiểu ban Tổ chức Tuyên huấn năm 1974 - 1975, công tác tổ chức cán bộ của Tiểu ban Tổ chức Tuyên huấn từ năm 1969 - 1976, nghiên cứu về các mật khu và căn cứ quân sự của VC Nam vĩ tuyến 17 năm 1965, kế hoạch phản tuyên truyền, đả phá CS với vấn đề tù binh năm 1972 - 1973, tổ chức của TW Cục miền Nam, công cuộc bình định và phát triển VNCH của Hội đồng Bình định và Phát triển TW từ năm 1967 - 1971.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7190, 8126, 8127, 8137.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 788, 821, 1209, 7650, 7649, 1175.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15228, 15229, 17002, 17926, 18118, 18582.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển: 201, 518, 519, 529.
- Phòng Bộ Y tế Xã hội và Thương binh: 6, 7, 12, 13, 20, 21, 26, 38, 79, 651.

• ***Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Hữu Châu***

Về hoạt động của luật sư Nguyễn Hữu Thọ

Tài liệu là các nghị định, công văn, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ và tỉnh Phú Yên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: gia hạn cưỡng bức cư trú đối với Nguyễn Hữu Thọ năm 1961, việc Nguyễn Hữu Thọ bỏ trốn năm 1961, về việc luật sư Nguyễn Hữu Thọ được tạm tha và cho đi an trí ở Lai Châu và Sơn Tây năm 1950; hiệu triệu đồng bào giúp nạn nhân trong vụ hỏa hoạn Bàu Sen, hoạt động của Phong trào Bảo vệ Hòa bình từ năm 1954 - 1955.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D61-28.
- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1352, 1353, 1354, 1355, 1360, 2907.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 21691, 21692.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18364, 32604.

• ***Đào Tuyết Hằng***

Tài liệu về các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân kháng chiến thời kỳ 1945 - 1975

Tài liệu là các công văn, công điện và một số loại tài liệu khác của Phủ Đặc ủy TWTB Quốc gia, Ủy ban Nhân dân cách mạng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của các phong trào từ năm 1970 - 1973, tiểu sử các nhân vật trong Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam từ năm 1970 - 1973, điều động cán bộ của Ủy ban Nhân dân cách mạng từ năm 1971 - 1976, tổ chức và hoạt động của “phong trào cách mạng quốc gia” năm 1962 - 1963, trưng bày tài liệu nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Nam Bộ kháng chiến từ năm 1945 - 1975 của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, địa phương chí Phong Dinh - Cần Thơ.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 5493, 9152, 17871, 18063.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 688, 734, 4600.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3421, 5497
- Phòng Bộ Lao động Thương binh Xã hội: 78.
- Phòng TTLT II: 856.

- ***Nguyễn Văn Kiệm***

Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Văn phòng Dân vụ Vùng II Chiến thuật, tỉnh trưởng tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc mở rộng phi trường Cam Ly - Đà Lạt, tình hình an ninh tại tỉnh Lâm Đồng từ năm 1961 - 1975, các cuộc hành quân của tỉnh và tiểu khu Lâm Đồng thuộc khu 23 Chiến thuật năm 1962, công tác thiết lập ấp chiến lược của tỉnh Lâm Đồng năm 1962, tình hình hoạt động của VC tại Lâm Đồng năm 1961...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 7605, 7654, 7665, 7667, 7951, 580, 517, 6094, 7602, 7601, 8172, 11231.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 265.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 15326, 15964, 16887, 17032, 17596, 18338, 22081, 22549.

• **Đặng Thị Bình**

Khảo sát tài liệu xây dựng Kỷ yếu Đảng bộ tỉnh Cà Mau

Tài liệu là các nghị định, công văn, biên bản, tờ trình, bảng kê, bản tin của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, tỉnh An Xuyên, Ủy ban An ninh tỉnh Bạc Liêu, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của VC tại tỉnh An Xuyên năm 1963, số VC bị bắt hàng tuần tại các tỉnh Tây Nam Nam phần năm 1962 - 1963, đưa đi an trí các can phạm từ năm 1970 - 1972, VC xin trao đổi một số tù binh năm 1962, các vụ tẩu thoát của can phạm, việc di chuyển can phạm nội địa ra Côn Sơn và phân loại, cải huấn, cải tiến lối giải quyết tình trạng can phạm năm 1968 - 1969, tình hình can phạm tại các trung tâm cải huấn từ năm 1966 - 1975, các hình thức đấu tranh của các can cứ chính trị tại các trung tâm cải huấn: tuyệt thực, tự tử..., các tổ chức và cá nhân xin trả tự do cho một số can phạm chính trị, nghi can CS từ năm 1963 - 1966, các phái đoàn viếng thăm các trại tù binh CS năm 1964 - 1965, các phiên họp để cứu xét can phạm CS từ năm 1970 - 1975, báo chí Úc đăng bài nói về chế độ lao tù tại Côn Sơn và việc viếng thăm, nhập trại giam 3 tù binh CS bị bắt trước ngày ngưng bắn từ năm 1970 - 1975, Tổ chức Bộ Chỉ huy Miền và các cục trực thuộc của VC tại miền Nam năm 1969 - 1970, khám phá và phá hủy tổ chức kinh tài của VC tại tỉnh Bạc Liêu, An Xuyên,...

- Phong Phủ Tổng thống ĐICH: 682, 4030, 6112, 6113, 6514, 6678, 7158, 7301, 21823, 8018.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 16931, 16942, 17286, 17642, 18791, 18796, 18807, 18810, 18026, 18632, 32213.

- **Trần Thị Lan**

Lịch sử Quân khu 10 trong kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1962 - 1971)

Các tài liệu được độc giả khai thác là những công văn, báo cáo về tình hình an ninh quân sự ở các vùng chiến thuật và vùng Tây Nguyên; các hoạt động hành quân thám sát, tác chiến của quân đội Mỹ và quân lực VNCH; các hoạt động của VC trong vùng.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6600, 6620, 6640.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3161, 3248, 3391, 16780, 17041, 17047, 17037, 3904, 4061, 15503, 15519, 16678, 15653, 15687, 15800, 15688, 15942, 1169.

- **Trần Thị Lan**

Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam cạnh Ủy hội Kiểm soát Quốc tế (từ năm 1954 - 1958)

Tài liệu là các công văn, tờ trình, thông cáo, bản tin và một số loại tài liệu khác của Tổng thống Phủ, Bộ Nội vụ, Phái đoàn giao dịch với Ủy hội Quốc tế, Ủy hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến tại Việt Nam, Bộ Thông tin và Thanh niên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hội nghị Genève và vấn đề thống nhất đất nước từ năm 1954 - 1958, hoạt động của Ủy hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến tại Việt Nam từ năm 1954 - 1958, hoạt động của Ủy hội Hỗn hợp Pháp - Việt Minh năm 1954 - 1955, biện pháp đối phó với các hoạt động của VC đòi tổng tuyển cử tháng 7/1957, lập trường của Chính phủ VNCH đối với Hiệp định Genève năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4511, 4850-4852, 5377, 5376, 5392, 5454, 5455.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 5984, 20108, 20142, 20144, 20148, 32106, 23993.

- Thông Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: B7-4, B7-7, B7-10, B7-26, B7-27.

- **Đặng Văn Khìa**

Lịch sử chiến tranh tỉnh Vĩnh Long

Tài liệu là các phiếu trình, báo cáo, văn kiện, tờ trình, bản tổng hợp tin tức quân sự của Bộ Xây dựng, Ủy ban liên bộ Đặc trách ấp chiến lược, Chủ tịch tỉnh Vĩnh Long, Vĩnh Bình... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chiến cuộc Mậu Thân 1968, các hoạt động của tỉnh Vĩnh Long, tình hình an ninh ở các tỉnh năm 1959, xung đột giữa bảo an và dân vệ tại Vĩnh Long, tình hình trại giam can nhân chính trị tại Nam phần, tình hình tiến triển tại các ấp chiến lược, kết quả thi đua tiêu diệt vùng địch, bố phòng các ấp chiến lược và khu trù mật, công tác xây dựng ấp chiến lược tại tỉnh Vĩnh Long.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 7870, 7871, 8360, 8788, 10735, 12438, 12440, 13524, 13405.

- **Tạ Duy Bình - Nguyễn Văn Lùng - Nguyễn Mạnh Hồng**

Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Long An

Tài liệu là các sắc lệnh của Tổng thống VNCH về việc thành lập, chia tách ranh giới tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường; các phúc trình, báo cáo của tỉnh trưởng về tình hình an ninh, chính trị, quân sự trong tỉnh, các tờ trình nguyệt đề A và B.

- Thông Phủ Tổng thống ĐỊCH: 143, 273, 320, 321, 380, 578, 588, 847, 850, 1477.

- Thông Phủ Thủ tướng VNCH: 18972, 19504, 21681, 21684, 21909, 24721, 29253, 31728.

- ***Nguyễn Tấn Cường - Thái Hoàng Hình - Trần Anh Dũng***

Lịch sử kháng chiến vùng Tây Nam Bộ trong thời gian chống Mỹ

Tài liệu là các công điện, biên bản, kiến nghị của các tỉnh Vùng IV Chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của các tỉnh Châu Đốc, Chương Thiện, Định Tường, Gò Công, Hậu Nghĩa từ năm 1966 - 1975, tình hình an ninh tại các tỉnh Vùng IV Chiến thuật từ năm 1967 - 1975.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1151, 1173, 15844, 17730, 17733, 17734, 18116, 18198, 18743.

- ***Quách Chí Dũng***

Lịch sử Trung đoàn Pháo hỏa tiễn 724

Tài liệu khai thác liên quan đến các vấn đề như: dư luận báo chí trong nước liên quan đến Bộ Quốc phòng và quân đội năm 1904; về việc ban hành tình trạng chiến tranh trên toàn lãnh thổ VNCH (từ năm 1965 - 1968) và các bản đồ phi trường, bản đồ tình báo; bản đồ hành chính và quân sự tỉnh Biên Hòa; bản đồ hành quân hỗn hợp.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 12268, 14180.

- Sưu tập Công báo: J.452 - J.454, J.456.

- ***Hồ Sơn Diệp***

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bình Thạnh (từ năm 1930 - 1995)

Tài liệu bao gồm các báo cáo của Nha An ninh quân đội tình hình an ninh tại các quân khu Thủ đô về biến động tại đô thành ngày 11/11/1960; tổ chức và hoạt động của Ấp chiến lược Bình

Hưng 1 và 2 năm 1962; tình hình kinh tế, văn hóa tỉnh Gia Định từ năm 1958 - 1962; thiết lập khu bình dân tại Thạnh Mỹ Tây;...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1373, 1409, 2338, 3633, 4275, 4444, 4483, 4515, 5120, 5173, 8172, 8280, 9435, 11402, 11412, 11529, 12130, 12140, 13523.

- **Lý Ngọc Định**

Tổ chức và hoạt động của tuyến đường vận tải 1C trên chiến trường Tây Nam Bộ (từ năm 1965 - 1975)

Độc giả khai thác các tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu, gồm các báo cáo tổng hợp và tài liệu của các bộ ngành thuộc chính quyền Sài Gòn về hoạt động của VC trong các vùng chiến thuật, TW cục, hoạt động đánh phá của quân lực VNCH; hoạt động xâm nhập của VC, đường lối của VC.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 271, 333, 576, 627, 15232, 16167, 16157, 16315, 16458, 16463, 16757, 17569, 17820.

- **Phạm Đình Đôn - Nguyễn Chí Toàn**

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (từ năm 1930 - 2010)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề về bầu cử quốc hội khóa II năm 1959; nhiệm kỳ của Tổng thống VNCH từ năm 1961 - 1966; việc tách nhập một số xã thuộc tỉnh Bình Định từ năm 1957 - 1966; tổ chức tỉnh Bình Định, địa chí tỉnh Bình Định năm 1956; chiến khu Việt Minh năm 1954; hoạt động các năm của tỉnh Bình Định, từ năm 1957 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 242, 285, 375, 450, 1779, 1780, 1783, 1874, 2190, 2212, 2455, 2681.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: F6-30, Q0-65, Q1-19, Q1-28.

- **Dương Thị Giang**

Vai trò của đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các phiếu trình, thông cáo, bản tin, báo cáo, tập san của Phủ Thủ tướng, Võ phòng Phòng Nhì, Bộ Quốc phòng, Bộ GTVT, Nha Báo chí và các báo chí trong nước và quốc tế. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình tại Việt Nam và thế giới năm 1966, tập san “Thế giới tự do” do Liên vụ Thông tấn Hoa Kỳ ấn hành năm 1966, tình hình quân sự, chính trị, ngoại giao Việt Nam từ năm 1964 - 1966, không lực Hoa Kỳ - VNCH oanh tạc Bắc Việt năm 1965; tổ chức và hoạt động của Đoàn 559 vận tải VC năm 1968; tổ chức, hoạt động và khả năng quân sự của VC năm 1967 - 1968; quy chế, quân số và hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam từ năm 1964 - 1969, chống công tác Hoa vận của VC từ năm 1965 - 1970; biện pháp đối phó với hoạt động của CS từ năm 1969 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐHCH: 270, 271, 279, 291, 334, 367, 414, 586, 588, 7650.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3204-3208, 16175, 16177, 16511, 17003, 18332.

- Phòng Bộ GTVT: 21, 32, 33, 600, 813.

- **Lê Thị Hải**

Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị Sài Gòn - Huế - Đà Nẵng (từ năm 1961 - 1968)

Tài liệu là các báo cáo, công điện, phiếu trình, sự vụ lệnh, công văn, hồ sơ của Bộ Thông tin, Ủy ban Bình định TW, Đô thành Sài Gòn, Văn phòng Phủ Thủ tướng... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các phiên họp Hội đồng Nội các năm

1962, các phiên họp hội đồng liên bộ năm 1965; hoạt động của Phủ Thủ tướng, Ban An ninh, Phòng Đảng ủy TWTB; kế hoạch bình định năm 1964; công tác năm 1966 - 1968 của Văn phòng Hội đồng Tài chính công vụ; tình hình chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, y tế, xã hội năm 1964.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 51, 53, 56, 73, 122, 168, 222, 272, 381, 453, 1293, 1302, 1304, 1323, 1328, 1598, 1859, 1939, 3088, 3090, 3407.

• ***Nguyễn Thị Bích Hạnh***

Sự phát triển của “ba mũi giáp công” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Củ Chi giai đoạn 1965 - 1968

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Phòng 2 - Bộ Tổng Tham mưu, Phủ Đặc ủy TWTB, Bộ Tâm lý chiến, Võ phòng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: bản nhận định về chủ trương gia tăng xâm nhập của Bắc Việt và sự đẩy mạnh chiến trường tại miền Nam, công tác binh vận của VC sau cuộc không lực Việt - Mỹ oanh kích Bắc Việt, kế hoạch và chủ trương của CS năm 1968, binh vận các quân nhân người Miên và vận động binh sỹ quốc gia đảo ngũ năm 1956 - 1957, đối phó với các tổ chức chính trị trá hình của CS năm 1968, cuộc đột kích căn cứ Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn tại rừng Bào Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 267, 4030, 4604, 5703, 6649, 7932.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 788, 1324, 3373.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3187, 3189, 3190, 4785, 15228, 15519, 15636, 15928, 15955, 16096.

- **Trần Thúy Hiền**

Căn cứ kháng chiến ở Trung Trung Bộ (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, tờ trình của Bộ Nội vụ, Văn phòng Dân vụ Vùng I Chiến thuật, Tham mưu biệt Bộ, Bộ Tham mưu Không quân, Vùng I Chiến thuật, tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Trị, Ninh Thuận, Phú Yên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: đối phó với mật khu VC ở Trung Cao nguyên Trung phần, kế hoạch bình định tỉnh Quảng Ngãi năm 1961, bản đồ kế hoạch bố trí hệ thống cứ điểm đối phó với các mật khu của VC, oanh kích các mật khu VC trên dãy Trường Sơn và Vùng I Chiến thuật năm 1962, nghiên cứu trận liệt VC và các căn cứ chính trị tại Vùng I Chiến thuật năm 1962, kế hoạch bình định tại các tỉnh Trung phần năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 6335, 6635, 7261, 7264, 7265, 7500, 7501, 7074, 8133.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4, 6, 24-26, 30, 87, 220, 221, 556.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 72, 148, 149, 150, 153, 247, 248, 249, 250, 254, 335, 356, 357, 358, 15234, 15229.

- Sưu tập bản đồ: 3008, 3012, 3019, 3344, 3669, 3897, 4006, 4086, 4459, 4467, 4471.

- **Trần Thúy Hiền**

Căn cứ địa cách mạng ở các tỉnh duyên hải Trung Trung Bộ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Giám đốc Bảo an,

Tham mưu biệt Bộ, Bộ Tham mưu Không quân, Bộ Tham mưu Vùng II Chiến thuật, Quân khu 3. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vấn đề đồng bào Thượng tại Việt Nam từ năm 1963 - 1965, sáp nhập quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa ấn định lãnh hải và an ninh hải phận VNCH (từ năm 1961 - 1973), cuộc hành quân “giải phóng” tại Bình Định, Quảng Ngãi năm 1955, tình hình an ninh, chính trị, quân sự tại các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Tín, Bình Định, Quảng Nam từ năm 1969 - 1973, tổng kết tổn thất, nhân mạng, vũ khí của VC và quân lực VNCH, các cuộc hành quân, thăm sát tại Quân khu 3, từ năm 1958 - 1968, VC mở đường Hồ Chí Minh...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 5134, 5195, 5219-5222, 6072, 6551, 6616, 6635, 7074, 7176, 7500.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14668, 14958, 16780-16883, 17023, 17027, 17962.

- ***Hoàng Chí Hiếu***

Lịch sử tỉnh Quảng Trị (từ năm 1954 - 1972)

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thi hành Hiệp định Genève năm 1954 - 1955; thiết lập hệ thống phóng thanh Bến Hải năm 1957; liên lạc bưu chính Bắc Nam từ năm 1959 - 1960; bưu thiếp trao đổi Nam Bắc năm 1958, năm 1964 - 1965; tuyển mộ thanh niên công giáo di cư vào quân đội năm 1962; tín đồ Phật giáo bị đàn áp ở các tỉnh năm 1962; kế hoạch di cư Bắc Việt năm 1954; Liên hợp quốc và Hoa Kỳ sẵn sàng giúp đỡ vận chuyển đồng bào di cư năm 1955; tổ chức tự vệ tại các trại định cư năm 1955; lập làng cho đồng bào Bắc Việt di cư và thiết lập các trại định cư năm 1955 - 1956; phong trào hoạt động của Việt Minh ở vùng Quốc

gia (Quảng Trị) năm 1954 - 1955; thiết lập Ty Cảnh sát đặc biệt tại Gio Linh năm 1956; hoạt động tâm lý chiến Quảng Trị năm 1965; những đồng bào ở Bắc vĩ tuyến vào vùng Quốc gia năm 1956; kinh lý tại Quảng Trị (quận Trung Lương) năm 1955; hoạt động tại Quảng Trị năm 1962; tình hình an ninh, chính trị tỉnh Quảng Trị từ năm 1968 - 1972; thành lập, bãi bỏ các đơn vị hành chính tỉnh Quảng Trị từ năm 1964 - 1974; công tác nhân sự liên quan đến các tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng Quảng Trị từ năm 1963 - 1974; công tác nhân sự liên quan đến quận trưởng, phó quận trưởng tỉnh Quảng Trị từ năm 1963 - 1975; tình hình xâm nhập của VC vào VNCH từ năm 1963 - 1964; phi cơ Mỹ oanh tạc nhằm dân thường tại Bến Hải; quân đội chính quy VC vượt vĩ tuyến 17 năm 1966; hoạt động chống Chính phủ VNCH của sinh viên, học sinh năm 1970; các cuộc đình công của công nhân năm 1955 - 1956, công nhân Hội Việt Nam Viễn thông đòi tăng lương năm 1957 - 1958; tình hình tranh chấp và đình công của công nhân các nghiệp đoàn năm 1969; truy tố trước pháp luật những cá nhân can tội vu khống chính quyền năm 1959; chuyển vận công văn và trao đổi bưu thiếp giữa Nam và Bắc năm 1957 - 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4598, 5973, 6430, 6614, 7268, 8670, 8772, 8883, 8995, 8996, 8997, 8998, 8999, 9000, 9134, 9136, 9142, 9143, 9144, 9230, 9237, 9326, 11652, 11657, 16226, 16237, 16496, 16506, 17220, 17724.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 24, 40, 302, 794, 811, 1048, 3495, 4119.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 114, 151, 251, 359, 360, 463, 572, 681, 794, 1268, 3024, 3135, 9580, 9635, 10552, 14613, 14655, 14748, 14762, 14942, 15520, 15631, 15739, 15959, 16469, 16880, 17025, 20144, 20145, 20146, 20148, 20219, 20221, 20265, 20270, 20271, 20341, 20342, 20268, 20386, 20388, 20337.

• **Võ Thị Hoa**

Đảng bộ Tây Ninh vận động đồng bào theo đạo Cao Đài tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các báo cáo, công điện, phiếu trình, sự vụ lệnh, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tòa Đại biểu Chính phủ Trung Việt Nha Tổng Giám đốc An ninh Quân đội, Tham mưu biệt Bộ quân đội VNCH, Bộ Chỉ huy hành quân Tây Ninh, Ty Công an Tây Ninh, Nha Cảnh sát Công an Việt Nam,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: địa chí tỉnh Tây Ninh năm 1956; hoạt động của các lực lượng Cao Đài Tây Ninh từ năm 1955 - 1957, hoạt động của VC và các lực lượng giáo phái năm 1956, 1962; thực hiện dự án xây cất đồn bót của chiến dịch Trương Tấn Bửu năm 1956; các cuộc hành quân Tây Ninh để trấn áp lực lượng giáo phái Cao Đài ly khai năm 1956; kinh phí để thanh toán lương bổng, trợ cấp và chi phí hoạt động của binh sỹ Cao Đài năm 1955 - 1956; thiết lập ủy ban xem xét hồ sơ những người thuộc giáo phái quy thuận năm 1956; thu hồi vùng Tòa thánh Tây Ninh về chính quyền năm 1955 - 1956; chiến dịch Nguyễn Huệ, khu chiến miền Tây và tình hình hoạt động của Cao Đài và VC năm 1956; thành phần và cách xử lý đối với quân nhân thuộc lực lượng Hòa Hảo, Cao Đài quy thuận năm 1958; dự án thành lập các ấp trừ mật từ năm 1961 - 1963; trận liệt VC tại Vùng III Chiến thuật của Phòng Nhì năm 1962,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 79, 4132-4136, 4171, 4179, 4187, 4239, 4307, 4308, 4310, 4313, 4323-4346, 4358, 4908-4910, 5032, 6670, 6788, 6853-6858, 6935, 7341, 7433, 9229, 10035, 14338, 16453, 17110, 17624.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4239, 4240, 4331, 4392, 4393, 4394, 4395, 4396, 4397, 4398, 4459, 4460.

- **Phạm Thị Xuân Hòa**

Mặt trận DTGPMNVN (từ năm 1960 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại các nước năm 1964 - 1974, về việc các quốc gia Phi châu thừa nhận chính phủ lưu vong Sihanouk và tổ chức tự xưng là “Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam” năm 1974 - 1975, cuộc biểu tình của phong trào vận động hòa bình quốc tế đối với chiến cuộc Việt Nam khai diễn tại Bruxelles - Bỉ ngày 04/3/1967, phản công tuyên truyền Mặt trận Giải phóng miền Nam ngày 09/5/1966, phản đối Thụy Điển cho phép đại diện Mặt trận Giải phóng miền Nam hoạt động tại Stockhom ngày 08/11/1965...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6552, 7961, 7965, 8010, 8549, 8492, 8567.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1206, 1284, 2088, 2089, 2168, 2174, 2175.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20208, 20210, 20274, 20275, 20280, 20285, 20320, 20331, 20395.

- **Hồ Thị Hòa**

Tuyên truyền cách mạng (từ năm 1945 - 1975)

Tài liệu khai thác khá nhiều gồm các loại văn bản từ sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo, phúc trình, thư từ cho đến báo chí và ấn phẩm. Các tài liệu này tập trung thành các nhóm vấn đề như: vấn đề Phật giáo tại Nam Việt Nam như tài liệu truyền đơn, hành động, đối phó, đàn áp...; các đài phát thanh ngoại quốc và Hà Nội; tuyên truyền của VC.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D0-59, D5-09, D7-447,

D30-385, D30-390, E02-116, E03-82, E03-107, E03-180, E03-225, E03-296, F5-13, F5-19, F5-20, F5-26, F5-48, F6-21-24, L42-40, H2-123, R3-58, R01-49.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8506, 8511, 8524, 8526, 80429, 8495, 8496, 8497, 8498, 8499, 8501.

- Suru tập sách hỗ trợ: VN.111, VN.723, VN.747, VN.777, VN.789, VN.1577, VN.1171; VV.595, VV.688, VV.1521.

- ***Nguyễn Văn Hoa***

Vùng giải phóng miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, thông tư, sắc lệnh, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Tòa Đại biểu Chính phủ Tây Nam Nam phần, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực VNCH,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của lực lượng bạn và VC tại các tỉnh năm 1960; hệ thống các điểm đối phó với các mật khu VC tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần năm 1962; trận liệt VC tại Vùng II Chiến thuật năm 1963; kết quả kế hoạch bình định xây dựng năm 1969; hoạt động của tỉnh Tây Ninh từ năm 1968 - 1970, hoạt động của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1968 - 1974; lực lượng quân sự Bắc Việt năm 1968; tình hình ước tính khả năng và hoạt động tiếp viện của CS Bắc Việt năm 1971.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 108, 117, 221, 279, 377, 413, 491, 6066, 7461, 8090.

- ***Huỳnh Quốc Hiến***

Vai trò của lực lượng vũ trang huyện Bình Chánh trong giai đoạn cách mạng (từ năm 1945 - 1975)

Tài liệu là các công văn, báo cáo, bảng tổng kết của Tổng thống Phủ, Bộ Nội vụ, Phòng 3 - Bộ Tổng Tham mưu. Nội dung

tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh tại Sài Gòn - Gia Định năm 1969, báo cáo đặc biệt hàng tháng của tỉnh Gia Định về tình hình an ninh tại các xã năm 1969, tình trạng sa lầy của quân đội Hoa Kỳ tại chiến tranh Việt Nam từ năm 1961 - 1963, kế hoạch chống VC phục kích trên quốc lộ và hoạt động trong mùa mưa, việc giải tán các đoàn biểu tình ở chợ Đệm và Gò Đen năm 1954.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6940, 6785, 19034, 19657, 21601.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16583, 16893.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D63-65.

• ***Huỳnh Minh Hoàng***

Vai trò của TW Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1961 - 1975)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, Phủ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Tham mưu biệt Bộ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: công tác phát động quần chúng nông thôn của TW Cục miền Nam năm 1965, về việc phá vỡ Cụm A22, Cụm A26 thuộc Phòng Tình báo chiến lược, cụm ZK8 thuộc Phòng Quân báo của TW Cục miền Nam năm 1969, hoạt động, tổn thất của VC và quân đội VNCH năm 1962, đánh giá tình hình hệ thống các ấp chiến lược tại các tỉnh từ năm 1967 - 1970, thông tri của TW Cục miền Nam liên quan đến việc phá hoại chương trình cải cách điền địa VNCH năm 1970, bức điện tín của ký giả Rose nêu lên tình trạng bi đát của quân lực VNCH và kế hoạch xây dựng ấp chiến lược năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7437, 19191, 19193, 19201, 19208, 19426.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 139, 395, 402, 442, 467, 723, 913, 2567.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 773, 14955, 15243, 15322, 16176, 16557, 16561, 16562, 17001, 17569, 18895.

• **Lê Thị Hồng**

Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, sắc lệnh, quyết định, công điện, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Tiểu ban Liên hiệp Khu phi quân sự, tỉnh Quảng Trị. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: nhận định tình hình và phương hướng chiến tranh năm 1968, những nguyên tắc chỉ hướng cho kế hoạch bình định và xây dựng năm 1969, tình hình an ninh, chính trị, quân sự của tỉnh Quảng Trị từ năm 1954 - 1975, bảng kê nhân số và phân định vùng kiểm soát năm 1968 ở tỉnh Quảng Trị.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 104, 548, 6614, 6953, 7268, 7873, 8889.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 24, 40, 252, 465, 466, 4876, 5166.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 463, 658, 643, 1116, 1124, 5959, 2454.

• **Nguyễn Thị Liên Hằng**

Cuộc chiến tranh chống Mỹ (từ năm 1968 - 1973)

Tài liệu là các báo cáo, kế hoạch, công văn, nghị định, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Phủ Đặc ủy TWTB, Bộ Thông tin,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn

đề như: VNCH viện trợ vũ khí cho Campuchia năm 1970 - 1971, quân phí của quân lực VNCH tại Campuchia năm 1970 - 1971; hoạt động của Trung tướng Tổng Thư ký tổ chức SEATO từ năm 1968 - 1972; cuộc hành quân truy quét CS của quân lực VNCH trên lãnh thổ Campuchia từ năm 1970 - 1972; phong trào chống VNCH và sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam ngày 01/4/1968; các quan niệm hòa bình của các nước trên thế giới và các chính đảng đối với cuộc hòa đàm tại Paris từ năm 1966 - 1968, những cuộc hòa đàm giữa Phái đoàn Liên lạc VNCH và Phái đoàn Hoa Kỳ năm 1968, các cuộc hội đàm giữa phái đoàn VNCH và đồng minh tại Ba Lê năm 1968; chiến dịch tuyên truyền của các tổ chức quốc tế cho Bắc Việt, Mặt trận Giải phóng xung quanh hòa đàm Paris năm 1968; các phong trào chống VNCH và can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam tháng 12/1967; quan điểm của VNCH, Hoa Kỳ và Bắc Việt trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam năm 1968; các tổ chức quốc tế phản ứng đối với chiến tranh tại Việt Nam năm 1968, dư luận quốc tế đối với vấn đề hòa bình tại Việt Nam năm 1972; tình hình chính trị tại Việt Nam năm 1969; vấn đề tù binh năm 1970, vấn đề tù binh Mỹ - VNCH và Bắc Việt năm 1970, kỷ yếu về tù binh do Bộ Ngoại giao ấn hành năm 1971, tù binh Mỹ và Bắc Việt năm 1971; các giải pháp chính trị nhằm chấm dứt chiến cuộc tại Việt Nam năm 1971; các phiên họp bàn về hòa bình Việt Nam từ tháng 9 - 12/1971, diễn tiến mật đàm giữa Kissinger và Bắc Việt về giải quyết chiến tranh từ năm 1968 - 1973; hoạt động của Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng năm 1972; bằng chứng thiết lập căn cứ trú quân Bắc Việt trên lãnh thổ Cao Miên từ năm 1969 - 1972.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 380, 381, 398, 411, 413, 797, 814, 822, 823, 824, 826, 859, 892, 897, 901, 911, 1024, 1025, 1028, 1050, 1051, 1052, 1054, 1060, 1063, 1064, 1069, 1070,

1071, 1095, 1096, 1101, 1106, 1110, 1112, 1114, 1115, 1121, 1126, 1129, 1134, 1141, 1142, 1171, 1173, 1180, 1187, 1195, 1205, 1206, 1211, 1212, 1220, 1231, 1233, 1234, 1283, 1589, 1593, 1599, 1605, 1616, 1618, 1772, 1773, 1774, 1775, 1783, 1788, 1793, 1797, 1805, 1828, 1848, 1852, 1853, 1870, 1890, 1897, 1909, 1913, 1964, 2001, 2003, 2147, 2152, 2170, 2179, 4176, 4187, 4267, 4375.

- ***Nguyễn Thành Khoa***

Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Tiên Hiệp - Tiên Phước - Quảng Nam (từ năm 1930 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, sắc lệnh, quyết định, công văn, công điện, mật điện, báo cáo, biên bản, phiếu trình của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Phủ Tổng ủy Dân sinh nông thôn, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Tín, Vùng I Chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh, chính trị, quân sự tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín năm 1961, hoạt động của VC tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín năm 1961, 1962 và kế hoạch đối phó của lực lượng quân sự các tỉnh này; báo cáo hoạt động của tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế và tòa đô chính Đà Nẵng các năm 1955 - 1974; địa phương chí tỉnh Quảng Nam năm 1956, tình hình diện tích và dân số các xã thuộc các tỉnh từ năm 1955 - 1975, chương trình tái thiết xã hội, xây dựng ấp chiến lược tại các tỉnh Vùng I, Vùng II Chiến thuật từ năm 1964 - 1965, tổ chức bộ máy các đơn vị an ninh, quân sự tại các tỉnh và công tác cải tạo, huấn luyện, các cuộc hành quân tại các tỉnh Vùng I, Vùng II Chiến thuật và kết quả.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 18, 58, 101, 102, 166, 167, 243, 281, 6607, 6608, 6610, 6967, 7259, 7144.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 250, 438, 462, 571, 884, 880, 743, 232, 903, 1106, 1127, 1164.

- Suu tập bản đồ: 319, 660, 1291, 1798, 3662, 3674, 4730, 5142, 6173, 3360, 4119, 5651, 7246.

- **Trần Thị Lan**

Địa đạo Củ Chi - Căn cứ Quân khu Sài Gòn - Gia Định, Đình Tân Sơn Nhì

Tài liệu khai thác là các công điện, phiếu trình và một số loại tài liệu khác của Bộ Nội vụ, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Ủy ban Hành pháp TW, Ủy ban Lao động Quốc gia, Ban Chỉ huy Quân sự Bình Dương,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Kiểu hầm và địa đạo tại căn cứ Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, trận đột kích căn cứ Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn tại rừng Bào Trắng, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tỉnh Bình Dương ngày 28/11/1961, phá vỡ đội võ trang tuyên truyền thuộc Ban Hoa kiều vận - Phân khu 4 năm 1969, khám phá việc VC tổ chức treo cờ, rải truyền đơn, xâm nhập, đặt chất nổ vào Trường Đại học Sài Gòn năm 1969, chống công tác Hoa vận của VC từ năm 1965 - 1970.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2698, 6649, 8384.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14869, 15277, 15229, 15534, 15657, 15810, 15974, 16066, 16086, 17002, 17003, 17484.

- **Văn Công Lý - Nguyễn Văn Lợi**

Các khu căn cứ quân sự VNCH trên địa bàn Tây Ninh

Tài liệu là các báo cáo, công văn, sắc lệnh của Bộ Quốc phòng, Văn phòng Tỉnh trưởng Tây Ninh,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: điều chỉnh tình trạng hành chính của quận Châu

Thành tỉnh Tây Ninh năm 1959; dự án thành lập các ấp trù mật; bảo toàn bí mật đồn trú của các cơ quan, đơn vị quân đội VNCH năm 1959; các địa điểm hoạt động của VC tại các tỉnh; sửa chữa và nâng cấp tráng nhựa đường đi núi Bà Đen; chương trình khai thác đất đai tại Tây Ninh vào các nông trường năm 1956, tình trạng đất đai tại tỉnh Tây Ninh, địa phương chí tỉnh Tây Ninh năm 1956.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1886, 1887, 6935, 6948, 6949, 7456, 8133, 9891, 10018, 10046.

• ***Vũ Thị Lý - Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Cao Kiều Thúy Linh***

Khu trù mật Vị Thanh - Hỏa Lựu giai đoạn 1959 - 1960

Tài liệu được nhóm tác giả sử dụng bao gồm: công báo VNCH năm 1959; tập công điện, tờ trình của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Thông tin và Tham mưu Biệt bộ về các phái đoàn viếng thăm khu trù mật Vị Thanh tỉnh Phong Dinh năm 1960; việc bồi thường đất đai tại các khu trù mật Vị Thanh - Hỏa Lựu; xây cất các gian nhà triển lãm tại khu trù mật Vị Thanh - Hỏa Lựu; thi đua công tác lập xã kiểu mẫu, lập các khu trù mật tại thôn quê; bản tin của Việt Tấn xã đã tìm về các khu trù mật năm 1960; khu trù mật Phước Long tại Ba Xuyên; địa đồ Nam phần vị trí khu trù mật;...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 892, 393-396.

• ***Trần Thị Nhung***

Căn cứ địa Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ

Tài liệu là các báo cáo của Phòng Điều hợp an ninh Chính quyền VNCH về tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh, các xã, ấp Nam Kỳ; tiến triển của kế hoạch bình định của các tỉnh; tình hình dân ấp; chiến dịch Phước Hoàng; các công văn, báo cáo điều tra về chiến tranh du kích; về chiến khu D; về kinh tài của VC; Đài phát thanh VC,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 8323, 8328, 8459, 8465, 8805, 8924, 9178.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1232, 2301, 3816, 8785, 8864, 12389, 13451, 14369, 14422, 14423, 14706, 14980.

- Phòng Điều hợp an ninh: 116, 368, 550, 653, 767, 1017.

• **Lê Kim Oanh**

Lịch sử đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trong giai đoạn 1961 - 1965

Tài liệu tác giả đề tài sử dụng bao gồm các nội dung như: chủ trương, đường lối của Chính quyền VNCH về việc xây dựng ấp chiến lược, ấp dân sinh, khu trù mật tại miền Nam Việt Nam từ năm 1962 - 1964; các báo cáo của các chủ tỉnh về tình hình hoạt động của các ấp chiến lược,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 954, 5062, 5276, 8204, 8676, 9694.

• **Tống Thị Phương**

Quá trình xây dựng hậu phương tại chỗ về mặt kinh tế của chiến khu D giai đoạn 1946 - 1975

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình lúa gạo các tỉnh Nam phần năm 1956, thành lập trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa tại Bến Cát (Bình Dương) năm 1957, nghiên cứu các mật khu VC năm 1959, thiết lập và ấn định thể thức thu thuế điền thổ về ruộng nương ở Nam Việt Nam từ năm 1954 - 1962, tiếp tế gạo cho đồng bào tỉnh Phước Long năm 1961, cuộc hành quân chiến khu D từ năm 1958 - 1960.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 6316, 6318, 6319, 6802, 6816, 9434, 9435, 9495, 9500.

- **Nguyễn Bắc Phương**

Lịch sử Đảng bộ Cộng sản Việt Nam tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1930 - 2005

Độc giả khai thác tài liệu gồm các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo, tờ trình, tập tài liệu, họa đồ, lược đồ, bình đồ về tỉnh Vĩnh Long, các báo cáo từ các bộ gửi cho tỉnh Vĩnh Long, và các vấn đề từ Tỉnh trưởng tỉnh Vĩnh Long gửi về Sài Gòn; ngoài ra, tác giả còn khai thác cả các hồ sơ mang nội dung rộng về cả miền Tây Nam phần.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 6361, 18914, 8015, 7586, 7683, 2705, 15142, 4665, 4647, 2711, 3063, 4004, 4067, 4647, 4665, 5617, 5747, 5803, 5867, 6067, 6144, 6145, 6339, 8013, 8015, 7331, 7586, 7683, 7696, 88, 267, 259, 363, 603, 8021, 8040, 8047, 8317, 11245.

- **Nguyễn Đỗ Quyền**

Lịch sử Đảng bộ thành phố Quy Nhơn

Các bản báo cáo, công văn trao đổi của Bộ Nội vụ, của chủ tỉnh, hội đồng bảo an về tình hình an ninh chính trị, tình hình các trại giam tại Bình Định; tình hình các ấp chiến lược; chiến dịch “Tố Cộng, diệt Cộng” tại Bình Định; các bản vẽ, sơ đồ, bản đồ tỉnh Quy Nhơn, Bình Định; các cuộc đấu tranh phản đối chiến tranh của nhân dân Bình Định.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1629, 1791, 2163, 3564, 3565, 4347, 4538, 4728, 5571, 6017, 7175, 7732, 8114, 8466, 8501, 8502, 8707, 9700.

- Phòng Tòa đại biểu Trung nguyên Trung phần: 26, 146, 173, 205, 244, 239, 446, 487, 500, 572, 867, 915, 934, 936.

- ***Nguyễn Xuân Sinh***

Căn cứ địa ở Nam Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ

Tài liệu là các công điện, công văn, báo cáo, tờ trình, bản tin tức của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế, Bộ Xây dựng Nông thôn, Phủ Đặc ủy TWTB, các tỉnh Vùng II Chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: bản đồ mật khu VC tại Cao nguyên Trung phần, kế hoạch đôi phó, triệt phá căn cứ mật khu VC ở Trung nguyên Trung phần năm 1965, hồ sơ nghiên cứu về các mật khu và căn cứ quân sự của VC tại Nam vĩ tuyến 17 năm 1965, khám phá mật khu VC tại Cheoreo (Pleiku) và Phú Đức (Phú Xèn) năm 1960, VC tấn công các địa điểm dinh điền Buôn Hồ và cuộc hành quân chiến thuật mật khu Ea Châu (Đắk Lắk) từ ngày 17/9 - 13/10/1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 299, 580, 3040, 6064, 6624, 6641, 7284, 21286, 21745.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 890, 14831, 15162, 15229, 15234, 17600, 17171, 18276, 18626.

- ***Lê Xuân Sương***

Lịch sử Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Lắk

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình VC năm 1960, tình hình dân chúng Thượng năm 1960, an ninh vùng Thượng du năm 1961, chính sách đồng bào Thượng; hoạt động của tỉnh Đắk Lắk năm 1956; hoạt động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng từ năm 1964 - 1967.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 25, 429, 516, 4398, 4404, 4464, 6397, 6511, 7179, 7274, 17813.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 734, 777, 794, 1284, 9569, 17588, 20535.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 256, 3477, 15093, 15423, 15432, 16065, 17029.

- ***Phạm Phước Tịnh***

Tổ chức và hoạt động bộ máy chính quyền thị xã Đà Nẵng giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, quyết định, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng VNCH, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, tỉnh Đà Nẵng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ấn định quy chế và tổ chức bộ máy thương cảng Đà Nẵng từ năm 1965 - 1973, tổ chức điều hành chương trình Khuếch trương vùng Đà Nẵng và phụ cận các chi nhánh từ năm 1973 - 1974, về việc cải tổ lại ranh giới phường, khóm thuộc thị xã Đà Nẵng từ năm 1969 - 1974, ấn định lại tổ chức cơ cấu tại Nha Thương cảng Đà Nẵng, hoạt động của tỉnh Đà Nẵng từ năm 1963 - 1973, đặt Tòa án Quân sự tại thị xã Đà Nẵng năm 1968.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 102, 835, 2694, 3408.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 6369, 8608, 9399, 9571, 9907, 14121, 14182, 13222, 12822, 12511, 11145,.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 24, 219, 251, 2539, 2909, 3237, 4350, 4533, 5779, 5857.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 247, 356, 483, 459, 568, 666, 8701, 18731.

- ***Đỗ Xuân Tuất - Nguyễn Thanh Tâm - Nguyễn Danh Tiên***

Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các nhà tù, trại giam của địch ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phúc trình, biên bản của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Nha Cải huấn, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an, các trung tâm cải huấn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc xây dựng, sửa chữa các trung tâm cải huấn, bố phòng các lao xá, khám phá 1 tổ chức VC và kế hoạch của tổ chức CS tại một số nhà lao, cuộc bạo động của quân phạm tại TW Khám đường Chí Hòa, công tác cải tạo tư tưởng, giáo hóa chính trị phạm và các cán nhân tại các nhà lao,...

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D71-1, D71-35, D71-36, G83-68.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4285, 4827, 4829, 4831 4834, 4470, 4833.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 265, 308, 481, 555, 556, 647, 751, 800, 6572.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2562, 10241, 15091, 17654.

• **Nguyễn Văn Ty**

Vai trò của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ chiến khu Đ (giai đoạn 1954 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kiểm soát dân chúng và bao vây kinh tế VC trong vùng chiến khu Đ từ năm 1962 - 1963, vấn đề chuyên chở và tiếp tế gạo cho các tỉnh miền Đông thuộc chiến khu Đ, kết quả hoạt động quân sự tại vùng liên ranh Bình Dương - Phước Thành, Bắc Biên Hòa năm 1962 - 1963, thiết lập một số địa điểm dinh điền tại tỉnh Phước Thành năm 1959, cuộc hành quân chiến khu Đ từ năm 1958 - 1960, chặn đứng các hành lang xâm nhập của VC vào chiến khu Đ năm 1962, khai thác tài liệu tịch thu của VC trong cuộc hành quân tại chiến khu Đ năm 1962, biến cố Mậu Thân năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6324, 6340, 6802, 7457, 7465, 7533, 7612, 8118, 307, 297, 428, 453, 8132.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 7664, 5416, 4176, 5177, 2561, 4600, 4186, 7649, 7413.

- **Tạ Thanh**

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1945 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, công điện, báo cáo, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Liên viện Sắc tộc Nội vụ, tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thành lập Hội đồng Các Sắc tộc thiểu số, địa phương chí tỉnh Quảng Ngãi, tình hình an ninh, chính trị, quân sự tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1945 - 1975), hoạt động của VC tại Vùng I Chiến thuật, về việc tăng cường quân lực để phòng ngự miền Tây Quảng Ngãi, kết quả công tác xây dựng ấp tân sinh tại tỉnh Quảng Ngãi năm 1964, công tác thiết lập phi trường Quảng Ngãi, chiến dịch bình định miền Thượng của tỉnh Quảng Ngãi năm 1957,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 103, 152, 144, 283, 4296, 4382, 4517, 4601, 4655, 4720.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 12, 13, 54, 62, 232, 229, 461, 792, 2876, 6873, 7328.

- **Dương Thế Thạnh**

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam

Tài liệu của Bộ Ngoại giao, Phủ Đặc ủy TWTB Quốc gia. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Mặt trận Giải phóng Việt Nam tại các nước từ năm 1964 - 1966, từ năm 1973 - 1974, hội đàm Hoa Kỳ - Bắc Việt tại Paris và tuyên bố của Tổng

thống Thiệu liên quan đến việc thảo luận riêng với Mặt trận Giải phóng năm 1968 - 1969, danh sách các quốc gia công nhận Bắc Việt, Mặt trận Giải phóng và VNCH tính đến ngày 31/12/1973, tiểu sử các nhân vật trong Chính phủ của Mặt trận Giải phóng miền Nam tháng 01/1973, chiến dịch tuyên truyền của các tổ chức quốc tế cho Bắc Việt, Mặt trận Giải phóng xung quanh hòa đàm Paris năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 734, 770, 826, 940.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16361, 20782, 20924, 20988.

• ***Hoàng Văn Thanh - Nguyễn Thị Kim Nương***

Thông tin liên lạc trên đường Hồ Chí Minh đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ (giai đoạn 1960 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Thông tin liên lạc VC, hệ thống tổ chức và hoạt động thông tin liên lạc, công binh, pháo binh, phòng không của VC tại Bắc vĩ tuyến 17 năm 1960, công tác truyền tin từ năm 1968 - 1975, VC cho bộ đội chính quy ngưng trang vào hoạt động công khai tại thôn Tchépone và Achóc năm 1960, tổ chức giao liên và tình hình quân sự của VC giữa các vùng Đắk Lắk - Quảng Đức - Phước Long - Tuyên Đức - Lâm Đồng năm 1961, VC mở con đường Hồ Chí Minh và đưa cán bộ vào Nam hoạt động năm 1958, dự án của Bộ Quốc phòng về tổ chức hệ thống Quân báo chiến lược tại vùng sơn cước, thành lập Tổng Cục Bưu chính và Cơ quan Viễn thông Việt Nam từ năm 1965 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 5479, 6264, 6556, 6600, 7467, 7519, 8132.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9373, 9377, 9379, 10119, 18669.

- ***Nguyễn Hữu Thiên - Lê Minh Chiến***

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (giai đoạn 1930 - 2010)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, biên bản, tờ trình của Phủ Thủ tướng, Phủ Đặc ủy TWTB, tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Nam. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chứng minh chi tiêu quỹ “TW cứu trợ nhân dân” do biến cố Tết Mậu Thân năm 1968 - 1969 ở Quảng Nam, tình hình an ninh tại Quảng Nam từ năm 1968 - 1975, bản đồ vùng liên doanh ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum năm 1961, cung từ của cán bộ VC Trần Kiện, bí danh Bình, bị bắt ngày 30/4/1962 tại Kỳ Tân, Điện Bàn, Quảng Nam, sửa đổi ranh giới giữa Đà Nẵng và Quảng Nam và tăng cường bảo vệ kho xăng Shell tại Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam đề nghị cách giải quyết số nghị can CS tại Trung tâm Cải huấn tỉnh năm 1969, địa phương chí tỉnh Quảng Nam năm 1956.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7648, 7650, 6970, 7261, 7544, 7837, 7888, 8391, 8672, 13517, 21122.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 678, 791, 901, 16625, 17114, 17279, 17299, 17595, 17962, 18334, 19361.

- ***Nguyễn Thị Thu***

Căn cứ cách mạng ở Củ Chi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975)

Các tài liệu về hoạt động của tỉnh Hậu Nghĩa, tổn thất nhân mạng và vũ khí của các bên, tình hình chiến sự, tổ chức hậu cần, các hoạt động kinh tài của CS là nhóm tài liệu được khai thác nhiều. Bên cạnh đó, các hồ sơ lưu về tờ trình nguyệt đề A và B của tỉnh Bình Dương, Hậu Nghĩa,... cũng được độc giả quan tâm khai thác.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 247, 3242, 3246, 3251, 3245, 3266, 5538, 14807, 14922, 14944, 15321, 15443, 15641, 15646, 15710, 15805, 16066, 16177, 16553, 16555, 17239, 17763, 17950, 18611, 18730, 18586, 18591, 31745, 31748.

• ***Nguyễn Yên Tri - Nguyễn Văn Dũng***

Lịch sử Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1930 - 2000)

Tài liệu là các bản tin, phúc trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Chủ tỉnh Đồng Nai gửi Tổng thống VNCH. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của VC, tổ chức của VC, các đơn vị võ trang của VC; công tác binh vận của VC, VC tuyên truyền chống quân địch; tình hình an ninh, quân sự Biên Hòa; nghiên cứu về Chiến khu D, hành quân Chiến khu D; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam; ấp chiến lược ở Long Khánh; kế hoạch bình định phát triển giai đoạn 1968 - 1975; Phụng Hoàng M72; chiến dịch Trương Tấn Bửu; địa phương chí tỉnh Biên Hòa năm 1956, địa phương chí tỉnh Đồng Nai năm 1956, địa phương chí tỉnh Long Khánh năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 70, 72, 120, 131, 161, 187, 199, 200, 296, 307, 360, 409, 411, 488, 519, 520, 581, 587, 3710, 3717, 4466, 4623, 4633, 5031, 5352, 5357, 5592, 5870, 6090, 6103, 6360, 6646, 6697, 7080, 7674, 8308, 13523, 15191, 19435.

- Phòng Điều hợp An ninh: 25, 86, 160, 196, 353, 551.

• ***Lưu Thị Tuyết Trinh***

Ban Tài chính đặc biệt TW Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1961 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: khám phá tổ chức kinh tài của VC tại tỉnh Kiến Hòa năm 1957, VC mở đường

Hồ Chí Minh và đưa cán bộ vào Nam hoạt động năm 1958, khám phá tổ chức kinh tài thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn từ năm 1956 - 1959, khám phá và truy tố tổ chức kinh tài VC tỉnh ủy Mỹ Tho (Định Tường) từ năm 1957 - 1959, biện pháp đối phó với hoạt động kinh tài của VC từ năm 1956 - 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4535, 5479, 5593, 5610, 7141, 7519.

- ***Lưu Thị Tuyết Trinh***

Hoạt động của Ban Tài chính đặc biệt Trung ương Cục Miền Nam (giai đoạn 1954 - 1975)

Tập tài liệu của Phủ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, Hội đồng Dân quân về quân đội chính quy Bắc Việt vượt vĩ tuyến 17 năm 1966; các tài liệu, báo cáo của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu về trận liệt chính trị - quân sự VC tại Nam vĩ tuyến 17 các năm về tổ chức và hoạt động của CS Bắc Việt tại Nam vĩ tuyến 17 năm 1967, về các loại vũ khí do CS sử dụng tại Nam vĩ tuyến 17 năm 1963, về nghiên cứu tổ chức chính trị, binh vận và thành tích hoạt động của VC tại Nam vĩ tuyến 17, về hệ thống tình báo VC ở Nam vĩ tuyến 17 năm 1961, về tình hình Cambodge - Thái Lan và Bắc vĩ tuyến 17 năm 1959; về các mật khu và căn cứ quân sự của VC tại Nam vĩ tuyến 17 năm 1965; tài liệu của Bộ Quốc phòng quy định việc quay phim, chụp ảnh từ phi cơ, các cơ sở quân sự vĩ tuyến 17 từ năm 1960 - 1963; bản tổng hợp tin tức của Phủ Đặc ủy TWTB về tình hình Nam vĩ tuyến 17 năm 1962, các sưu tập bản đồ đường sá Việt Nam dưới vĩ tuyến 17, các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, miền Nam Trung Việt tỉnh Đắk Lắk từ năm 1955 - 1969,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8093, 8099, 21697, 21737, 21773, 5135, 5571, 6779, 6814, 7434, 7439, 7862.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 524, 302, 442, 411, 412, 377, 416,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15739, 15799, 15816, 16149, 16150, 16151, 16453, 16454, 16455, 16456.

- Phòng Bộ CC>: 8169, 8390, 8299, 8306, 6282, 10648.

• ***Lưu Thị Tuyết Vân***

Cách mạng miền Nam (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các báo cáo, phúc trình, công văn, nghị định, hồ sơ của Bộ Ngoại giao, Ủy ban Quốc tế,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cuộc thảo luận giữa Chính phủ Việt Nam và Mỹ về chống Cộng năm 1963; tổ chức nguy quyền VC và các chính đảng, đoàn thể chính trị tại Bắc Việt Nam năm 1963; nhà cầm quyền Hà Nội, cán bộ, quân đội vào Nam hành động năm 1961; kiểm điểm thực hiện kế hoạch bình định và phát triển các năm: 1968, 1970, 1972, 1975; thanh tra các cuộc tấn công, bình định tại các tỉnh năm 1968, phân tích thái độ của dân chúng đối với cuộc bình định phát triển năm 1969 - 1970.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 8493, 8518, 8543, 8549, 9149, 9150, 9232, 9236, 9238, 9312, 9325, 9329, 9333.

- Phòng Điều hợp An ninh: 25, 54, 232, 291, 507, 562, 709, 1076, 1229, 1246.

- Sưu tập công báo: J.1403-J.1408, J.7409-J.7427.

• ***Phan Tuyết Vân - Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyễn Thị Thanh Vân***

Nghiên cứu lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ

Tài liệu được khai thác gồm các vấn đề như: ấn định quy định thủ tục hội đàm giữa VNCH và MTDTGPMNVN, nghị định

thư các hiệp định về chấm dứt chiến tranh và các ban liên hiệp quân sự các bên tham gia hội nghị Paris về Việt Nam, Biên bản khóa họp thường lệ của Hội đồng tỉnh Chương Thiện, về tình hình các cuộc thương thuyết giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt, danh sách đại diện ngoại giao Bắc Việt và MTDTGPMNVN, việc thiết lập phi trường tại tỉnh Chương Thiện, Cần Thơ, thiết lập khu kỹ nghệ Phong Dinh, về thiết lập các quận mới tại tỉnh Phong Dinh, thiết lập cơ sở hành chính cho thị xã Cần Thơ.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 14648, 14619, 14696, 14799, 14800.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 7353, 7358, 9314, 9345, 9390, 9428.

• ***Phùng Tấn Vinh - Nguyễn Văn Lanh - Trần Trung Sơn***

Lịch sử Đảng bộ Hội An (giai đoạn 1930 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện và các loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, tỉnh Quảng Nam. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy bảo an, dân vệ tại các tỉnh năm 1961, tình hình dân số và cử tri tại các tỉnh quân khu I, địa chỉ tỉnh Quảng Nam năm 1956, chiến dịch bình định Quảng Nam năm 1957, chiến dịch tổ Cộng tại các tỉnh năm 1957, sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Quảng Nam năm 1960 - 1961, khám phá các tổ chức kinh tài của VC tại Quảng Nam năm 1957, chuyển, bổ nhiệm, sa thải nhân viên thuộc tỉnh Quảng Nam từ năm 1955 - 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2451, 2638, 2640, 3692, 3821, 4249, 4278, 4285, 4472, 4519, 4576.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 220, 681, 3230, 5774, 5956, 5975, 6071, 6179.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 26795, 26844, 27017, 29427, 29473, 29474, 31892, 32043, 32044.

- Phòng UBLĐQG: 110, 143, 320, 321, 322, 323, 324, 325.

• **Nguyễn Thị Việt**

Tổ chức và hoạt động tình báo của quân giải phóng ở Nam vĩ tuyến 17

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức “Điện báo” thuộc Ban An ninh Cộng sản khu ủy Sài Gòn - Gia Định, tổ “Điện báo 3C” thuộc cụm Cần Thơ của Ban Quân sự Quân báo Quân khu 3 Cộng sản năm 1969,...; hệ thống tình báo của Việt cộng ở Nam vĩ tuyến 17 năm 1961; tổ chức tình báo liên lạc Bắc Nam của Việt cộng năm 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6814, 8131.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16557, 16561, 16563, 16564, 16629, 16863, 16866, 17235, 17236, 18080.

• **Nguyễn Thị Việt**

Tìm hiểu về Trung ương Cục miền Nam

Tài liệu là các phiếu trình của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an, Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Quân khu III, Biệt khu Thủ đô, Ủy ban Phụng hoàng Đô thành Sài Gòn, Ủy ban Phối hợp Tình báo Quốc gia. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phá vỡ công tác “Bông hồng” và “Trường Sơn 2” của CS năm 1972, chủ trương, hoạt động của CS và việc phá vỡ tổ chức hậu cần thuộc TW Cục miền Nam từ năm 1971 - 1973, sơ đồ tổ chức của VC theo lời khai của hội chánh viên Lê Xuân Thuyên năm 1965, tổ chức Bộ Chỉ huy Miền và các Cục trực thuộc của VC tại miền Nam năm 1969 - 1970.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2567, 6316, 6479, 7491, 7608, 7612, 8128, 8243, 20867.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 442, 672, 745, 808, 892, 913.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15229, 16315, 17591, 17820, 18080, 18325, 18522, 18895, 32146, 32213.

- Phòng Tổng cục Cao su: 651.

• **Phạm Phúc Vĩnh**

Lịch sử căn cứ Bắc Tây Ninh trong kháng chiến chống Mỹ

Tài liệu là các báo cáo, kế hoạch, công văn, sắc lệnh, hồ sơ của Chủ tỉnh Tây Ninh, Ủy ban Bình định và Phát triển. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kiểm điểm thực hiện kế hoạch bình định và phát triển các năm: 1968, 1972 - 1975; kế hoạch tấn công bình định đặc biệt; chính sách và mục đích của Hoa Kỳ tại Việt Nam năm 1968; tình hình an ninh các quân khu gửi về TW từ năm 1968 - 1971; tổ chức lãnh thổ các quân khu năm 1970; tái thiết các vùng bị thiệt hại do chiến cuộc xảy ra năm 1972 của các tỉnh Bình Long, Tây Ninh,...

- Phòng Điều hợp An ninh: 25, 86, 166, 182, 214, 226, 278, 368, 1016, 1017, 1029, 1055, 1209.

• **Trần Thị Vui**

Từ Hiệp định Paris đến Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Các tài liệu được khai thác để đem ra trưng bày gồm các vấn đề về các phiên họp từ khi khởi đầu cho tới kết thúc, kể cả các cuộc họp kín; các bài báo chí phản ánh về tình hình hội đàm tại Paris; các hoạt động quân sự, các chiến dịch, hình ảnh chiến thắng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 873-884, 934-941, 969-1016.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 1017, 1054, 1060, 1073, 1074, 1075, 1076, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1119-1133, 1152, 1153, 1163, 1172, 1182, 1184.

b) Các phong trào đấu tranh chính trị chống VNCH và can thiệp của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam

- **Anne Raffin**

Phong trào thanh niên Việt Nam (giai đoạn 1940 - 1963)

Tài liệu là các báo cáo, kế hoạch, công văn, nghị định, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Thông tin và Thanh niên, Nha Tổng Giám đốc Thanh niên,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động phong trào Hội hướng đạo Việt Nam từ năm 1953 - 1960; huấn luyện võ trang thanh niên các tỉnh năm 1959 - 1960; thanh niên, công chức tham gia tổ chức Thanh niên Cộng hòa năm 1960, tổ chức Thanh niên Cộng hòa toàn quốc tại Sài Gòn từ ngày 30/12/1960 - 04/01/1961; công tác thanh niên năm 1960, ngăn ngừa thanh niên du đảng năm 1960; tổ chức Trung tâm Huấn luyện thanh niên năm 1960 - 1961; bầu cử hội viên thanh niên xã tại 12 tỉnh miền Tây Nam phần năm 1960 - 1961; tổ chức Lễ Quốc khánh tại các trường học năm 1959; hoạt động của Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và các ty thanh niên toàn quốc năm 1959 - 1960, tổ chức trại thanh niên tại các tỉnh năm 1960; tổ chức và hoạt động của các ban thuộc Tổng đoàn Thanh niên Cộng hòa năm 1963; tổ chức và phát triển phong trào học tập về chính sách chiêu hồi năm 1963; các hoạt động báo chí.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 14367, 15680, 16093, 16094, 16174, 16332, 16943, 16955, 16956, 16957, 16958, 16959, 17100, 17229, 17230, 17231, 17232, 17233, 17234,

17235, 17237, 17238, 17239, 17240, 17241, 17242, 17243, 17245, 17321, 17462, 17491, 17492, 17493, 17494, 17495, 17496, 17497, 17498, 17499, 17620, 17696, 17727, 17728, 17729, 17807, 17911, 17912, 17956, 17957, 17958, 17959, 17960, 17962, 18066, 18069, 18886, 20179, 20202, 20372, 20876.

- **Trần Văn Anh**

Chống chính sách tố Cộng diệt Cộng ở Quảng Nam - Đà Nẵng (giai đoạn 1954 - 1959)

Các hồ sơ được khai thác là tập công văn mật của Văn phòng Phủ Thủ tướng có nội dung liên quan đến các vấn đề như: hoạt động chống chính sách “tố Cộng diệt Cộng” của tỉnh Quảng Tín, Quảng Ngãi; tịch thu tài sản của tội nhân thuộc tòa án đặc biệt, các án tử hình và khổ sai năm 1960; Luật 10/59; về tình hình kinh tế, an ninh, chính trị, xã hội từ năm 1954 - 1961 của Chủ tỉnh Quảng Nam gửi Tổng thống VNCH;...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 239, 1127, 1184, 3018, 3919, 10241, 14734, 14736, 14775, 16004, 18018, 18918, 32227.

- **Lê Thị Hoàng Ân**

Những trận chiến trên vùng đầm Thị Nại (tỉnh Bình Định) từ thế kỷ X đến năm 1975

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phiếu trình của Văn phòng Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Chủ tỉnh Bình Định. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch bình định lãnh thổ Bình Định từ năm 1961 - 1975; dự án xây dựng kho đạn Đèo Sơn tại Quy Nhơn (Bình Định) năm 1964; thiết quân luật dọc bờ biển Vùng II Chiến thuật năm 1965; về việc phá vỡ và biện pháp đối với các bị can trong tổ chức tài mậu của CS tại Bình Định năm 1973 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 63, 107, 173, 422, 4520, 5963, 5582, 6078, 6616, 6617, 6619, 7598, 8233, 18115.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 30, 101, 104, 157, 443, 460.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1172, 14996, 15239, 15965, 16961, 18044, 18327.

- **Lê Cung**

Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị miền Nam

Tài liệu là các báo cáo về tình hình sinh hoạt của đoàn thể và đảng phái tại miền Nam giai đoạn: 1955 - 1957, 1961 - 1963; tập lưu báo cáo của các nha, sở về các cuộc đình công của công nhân năm 1961.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1116, 2056, 4292, 4518, 4983, 4986, 5019, 9284, 10933, 14418, 12917, 13371.

- **Phan Đình Dũng**

Phong trào công nhân Biên Hòa - Đồng Nai (giai đoạn 1954 - 1975)

Nội dung tài liệu khai thác liên quan đến các hoạt động của các nông trường, đồn điền, công ty, nghiệp đoàn công nhân như: đình công ở các sở cao su, các vụ tranh chấp tại đồn điền cao su, công nhân đồn điền xin tăng lương, tình hình các đồn điền cao su, vấn đề cải thiện đời sống cho công nhân đồn điền.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1277, 2235, 4106, 4126, 4712, 6272, 6578, 7240, 7331, 8803, 8833, 9319, 9320.

- **Bùi Thị Thu Hà**

Phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam (giai đoạn 1930 - 1975)

Tài liệu là các phiếu trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Phòng Nhì, Cục An ninh, Tổng Nha Cảnh sát Quốc gia, Văn

phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chiến dịch xây dựng miền Thượng tỉnh Quảng Ngãi năm 1957 - 1958; tình hình tại các xã thôn Quảng Ngãi, Quảng Trị năm 1957 - 1958; phong trào đấu tranh của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn năm 1968, phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh năm 1968, phản ứng của sinh viên Sài Gòn đối với Sắc luật Tổng Động viên năm 1968, hoạt động sinh viên Sài Gòn năm 1969; cuộc hành quân giải phóng tại Bình Định, Quảng Ngãi; tin tức hàng ngày của Trung tâm Hành quân năm 1975; CS Bắc Việt đánh chiếm tỉnh Phước Long; tình hình biện pháp an ninh quân sự Vùng II, tình hình an ninh chính trị huyện khu thủ đô từ năm 1970 - 1975; tờ trình nguyệt đề từ năm 1965 - 1974; hoạt động chính trị của Đại tướng Dương Văn Minh; thỉnh nguyện thư, truyền đơn của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn năm 1970; hoạt động của Ủy ban Chống đàn áp sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970; giáo sư, sinh viên, học sinh hoạt động chống Chính phủ VNCH năm 1973 - 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 473, 546, 624, 1873, 5344, 16738.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 30215, 30216, 30219, 30222, 30401.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 249, 358, 461, 570, 679, 729, 902, 1127, 14668, 18286, 18542, 18543, 18546, 18603, 18609, 18619, 18620, 18621, 18626, 18647, 18648, 18904, 30401, 30591, 30593, 30594, 30595, 30596, 30598, 31517.

• ***Hồ Sơn Diệp - Nguyễn Thị Thanh Tâm***

Trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống xâm lược (giai đoạn 1858 - 1975)

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Báo Cửu Long, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Hạ Nghị viện Ủy ban Tranh thủ công bằng pháp lý, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức và Chi Cảnh sát Quốc gia Phụng Hiệp từ năm 1968 - 1975; điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức tỉnh Bình Dương, điều tra hành vi phạm pháp bất chính của một số viên chức tỉnh Phước Long; tố cáo một số dân biểu, luật sư Trần Văn Tuyên liên hệ với CS từ năm 1969 - 1973; hoạt động của các nhóm tin tức cho báo chí ở Sài Gòn năm 1970 - 1971; tổ chức và hoạt động phong trào cách mạng quốc gia, phong trào phụng sự tiến hóa xã hội Việt Nam; cuộc họp báo chí của nhóm “Toàn quốc cách mạng Việt Nam” do bác sỹ Phan Huy Cơ chủ tọa; điều tra lý lịch và thành tích hoạt động của những ký giả thân Cộng năm 1964, điều tra lý lịch và thành tích hoạt động của những ký giả Ủy ban Lâm thời bảo vệ quyền ký giả Việt Nam từ năm 1969 - 1975; truy tố xét xử báo chí vi phạm gây ảnh hưởng đến uy tín Tổng thống; bắt giữ một số ký giả và thu hồi biên lai các nhật báo bị CS chi phối lũng loạn năm 1975; thuyết trung lập của sinh viên năm 1964, tình hình sinh viên tại các trường đại học, tổng hội sinh viên thành lập Đoàn Văn nghệ Tiền Tuyến; hoạt động của các hội phụ nữ Việt Nam từ năm 1964 - 1975, hoạt động của các hội từ năm 1968 - 1975, hoạt động của các nghiệp đoàn từ năm 1969 - 1975; hoạt động của sinh viên Sài Gòn và biện pháp đối phó năm 1970, phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn năm 1970, sinh viên Sài Gòn bị bắt giữ, tuyệt thực và đòi trả tự do năm 1970; thỉnh nguyện thư truyền đơn của Tổng hội Sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970; hoạt động của nhóm trí thức từ năm 1963 - 1968; hoạt động của Ủy ban

Đấu tranh chống đàn áp sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970; tổ chức và hoạt động của Tổng hội Công chức Việt Nam năm 1968 - 1969; tổ chức và hoạt động của Tổng hội Giáo giới, Tổng hội Sinh viên học sinh Việt Nam năm 1969; tổ chức và hoạt động của Hội Khổng học, Văn nghệ sỹ quân đội, Hội Chủ báo Việt Nam năm 1969; tập san, bản tin do sinh viên Sài Gòn phát hành; phong trào của sinh viên tại các tỉnh miền Trung, Đà Lạt, Cần Thơ.

- Phong Phủ Tổng thống ĐICH: 30218, 30219, 30220, 30221, 30222, 30215, 30216, 30235.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 1143, 1144, 1284, 1333, 1334, 4118, 4253, 4254, 4258.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 3552, 5535, 7564, 3567, 8574, 8575, 14453, 18916, 19056, 19104, 19399, 19400, 19587, 19446, 19494, 19575, 19585, 29257, 29259, 29290, 29386, 29549, 29734, 29751, 30235, 30277, 30229, 30405, 30401, 30403, 31140, 30591, 30592, 30593, 30594, 30595, 30596, 30597, 31562, 31563, 31565, 31709, 31711, 31712.

- **Trần Văn Hai**

Hoạt động của thanh niên - sinh viên - học sinh đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định

Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục, Nha Công an Nam phần, Cảnh sát Đô thành, Trung tâm Quốc gia Báo chí. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phong trào đấu tranh của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn năm 1968, về việc khám xét, niêm phong, chiếm đóng trụ sở Tổng hội Sinh viên năm 1968, phong trào đấu tranh của sinh viên - học sinh các trường Sài Gòn năm 1968, ngăn chặn các cuộc biểu tình, xuống đường và các hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia từ năm 1968 - 1972...

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D01-327, D5-281, D6-57, D6-58, D6-62, D6-65.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1049, 1286, 3391, 7649, 7663.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29256, 29301, 29870, 29871, 30216, 30218, 30401.

- ***Nguyễn Thị Bích Hạnh***

Chiến thắng Ấp Bắc trong cuộc đấu tranh chống “chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mỹ

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phiếu trình, tập bản tin, báo cắt của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ An ninh, Tham mưu biệt Bộ, Võ phòng, tỉnh An Giang, các báo trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh An Giang, Kiên Giang năm 1959, việc khám phá và trung tá tổ chức kinh tài VC tỉnh ủy Mỹ Tho (Định Tường) từ năm 1957 - 1959, báo cáo của VC về trận đánh Ấp Bắc ngày 02/01/1963, tổ chức, lãnh thổ và tình hình hoạt động của VC năm 1962 - 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 18160, 19418, 19431, 19441-19444, 19449-19451.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14796, 14801, 14802, 14805, 15065, 15107, 15336, 15340, 15358.

- ***Nguyễn Thị Xuân Hằng***

Phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Đắc Lắc (giai đoạn 1961 - 1965)

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, công điện, tờ trình và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin, Ủy ban Liên bộ Điều trách Ấp chiến lược, Ủy ban Bình định TW, Phủ Tổng ủy Dân sinh Nông thôn, Võ phòng,

tỉnh Đắk Lắk. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức thực hiện công tác ấp chiến lược tỉnh Đắk Lắk năm 1962, chương trình phát triển nông thôn trong kế hoạch bình định tại các vùng chiến thuật năm 1964 - 1965, tình hình tiến triển ấp tân sinh đến năm 1965, chương trình cấp vốn và xây dựng các khu trù mật, ấp chiến lược năm 1961 - 1962, tình hình an ninh của tỉnh Đắk Lắk từ năm 1957 - 1963, các hoạt động quân sự, chính trị của VC và phiến loạn tại các tỉnh năm 1961, âm mưu của VC đối phó với chủ trương lập ấp chiến lược năm 1962, bảng tổng kết tổn thất của VC và VNCH trong các cuộc giao tranh tại các ấp, khu Tân sinh trong năm 1965, tình hình hoạt động của CS tại tỉnh Đắk Lắk năm 1965.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7629, 7630, 7631, 7634, 7645, 7647, 7663, 7684, 7829, 8046.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 62, 64, 67, 68, 69, 70, 74, 119, 121, 14831, 15327, 15648, 15162.

• **Lê Xuân Hậu**

Trận đánh “vườn Điều” ngày 20/12/1967

Tài liệu là các nghị định, công văn, báo cáo, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Tổng Bộ An ninh Quốc gia, Võ phòng, Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Trung tâm Hành quân, Tòa Đại biểu Chính phủ Vùng 3 Chiến thuật, tỉnh Long Khánh, tỉnh Biên Hòa. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của tỉnh Long Khánh, Biên Hòa từ năm 1963 - 1972, quân dịch năm 1967 - 1968, hoạt động của VC năm 1967, các cuộc hành quân của quân đội VNCH tại 4 vùng chiến thuật năm 1967, tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh năm 1967, các biện pháp đối phó với hoạt động của VC từ năm 1963 - 1967, kế hoạch thực hiện việc kiểm soát tài nguyên và việc mua bán gạo cho VC tại tỉnh Long Khánh năm 1967 - 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 282, 886.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15750, 15753, 15754, 15755, 15871, 15900, 15937, 15942, 15948, 16190, 16200, 16218.

- Suu tập tạp chí bổ trợ: TC.377, TC.476, TC.570, TC.571, TC.1483, TC.4565.

• **Lê Quang Hậu**

Phong trào Phật giáo Sài Gòn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu tác giả đề tài sử dụng bao gồm: các bản hiệu triệu, tuyên bố, kêu gọi ủng hộ của Thủ tướng Ngô Đình Diệm và quan chức của ông ta khi về nước; tài liệu về hoạt động của Phật giáo tại miền Nam Việt Nam như: thành lập hội Phật giáo Hòa Hảo Việt Nam; Đại hội Phật giáo tại Népal; lễ cầu siêu tại chùa Xá Lợi; các buổi thuyết trình chống chiến tranh tại chùa Ấn Quang; vụ tự thiêu của Thượng tọa Thích Quảng Đức; chính sách của Chính quyền VNCH trong việc đàn áp phong trào đấu tranh Phật giáo,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1323, 1325, 1328, 1332-1334, 1821, 2103, 2566, 2786.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2827, 2945, 4714, 4847, 4854, 4887, 6012, 6078, 6101.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 7865, 7866, 7918, 7931, 8352, 8353, 8354, 20764, 21829, 22105, 22191, 22323, 22462.

• **Phạm Hữu Hiến**

Chiến dịch đường 14 Phước Long

Tài liệu của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Cục An ninh Quân đội, Trung tâm hành quân. Nội dung tài liệu liên quan đến

các vấn đề như: tình hình chiến sự tại Phước Long năm 1975, tình hình chiến sự hàng ngày của VC và VNCH năm 1974 - 1975, CS Bắc Việt đánh chiếm tỉnh Phước Long năm 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 568, 755.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18627, 18582, 18590, 18606, 18609, 18676.

- ***Nguyễn Xuân Hùng***

Phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh miền Nam, giai đoạn 1954 - 1975

Độc giả khai thác những hồ sơ về các vấn đề như hoạt động chống chính quyền của học sinh sinh viên về đòi tự do tín ngưỡng, chống chiến tranh, đòi thống nhất đất nước; các sinh viên du học bị cảnh cáo, trừng phạt vì thân Cộng.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 1175, 6553, 6555, 7938, 8517-8519, 19478, 30849.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4144, 30854, 31069, 31140, 31361, 31517, 3214731852.

- ***Nguyễn Thị Thu Huyền***

Phong trào công nhân Sài Gòn - Gia Định (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, công điện, báo cáo, tờ trình của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tòa đại biểu Chính phủ, Đô trưởng Sài Gòn, Nha Tổng Giám đốc Bảo an các tỉnh. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức bộ máy của đô thành Sài Gòn từ năm 1958 - 1963, hãng hàng không Việt Nam dự tính sa thải công nhân năm 1956; việc đại biểu công nhân cấp nhì hỏa xa Việt Nam phản

đổi vụ đề thi đốc công hỏa xa bị tiết lộ năm 1956; dự án ấn định phụ cấp sa thải thủy thủ thuộc Bộ Công chánh và Giao thông năm 1956; việc giải quyết nguyện vọng của Nghiệp đoàn Công nhân ngành dệt đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năm 1958, đình công tại hãng BGI Chợ Lớn và đô thành Sài Gòn năm 1959, 1960 - 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 33, 34, 129, 419, 421, 446, 502, 11474, 16226, 16468, 16810, 17126, 17127, 17645.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 7, 21, 137, 149, 176, 181, 218, 245, 254, 268, 271, 277, 320, 388.

- ***Nguyễn Thị Thanh Huyền***

Phong trào công nhân đô thị miền Nam những năm 1954 - 1965

Tài liệu là các nghị định, công văn, tờ trình, bản tin và một số loại giấy tờ khác của Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an, Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Tòa Tham lý Nội an, Bộ Lao động, Đô trưởng Sài Gòn, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các vụ đình công biểu tình của công nhân ngành Thủy điện, công nhân Nhà đèn Chợ Quán, công nhân và thợ thuyền làm việc cho quân đội Pháp,... từ năm 1954 - 1965; sửa đổi Dự án định làm việc ban đêm của công nhân đàn bà và trẻ em dưới 18 tuổi và nghỉ hàng năm có hưởng lương cho các công nhân năm 1957 - 1958; áp dụng lương tối thiểu cho công nhân tại vùng cao nguyên năm 1958; dự thảo Luật quy định về quyền đình công và giải công năm 1958, tranh chấp của công nhân thương cảng Sài Gòn từ năm 1956 - 1958, giải quyết yêu sách, tranh chấp đình

công tại các đồn điền năm 1958; việc thành lập và hoạt động của các Tổng Liên đoàn và Nghiệp đoàn năm 1962 - 1963; chế độ an ninh xã hội của công nhân VNCH từ năm 1955 - 1963,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 16022, 16823-16235, 16238-16240, 16245, 17113, 17640, 17645, 17639, 19426, 19568, 19569, 19357.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29211, 29235, 29248, 29333, 29335, 29339, 29627, 29628, 29634, 29809-29811, 3020, 3135.

- Phòng Hội đồng QNCM: 193, 194, 200.

• ***Phạm Ngọc Hưng***

Sự kiện Bình Giã từ tháng 12/1964 - 01/1965

Tài liệu là các báo cáo, thống kê về quân số, hoạt động quân sự của VNCH, đồng minh và VC; tờ trình nguyện đề của Văn phòng Dân vụ; tình hình an ninh của Phước Long và Phước Tuy,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 135, 144, 770, 15971.

- Phòng UBLĐQG: 272.

• ***Trần Thị Thu Hường***

Đường mòn Hồ Chí Minh - đoạn từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ

Tài liệu khai thác chủ yếu là các phúc trình, báo cáo, lệnh sưu tầm liệu được và tài liệu sưu tầm về đường mòn Hồ Chí Minh: công tác bưu vận, hành lang xâm nhập, đường xâm nhập, hoạt động xâm nhập của CS; biện pháp ngăn chặn CS xâm nhập, phong tỏa rừng, chặn tiếp tế, hành quân thám sát.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4127, 7176, 7467, 7519, 8132, 8378, 21114, 21739, 21744.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14832, 14884, 15161, 15316, 15460, 16157, 16817, 16886, 17234, 18730.

- **Nguyễn Duy Khánh**

Phong trào đấu tranh chính trị ở Sài Gòn - Gia Định (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các bản phúc trình của Phủ Thủ tướng, Tham mưu biệt Bộ, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin, TWTB Cục, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát đô thành Sài Gòn gửi Tổng thống VNCH. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh tại đô thành Sài Gòn năm 1957, hoạt động của Phật giáo Việt Nam năm 1954 - 1955, hoạt động của phong trào bảo vệ hòa bình và phong trào quốc gia dân chủ năm 1954 - 1955, về việc cứu trợ nạn nhân trong các vụ xung đột Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1955, công nhân người Việt tại các sở thuộc quân đội Pháp đình công đòi tăng lương năm 1954 - 1955, hoạt động của các đảng phái, Mặt trận Dân tộc và phong trào dân chúng nổi dậy năm 1958, dự thảo Luật đặt CS ra ngoài vòng pháp luật năm 1957 - 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 17, 100, 3999, 4295, 4331, 4349, 4382, 4396, 5513, 5492.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14652, 14659, 14705, 14732, 14734, 14743, 29206, 29216, 29229, 29235.

- Sưu tập công báo: J665A, J669, J670, J677A.

- **Trần Thị Khuyên**

Phong trào đấu tranh tại khu phi quân sự - vĩ tuyến 17 (Quảng Trị) trong chiến tranh Việt Nam

Tài liệu là các công văn, công điện, tờ trình và một số loại tài liệu khác của Phái đoàn giao dịch với Bộ Công dân Vụ, Ủy hội Quốc tế, Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, Nha Tổng Thanh tra lao động

và an ninh xã hội. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của VC tại khu phi Quân sự năm 1960, thiết lập và cải tiến hệ thống phóng thanh tại Bến Hải từ năm 1960 - 1962, thành lập Ty Ngân khố lưu động hoặc một ủy ban để xét khi thanh toán các khoản chi tiêu cấp bách năm 1956, nhân công các đồn điền toàn quốc năm 1960.

- Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4451, 8998, 8781, 9134, 9142, 15099, 17383, 17720, 17724, 19466.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 251, 360, 9580, 15959, 15631, 20145, 20148, 20270, 20388.

• **Trần Văn Lạc**

Phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược ở Gia Lai (giai đoạn 1961 - 1965)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo của Tổng thống Phủ, Tham mưu biệt Bộ - Khu Chiến thuật 22, Phủ TUDĐ&NV, Nha Công tác xã hội miền Thượng, tỉnh Pleiku. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: áp chiến lược - áp chiến đấu ở Pleiku năm 1962, hoạt động của Phái đoàn Cố vấn Anh năm 1962 - 1963, công tác quy dân lập ấp và định cư đồng bào Thượng năm 1962, kiểm soát áp chiến lược đồng bào thiểu số năm 1963, về việc huấn luyện quốc sách áp chiến lược năm 1963, công tác bình định và xây dựng áp chiến lược, khu trừ mật từ năm 1959 - 1963, công tác giáo dục, y tế tại khu dinh điền Cheo Reo năm 1962, công tác làm đường vào các địa điểm dinh điền tại Pleiku năm 1959, hoạt động nông cơ tại khu dinh điền Pleiku năm 1961, công tác an ninh, giáo dục, y tế tại các địa điểm dinh điền tại vùng cao nguyên Trung phần năm 1959, về việc chống âm mưu phá hoại dinh điền của VC năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 2666, 7656, 7894, 8046, 13539, 17820, 18035, 21758, 21762.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 62-64, 127, 15262, 15731, 15961, 21580, 21672, 22981, 23421, 28175.

- Phòng Phủ TUDĐ&NV: 35, 48, 86, 103, 184, 4751, 4752, 5013, 5025, 5299, 5300, 5658, 4965.

• **Trần Thị Lan**

Chiến tranh du kích ở Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, tờ trình của Tổng thống Phủ, Phủ Thủ tướng, Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần, Bộ An ninh, Bộ Nội vụ, Phủ Đặc ủy TWTB, Tham mưu biệt Bộ, Nha Công tác xã hội miền Thượng, Vùng II Chiến thuật, các tỉnh Tây Nguyên. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: chính sách của VNCH đối với đồng bào Thượng năm 1958, đồng bào Thượng đòi tự trị năm 1958, hoạt động của Phật giáo công Chính phủ tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần và Cao nguyên Trung phần, VC tấn công quận Toumorông, tỉnh Kon Tum đêm 31/8/1961, hoạt động quân sự, chính trị của VC và phiến loạn tại các tỉnh Cao nguyên Trung phần năm 1961, công tác thiết lập ấp chiến lược của các tỉnh Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6645, 6957, 7178, 7274, 7275, 7279, 7283-7285, 7606, 7654, 7656.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 05, 25, 26.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 53, 244, 259, 258, 263, 265, 14884, 14890, 15046, 15058, 15135.

- **Huỳnh Thị Liêm**

Phong trào chống phá áp chiến lược (giai đoạn 1961 - 1965)

Tài liệu là các chương trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Tham mưu biệt Bộ tỉnh Bình Dương,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phát triển kinh tế, xã hội của Chính phủ VNCH từ năm 1961 - 1965; hoạt động từ năm 1954 - 1960 và chương trình hoạt động 5 năm 1961 - 1965; kế hoạch bình định các tỉnh Nam phần năm 1961, bình định tỉnh Bình Dương năm 1962, kiện toàn bộ máy bình định miền Nam năm 1962; chiến dịch quy dân lập ấp chiến lược tại Bến Cát, Bình Dương; kế hoạch bình định và các cuộc hành quân liên khu Phước Thạnh.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 419, 424, 6899, 6900, 7570, 7573, 7612, 7581, 7619, 8291.

- **Phùng Thị Liễu**

Tội ác của Pháp và Mỹ đối với nhân dân Việt Nam

Các hồ sơ liên quan đến các hoạt động của Pháp và Mỹ, chính quyền Sài Gòn như hoạt động ngoại giao tại Hội nghị Genève và hội nghị Paris; các hoạt động chính trị, quân sự, các tài liệu liên quan đến các nhà tù, tù nhân và chính sách với tù nhân.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 8010, 8011, 8029, 8037, 8134, 8145, 8149, 8150, 8155, 8159, 9761, 9766.

- **Nguyễn Thị Hiễn Linh**

Phong trào đấu tranh của phụ nữ trong các nhà tù của Mỹ - nguy ở miền Nam từ năm 1954 - 1975

Tài liệu là các phiếu trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Bộ Tham mưu, Văn phòng Phủ Tổng thống,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức hoạt động của Trung tâm Huấn

chính Nam phần năm 1958; tù nhân TW Khám đường Chí Hòa bạo động trong đêm 15 rạng ngày 16/5/1956, tình hình Khám đường Mỹ Tho và thể thức bắt giam giữ thường dân tại tỉnh năm 1956 - 1957; an ninh phòng thủ Trung tâm Cải huấn Phú Lợi năm 1963; trao trại Bạch Đằng cho Phủ Tổng thống; kết quả công tác tổ Cộng tại trại giam các tỉnh năm 1956.

- Phong Phủ Tổng thống ĐICH: 1439, 4224, 4470, 4835, 8120, 10637.

- **Lê Hoàng Linh**

Phong trào đấu tranh chính trị tại thành phố Huế trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1961 - 1965)

Các tài liệu được khai thác là các tờ trình, các phúc trình, nguyệt trình, bản tường trình, công văn của các bộ ngành các cơ quan về phong trào Phật giáo và nhận định của VC về vấn đề đảo chính, tình hình an ninh chính trị tại các tỉnh, Huế trong các năm; các tờ trình nguyệt để được khai thác chủ yếu.

- Phong Phủ Tổng thống ĐICH: 285, 2405, 2558, 2698, 7744, 7745, 7823, 7826, 7826, 15993, 1600, 16374, 16381, 3246, 11960, 13741, 14494, 2558, 2698, 3085, 3246.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 16, 62, 64, 127, 140, 153, 1172, 906, 1172, 153, 254, 335, 362, 466, 574, 683, 796, 15019, 15024, 15031, 15033, 15050, 14863, 14864, 14903, 14921, 14950, 14844, 14853, 14860, 14861, 14862.

- **Trần Thị Bích Loan**

Nhân dân Bình Định trong cuộc đấu tranh chống “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ (giai đoạn 1969 - 1975)

Tài liệu là các báo cáo, kế hoạch, phúc trình, công văn, nghị

định, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Nha Kế hoạch và Chính sách,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch an ninh lãnh thổ và phát triển cộng đồng năm 1975; kế hoạch bình định và phát triển của các tỉnh năm 1970, kế hoạch tái thiết phát triển, tái thiết các vùng bị thiệt hại năm 1972 của các tỉnh; kết quả thi hành tứ niên cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương của các tỉnh; thực hiện chiến dịch tấn công bình định đặc biệt (tái chiếm và phục hồi các xã ấp năm 1975) của các tỉnh thuộc bốn vùng chiến thuật; dự thảo cho chương trình kế hoạch 4 năm bình định và phát triển từ năm 1972 - 1976; bình định, xây dựng, phát triển, phục hồi tái thiết và an ninh, phát triển từ năm 1969 - 1974 của TW và các tỉnh; tiến triển kế hoạch cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển địa phương từ năm 1972 - 1975 của quân khu I, III và các tỉnh; hành động thông tin, tâm lý chiến, chiến tranh chính trị của đoàn sinh viên sỹ quan đặc nhiệm; tình hình chiến sự năm 1972; hoạt động của tỉnh Bình Định năm 1968; kế hoạch hướng dẫn đặc biệt nhằm phục hồi thành quả bình định phát triển tại các tỉnh bị tấn công năm 1972; chỉ đạo về an ninh và phát triển quốc gia trong 4 năm 1972 - 1975; kêu gọi thanh niên, công chức nhập ngũ, động viên quân dịch từ năm 1967 - 1971.

- Phủ Tổng thống ĐIICH: 30, 41, 43, 52, 62, 87, 96, 101, 111, 127, 129, 137, 138, 150, 152, 157, 169, 175, 176, 216, 247, 290, 292, 296, 299, 318, 354, 375, 402, 443, 458, 460, 498, 499, 501, 554, 601, 747, 923, 927, 1164, 1165, 1168, 1184, 1193, 1272, 1309, 1322, 1324, 1349, 1673, 6455, 5147, 5168, 5255.

- Phòng Điều hợp An ninh: 1, 7, 10, 36, 39, 43, 46, 52, 93, 155, 244, 253, 262, 263, 265, 266, 278, 322, 362, 452, 455, 456, 507, 567, 568, 646, 710.

- **Hồng Quốc Lộc**

Thái độ của các thành phần xã hội miền Nam đối với chính sách văn hóa chế độ Ngô Đình Diệm

Tài liệu là các dụ, công điện, công văn của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Nha Bảo an Nam phần, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an, Hội Phật giáo Việt Nam, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam phần. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tín đồ Phật giáo bị đàn áp tại các tỉnh năm 1962, tổ chức Lễ Đức Thích Ca thành đạo và Lễ Phật Đản năm 1955 - 1956, kiểm duyệt và kiểm soát sách truyền bá tôn giáo năm 1957, việc ấn định các ngày lễ chính thức được nghỉ và hưởng lương cho nhân viên, công nhân các xí nghiệp năm 1956, các tu sỹ xuất ngoại du học tại ngoại quốc từ năm 1954 - 1960...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7941, 16267, 16271, 16323, 16869, 16970, 21535, 21673, 21716.

- **Trần Văn Đại Lợi**

Phong trào thanh niên - học sinh, sinh viên Sài Gòn - Gia Định (giai đoạn 1954 - 1963)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: việc kiểm soát trường học và giáo viên tư thực năm 1958, khám phá việc VC tổ chức treo cờ, rải truyền đơn, xâm nhập, đặt chất nổ vào trường Đại học Sài Gòn năm 1969, hoạt động của phong trào thanh niên cách mạng Tiền Phong và vấn đề giải tán Đoàn Thanh niên Cộng hòa Việt Nam năm 1963 - 1964, báo chí trong và ngoài nước đưa tin về việc thống nhất Việt Nam và Hiệp định Genève từ năm 1954 - 1963, các hoạt động bãi khóa biểu tình của học sinh năm 1963, học sinh Trường Tư thực Huỳnh Khương Ninh biểu tình chống động viên năm 1954.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D625-11.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 4992, 16568, 16643, 19467, 19478, 21824.

• **Phạm Phú Lữ**

Vành đai diệt Mỹ ở Nam Bộ

Tài liệu là các báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng; Bộ Ngoại giao,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phong trào phản đối của giáo sư, sinh viên đại học Hoa Kỳ đối với chính sách của Tổng thống Johnson; kết quả hành quân của quân đội đồng minh tại 4 vùng chiến thuật; đồn trú cố định của các đơn vị thuộc quân lực VNCH và Hoa Kỳ năm 1967; ngăn chặn phong trào vận động hòa bình và bài Mỹ từ năm 1965 - 1968; hoạt động hành quân năm 1965 - 1966 của quân lực VNCH, Hoa Kỳ và lực lượng đồng minh; hoạt động của MTDTGPMNVN từ năm 1964 - 1967; kết quả điều tra đơn vị Hoa Kỳ căng biểu ngữ tịch thu của VC tại Long An năm 1968 - 1969; tình hình chính trị Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam và việc rút quân khỏi VNCH năm 1969; quy chế, quân số và hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam từ năm 1964 - 1969; triệt thoái quân đội Hoa Kỳ khỏi Việt Nam từ năm 1968 - 1972; quân đội đồng minh tàn sát, bắt giữ đồng bào, xâm phạm tài sản và giải quyết các vụ rắc rối do quân đội đồng minh gây ra từ năm 1966 - 1972; tội ác chiến tranh của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam từ năm 1965 - 1971.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15436, 15513, 15529, 15609, 15720, 15840, 15856, 16065, 16511, 16586, 16671, 16805, 17149, 17493, 17494.

• **Phạm Thị Ly**

Phụ nữ Nam Bộ với công tác binh vận và chống bắt lính thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1954 - 1975)

Độc giả yêu cầu đọc một số hồ sơ như: tình hình an ninh tại Sài Gòn - Gia Định, các tỉnh Long An, Kiến Tường, Vĩnh Long...; chiến tranh chính trị, phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 7780, 15632, 16494, 17604, 18735, 18737, 18742, 18743, 18747, 18749, 30216, 32287.

• **Phạm Thị My Ly**

Đấu tranh du kích ở Kon Tum trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1965 - 1968)

Tài liệu là các công văn, báo cáo, phiếu trình, tập bản tin, báo cáo của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Võ phòng, Phòng Nhì, Bộ Tổng Tham mưu, Sở Quân vụ các tỉnh, báo The Manila Times (Philippines), hãng thông tấn nước ngoài. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tiểu sử và giáo lý Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ý nghĩa ngày Phật Đản năm 1968, các biến cố quan trọng về quân sự các năm: 1966, 1967, 1968; tình hình an ninh, chính trị, quân sự tại tỉnh Kon Tum năm 1968, tổn thất ta và địch tại Kon Tum các tháng năm 1965, báo cáo trình nguyện đề tại Kon Tum các tháng năm 1967, tổ chức hậu bị quân tại Kon Tum, đạo luật thiết lập khu quân sự, hoạt động và rút quân của quân đội đồng minh tại VNCH từ năm 1965 - 1970, bảng tổng kết hoạt động hành quân năm 1965 - 1966 của quân lực VNCH, Hoa Kỳ và lực lượng quân viện Thế giới Tự do, kế hoạch đối phó, triệt phá các căn cứ mật khu VC ở cao nguyên Trung phần năm 1965.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 25, 31, 1571, 3399, 4129.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 157, 258, 366, 471, 1873, 3198, 16113, 16065, 16026, 15938.

- **Nguyễn Văn Ly - Nguyễn Anh Hoàng - Nguyễn Văn Lê**

Hoạt động của học sinh Sài Gòn - Chợ Lớn những năm 1950 - 1954

Tài liệu là các biên bản, báo cáo, phúc trình của Văn phòng Đô trưởng Sài Gòn, Cảnh sát Đô thành, Ty trưởng Cảnh sát Đặc biệt miền Đông, Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cuộc họp kín ngày 05/6/1954 do một nhóm học sinh Trường Tư thực Đồng Nai tổ chức, kế hoạch biểu tình của học sinh vào ngày lễ 01/5/1951, học sinh Trường Huỳnh Khương Ninh vận động chống động viên, học sinh Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình chống động viên, hoạt động của học sinh Việt Nam năm 1951, Việt Minh cảm hóa thanh niên Sài Gòn - Chợ Lớn vào khu Việt Minh để tránh lệnh động viên, danh sách bị thương và chết trong cuộc đấu tranh chống Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam ngày 19/3/1950.

- Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt: D6-5, D6-8, D6-25, D6-57, D6-58, D6-62, D6-65.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1355, 1354, 1353, 1611.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4, 11, 12, 144, 192, 195, 300, 301, 358, 371, 406, 432, 436, 437, 438.

- **Phan Thị Lý - Trần Thanh Hùng**

Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân đô thị miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1954 - 1960)

Tài liệu là các báo cáo, bản tin của Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin, Phủ Tổng ủy Di cư Tỵ nạn, TWTB Cục, Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Ủy ban Liên lạc với Ủy hội Quốc tế, Hiến binh quốc gia Vùng I, II, III Chiến thuật, Văn

phòng Đô trưởng Sài Gòn. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Hiệp định Genève năm 1954 và tình hình thực hiện hiệp định của các bên, bình định duy trì trật tự và vấn đề bình định tại các tỉnh Nam Việt Nam năm 1954 - 1955, việc mở rộng và hoạt động của khám lớn Chí Hòa từ năm 1952 - 1955, vấn đề di cư và hồi hương của đồng bào năm 1955, Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á và Hội nghị Liên phòng Đông Nam Á tổ chức tại Bangkok, Hiệp thương tổng tuyển cử năm 1954 - 1955, vấn đề quân dịch năm 1954 - 1955, hội nghị các tỉnh trưởng miền Đông Nam phần các năm 1957 - 1959, hoạt động của tổ cứu sát của VC tại Phú Nhuận, tình hình hoạt động của Pháp, VC, Huê kiều, kiến nghị của các đảng phái, đoàn thể, nhân sỹ phản đối Hiệp định Genève,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 120-129, 155, 187, 188, 192-196, 198.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14578, 14583, 14595, 14577, 14599, 14600, 14651, 14730, 14731, 14732, 21172.

- Sưu tập sách bổ trợ: VV.2639, VV.3862, VV.4048, VV.4060, VV.4062.

• ***Nguyễn Thị Kim Nương***

Hoạt động thông tin liên lạc trên đường Hồ Chí Minh, đoạn Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ (giai đoạn 1961 - 1975)

Tài liệu là các công văn, phúc trình, bản tổng hợp tin tức của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tòa Đại biểu Chính phủ miền Đông Nam phần, Bộ Tổng Tham mưu, Tham mưu biệt Bộ Vùng I, II, III Chiến thuật, Bộ GTCC, Nha Thông tin, các sở thuộc Nha Tổng Giám đốc Bưu điện Việt Nam. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tin tức về đường mòn Hồ Chí Minh, kết quả so sánh các căn cứ và đường giao liên VC tại các tỉnh và các vùng chiến

thuật năm 1962, oanh kích các mật khu VC trên dãy Trường Sơn và Vùng I Chiến thuật năm 1962, hệ thống tổ chức tiếp vận của VC năm 1959, tổ chức các đường liên lạc thủy bộ của VC tại các tỉnh Trung phần trong thời chiến năm 1960, lập bản đồ các con đường mà VC sử dụng tại các tỉnh Trung Việt năm 1960, cuộc hành quân chiến khu D từ năm 1958 - 1960, bảo vệ an ninh các đường dây điện tín và điện thoại năm 1961, khai thác tài liệu tịch thu của VC tại Tân Uyên (Phước Thành) về tổ chức tình báo liên lạc Bắc Nam của VC năm 1963, tổ chức Ban Giao Bưu vận C.200.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6481, 7137, 7441, 7465, 8131, 8366, 8420, 9947, 12545, 13372, 15795.

• ***Viên Thanh Nhã***

Phong trào Đồng Khởi ở nông thôn đồng bằng Quảng Trị (năm 1964 - 1965)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, tờ trình của Phủ Tổng thống, Tòa Đại biểu Chính phủ và các tỉnh Trung nguyên Trung phần. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tổ chức các đơn vị hành chánh các tỉnh Trung nguyên Trung phần từ năm 1903 - 1975, hoạt động chống đối Chính phủ tại các tỉnh miền Trung năm 1965, tình hình an ninh tại tỉnh Quảng Trị từ năm 1957 - 1963, công tác xây dựng ấp tân sinh tại các tỉnh Vùng I và II Chiến thuật năm 1964 - 1965, chương trình an cư tái thiết xã hội của Vùng I Chiến thuật năm 1964 - 1965, giải tán khu dinh điền Trung nguyên Trung phần năm 1964 - 1965, hoạt động của VC tại Vùng I và II Chiến thuật.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 71, 471, 4930, 6603, 8161, 21725.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1316, 1320, 14866, 14950, 15067, 15100, 15168, 15191, 15229, 15234, 15301, 15388, 32006.

- **Nguyễn Thị Mỹ Nhung**

Phong trào đô thị ở miền Nam Việt Nam (giai đoạn 1973 - 1975)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các hãng thông tấn, báo chí trong nước và nước ngoài. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình thực hiện Hiệp định Ba Lê năm 1974, các vấn đề an ninh, quân sự năm 1973, Phật giáo Ấn Quang và Hội đồng Hòa bình Liên tôn xin trả tự do cho chính trị phạm và tu sỹ hòa bình năm 1973, hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại VNCH từ năm 1967 - 1975, đơn thư của đồng bào Sài Gòn - Gia Định gửi Tổng thống VNCH năm 1975, đơn xin dừng mọi hành vi bạo lực đã diễn ra tại miền Tây Đô với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo của nghị sỹ Trần Duy Đôn ngày 07/02/1975,...

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 217, 435, 588, 747, 443, 1193, 1200, 1281, 1318, 1319, 2912, 5057, 5268.

- **Nguyễn Thị Mỹ Nhung**

Đấu tranh đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Paris ở miền Nam Việt Nam (từ năm 1973 - 1974)

Tài liệu là các công văn, công điện, tờ trình, thông cáo, chỉ thị của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: sách trắng “hai năm thực hiện Hiệp định Paris ngày 27/01/1973” của Bộ Ngoại giao VNCH tháng 01/1975, hoạt động của tỉnh Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế từ năm 1969 - 1975, đả phá chiến dịch tạo áp lực của CS trong vấn đề tù nhân do VNCH giam giữ năm 1973, một số phương thức điển hình để phát động đấu tranh chính trị với CS Bắc Việt trước, trong và sau khi ngừng bắn từ ngày 19/01/1973 đến 12/3/1973, hoạt động của Liên minh Thế giới chống Cộng, Liên minh Á châu chống Cộng, Liên minh Thanh niên thế giới chống CS từ năm 1968 - 1974,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1193, 1196.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4545, 4555, 4549, 4566, 4575, 4635, 4655, 4660, 4656, 4690, 4692.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 17765.

• ***Olga Dror - Keith Willer Taylor***

Thiếu niên trong thời gian chiến tranh chống Mỹ

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công văn, báo cáo, tờ trình của Phủ Thủ tướng, Bộ Tư pháp, Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, Bộ Giáo dục. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: dự án Đoàn ngũ hóa thiếu niên vào tổ chức nhân dân tự vệ từ năm 1968 - 1970, giam giữ thiếu niên phạm pháp chính trị, cô lập hóa và trừng phạt từ năm 1969 - 1972, bài trừ các tệ đoan xã hội và giáo hóa thanh niên phạm pháp từ năm 1965 - 1967, hoạt động của VC trong giới thanh thiếu niên, học sinh và sinh viên năm 1968, tổ chức và hoạt động của Bộ Giáo dục, Hội đồng Văn hóa Giáo dục từ năm 1954 - 1975, tổ chức và điều hành Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa từ năm 1965 - 1969.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 821.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 6643, 19944, 31736.
- Phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa: 65, 69, 81, 284, 334, 437, 457, 515, 516, 522.
- Phòng Nha Văn khố Quốc gia: 492, 1032, 1040.
- Phòng Tổng Bộ Văn hóa Xã hội: 533.
- Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục: 40, 46, 47, 50, 200, 197, 233, 251, 257, 308.

- **Đình Hồng Phúc**

Đấu tranh trong nhà tù thực dân đế quốc qua các thời kỳ Nam Bộ kháng chiến

Tài liệu là các phúc trình, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình can phạm, trại giam năm 1957 - 1958; biện pháp và kết quả giáo hóa chính trị phạm tại các tỉnh năm 1957; hoạt động thanh tra trại giam các tỉnh của phái đoàn Quân chính năm 1957; khám phá các tổ chức VC tại Lao xá, trại giam năm 1957; quản lý can phạm năm 1957, các vấn đề liên quan đến can phạm và trại giam năm 1958, tình hình trại giam và can phạm năm 1958, tình hình can phạm tại các trung tâm cải huấn từ năm 1966 - 1975; giải quyết tình trạng của các can cứu chính trị tại các trại giam từ năm 1968 - 1975; giam giữ thiếu niên phạm pháp chính trị, cô lập hóa và trừng phạt các hoạt động tiếp tay cho CS năm từ 1962 - 1972; ấn định quy chế cải huấn tại Việt Nam từ năm 1967 - 1974; can phạm và cải huấn tại VNCH của Trung tâm phối hợp thi hành Hiệp định Ba Lê năm 1974; đề nghị cải thiện chế độ lao tù từ năm 1967 - 1974; báo chí Úc đăng bài nói về chế độ lao tù tại Côn Sơn và việc thăm viếng nhập trại giam 3 tù binh CS bị bắt trước ngày ngưng bắn từ năm 1970 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4827-4829, 4831, 4832, 5443, 5445.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18390, 18397, 18399, 18632, 18806, 18807, 18808, 19944.

- **Đỗ Cao Phúc**

Phong trào đấu tranh của công nhân Sài Gòn (giai đoạn 1954 - 1964)

Tài liệu khai thác liên quan đến các vấn đề về các cuộc đình công và biểu tình, tranh chấp của công nhân đòi tăng lương, đòi cải thiện các quyền tự do dân chủ từ năm 1954 - 1964 như: công nhân Hội Viên thông đòi tăng lương năm 1957 - 1958; biểu tình của công nhân Đô thành trước dinh Thủ tướng ngày 21/9/1964; công nhân miền Nam đấu tranh đòi cải thiện các quyền tự do dân chủ năm 1956; công nhân người Việt tại các cơ sở thuộc Quân đội Pháp đình công đòi tăng lương năm 1954 - 1955...; giải quyết tranh chấp của công nhân tại Nghiệp đoàn Majestic, Caravelle từ năm 1955 - 1971, Sở Hỏa xa năm 1956 - 1957; Thương Cảng Sài Gòn từ năm 1956 - 1958...; thành lập “Ủy ban Phối trí sự thu dụng công nhân bền lâu” để giải quyết tình trạng cai thầu bóc lột công nhân khuôn hàng năm 1964; giải quyết nguyện vọng của Nghiệp đoàn Công nhân dệt đô thành Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 11474, 11657, 16235, 16504, 16506, 16507, 16829, 16836, 17126, 17888, 19562.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29339, 30994, 30755, 4567, 29206.

- Phòng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: 29, 32, 34, 102, 111.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 3139, 4789.

• ***Diệp Hồng Phương***

Chiến tranh Việt Nam khu Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh lân cận

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Phủ Đặc ủy TWTB, Ủy ban Phối hợp tình báo quốc gia, các tỉnh Vùng III Chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình trạng đồn bốt, yếu khu, yếu điểm của Tiểu khu Hậu Nghĩa, Bình

Dương năm 1966 - 1967, cuộc tấn công của VC đợt 2 năm 1968, tình hình thất thủ tại các tỉnh trong cuộc tổng tấn công của VC năm 1975, báo cáo của Ủy ban Phụng hoàng tỉnh Gia Định năm 1970, tội ác chiến tranh của quân đội Hoa Kỳ từ năm 1965 - 1970, trận liệt Khu ủy VC tại Sài Gòn - Gia Định, về tình hình, khả năng và triển vọng tổng tấn công của CS năm 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 5355, 6649, 7671.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 6, 48, 106, 277, 334, 402, 456, 567, 568.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18165, 18208, 18307, 18582, 18609, 18611, 18688, 18690, 18897, 16873.

- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển: 28, 30, 1291, 1292.

• **Trần Thế Phương**

Quân dân Củ Chi trong cuộc Tổng tấn công nổi dậy mùa xuân 1975

Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Võ phòng, Phòng Nhì, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Cục An ninh Quân đội. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các vấn đề liên quan đến việc VC tấn công VNCH năm 1975, tình hình, khả năng và triển vọng tổng tấn công của CS trong năm 1975, tình hình thất thủ tại các tỉnh trong cuộc tổng tấn công của VC năm 1975.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 17815, 18323, 18518, 18598, 18602, 18609, 18897, 18899.

• **Bùi Thị Phụng**

Sinh viên Sài Gòn đấu tranh bảo vệ văn hóa dân tộc (giai đoạn 1965 - 1975)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Biệt khu Thủ đô, Nha Cảnh sát Đô thành, Tổng Nha Cảnh sát Quốc

gia. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lập trường của Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, hoạt động và phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn, Huế từ năm 1964 - 1970, thanh niên, học sinh bị bắt trong cuộc rước đuốc ngày 24/12/1968, về việc lạc quyền, tổ chức đêm văn nghệ cứu trợ nạn lụt miền Trung của sinh viên Sài Gòn năm 1970, khám xét, niêm phong, chiếm đóng trụ sở Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn năm 1968, phản ứng của sinh viên Sài Gòn đối với Sắc luật “Tổng động viên” năm 1968, vấn đề tập san, bản tin do sinh viên Sài Gòn phát hành năm 1967 - 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 18042.
- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 812.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 29870, 30214, 30215, 30219-30221, 30595, 30597, 30600.

• ***Sato Naruho***

Phong trào chống Chính phủ Ngô Đình Diệm

Các tài liệu được khai thác là những hồ sơ về tổ chức và hoạt động của Phong trào Cách mạng quốc gia, Tổng đoàn Thanh niên Cộng hòa, Đoàn Thanh niên Cộng hòa; về các hội Phật giáo Việt Nam; vụ Phật giáo năm 1963 như bản tin tức báo chí về các hoạt động đàn áp Phật giáo, hoạt động của các nhóm Phật giáo, bản tin về các hoạt động ở đô thành.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 285, 2558, 2698, 3085, 3246, 11960, 13741, 14494, 16381, 18041, 18063, 18065, 18071, 19486, 19503, 21782.
- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16, 62, 64, 127, 140, 153, 153, 254, 335, 362, 466, 574, 683, 796, 906, 1172, 14863, 14864, 14903, 14921, 14950, 14844, 14853, 14860-14862, 15019, 15024, 15031, 15033, 15050.

- **Lê Hồng Sơn**

Phong trào đấu tranh chính trị ở Quảng Trị, giai đoạn 1961 - 1968

Tài liệu được khai thác là các công văn, biên bản, tờ trình, báo cáo của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng Nông thôn, Cục An ninh Quân đội VNCH, tỉnh Quảng Trị. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hội nghị hành chính Vùng I Chiến thuật và Hội nghị Hành chánh toàn quốc tại Hội trường Diên Hồng - Sài Gòn năm 1965, tái thiết, phục hồi tỉnh Quảng Trị từ năm 1964 - 1974, sáp nhập Biệt đội khu Phi quân sự Bến Hải vào ngành Cảnh sát Quốc gia năm 1964 - 1965, tình hình an ninh tỉnh Quảng Trị từ năm 1963 - 1967, kế hoạch di dân vùng giới tuyến Quảng Trị năm 1967, vụ ném lựu đạn phá hoại khủng bố tại Viện Hóa đạo và Văn phòng Tỉnh Giáo hội Quảng Trị năm 1965, tình trạng lập ấp của tỉnh Quảng Trị năm 1968.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 6279, 8784.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 4, 24, 40, 54, 57, 268, 282, 271, 1571, 2187, 7222, 7649.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 8769, 9580, 9635, 10553, 14830, 15324, 16637, 16880, 20268, 23307, 28910, 31733.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1247, 1559, 2349.

- **Trần Văn Tàu**

Phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở các tỉnh đồng bằng Nam Trung Bộ, giai đoạn 1954 - 1960

Tài liệu là các tờ trình, báo cáo, công văn, hồ sơ của Văn

phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống, Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần, Bộ Canh nông, Bộ Nội vụ,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các hoạt động quân sự, chính trị của những phần tử phiến loạn tại Trung nguyên Trung phần năm 1959; khám phá nhiều hầm kho vũ khí đạn dược của Việt Minh năm 1955, khám phá kho vũ khí đạn dược và dụng cụ truyền tin của Việt Minh ở tiểu khu Bình Thuận năm 1955, khám phá một số vũ khí quan trọng không giấy tờ hợp lệ tại Nha Trang năm 1955; hoạt động của Bộ Công chánh từ Nam vĩ tuyến 17 đến Phan Thiết năm 1955; hoạt động của Bộ Kinh tế từ Nam vĩ tuyến 17 đến Phan Thiết năm 1955; giáo dục từ vĩ tuyến 17 trở vào đến Phan Thiết, nhất là ở các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và Quảng Ngãi; sửa đổi thuế, suất thuế tại Trung Việt; chiến dịch bình định Quảng Nam năm 1957, chiến dịch bình định miền Thượng du Quảng Ngãi năm 1957; phản ứng của đồng bào công giáo và xung đột giữa công giáo và Phật giáo năm 1957; tuyên ngôn của thanh niên trí thức Việt Nam và sự thành lập, hoạt động của khối dân chủ độc lập năm 1957; hoạt động của tổ chức hòa bình chung sống năm 1957; kế hoạch an ninh tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định năm 1959; tình hình nông - lâm - mục tại các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên năm 1955; giải quyết các kiến nghị của Liên hiệp Nghiệp đoàn tỉnh Quảng Ngãi năm 1955,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 100, 279, 280, 374, 375, 376, 396, 40906, 4664, 4655, 4911, 4912, 5886.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15, 16, 31, 14658, 14663, 14664, 14668, 14734, 15636, 15513, 15721, 21282, 21287, 21462, 23675, 29208, 29215, 29226.

- **Vũ Trung Tâm**

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Gò Vấp trong chiến tranh chống Mỹ (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, công văn, thông cáo của Bộ Ngoại giao, Nha Tổng Thư ký thường trực quốc phòng, Tham mưu biệt Bộ Tổng thống phủ, Ban Hướng dẫn học tập Phủ Tổng thống, Liên đoàn Công chức cách mạng quốc gia, Phái bộ Viện trợ và Cố vấn Hoa Kỳ (MAAE), đô thành Sài Gòn, Ủy ban Liên hệ đặc trách Ấp chiến lược. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: VC thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (từ năm 1967 - 1969), các nước công nhận và tuyên bố quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (từ năm 1973 - 1975), tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về việc chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ, lập lại hòa bình ở Việt Nam năm 1972, công tác chuẩn bị cho Tổng thống đi kinh lý xã An Phú Đông, quận Gò Vấp ngày 28/3 và 14/4/1963, điều tra vụ hỏa hoạn tại kho tạm 704 Gò Vấp ngày 02/02/1957, củng cố lại lực lượng dân vệ tại quận Gò Vấp năm 1959, hướng dẫn học tập chống Cộng năm 1960, tổ chức và điều hành quân lực VNCH năm 1960, nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong các ấp chiến lược năm 1963, tổ chức kỷ niệm đệ nhất chu niên quốc sách ấp chiến lược năm 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 2058, 2143, 4740, 19397, 20354.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1175, 2171.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16677.

- Phòng Hội đồng QNCM: 93.

- Phòng Bộ CC>: 333, 350, 606, 1718.

- Suu tập bản đồ: 3359, 5684, 7662, 7679.

- **Trần Nam Tiến**

Chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975

Tài liệu được sử dụng bao gồm: Tuyên bố của Bộ Ngoại giao VNCH ngày 24/3/1975; Nhận định của Thượng nghị viện VNCH về tình hình đất nước tại phiên họp khoáng đại khẩn cấp ngày 02/4/1975; nhận định tình hình giải pháp của Hoàng Đức Nhã để giải quyết tình trạng suy sụp của VNCH ngày 31/3/1975; báo cáo của khối quân sự vụ về tình hình đặc biệt ngày 15/4/1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2680, 2698, 2780, 2781, 8224, 8331, 9379, 9381.

- **Nguyễn Tiến**

Phong trào cách mạng tỉnh Quảng Nam

Tài liệu là các nghị định, công văn, công điện, biên bản, phiếu trình, bản tổng hợp tin tức của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, Tòa Đại biểu Chính phủ, Bộ Tham mưu Vùng I Chiến thuật, tỉnh Quảng Tín, Quảng Nam. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình an ninh của các địa phương trong tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên từ năm 1958 - 1962, tổ chức và hoạt động của Ủy ban 202 năm 1961 - 1962, tổ chức nhân sự tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên từ năm 1956 - 1963, địa phương chí và việc điều chỉnh tình trạng hành chánh của các địa phương thuộc các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị, Thừa Thiên từ năm 1958 - 1963, hoạt động của quân lực VNCH và VC năm 1961 - 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 6598, 6607-6610, 7246, 7247, 7495-7497, 7500-7502.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 13, 71, 147, 150, 232, 250, 329, 10552, 21462, 22540, 23616, 24394.

- **Mai Xuân Toàn**

Hình thái chiến tranh nhân dân ở Quảng Bình trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1964 - 1968)

Tài liệu là các công điện, báo cáo, bản tin và một số loại tài liệu khác của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Tư lệnh Không quân, Phủ Đặc ủy TWTB, Phòng Nhì - Trung tâm Tình báo hỗn hợp, các tỉnh Vùng I Chiến thuật. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động kinh tài của CS ở miền Nam và tình hình kinh tế Bắc Việt năm 1965 - 1966, hoạt động của Bộ Tư lệnh không quân từ năm 1964 - 1966, trận liệt VC tại Nam vĩ tuyến 17 năm 1964, tình hình và biện pháp an ninh, chính trị quân sự tại Vùng I Chiến thuật, nghiên cứu các căn cứ địa của VC Bắc Việt năm 1968.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15889, 15928, 16066, 16106, 16152, 16153, 16159, 15168, 15216, 15230, 15281.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1293.

- **Trần Thanh Tú**

Phụ nữ miền Nam trong công tác ngoại giao

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Phủ Tổng ủy Dân vận, Văn phòng UBLĐQG, Bộ Ngoại giao. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các vấn đề của Hiệp định Paris 1973, danh sách các hiệp định, hiệp ước giữa Việt Nam và các nước năm 1971,

cuộc hội đàm tại Paris năm 1968, các bài diễn văn trong cuộc hội đàm tại Paris năm 1969 - 1970, lập trường của VNCH năm 1968, danh sách những quốc gia công nhận và không công nhận Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam năm 1974, danh sách các quốc gia công nhận Chính phủ VNCH năm 1975, viện trợ của “Thế giới Tự do” cho Việt Nam từ năm 1962 - 1964.

- Phòng UBLĐQG: 391, 414, 425, 435.
- Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc: 2552, 2586, 2631.
- Phòng Bộ CC>: 350, 378, 6068.
- Phòng Bộ Giao thông vận tải: 565.
- Phòng Bộ GT&BD: 924.
- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID): 2527.

• ***Trần Khắc Tuấn***

Trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống xâm lược (giai đoạn 1858 - 1975)

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, nghị định, hồ sơ của Việt Tân xã, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Nha Báo chí, Văn phòng Phủ Tổng thống... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: giao hoàn, nghỉ việc, huấn luyện, cấp chứng thư hành chính cho nhân viên báo chí Phủ Thủ tướng từ năm 1963 - 1975; nhập ngạch thanh tra kinh tế và ngạch nhân ngoại giao cho sinh viên tốt nghiệp ban cao học năm 1975; hoạt động chính trị của VC năm 1968 - 1969; tình trạng quân dịch của các tu sỹ Việt gốc Miên, thanh niên Việt kiều Cao Miên hồi hương và học sinh, sinh viên sắc tộc thiểu số; cử các cá nhân tu nghiệp sinh tại một số quốc gia thuộc châu Á,

Âu, Mỹ từ năm 1964 - 1975; cử, gia hạn tu nghiệp tại ngoại quốc đối với các giáo chức năm 1974 - 1975; các cá nhân, phái đoàn xin tham dự Dự án Đại học cộng đồng liên vùng và làm tuyên úy cho sinh viên Việt Kiều tại Hoa Kỳ năm 1975; tuyển dụng, thăng thưởng, đào nhiệm, cho nghỉ việc và các vấn đề nhân sự của khối văn hóa, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên từ năm 1964 - 1975; phá vỡ, câu lưu một số người thuộc Ban Trí vận Khu Ủy Sài Gòn - Gia Định của VC từ năm 1967 - 1969; biệt phái sinh viên tốt nghiệp Quốc gia Học viện Hành chính năm 1966 - 1970; tổ chức nhân sự từ năm 1963 - 1975; vấn đề chính trị và tôn giáo tại các học đường năm 1964; tịch thu, truy tố, đình bản, thu hồi giấy phép, cấm lưu hành báo; phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn năm 1970; hoạt động của Ủy ban Đấu tranh chống đàn áp sinh viên, học sinh.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 17272, 18014, 18033, 18062, 18063, 18064, 18065, 18167, 18268, 18510, 19054.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIIICH: 843, 1047, 1107, 1108, 1284, 1148, 1601, 1835, 4179, 4186, 4576, 5756, 5987, 6300, 6555, 1990, 2012, 12143.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9961, 9979, 9931, 10453, 10467, 10468, 10479, 10622, 16549, 16566, 16737.

• **Nguyễn Thị Thanh**

Vụ án “tổn thất quân dụng” của VNCH (năm 1973 - 1974)
- về chiếc máy bay trực thăng UH-1 bị đánh cắp

Tài liệu là các công văn, công điện, đặc lệnh, báo cáo, phiếu trình của Phủ Thủ tướng, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Phụ tá Đặc biệt Đặc trách Luật pháp, Phủ Đặc ủy

TWTB, các trung tâm cải huấn, Nha Quân pháp, Tổng Cục Tiếp vận, Liên đoàn An ninh Danh dự. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: công tác quản lý quân dụng từ năm 1965 - 1974, về việc cấp phi cơ quân sự, thể thức vận chuyển và đảm bảo an ninh khi di chuyển năm 1963 - 1964, về việc trả lời đơn từ xin xét lại án, đình chỉ án và hủy bỏ thu hồi án từ năm 1967 - 1974, công tác phòng gian bảo mật tại Phủ Thủ tướng năm từ năm 1964 - 1975, kế hoạch phòng thủ Phủ Thủ tướng và tư dinh từ năm 1973 - 1975, điều tra 1 tổ chức bị tình nghi trộm xăng Nhà Bè cung cấp cho CS năm 1972 - 1973.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 18076, 18077, 18151, 18153, 18160, 18170, 18176, 18318, 18322, 18239, 18317.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 481, 516, 520, 544, 545, 548, 554, 555, 556.

- ***Nguyễn Thị Thanh***

Phong trào học sinh, sinh viên trước năm 1975

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lời kêu gọi của Ủy ban Sinh viên tranh thủ dân chủ về cuộc bầu cử, hoạt động của Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn và BCH sinh viên Đoàn Luật khoa, sinh viên hoạt động cho VC bị tra tấn, sinh viên Trần Quốc Chương mất tích, phản ứng của sinh viên về việc chính quyền bắt giữ một số sinh viên, học sinh trong cuộc biểu tình đêm 24/12/1968, tổ chức mệnh danh “Đội quyết tử Trung đoàn Thanh niên Cận vệ Sài Gòn”,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 5428, 15033, 29256, 29539, 29541, 29547, 29549.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 821, 676, 811, 1048, 1049, 1334, 4411, 7649.

- **Nguyễn Mạnh Thắng**

Phá ấp chiến lược ở Mỹ Tho - Gò Công (giai đoạn 1962 - 1964)

Tài liệu bao gồm các bản báo cáo của các Chủ tỉnh về hoạt động tình hình an ninh quân sự các tỉnh miền Tây năm 1962; hoạt động ấp chiến lược tại các tỉnh miền Nam; hoạt động của các địa điểm dinh điền, khu trù mật các tỉnh; thành lập và tổ chức các quận, xã tại các tỉnh thuộc Vùng IV Chiến thuật và đô thành từ năm 1961 - 1964.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 767, 876, 1778, 5086, 6748, 8714, 8715, 8717, 15290.

- **Võ Văn Thập**

Đóng góp của nhân dân Cần Giò trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, nghị định, công điện, báo cáo của Phủ Tổng thống, Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Ủy ban Lãnh đạo học tập TW, tỉnh Gia Định. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tội ác chiến tranh của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam từ năm 1965 - 1971, VC vận chuyển, sử dụng vũ khí và việc khám phá các kho vũ khí của VC từ năm 1964 - 1970, sáp nhập vùng Rừng Sác thuộc tỉnh Long An vào tỉnh Phước Tuy và thành lập quận Quảng Xuyên năm 1958 - 1959, Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến hành quân tại Rừng Sác năm 1962, cuộc hành quân tiêu diệt VC tại Rừng Sác và Xuyên Mộc năm 1959, thành lập, sáp nhập các chi khu, biệt khu Rừng Sác vào biệt khu thủ đô và thành lập tỉnh mới tại biệt khu Rừng Sác từ năm 1960 - 1963, lực lượng Bình Xuyên từ năm 1953 - 1957, cuộc hành quân càn quét Bình Xuyên, chương trình yểm trợ Cảnh sát Quốc gia để xây dựng căn cứ cảnh sát Duyên hải tại Phú Xuân - Nhà Bè từ năm 1968 - 1972, vụ kho xăng Shell Nhà Bè nổ cháy.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4343, 1891, 5740, 3376, 5749, 7591, 7529, 13684, 4155, 5736...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 487, 7511-7514.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14658, 16583, 16757, 16893, 17149.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 3003, 3004.

• **Thái Văn Thor**

Quá trình đấu tranh giữ gìn lực lượng tiến tới Đồng Khởi ở Khu 8 - Trung Nam Bộ (giai đoạn 1954 - 1960)

Tài liệu là các công văn, công điện, phiếu trình, báo cáo của Tổng thống Phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Công an, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội VNCH, và các tỉnh Long An, Bến Tre, Kiến Phong, An Giang, Kiến Tường, Định Tường. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Tình hình an ninh, quân sự, chính trị tại các tỉnh Long An, Bến Tre, Kiến Phong, An Giang, Kiến Tường, Định Tường, chiến dịch tổ Cộng tại các tỉnh này năm 1957 và hoạt động của VC tại các tỉnh này từ năm 1954 - 1960, chiến dịch bình định của tỉnh Kiến Tường năm 1957, Tổng thống Ngô Đình Diệm kinh lý tỉnh Long An ngày 27/9/1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4062, 4527, 4897, 5029, 5030, 5595, 5046, 5599, 5614, 6099, 6109, 6135.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D7-440, F6-105.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 0588, 0959, 4608.

• **Phạm Thị Thu**

Vành đai diệt Mỹ ở Quảng Nam (giai đoạn 1965 - 1971)

Tài liệu là các công điện, báo cáo của Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng Vùng I Chiến thuật, Võ phòng, Nha Tổng Thanh tra

địa phương quân và nghĩa quân, tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: dự án thiết lập các khu quân sự tại các vùng chiến lược trọng yếu dọc theo biên giới và trong nội địa lãnh thổ VNCH năm 1964, kế hoạch diệt Cộng của Trung tá Trần Thượng Phương năm 1964, hoạt động của nhân dân tự vệ Quảng Nam từ năm 1968 - 1972, tình hình an ninh tại các xã của tỉnh Quảng Nam từ năm 1969 - 1973, hình thức tái chiếm của quân lực VNCH và đồng minh từ năm 1965 - 1971, tình trạng quân số, phối trí, thay thế rút quân ra khỏi VNCH của quân đội đồng minh năm 1970 - 1971, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ, lập lại hòa bình ở Việt Nam, lập trường VNCH năm 1972, việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ khỏi Việt Nam từ năm 1968 - 1972.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15498, 15518, 15701, 15948, 15957, 16301, 17494, 17662, 17720.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐHCH: 220, 375, 436, 556, 602.

• **Nguyễn Văn Thủy**

Phong trào đô thị Quảng Nam - Đà Nẵng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1969 - 1975)

Tài liệu là các nghị định, công điện, thông tư, báo cáo, phiếu trình của Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, tỉnh Quảng Tín. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: kế hoạch đấu tranh chính trị đối với âm mưu của CS, phóng sự mặt trận “Liên đoàn 1 mũ nâu” tại Đại Lộc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, báo cáo hoạt động hàng tháng tại thị xã Đà Nẵng năm 1974, cứu trợ đồng bào ty nạn CS ngày 27/3/1975, hoạt động của tôn giáo, đoàn thể chính trị, hiệp hội và Hội đồng Thị xã Đà Nẵng năm 1973, tuyên ngôn của phong trào đấu tranh đòi tự do báo chí và xuất bản năm 1974, hoạt động đấu tranh của báo chí và sinh viên năm 1974 - 1975.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 681, 4091.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 217, 220, 1108, 1324, 1334, 4618, 7216.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2876, 8701, 16617, 16806, 16882, 18100, 18334, 18787, 19312.

• ***Đoàn Thị Thúy***

Phong trào đô thị Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo của Bộ Nội vụ, tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: lễ tuyên thệ Thanh niên Cộng hòa tại Quảng Ngãi ngày 29/6/1960, tình hình Nghiệp đoàn Quảng Ngãi năm 1959, về việc tự do nghiệp đoàn bị xâm phạm và phong trào Đoàn Nông dân bị khủng bố và lâm nguy năm 1959, tình hình Quảng Ngãi năm 1956, bản đồ tỉnh Quảng Ngãi năm 1960, về việc thành lập cơ quan đại diện Công dân Vụ tại Trung nguyên Trung phần năm 1962, điều tra việc gian lận tiền phụ cấp âm thực của Hậu bị quân tỉnh Quảng Ngãi năm 1967, về việc cắt xén tiền trợ cấp của đồng bào thiếu số nạn nhân quận Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi năm 1968, tai nạn lưu thông do quân xa Hoa Kỳ gây ra tại Quảng Ngãi.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 17129, 17236, 21123, 17333, 21743, 17763, 17723.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 282, 822, 1023, 2187, 3467, 4164, 4241, 4552, 4652, 7413, 18100.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15958, 19125, 19204, 19364, 19405, 20916, 23204, 24020, 28854, 30588.

- **Đỗ Văn Thắng**

Khám đường Tây Ninh

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: trung tâm cải huấn và trại giam cảnh sát Quốc gia tại 4 quân khu năm 1972, hồ sơ tổ chức Trung tâm Cải huấn từ năm 1960 - 1974, dự thảo sắc lệnh ấn định quy chế khám đường và nghị định quy định tiền công cho tội nhân thường phạm năm 1958, về việc giải tỏa, sáp nhập và xây dựng trại cải huấn tại các tỉnh năm 1958 - 1959.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 5537, 5934, 5941, 6519.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 9197.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1455.

- **Trương Hoàng Trương**

Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Sài Gòn - Gia Định từ năm 1969 - 1973

Tài liệu là các hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Việt Tấn xã,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động của VC tại Đô thành và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 1970; hoạt động của sinh viên, học sinh năm 1971; đình công của công nhân khu tồn trữ Thủ Đức từ năm 1969 - 1971; tình hình chính trị Việt Nam từ năm 1968 - 1972; đình công khiêu nại của công nhân hãng Shell từ năm 1969 - 1972, tranh chấp của công nhân hỏa xa; hoạt động của khối phục hưng quốc gia và các lực lượng từ năm 1968 - 1975; hoạt động của các mặt trận từ năm 1964 - 1974; tổ chức các cơ quan TW và địa phương từ năm 1963 - 1974; sáp nhập một số xã thuộc tỉnh Gia Định vào đô thị Sài Gòn và dự án nới rộng đô thị từ năm 1966 - 1974; tình hình kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, xã hội tháng 7/1971.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3496, 3513, 3538, 3539, 3540, 3542, 3549, 3592, 3682, 3724, 3746, 3751, 3748, 3830, 6786, 6792, 6841, 6844, 8807, 9591, 9592, 16872, 16739, 17393, 30996, 30998, 31194, 31696, 31518.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 254, 290, 298, 725, 1128, 1322, 1324.

- ***Nguyễn Thị Ánh Xuân***

Tìm hiểu phong trào chống phá bình định (giai đoạn 1973 - 1975)

Tài liệu của Cơ quan Điều hợp an ninh về các chiến dịch, kế hoạch, kết quả thực thi kế hoạch cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển địa phương, kế hoạch phòng vệ, kiểm điểm thực hiện kế hoạch bình định phát triển qua các năm 1968 - 1975; việc thực hiện các kế hoạch bình định phát triển, thực hiện chiến dịch tấn công bình định.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 01, 08, 20, 25, 28, 38, 51, 56, 93, 138, 180.

- ***Nguyễn Thị Phương Yến***

Phong trào đấu tranh của phụ nữ Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ

Tài liệu là các báo cáo, công văn, quyết định, hồ sơ của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: hoạt động chống đối Chính phủ của các đoàn thể tại đô thành Sài Gòn năm 1966; hoạt động chính trị của bà Trần Lệ Xuân từ năm 1964 - 1966, bà Ngô Bá Thành nhũ danh Trần Thanh Vân, chủ tịch “Phong trào phụ nữ đòi quyền sống” từ

năm 1967 - 1974; biểu tình phản đối Chính phủ Trần Văn Hương tại Sài Gòn - Gia Định năm 1964; cuộc khủng hoảng chính trị và phong trào chống đối Chính phủ tại Sài Gòn - Gia Định năm 1964; sửa đổi Sắc luật Đặt CS hay thuyết trung lập thân CS ra ngoài vòng pháp luật năm 1964 - 1965; khám phá các tổ chức hoạt động của VC tại Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năm 1964; phong trào phụ nữ liên đới Việt Nam và lời kêu gọi các đoàn thể về vấn đề Phật giáo năm 1963; tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng ngày 18/3/1956; diễn thuyết của bà Ngô Đình Nhu cho Hội Phụ nữ Quốc tế tại Dinh Độc Lập ngày 29/10/1956; thành lập và hoạt động của phong trào liên đới Phụ nữ Việt Nam năm 1962; huấn luyện quân sự, cán bộ nữ, dạy dẹt cho đồng bào Thượng từ năm 1959 - 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 715, 7173, 7180, 8510, 8515, 16043, 16060, 16268, 16426, 16810, 17041, 17126, 17127, 17319, 17571, 17591, 17639, 17645, 17874, 17806, 17807, 17875, 17887, 17888, 18062.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15047, 15049, 15304, 15430, 15714, 15744, 15946, 17003, 18525.

- **Nguyễn Vũ**

Phong trào công nhân miền Nam (giai đoạn 1954 - 1975)

Các tài liệu được khai thác gồm các nhóm vấn đề như: hoạt động và các quyết nghị của các nghiệp đoàn công nhân đồn điền, hỏa xa, mỏ, nhà máy, tranh chấp giữa các nghiệp đoàn với nhau; đời sống của các công nhân, thái độ chính trị của công nhân, lương thưởng, cuộc đấu tranh đòi tăng lương, các cuộc đình công; biện pháp đối phó với các yêu sách của công nhân ở các đồn điền cao su.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 131, 385, 386, 502, 509, 4466, 6485, 6500, 6551, 6621, 6627, 6630, 6640, 6990, 7092, 7114, 7123, 7135, 7279, 7289, 7293

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 14737, 14584, 14831, 14879, 14880, 14881, 14882

VI. NGOẠI GIAO

• ***Anthon Amira***

Quan hệ quốc tế của VNCH sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954

Tài liệu là các bản tin, phiếu trình, báo cáo, công điện, công văn, hồ sơ của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Việt Tân xã,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: phóng thích phạm nhân (thi hành Hiệp định Genève), Hiệp ước đình chiến tại Việt Nam, Hiệp định Genève; điều tra các vụ vi phạm Hiệp định Genève năm 1955; quân đội nhân dân Việt Nam phản đối việc đưa vũ khí, nhân viên Hoa Kỳ vào Nam Việt Nam và đòi giấy thông hành đặc biệt trong vùng phi quân sự năm 1955; phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị Hội đồng Tư vấn Á châu tại Genève; Chính phủ Pháp biệt phái, thay đổi các sỹ quan Pháp sang làm việc tại Việt Nam; quan hệ VNCH với Pháp năm 1956,...

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Việt Nam: B7-3, B7-5, B7-16, B.7-18, B7-19, B7-27, B6-150.

- Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8578, 8579, 8581, 8585, 8596, 8599, 8600, 8602, 8607, 8614, 8631, 8632, 8641, 8733, 8842, 8717.

• ***Lê Thị Yến Anh***

Quan hệ giữa Việt Nam và các nước Bắc Âu (giai đoạn 1945 - 1969)

Tài liệu được khai thác là các công văn, báo cáo, tập tài liệu của Bộ Ngoại giao và các bài báo của các tờ báo trong và ngoài

nước về các vấn đề như: quan hệ giữa Việt Nam và các nước; tình hình quân sự, an ninh, chính trị tại Việt Nam, các phái đoàn nước ngoài đến thăm Việt Nam, các phái đoàn Việt Nam đi thăm nước ngoài.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 12880, 13751, 14808, 8583, 8731, 8750, 8764, 8838, 8861, 8970, 9039, 9167, 9257, 9337, 10142.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1886, 1935, 2090, 2091, 2148, 2170, 2172, 2250, 2842.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3029, 3089, 3092, 3098, 3250, 3319, 3447, 3473, 3541, 3717, 16531, 16532, 16533, 28370, 7662, 7797, 7798, 8312, 8442, 10138, 10244, 18275, 16530.

• **Phạm Tiến Dũng**

Quan hệ bang giao giữa Trung Hoa Dân quốc với VNCH (giai đoạn 1958 - 1975)

Tài liệu khai thác là các sắc lệnh, công văn của Tổng thống VNCH, Bộ Ngoại giao về việc thiết lập các tổng lãnh sự Việt Nam tại các nước châu Á từ năm 1955 - 1962; quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Hongkong và Đài Loan, Trung Hoa Dân quốc; đường lối chính trị và quan hệ ngoại giao Trung Hoa Dân quốc với các nước từ năm 1963 - 1972; hoạt động của Bộ Ngoại giao từ năm 1955 - 1975; tình hình viện trợ chuyên viên kỹ thuật nông nghiệp của Trung Hoa Dân quốc cho VNCH từ năm 1973 - 1975,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 9097, 9201, 9291, 9290, 9343, 4304, 2679, 2728,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2130, 559, 818, 5948.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 32335, 28273, 20820, 20971, 20988, 20760, 29698,...

- ***Đình Đức Duy***

Quan hệ Thái Lan - Việt Nam

Các tài liệu được khai thác chủ yếu là các tập báo cắt, bài báo của các tờ báo nói về các chuyến đi của Ngô Đình Diệm tới Thái và các thông điệp Tổng thống Diệm gửi cho Thái Lan; các hoạt động của các nước tại Đông Nam Á; tranh chấp giữa Thái Lan và Campuchia; quan hệ của Thái Lan với CS; việc thiết lập quan hệ Việt - Thái; thiết lập đại sứ quán tại Thái Lan.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 17468, 18300–18315, 18338, 18385, 18523, 18790, 18792, 18793, 18989, 19303, 19304, 19305, 49441, 19593, 19304, 19602, 21272, 21795, 21819, 21789, 21901.

- ***Trần Thị Thúy Lành***

Tài liệu về Hàn Quốc

Tập tài liệu ảnh về việc các phái đoàn Đại Hàn Dân quốc sang thăm Nam Việt Nam, yết kiến Tổng thống VNCH, lễ tiếp đón và yết kiến; một số hồ sơ về các cuộc viếng thăm giữa hai bên, quan hệ kinh tế - thương mại; hồ sơ về hoạt động của quân đội Đại Hàn tại VNCH.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8689, 9096, 9259, 8824, 14808

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 531, 532, 1635, 534, 2023, 3995

- Sưu tập tài liệu ảnh: 2039, 3076, 0536.

- ***Edward Miller***

Chế độ Ngô Đình Diệm và quan hệ Việt - Mỹ (giai đoạn 1954 - 1975)

Các nhóm tài liệu được đọc giả khai thác như: vấn đề Phật giáo gồm treo giáo kỳ, thỉnh nguyện của Phật giáo, đấu tranh

chống Chính phủ của Phật, đàn áp Phật giáo; các vụ đảo chính lật đổ Diệm gồm vụ lật đảo chính của quân nhảy dù và vụ máy bay oanh tạc. Một khía cạnh khác mà độc giả khai thác nữa là quan hệ Việt - Mỹ trong những năm trước 1975 gồm những vấn đề như báo cáo về các cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống VNCH và Tổng thống Mỹ; các cuộc nói chuyện của các Tổng thống trước công chúng hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ; vấn đề về chính sách Hoa Kỳ và đường hướng ngoại giao của Hoa Kỳ cũng như chính sách của Hoa Kỳ về vấn đề Việt Nam và đối với Việt Nam; vấn đề viện trợ, vấn đề đem quân sang tham chiến.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4321, 4322, 4323, 7645, 7645, 7700, 7701, 77379547, 9490, 9496.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 16, 62, 64, 127, 140, 153, 906, 153, 254, 335, 362, 466, 574, 683, 796, 1172, 15019, 15024, 15031, 15033, 15050, 14863, 14864, 14903, 14921, 14950, 14844, 14853, 14860, 14861, 14862, 14702, 14727.

- ***Văn Kim Hoàng Hà***

Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Indonesia

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: quan hệ giữa Việt Nam với Mã Lai và Indonesia từ năm 1957 - 1963, phái đoàn cá nhân Indonesia thăm Việt Nam năm 1961, báo chí viết về vụ mưu sát Tổng thống Sukarno từ năm 1957 - 1962, sự sụp đổ của Tổng thống Sukarno và kinh nghiệm chống Cộng, khôi phục kinh tế Indonesia từ năm 1967 - 1970, phái đoàn Mặt trận Giải phóng miền Nam do Nguyễn Thị Bình hướng dẫn viếng thăm Indonesia năm 1962.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 1737, 18731.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20162, 20208.

- **Đỗ Thị Hạnh**

Quan hệ Việt Nam - Indonesia

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu có nội dung đề cập đến những vấn đề như: Việt Nam gia nhập 3 hiệp ước quốc tế; Hiệp định Genève và các hiệp định ký tại Paris; phát triển giao thương với Indonesia; Việt Nam tham dự Hội nghị quốc tế năm 1957; thiết lập tòa Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Indonesia...

- Phủ Tổng thống ĐỊCH: 3, 4, 6.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1116, 3018, 3131, 7069, 7738, 13959, 14890, 23922.

- **Huỳnh Hồng Hạnh**

Quan hệ Việt Nam - Vương quốc Anh (giai đoạn 1967 - 2003)

Độc giả khai thác các tài liệu của Bộ Ngoại giao về việc các nước công nhận và tuyên bố quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, quan hệ VNCH với Anh quốc, các quốc gia ra phán quyết trong các phiên họp bất thường tại Giám sát viện; phái đoàn Vương quốc Anh viếng thăm VNCH, các phái đoàn VNCH sang Anh quốc, các cuộc biểu tình tuần hành ủng hộ VNCH tại Luân Đôn.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1050, 1171, 1172, 1220, 1350, 1572, 1557, 1978, 2146, 2171, 5918.

- **Harish Chandra Mehta**

Quan hệ ngoại giao Việt Nam và Hoa Kỳ (giai đoạn 1968 - 1972)

Các tài liệu được độc giả khai thác chủ yếu là các báo cáo về cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống VNCH và Tổng thống Hoa Kỳ, phát biểu của Tổng thống Thiệu trước khi đi Hoa Kỳ, cuộc nói chuyện

của các Tổng thống trước công chúng hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ; chính sách Hoa Kỳ và đường hướng ngoại giao của Hoa Kỳ cũng như chính sách của Hoa Kỳ về vấn đề Việt Nam và đối với Việt Nam.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 375, 601, 602, 603, 1567, 1584, 1585, 1586, 1594, 1597, 1598, 1600, 1601, 1610, 1616, 1618, 1648, 1649, 1662, 1665, 1685, 1691, 1744, 15073, 15867, 17212.

• **Đặng Thị Hoài**

Các cuộc đàm phán ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1964 - 1973)

Tài liệu là các bản phúc trình, tuyên cáo, các tập bản tin, tập điểm báo của Chính phủ VNCH, Bộ Ngoại giao, Nha Báo chí, các hãng báo thông tấn báo chí trong nước và nước ngoài. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình hình quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao Bắc Việt năm 1966, hội nghị Guan về vấn đề Việt Nam năm 1967, các cuộc hưu chiến năm 1967 - 1968, hoạt động ngoại giao của VNCH năm 1963 - 1964, không lực Hoa Kỳ - VNCH oanh tạc Bắc Việt tháng 02/1965, các phong trào chống VNCH và can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam tháng 12/1967, quan điểm của Chính phủ Bắc Việt trong việc giải quyết chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam năm 1967.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 772, 774, 775, 776, 777, 778, 838, 1555, 1556, 1557, 1560.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 3118, 3167, 3168, 3187, 3193, 3204, 3205, 3206, 3239, 15049, 15069, 15295, 15433, 15435, 15436, 15719, 15720, 16371, 16373, 16377.

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

Quan hệ ngoại giao VNCH với các nước

Tài liệu là các sắc lệnh, tờ trình, tập bản tin của Phủ Tổng thống, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Sở Báo chí Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Công vụ, Phòng III, Phòng Nghiên cứu và Kế hoạch Bộ Tổng Tham mưu và báo chí trong nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thiết lập lãnh sự Việt Nam tại các nước Ethiopia, Attoupeu, Ai Lao, Abidjan, Tân Tây Lan năm 1962, quan hệ ngoại giao giữa VNCH với Thái Lan, Mã Lai, Indonesia, Ai Lao, Cao Miên, Đại Hàn,... và các cuộc viếng thăm giữa Tổng thống VNCH và lãnh đạo - phái đoàn của các quốc gia nói trên từ năm 1956 - 1963.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 978, 3017, 6179, 7047, 8444, 8687, 8688, 8689, 8723, 8744, 8745

- ***Phùng Thị Hoan***

Sự can dự của quân đồng minh Mỹ trong chiến tranh Việt Nam (từ năm 1964 - 1971)

Tài liệu được độc giả khai thác liên quan đến các vấn đề như: các nước đồng minh Mỹ gửi quân sang Việt Nam, ân thưởng huân chương cho các quân nhân nước ngoài, các nước viện trợ quân sự cho Việt Nam, tổ chức họp các quốc gia đồng minh tham chiến tại Việt Nam; tổn thất nhân mạng của VC, Quân lực VNCH và đồng minh, hoạt động rút quân của đồng minh, tình hình quân số đồng minh.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 13609, 13618, 13844, 13846, 13856, 15856, 15897, 13598, 13600, 16730, 16780, 16805, 16808, 17492, 17493, 17498, 17497, 17496, 14991, 13875, 13860, 13882, 13885, 14205, 14237, 14262, 14313, 14191, 14197, 14202.

- **Trương Đình Bạch Hồng**

Quan hệ ngoại giao giữa VNCH và Campuchia (từ năm 1954 - 1970)

Tài liệu là các công văn, công điện, báo cáo, phúc trình của Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ GTCC. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: đề nghị đi lại bằng đường sông giữa Việt Nam và Campuchia từ năm 1963 - 1964, các hiệp ước từ năm 1953 - 1954 giữa Pháp và các nước Đông Dương, thương thuyết Việt - Miên năm 1954, thương cảng Sài Gòn, công sản, quan thuế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia, tình hình biên giới Việt - Miên, thỏa ước kinh tế - tài chính giữa VNCH và Campuchia năm 1970, mở trường và giúp đỡ cho học sinh người Việt gốc Miên từ năm 1963 - 1967.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 4071, 4550, 5059, 5623, 6541, 19906, 21261.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15221, 16829, 16830, 25508, 25512, 29753, 31027, 32321, 32322.

- Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần: D01-51, D7-180, D30-337, D81-49.

- **Mai Việt Hùng**

Vua Thái đến Việt Nam năm 1959

Nội dung tài liệu liên quan đến việc Quốc vương Thái và Hoàng hậu thăm Việt Nam năm 1959; hành trình, hoạt động và các địa điểm đoàn ghé thăm như: đặt vòng hoa tại Đài Tử sỹ ngày 19/12/1959, thăm Huế và Đà Lạt ngày 21/12/1959,...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 8933, 8934, 8939, 9058.

- **Trần Thị Lê Hương**

Quan hệ Ấn Độ - VNCH (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các công văn, tập lưu công văn, phúc trình, bản tin của Đồng lý Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao. Nội

dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: ngoại kiều Ấn Độ xin nhập Việt tịch (từ năm 1960 - 1961), các cá nhân, phái đoàn cao cấp Ấn Độ viếng thăm Việt Nam từ năm 1958 - 1962, Đại sứ và Tổng lãnh sự Ấn Độ tại Việt Nam năm 1959, chuyến viếng thăm Ấn Độ của phái đoàn cao cấp Việt Nam năm 1959, Tổng thống Ấn Độ Rajendra Prasad viếng thăm Việt Nam năm 1959, quan hệ giữa Việt Nam với Ấn Độ năm 1959, hoạt động của Sứ quán Việt Nam tại các nước năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8712, 8714, 8743, 8805, 8826, 8833, 8854, 8875, 8900, 8911, 8935, 8937, 8968.

- **Huỳnh Thị Thanh Hương - Trương Thiên Ân - Trần Lê Xuân Dung - Nguyễn Ngọc Kim Chi - Đỗ Thị Thùy Duyên - Nguyễn Thị Lan Anh**

Các cơ sở pháp lý trong hệ thống văn bản đối ngoại liên quan đến vấn đề Hoa Kỳ rải chất độc màu da cam trong thời kỳ 1961 - 1971

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: 16 sản chủ ngụ tại Tây Ninh xin bồi thường thiệt hại hoa màu do công tác xịt thuốc khai quang của quân đội Hoa Kỳ gây ra từ năm 1967 - 1968, việc sử dụng và ảnh hưởng của chất khai quang tại Việt Nam từ năm 1967 - 1971, nghiên cứu ảnh hưởng của chất khai quang ở Việt Nam năm 1974, về việc bồi thường giải tỏa khai quang và trợ cấp chiến sự năm 1968, phiên họp thứ 23 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 1968, bang giao Hoa Kỳ - VNCH năm 1963 - 1964, hiến pháp VNCH và việc tu chỉnh hiến pháp từ năm 1967 - 1974, quan điểm giải quyết chiến tranh Việt Nam của các chính khách và nhân dân Hoa Kỳ năm 1971 - 1972,...

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 230.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 837, 1164, 1165, 1167, 1284, 1571, 2786, 4797, 4934, 5785, 7413, 7675.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1612, 18171, 20247, 23471, 25488, 28218, 29987.

- ***Nguyễn Công Mạnh***

Quan hệ giữa miền Nam và Hàn Quốc, giai đoạn 1954 - 1975

Tài liệu là các phúc trình, báo cáo, công văn, nghị định, thông tư của Bộ Kinh tế, Văn phòng Phủ Tổng thống... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: các phái đoàn Đại Hàn viếng thăm Việt Nam từ năm 1958 - 1963, 1967 - 1975; hoạt động của quân đội Đại Hàn tại VNCH từ năm 1964 - 1974...

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 528, 530, 531, 532, 534, 2023, 2127, 2605, 3998, 8688, 8689, 8824, 8916, 9096, 9170, 9200, 9259, 9344, 14808.

- ***Nguyễn Công Mạnh***

Liên minh Nhật - Mỹ trong quan hệ Việt - Nhật

Tác giả đề tài sử dụng tài liệu là các báo cáo của Bộ Ngoại giao về tình hình bang giao Nhật Bản và Việt Nam trong các năm 1972 - 1974; thống kê báo chí nói về mối quan hệ Việt - Nhật trong năm 1968 - 1969.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 5858, 5865, 5886, 5894, 5899, 5934, 5941, 5983, 7510.

- ***Lê Quang Minh - Đỗ Hữu Nghiêm - Trần Thị Bích***

Sự hiện diện của Nhật Bản ở Nam Kỳ (giai đoạn 1940 - 1975)

Tài liệu là các bản công văn, báo cáo của Bộ Ngoại giao, Bộ Xã hội về việc Nhật Bản viện trợ xây dựng Trung tâm Huấn luyện

cô nhi tại Tam Hiệp, Biên Hòa; về tình hình bang giao với Nhật Bản từ năm 1958 - 1964; kinh tế người Nhật Bản tại miền Nam; về các phái đoàn thiện chí người Nhật Bản tại Việt Nam,...

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 966, 3973, 7622, 8630, 9303, 10295, 11781, 11804, 12250, 12433, 14888, 14859, 14902.

- **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

Báo chí phương Tây với hòa đàm Paris, Điện Biên Phủ trên không năm 1972

Tài liệu là các công văn, công điện, tập bản tin, báo cắt, các bài viết của Bộ Ngoại giao, Đại sứ VNCH tại các nước, các hãng thông tấn, báo chí trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thái độ của Tổng thống VNCH sau khi Hoa Kỳ thua trận tại miền Bắc năm 1972, quan điểm và phản ứng của Ai Lao, Khmer, một số nước, một số tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước xung quanh vấn đề ngừng bắn tại Việt Nam từ năm 1968 - 1973, báo chí chống đối lại Chính phủ VNCH ẩn hành tại Hoa Kỳ, Pháp năm 1973, về chiến dịch thừa thắng xông lên tái chiếm các vùng CS chiếm đóng năm 1972 - 1973, báo chí đưa tin về Hội nghị Paris về hòa bình Việt Nam năm 1973.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 1174, 1180, 1185, 1186, 1228, 1239, 1242, 1908, 4982, 4984.

- **Nguyễn Thị Phương**

Thái Lan trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam (giai đoạn 1965 - 1973)

Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: Đại hội Liên minh Thế giới Chống Cộng kỳ II và Đại hội Liên minh Á châu Chống Cộng kỳ

XIV họp tại Sài Gòn ngày 16/12/1968, tổ chức và hoạt động của Hội Việt Nam Đồng minh Thân hữu Việt Nam - Thái Lan, Việt Nam - Pháp, Việt Nam - Úc, Việt Nam - Hoa Kỳ năm 1968 - 1969, các hoạt động chống Cộng của sinh viên năm 1968, viện trợ quân sự và sử dụng quân viện của các nước cho VNCH từ năm 1967 - 1975, liên minh quân sự Việt Nam - Thái Lan - Campuchia - Lào từ năm 1970 - 1974, Hội nghị Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) và Hội nghị 7 quốc gia đồng minh tham chiến tại Việt Nam tổ chức tại Bangkok (Thái Lan), Thái Lan kêu gọi thanh niên tình nguyện sang tham chiến tại Việt Nam và việc rút quân Thái Lan ra khỏi VNCH năm 1969 - 1970.

- Phong Phủ Tổng thống ĐIICH: 320, 337, 351, 375, 436, 527, 853.

- Phong Phủ Thủ tướng VNCH: 3313, 3388, 3447, 3502, 30234, 30858, 31276.

- ***Nguyễn Vũ Thu Phương***

Chính sách của Hoa Kỳ đối với VNCH dưới thời Eisenhower (giai đoạn 1955 - 1961)

Tài liệu là các tập lưu công văn, công điện và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Phủ Thủ tướng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Washington, Phòng Suru tầm và Thư viện. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: tình trạng Hợp chủng quốc năm 1958, hoạt động của Tổng thống Hoa Kỳ Eisenhower từ năm 1958 - 1961, hoạt động của phái đoàn WAAG tại Việt Nam từ năm 1957 - 1960, các căn cứ quân sự chiến lược của Hoa Kỳ từ năm 1956 - 1957, quan hệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ từ năm 1958 - 1960, Hội Sinh viên Quốc tế phản đối việc vi phạm Hiệp định Genève và xử tử Hoàng Lệ Kha năm

1960, thư trao đổi giữa Tổng thống VNCH với Tổng thống Hoa Kỳ John F.Kennedy năm 1961, quá trình Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam và lịch sử văn hóa ngôn ngữ Lào, Tổng thống VNCH viếng thăm Hoa Kỳ năm 1957, thỏa hiệp hợp tác kinh tế giữa Chính phủ Hoa Kỳ với Chính phủ Việt Nam từ năm 1950 - 1962.

- Phòng Phủ Thủ tướng QGVN: 1305, 1306, 1574, 1575, 1546, 1701, 1703, 1719, 1769, 1813, 1828, 1857.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8692, 8693, 8694, 8695, 8696, 8697, 8698, 21923, 21924, 21925, 21926, 21936.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 2999, 3000.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 0703.

- ***Trần Nhật Quang***

Quan hệ Việt Nam - Trung Hoa Dân quốc trước năm 1975

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: bang giao VNCH với Trung Hoa Dân quốc từ năm 1960 - 1975, Tổng thống Trung Hoa Dân quốc và Quốc vương Mã Lai viếng thăm Việt Nam năm 1960, Hội nghị Các Bộ trưởng Ngoại giao 4 nước (Nam Hàn, VNCH, Trung Hoa Dân quốc, Phi Luật Tân) năm 1961.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 9042, 9291, 19060.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2130.

- ***Shiraishi Masaya***

Quan hệ Việt - Nhật thời kỳ 1940 - 1960

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: cải tạo, xây dựng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim từ năm 1952 - 1955, giới thiệu về hãng Nippon Koei, chương trình tổng quát phát triển năng lượng điện lực ở Việt Nam trong 5 năm 1956 - 1960, ký

kết giữa phái đoàn Việt Nam phụ trách bồi thường chiến tranh và hãng Nippon Koei về việc xây cất đập Đa Nhim, biểu đồ của dự án Đa Nhim.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 8594, 8617.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 20140, 20141, 20192, 20414, 20985, 20986, 21143.

- Phòng Bộ CC>: 7118, 7123, 7154, 7255, 7309, 7310, 7311.

- ***Nguyễn Cao Bảo Toàn***

Chính sách ngoại giao Việt Nam sau các sự kiện về Hoàng Sa - Trường Sa

Tài liệu tác giả đề tài sử dụng bao gồm: các tài liệu về lịch sử chủ quyền VNCH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tài liệu của Bộ Ngoại giao về vị trí địa lý, điều kiện phát triển tự nhiên, kinh tế, xã hội, quân sự của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tài liệu chứng minh chủ quyền VNCH trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa năm 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 4665, 4669, 4671, 4672, 4674, 4676, 4678, 4682, 4695.

- ***Đỗ Hồng Thảo***

Chính sách đối ngoại của Australia (Úc Đại Lợi) với kế hoạch Colombo ở miền Nam Việt Nam (giai đoạn 1956 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, tập bản tin và một số loại tài liệu khác của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Canberra, Bộ Kinh tế, Ủy ban Quốc gia Ngoại viện,... Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: viện trợ của Chính phủ Úc Đại Lợi cho VNCH từ năm 1969 - 1972, tình hình Úc Đại

Lợi và chính sách đối ngoại của Úc từ năm 1970 - 1972, báo cáo tóm lược về tài chính của chương trình viện trợ cho Việt Nam từ năm 1954 - 1974, thiết lập Tòa Đại sứ Việt Nam tại Canberra - Úc Đại Lợi (năm 1961 - 1962), viện trợ của Úc Đại Lợi trong chương trình kế hoạch Colombo năm 1959, về việc lập dự thảo phúc trình kế hoạch Colombo của Bộ Kinh tế năm 1958, hội nghị kế hoạch Colombo tại Seattle (Hoa Kỳ) năm 1958.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 3089, 3491, 4805, 10164, 10165, 10166, 10167, 10190, 11077, 11078.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 2077, 2078, 2765.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 21589, 21590, 21980, 27128.

- Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: 4447.

• ***Nguyễn Bích Thủy***

Hội nghị Paris về vấn đề Việt Nam

Các nội dung tài liệu được khai thác như: quá trình đàm phán, các đợt tiếp xúc riêng và chung, phát biểu của các phái đoàn tham dự; ký kết hiệp định, nội dung hiệp định, các thông cáo chung; dư luận báo chí về hội nghị Paris.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 865, 869, 876, 880, 881, 882, 884, 940, 975, 979, 1003, 1133, 1172, 1210, 1213, 1235, 1236, 1239, 1242.

- Sưu tập tài liệu ảnh: 5035.

• ***Lê Đình Trọng***

Quan hệ ngoại giao VNCH - Đài Loan (giai đoạn 1954 - 1975)

Tài liệu là các sắc lệnh, công văn, công điện, tờ trình, tập lưu báo cáo, biên bản, công hàm của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ CC>, Bộ GTVT, Bộ Ngoại giao, Sứ quán Trung Hoa Dân quốc, Trung tâm Điều hợp bình định và phát triển TW, Phái đoàn

Công thương gia Việt Nam, Hội Ái hữu cựu sinh viên Việt Nam... Ngoài ra còn có các bản tin, báo cắt của các báo trong và ngoài nước. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: đón tiếp các phái đoàn Trung Hoa Dân quốc đến thăm viếng VNCH (từ năm 1954 - 1975), các phiên họp, hội nghị của các phái đoàn giữa hai quốc gia (từ năm 1954 - 1975), hăng thầu quốc tế Trung Hoa Dân quốc xin được thầu xây cất đập dẫn thủy nhập điền tại Bình Định năm 1972, thỏa ước tạm thương quyền giữa Việt Nam và Trung Hoa năm 1970, xin phép cho phi cơ Trung Hoa đáp xuống Tourance và Sài Gòn năm 1956, Công ty Việt Nam Hàng không xin quyền hàng không thương mại tại các quốc gia Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Trung Hoa, Nhật Bản và Hoa Kỳ năm 1964 - 1965, tàu đánh cá Trung Hoa Dân quốc và Hồng Kông vi phạm hải phận Việt Nam năm 1960 và việc xử lý của VNCH, Trung Hoa Dân quốc tăng các sắc thuế, tu sửa quy chế hàng hóa và kinh tế Việt Nam - Đài Bắc năm 1962, chính sách đối với Hoa kiều tại Việt Nam.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐỊCH: 7436, 9042, 9318, 11963, 11967, 12867, 14721, 14797, 16614, 18274, 19060, 19630, 21643.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 15916, 17256, 20308, 20345, 20416, 20474, 20585, 20593, 20678, 20702, 20820, 20953, 22390, 22674, 23333.

- Phòng UBLĐQG: 219, 314, 416, 421, 430, 471, 536.

- Phòng Bộ CC>: 177, 243, 386, 881, 1635, 1929, 2205, 6175, 6511, 6622, 10009, 10835, 11214, 11590, 11870.

- Phòng Bộ GTVT: 761, 877, 894, 960.

- Phòng Bộ Công chánh: 521, 677, 943.

- Phòng Bộ Giao thông Bưu điện: 1089, 1134, 1208, 1338, 1383, 2078.

- Phòng Hội đồng An ninh Phát triển: 1677, 1718, 2048.

- ***Vũ Đức Trung***

Quan hệ Hàn Quốc - VNCH

Tài liệu là các báo cáo, hồ sơ của Bộ Ngoại giao Chính quyền VNCH về các vấn đề như: hoạt động của quân đội Hàn Quốc tại VNCH từ năm 1964 - 1974; quan hệ Việt Nam với các nước Đông Bắc Á năm 1958; quan hệ Việt Nam với các nước châu Á năm 1957.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 8743, 8859.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536.

- ***Phan Thị Vân***

Quan hệ VNCH - Hoa Kỳ (giai đoạn 1969 - 1975)

Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: vùng tập trung tạm thời của các lực lượng sau Hiệp định Genève năm 1954; chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh năm 1968; sơ đồ tổ chức Phái bộ Viện trợ Hoa Kỳ và danh sách tùy viên quân sự nước ngoài ở Việt Nam từ năm 1969 - 1972; tổ chức của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam từ năm 1963 - 1974; quy chế, quân số và hoạt động của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam từ năm 1964 - 1969; tài liệu của Phái bộ Viện trợ Hoa Kỳ tại Việt Nam về mô thức phát triển nền kinh tế Việt Nam năm 1974.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐIICH: 19, 290, 291, 364, 365, 366, 372, 414, 527, 1216, 1218, 1231, 1232.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 1047, 1049, 1157, 2923, 2924, 2925, 3610, 3611, 18884, 27111.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

• ***Đoàn Trịnh Hiễn***

Hồ sơ thiết kế kiến trúc trụ sở Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Hồ sơ về công tác xây dựng cơ bản các công trình Văn phòng Tổng cục Cao su các năm: 1982, 1983, 1984, 1985; sửa chữa cải tạo, tu bổ công trình trụ sở Tổng cục Cao su 236,...

- Phòng Tổng cục Cao su: 2879, 2887, 2883, 2889, 2980, 3022, 3086, 3135.

• ***Nguyễn Trung Kiên***

Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 51

Các hồ sơ được độc giả khai thác như: Thiết kế kỹ thuật thi công trạm thu phí, Thiết kế nền, mặt đường, an toàn giao thông, Thủ tục thi công, các quyết định và biên bản liên quan; Bản vẽ thi công bổ sung hệ thống thoát nước, bình đồ mở rộng tuyến.

- Phòng Quốc lộ 51: 708, 709, 710, 711, 712.

• ***Bùi Thọ Ninh***

Quá trình hình thành và phát triển của Thủy Cục Đà Nẵng

Tài liệu là các nghị định, sắc lệnh, công văn, báo cáo, phúc trình của Bộ CC>, Nha cấp thủy, Sài Gòn Thủy Cục, Thủy Cục Đà Nẵng. Nội dung tài liệu liên quan đến các vấn đề như: thiết lập Thủy Cục Đà Nẵng, phê chuẩn và ban hành ngân sách tự trị Thủy Cục Đà Nẵng tài khóa năm 1970; đấu thầu và thực hiện công tác thiết lập hệ thống cung cấp nước ngọt cho bến tàu chính Thương Cảng Đà Nẵng năm 1970 - 1971; dự án lấy nước sông Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận năm 1969; trưng thu ruộng đất để thiết lập Nhà máy Nước Đà Nẵng từ năm 1969 - 1975; Chính phủ Australia tài trợ cho các dự án cấp thủy

tại Đà Nẵng từ năm 1971 - 1973; hoạt động của Nha cấp thủy, Sài Gòn Thủy Cục, Thủy Cục Đà Nẵng từ năm 1968 - 1975, tổ chức và điều hành Thủy Cục Đà Nẵng từ năm 1969 - 1975; ấn định giá biểu nước uống tại thị xã Đà Nẵng và các vùng phụ cận,...

- Phòng Bộ CC>: 14, 70, 799, 869, 852.

- Phòng Bộ Công chánh: 748, 762, 776, 830, 1007, 1016, 1547, 1568, 1603, 1663, 1697.

• ***Hoàng Lê Quân***

Vận tải hành khách công cộng tại thành phố Hồ Chí Minh: Thách thức và các giải pháp phát triển bền vững

Tài liệu của Bộ CC> về các vấn đề như: nhu cầu công chánh tại Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam phần từ năm 1951 - 1961, kiến nghị của Hội đồng Đô thành về vấn đề điện nước, vệ sinh công cộng, chỉnh trang đô thị, lưu thông đô thành và thủ tục xin phép xây cất năm 1965, tình trạng khánh tận và việc xin vay, trợ giúp của công quản xe buýt Sài Gòn năm 1965, các lĩnh vực công chánh cần thực hiện để phát triển kinh tế ở Việt Nam (thủy nông, điện lực, kiều lộ, hỏa xa) năm 1955...

- Phòng Bộ CC>: 108, 223, 228, 229, 250, 420, 576, 6193.

• ***Nguyễn Đức Thọ Trường - Trần Văn Đức***

Quyết toán quốc lộ 51

Các tài liệu liên quan đến việc quốc lộ 51 gồm các hồ sơ về chứng chỉ kỹ thuật năm 1997 - 1998; xét thầu, bản vẽ hoàn công năm 1999, phiếu kiểm tra khối lượng thi công năm 1998 - 1999, thuyết minh hoàn công năm 1998 - 1999; bản giao năm 2000, kết quả đấu thầu, biên bản nghiệm thu,...

- Phòng Quốc lộ 51: 88, 98, 103, 104, 105, 106, 108, 109, 110, 112, 113, 115, 116, 730, 731, 732, 733, 734.

- ***Hoàng Minh Tuấn***

Xây dựng phòng truyền thống ngành Tài chính

Các tài liệu được khai thác như: nghị định về cải tổ Bộ Tài chính và Kinh tế quốc gia, lập quỹ phát triển kinh tế quốc gia, thiết lập thuế giá trị gia tăng, thiết lập thị trường chứng khoán, thành lập trung tâm ấn loát, vấn đề tài chính tiền tệ, giấy bạc.

- Phòng Phủ Tổng thống ĐICH: 15365, 21219.

- Phòng Phủ Thủ tướng VNCH: 24581.

- Sưu tập công báo: J.348, J.555.

- ***Nguyễn Thị Vân***

Quyết định tiếp nhận của Tổng Công ty Cao su

Tài liệu là các hồ sơ của Tổng cục Cao su về việc tiếp nhận cán bộ công nhân viên của Tổng cục Cao su năm 1987, điều động và chuyển chuyển cán bộ công nhân viên trong ngành Cao su năm 1987, tuyển dụng lao động năm 1987,...

- Phòng Tổng Cục cao su: 570, 572, 573, 574, 575.

- ***Nguyễn Phương Vũ***

Tìm quyết định về việc điều động cán bộ

Tài liệu là các tập quyết định, văn bản của Tổng cục Cao su có nội dung đề cập đến các vấn đề như: danh sách cán bộ công nhân viên của các đơn vị thuộc ngành Cao su năm 1985, 1986, 1987, công nhận hết thời gian tập sự, tiếp nhận và điều động cán bộ công nhân viên các đơn vị từ năm 1985 - 1987.

- Phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam: 21, 22, 23, 189, 202.

ARCHIVES.GOV.VN

Phần ba

TUYỂN TẬP CÁC ĐỀ TÀI, XUẤT BẢN PHẨM VÀ BÀI VIẾT CỦA ĐỘC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ, XUẤT BẢN

1. ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN, LUẬN ÁN

- **PGS. TS. Trần Đức Cường** (*chủ nhiệm*)

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT NAM BỘ

(*Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp nhà nước*)

Nội dung nghiên cứu được trình bày trong 5 phần (13 chương). Đề tài phân tích làm rõ quá trình hình thành vùng đất Nam Bộ, nhất là thời tiền sử với các nền văn hóa cổ, sự hình thành và tiêu vong của các quốc gia cổ đại Phù Nam, Chân Lạp và nêu bật được quá trình xác lập chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ của người Việt và các cộng đồng cư dân khác từ thế kỷ XVII đến khi thực dân Pháp xâm lược vùng đất này như: sự hoàn thiện hệ thống hành chính và tổ chức bộ máy quản lý; sự phát triển kinh tế, văn hóa, thương mại của triều Nguyễn ở vùng đất Nam Bộ, dựng lại một cách khách quan và tương đối hệ thống quá trình thực dân Pháp xâm lược; sự phân hóa xã hội, sự phát triển của phong trào đấu tranh chống Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ và cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng CS Đông Dương lãnh đạo. Đề tài được trình bày một cách khá toàn diện cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Bộ trong suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân

Pháp và đế quốc Mỹ giải phóng dân tộc. Đề tài cũng làm rõ những khó khăn, thách thức cũng như sự sáng tạo của nhân dân vùng đất Nam Bộ trong 30 năm tìm tòi và đổi mới, đưa vùng đất này trở thành vùng kinh tế năng động nhất của đất nước.

- **TS. Dương Kiều Linh** (chủ nhiệm)

BÁO CHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2006)

(Đề tài cấp Đại học Quốc gia)

Nội dung chính của đề tài gồm 4 vấn đề như sau:

- Trình bày điều kiện, môi trường hoạt động của báo chí Tp.HCM trong 20 năm đổi mới (1986 - 2006): Điều kiện lịch sử, kinh tế văn hóa xã hội ảnh hưởng đến hoạt động báo chí, các yếu tố mà truyền thông báo chí Tp.HCM vốn có, về tập quán tâm lý cư dân đô thị Tp.HCM,... đã làm nên vai trò trong hoạt động kinh tế của báo chí, các hoạt động xã hội văn hóa đa dạng phong phú của báo chí thành phố trong 20 năm (1986 - 2006).

Nghiên cứu và phân tích một số văn kiện của Đảng, Nhà nước và của thành phố về văn hóa nói chung và báo chí nói riêng để thấy rõ những thay đổi thuận lợi về chủ trương phát triển báo chí, những chính sách khuyến khích để báo chí phát triển và những nghị định về quản lý báo chí thành phố trong 20 năm đổi mới.

Mô tả diện mạo và tính cách của báo chí thành phố trong 20 năm đổi mới. Phân loại, phân biệt các loại hình báo chí, giữa báo và tạp chí, từ số lượng, diện mạo, loại hình, thể loại, quá trình ra đời và phát triển, làm lý lịch trích ngang cho một số tờ nhật báo có vị thế trong đời sống văn hóa xã hội, trong nhu cầu đọc và sử dụng thông tin trên các tờ báo, làm danh mục báo chí Tp.HCM trong 20 năm đổi mới, đưa ra những nhận định về thực trạng và nguyên nhân của thực trạng.

- Trình bày mối quan hệ giữa báo chí Tp.HCM với: các vấn đề chính trị - kinh tế - xã hội, vấn đề chuyển tải chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cải cách hành chính, chính quyền đô thị, quản lý đô thị, phát triển kinh tế xã hội, thực thi dân chủ và chống tham nhũng tiêu cực,... Với văn hóa - nghệ thuật giải trí nâng cao đời sống tinh thần và chất lượng cuộc sống người dân nói chung và cư dân đô thị nói riêng.

- Đánh giá vai trò của báo chí trong sự nghiệp đổi mới.

- Một số nhận xét về kỹ thuật, nghệ thuật báo chí và đôi nét về đội ngũ những người làm báo của Tp.HCM trong 20 năm đổi mới.

• **PGS. TS. Nguyễn Đình Phức** (chủ nhiệm)

VĂN HỌC NGƯỜI HOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG MỐI QUAN HỆ GIAO LƯU VỚI VĂN HỌC VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

(Đề tài cấp Đại học Quốc gia)

Văn học người Hoa tại Tp.HCM tồn tại và phát triển tính đến nay đã ngoài 200 năm. Theo cùng tiến trình lịch sử của thành phố, dòng văn học này cũng trải qua rất nhiều thăng trầm với nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Những đóng góp của dòng văn học người Hoa tại Tp.HCM vào sự phát triển của dòng văn học Việt Nam nói chung, văn học Tp.HCM nói riêng trong suốt nhiều thế kỷ là một vấn đề khoa học cần phải được nghiên cứu.

Đề tài này gồm ba chương:

Chương I: Người Hoa ở Tp.HCM

Nội dung chương này chủ yếu tập trung khảo sát những vấn đề phức tạp, có khả năng phát sinh, gây ảnh hưởng không tốt đến quá trình triển khai nghiên cứu đề tài. Những vấn đề được khảo sát ở chương này gồm: Đầu là hạn định không gian và thời gian

của văn học người Hoa tại Tp.HCM? Chủ nhân của văn học người Hoa tại Tp.HCM là những ai, những cộng đồng nào, số lượng bao nhiêu và nguyên nhân nào khiến họ có mặt tại Tp.HCM và Việt Nam? Đây là những vấn đề tưởng như không mới nhưng lại hết sức khó khăn khi phải đi vào giải quyết. Tác giả cho rằng, những nghiên cứu trong đề tài này chỉ có giá trị khi làm rõ được những vấn đề nêu trên.

Chương II: Một số vấn đề về văn học người Hoa tại Tp.HCM

Vấn đề có hay không một dòng văn học người Hoa tồn tại trên địa bàn Tp.HCM vẫn là một vấn đề gây tranh cãi. Ở chương này, trên cơ sở giới thiệu toàn bộ số lượng tác giả tác phẩm trong suốt tiến trình phát triển của dòng văn học người Hoa tại Tp.HCM, tác giả tiến hành nhìn nhận, đánh giá dòng văn học này ở một số khía cạnh như: lịch sử phát triển, các mảng thành tựu chính, hệ thống tác giả, tác phẩm nhìn từ số lượng và chất lượng,...

Chương III: Văn học người Hoa, nhìn từ các mối quan hệ giao lưu

Nội dung chương này trên cơ sở xem xét mối quan hệ giao lưu đa chiều giữa văn học người Hoa tại Tp.HCM với văn học Trung Quốc, văn học Việt Nam và các dòng văn học người Hoa khác tại Việt Nam, rút ra một số nét chính về dòng văn học người Hoa tại Tp.HCM.

• Vũ Quý Tùng Anh

DƯƠNG VĂN MINH VỚI CUỘC ĐẢO CHÍNH NGÀY 01/11/1963
- MỞ ĐẦU CHO SỰ KHỦNG HOẢNG CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1963 - 1965

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2011)

Luận văn phục dựng lại một cách chân thực, khách quan bức tranh lịch sử về sự khủng hoảng của Hoa Kỳ trong việc tìm

ra một người “lãnh đạo” phù hợp cho Chính quyền VNCH giai đoạn 1963 - 1965. Từ đó khẳng định sự thất bại mô hình thực dân kiểu mới của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam ngay từ thời kỳ đầu đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam. Luận văn cũng đưa ra một cái nhìn khách quan về vai trò của Dương Văn Minh trong cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm và tính tích cực của nhân vật này trong quan điểm nhìn nhận về cuộc chiến tranh từ sau đảo chính. Đồng thời, qua việc so sánh, đối chiếu một khối lượng lớn tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, luận văn góp phần cung cấp, bổ sung nguồn tư liệu về giai đoạn lịch sử 1963 - 1965.

- **Lê Nguyễn Ngọc Diệu**

QUAN HỆ HOA KỲ - VNCH (GIAI ĐOẠN 1954 - 1963)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử thế giới, năm 2015)

Luận văn làm rõ mối quan hệ giữa Hoa Kỳ - VNCH được đặt trong bối cảnh quốc tế ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Về mặt lý luận cho thấy mối quan hệ mang tính phi nghĩa, đế quốc, sai lầm,... dẫn đến kết quả thất bại và kết thúc mối quan hệ. Từ đó khẳng định bất cứ một mối quan hệ nào nhằm mục đích phá hoại nền hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam đều chuốc lấy thất bại nặng nề, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ vững những điều thiêng liêng đó.

- **Phan Đình Dũng**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN ĐỒNG NAI TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (TỪ NĂM 1954 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2001)

Luận văn trình bày có hệ thống quá trình hình thành, phát triển và phong trào đấu tranh của công nhân Đồng Nai từ khi hình thành cho đến năm 1975, đặc biệt là phong trào đấu tranh của

công nhân Đồng Nai trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975). Luận văn cũng góp phần làm rõ những đặc điểm chủ yếu về lịch sử - chính trị - kinh tế - xã hội của Đồng Nai thời kỳ 1954 - 1975 gắn với vai trò, hoạt động của đội ngũ công nhân Đồng Nai trong quá khứ để đúc kết bài học lịch sử và hoạch định chính sách xây dựng, phát triển lực lượng công nhân Đồng Nai hiện nay.

- ***Nguyễn Thị Hạnh***

VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG ĐẤU TRANH CÔNG KHAI Ở ĐÔ THỊ SÀI GÒN (GIAI ĐOẠN 1945 - 1954)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2002)

Luận văn nghiên cứu tương đối đầy đủ và có hệ thống về vai trò của đội ngũ trí thức trong các phong trào đấu tranh công khai ở đô thị Sài Gòn (giai đoạn 1945 - 1954) thông qua hoạt động của họ, lý giải một cách có cơ sở khoa học những nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến hoạt động đấu tranh công khai, hợp pháp của trí thức ở đô thị Sài Gòn, khẳng định vai trò quan trọng của họ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

- ***Lê Thị Hiền***

CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG Ở BÌNH DƯƠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (GIAI ĐOẠN 1954 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2013)

Luận văn tái hiện bức tranh tổng thể về vị trí, vai trò và sự đóng góp của căn cứ địa cách mạng ở Bình Dương trong kháng chiến chống Mỹ (giai đoạn 1954 - 1975). Qua đó tổng kết những kinh nghiệm, rút ra những bài học về xây dựng căn cứ địa và hậu phương, làm rõ thêm truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của quân và dân Bình Dương trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, quê hương, đất nước.

- **Dương Thị Ngọc Hiền**

QUÁ TRÌNH SỤP ĐỔ CHẾ ĐỘ GIA ĐÌNH TRỊ NGÔ ĐÌNH
DIỆM TỪ NĂM 1960 - 1963

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2008)

Luận văn phục dựng một cách chân thực và khách quan bức tranh lịch sử về quá trình sụp đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm từ năm 1960 - 1963 với tất cả sự phức tạp, gay go, quyết liệt và những thăng trầm của nó. Đồng thời đưa ra nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp tác động đến quá trình sụp đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm và rút ra những đặc điểm của quá trình sụp đổ, đảo chính là tất yếu, không tránh khỏi của chế độ này. Tác động của sự sụp đổ này đối với chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam và khả năng thành công của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ là không tương.

- **Nguyễn Đức Hòa**

THƯƠNG CẢNG SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

(Luận văn Thạc sỹ lịch sử Việt Nam, năm 1997)

Tác giả luận văn muốn trình bày một cách hệ thống cơ cấu tổ chức, quy chế và những hoạt động chủ yếu nhất của Thương cảng Sài Gòn trong suốt những năm 1954 - 1975, mô tả lại một cách chân thực bức tranh tổng quát của Thương cảng Sài Gòn dưới chế độ thực dân mới của Mỹ (từ năm 1954 - 1975). Luận văn không chỉ trình bày hoạt động mà còn mạnh dạn nêu lên tính chất và đặc điểm hoạt động của Thương cảng Sài Gòn suốt thời kỳ can thiệp và xâm lược của Mỹ từ năm 1954 - 1975. Trong suốt thời kỳ lịch sử này, với vị trí gắn với trung tâm đầu não của Mỹ - ngụy, Thương cảng Sài Gòn thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho các mục đích của chủ nghĩa thực dân mới. Đặc biệt, từ năm 1965, thương cảng trở thành căn cứ hậu cần quân sự trá hình cho chiến tranh xâm lược, cho quân đội viễn chinh Mỹ - ngụy.

Thương cảng Sài Gòn trên thực tế đã quân sự hóa trong bộ máy điều hành, cũng như các hoạt động của nó. Sự vận hành thương cảng và mức độ phồn thịnh của cảng Sài Gòn, cũng như cường độ hoạt động của các nhà xuất nhập khẩu miền Nam, đô thị miền Nam hoàn toàn lệ thuộc vào chiến tranh và các chính sách quân sự và viện trợ Mỹ.

Thương cảng Sài Gòn phục vụ cho chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ trên tất cả các lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Thông qua sự nghiên cứu về Thương cảng Sài Gòn, luận văn muốn làm rõ thêm vai trò ảnh hưởng của Thương cảng đối với đô thị trung tâm kinh tế, thương mại Sài Gòn - Chợ Lớn, với sự phát triển các ngành Kinh tế thương nghiệp, Dịch vụ, Ngân hàng, Công nghiệp và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong các ngành trên ở quy mô toàn miền Nam Việt Nam.

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI NGÔ ĐÌNH DIỆM Ở MIỀN NAM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1955 - 1959

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2007)

Luận văn tái hiện bức tranh tổng thể, toàn diện về quá trình hình thành, phát triển của chế độ Ngô Đình Diệm. Trên cơ sở đó, góp phần cung cấp, bổ sung, chỉnh lý nguồn tư liệu về giai đoạn lịch sử này của dân tộc; làm rõ những sự kiện tiêu biểu và những đặc điểm nổi bật của chế độ Ngô Đình Diệm. Từ đó rút ra những nhận định có tính bản chất của chế độ này.

- ***Trần Thị Lan***

LỊCH SỬ QUÂN KHU X TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (GIAI ĐOẠN 1962 - 1971)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2008)

Bằng những tư liệu thu thập được, luận văn góp phần dựng lại một cách hệ thống lịch sử hình thành và phát triển của Quân

khu 10 qua hai giai đoạn tồn tại trong khoảng thời gian hơn 7 năm (1962 - 1971). Luận văn đã tổng hợp, phân tích đặc điểm, đánh giá hoạt động và vai trò của Quân khu 10, cung cấp những luận cứ khoa học làm nổi bật đường lối chỉ đạo đúng đắn của TW Cục, Bộ Tư lệnh Miền trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đồng thời nêu lên những bài học lịch sử phục vụ cho nhiệm vụ hoạch định phát triển khu vực thuộc địa bàn Quân khu 10 trước đây và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Luận văn cũng giới thiệu sử liệu mới, bổ sung phục vụ cho việc xác định lại tên tuổi cho Quân khu 10 vốn đã bị hòa lẫn trong các quân khu khác, có lúc đi vào quên lãng, nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam, giáo dục truyền thống.

• ***Trần Thị Bích Loan***

BÌNH ĐỊNH TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (GIAI ĐOẠN 1969 - 1973)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2004)

Luận văn dựng lại bức tranh toàn cảnh về cuộc kháng chiến của quân dân Bình Định trong giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đây là giai đoạn đấu tranh phức tạp, gay go và ác liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Bình Định nói riêng và trên toàn miền Nam nói chung. Luận văn khẳng định giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là giai đoạn giành thắng lợi quyết định, tiến tới đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn. Luận văn cũng rút ra đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của phong trào đấu tranh ở Bình Định trong giai đoạn 1969 - 1973, khẳng định vai trò của chiến trường Bình Định đối với chiến trường miền Trung và toàn miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Việc sử dụng nhiều tài liệu của chính quyền Sài Gòn đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, luận văn bổ sung thêm nguồn tư liệu lưu trữ cho địa phương về phần kháng chiến chống Mỹ cứu nước, góp phần giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ.

- ***Phạm Phú Lữ***

VÀNH ĐAI DIỆT MỸ Ở NAM BỘ (GIAI ĐOẠN 1965 - 1972)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2005)

Luận văn bước đầu đưa ra một số nhận xét về đặc điểm, vai trò của vành đai diệt Mỹ. Bên cạnh đó, luận văn nghiên cứu làm rõ bản chất hiếu chiến xâm lược, thủ đoạn hoạt động tàn ác của quân đội viễn chinh Mỹ; làm rõ ý chí đấu tranh ngoan cường của Đảng bộ, quân và dân ta trên các vành đai diệt Mỹ, sự sáng tạo độc đáo trong xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, phong trào toàn dân đánh giặc.

- ***Nguyễn Thị Kim Nương***

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRÊN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH, ĐOẠN NAM TÂY NGUYÊN - ĐÔNG NAM BỘ (GIAI ĐOẠN 1961 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2015)

Luận văn phục dựng lại một cách hệ thống, toàn diện lịch sử thông tin liên lạc trên đường Hồ Chí Minh đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1961 - 1975). Đồng thời, luận văn cũng phân tích đặc điểm, vai trò và bài học kinh nghiệm về hoạt động thông tin liên lạc trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, từ Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ.

- ***Võ Thị Thu Nga***

SỰ BIẾN ĐỔI VỀ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở NÔNG THÔN BẾN TRE TỪ NĂM 1954 - 1975

(Luận văn Thạc sỹ lịch sử, năm 1999)

Luận văn sử dụng khối lượng lớn tài liệu của các cơ quan Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đó là những nguồn tài liệu của Phủ Thủ tướng, Phủ Tổng thống VNCH cùng với những báo cáo, phúc trình thường niên của tòa hành chính tỉnh, tỉnh trưởng, Sở Kiến thiết hương thôn tỉnh Kiến Hòa từ năm 1955 - 1974 về công cuộc bình định, đầu tư phát triển kinh tế, hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Bến Tre cũng như những báo cáo của Quỹ Phát triển kinh tế quốc gia, ngân hàng phát triển nông nghiệp, Ngân hàng QGVN (lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II). Thông qua số liệu thống kê từ các tư liệu, luận văn đã khảo sát mức độ của thành phần kinh tế phú nông - tư sản nông thôn Bến Tre, quá trình xâm nhập, sự phát triển và tác động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, nông thôn Bến Tre. Đồng thời, tác giả luận văn cũng giúp chúng ta hiểu rõ về sự phân hóa giai cấp, mức độ chiếm hữu ruộng đất ở các địa phương dưới tác động của Luật Người cày có ruộng của Mỹ - Thiệu và sau khi công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp cơ bản hoàn thành năm 1985.

- ***Nguyễn Thị Hồng Nhung***

CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN (GIAI ĐOẠN 1963 - 1965)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2009)

Luận văn phục dựng một cách sinh động và chân thực “sân khấu chính trị” Sài Gòn trong những năm 1963 - 1965 nhằm chứng minh rằng các tướng tá VNCH giống như những con rối

đầu đá lẫn nhau dưới sự giật dây của chủ Mỹ. Luận văn cũng đã đúc kết những đặc điểm, bản chất, đặc trưng và nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị của chính quyền Sài Gòn. Không phải đến thời điểm năm 1963, chính quyền Sài Gòn mới bị khủng hoảng; cũng không phải đến năm 1965, cuộc khủng hoảng ấy chấm dứt hoàn toàn. Mầm mống khủng hoảng luôn tồn tại trong chính quyền tay sai của Mỹ, hễ có cơ hội là nó bùng phát. Do vậy, những nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng này luôn thường trực trong suốt quá trình tồn tại của chính quyền Sài Gòn. Luận văn khẳng định sự thất bại của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là một tất yếu. Không sớm thì muộn, chủ nghĩa thực dân kiểu mới cũng bị đánh bại bởi chủ nghĩa CS.

- **Đỗ Hồng Phong**

LỊCH SỬ CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM THỜI KỲ TRƯỚC
NĂM 1975

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2005)

Trên cơ sở tiếp cận nguồn tài liệu gốc, luận văn góp phần dựng lại quá trình hình thành và phát triển của hệ thống Cảng Hàng không miền Nam từ khi mới ra đời cho đến trước ngày 30/4/1975. Luận văn không chỉ thuần túy mô tả sự hình thành và phát triển hệ thống sân bay miền Nam mà còn phân tích sự hình thành và phát triển đó trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Do vậy nghiên cứu về Cảng Hàng không miền Nam sẽ góp phần làm rõ hơn âm mưu, hoạt động của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Từ sự phân tích khách quan trên, luận văn phần nào nêu lên những bài học kinh nghiệm về sự hình thành và hoạt động của một ngành kỹ thuật đặc biệt tại miền Nam. Do vậy, nghiên cứu về Cảng Hàng không miền Nam sẽ góp phần đánh giá đúng hơn, khách quan hơn những khả năng

hiện tại và những tiềm lực tương lai của một ngành kinh tế được xem là mũi nhọn phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới và khu vực, trong đó có Việt Nam.

Từ sự nghiên cứu dựa trên những tài liệu gốc, trong đó có những tài liệu mật của chính quyền Sài Gòn từ năm 1954 - 1975 chưa bao giờ được công bố chính thức, luận văn sẽ là tài liệu bổ sung, phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam giai đoạn trước năm 1975.

- ***Tổng Thị Phương***

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG TẠI CHỖ VỀ MẶT KINH TẾ CỦA CHIẾN KHU D TRONG THỜI KỲ 1946 - 1975

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2015)

Đề tài tập trung phân tích vấn đề xây dựng và phát triển kinh tế ở chiến khu D trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1946 - 1975.

- ***Bùi Văn Toán***

ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA ĐỒNG BÀO HOA TẠI SÀI GÒN - CHỢ LỚN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, GIAI ĐOẠN 1968 - 1972

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2007)

Luận văn nghiên cứu các hoạt động vũ trang chống Mỹ và Chính quyền VNCH của các tổ chức cách mạng người Hoa tại Sài Gòn - Chợ Lớn trong khoảng thời gian từ trước Tết Mậu Thân năm 1968 đến cuối năm 1972, trước khi ký kết Hiệp định Paris ngày 27/01/1973. Đây là giai đoạn đấu tranh sôi nổi và có hiệu quả nhất, mang tính tiêu biểu cho hoạt động vũ trang của lực lượng cách mạng người Hoa thành phố. Trước giai đoạn này, Đặc

khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định cũng như Ban Cán sự Công vận người Hoa thành phố chưa có chủ trương tiến công vũ trang trong người Hoa nội thành mà chỉ mới dừng lại ở những hoạt động trấn áp, phục vụ cho yêu cầu vận động tuyên truyền. Từ sau khi có Hiệp định Paris trở đi, tính chất hoạt động vũ trang của người Hoa nội thành cũng mang tính chất hỗ trợ việc củng cố, xây dựng lực lượng cách mạng là chủ yếu.

- ***Nguyễn Thị Tuyết Thanh***

QUÁ TRÌNH DI CƯ VÀ ĐỊNH CƯ CỦA ĐỒNG BÀO CÔNG GIÁO BẮC KỲ VÙNG HỒ NAI - ĐỒNG NAI (GIAI ĐOẠN 1954 - 1963)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2009)

Luận văn làm sáng tỏ quá trình di cư và định cư của đồng bào Công giáo Bắc Bộ vào khu vực Hồ Nai từ năm 1954 - 1955, qua đó phân tích, lý giải những nguyên nhân và hiện trạng của quá trình di cư và định cư của người Công giáo trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, luận văn còn đi sâu tìm hiểu công cuộc định cư của cộng đồng giáo dân vùng Hồ Nai từ năm 1956 qua việc xem xét tình hình địa phương hóa các làng xã Bắc Bộ nơi vùng đất Nam Bộ của Chính quyền VNCH với các nội dung: chính sách của Chính phủ VNCH về xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức cai trị các làng xã đối với đồng bào Công giáo di cư vào Nam.

- ***Trần Xuân Thảo***

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NỮ CÔNG NHÂN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH (GIAI ĐOẠN 1954 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2000)

Luận văn nghiên cứu về đời sống của nữ công nhân lao động cũng như những chính sách của Mỹ - ngụy đối với công nhân lao động và nhân dân miền Nam nói chung qua các giai đoạn lịch

sử, để cung cấp một cái nhìn toàn cục, có hệ thống, xuyên suốt về những nguyên nhân cơ bản dẫn đến phong trào đấu tranh của giới nữ công nhân thành phố Sài Gòn - Gia Định (từ năm 1954 - 1975). Đặc biệt, luận văn đã thu thập được các báo cáo, tờ trình, công điện, công văn, thông cáo... của Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Tổng trưởng Lao động, Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng Đô thành Sài Gòn, Đồng lý Văn phòng Bộ Lao động, ban giám đốc các hãng, xưởng... liên quan đến phong trào đấu tranh của nữ công nhân Sài Gòn - Gia Định. Đây là nguồn tài liệu không những có giá trị chính xác về mặt thời gian, địa điểm diễn ra những phong trào đấu tranh của nữ công nhân, mà còn cung cấp những thông tin tham khảo khác cho thấy ý đồ, chủ trương, biện pháp đối phó của địch đối với những phong trào đấu tranh của nữ công nhân Sài Gòn - Gia Định và những tổn thất gây ra cho địch từ các phong trào này.

- ***Lưu Thị Tuyết Trinh***

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT TRUNG ƯƠNG
CỤC MIỀN NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
(GIAI ĐOẠN 1965 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2005)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, công tác hậu cần, hoạt động kinh tế tài chính luôn đóng vai trò quan trọng, cung cấp những nhu cầu thiết yếu cho tiền tuyến, hậu phương mà trong đó có sự hy sinh, cống hiến thầm lặng và bí mật của các chiến sỹ trong “Ban Tài chính đặc biệt”.

Với việc tập hợp được nhiều nguồn tài liệu gốc, luận văn phục dựng một cách có hệ thống, toàn diện lịch sử Ban Tài chính đặc biệt TW Cục miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Phân tích đặc điểm, vai trò và bài học kinh nghiệm về hoạt động của Ban Tài chính TW Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (từ năm 1965 - 1975).

- **Lê Thị Ngọc Trinh**

LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA QUÂN VÀ DÂN TỈNH PHƯỚC THÀNH (GIAI ĐOẠN 1961 - 1966)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2005)

Luận văn trình bày một cách có hệ thống và toàn diện lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân tỉnh Phước Thành. Qua đó, làm rõ hơn đặc điểm, vị trí và vai trò của tỉnh Phước Thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Luận văn cũng cung cấp một số luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu xây dựng tổ chức đơn vị hành chính, phát huy những lợi thế của tỉnh Bình Dương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- **Trương Hoàng Trương**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ CỦA NHÂN DÂN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH (GIAI ĐOẠN 1969 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, 2005)

Với việc sử dụng nguồn tư liệu chủ yếu của Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, luận văn đã trình bày cụ thể những phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Sài Gòn - Gia Định từ năm 1969 - 1975 chống lại chính quyền Sài Gòn. Những phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức và khẩu hiệu khác nhau, trong đó tiêu biểu là phong trào đấu tranh của công nhân, nghiệp đoàn, sinh viên, học sinh, phong trào đấu tranh của lực lượng báo chí tiến bộ Sài Gòn - Gia Định và đặc biệt là phong trào chống bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu.

Về cấu trúc, ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

- Chương I: Đề cập tổng quan về Sài Gòn - Gia Định, tình hình kinh tế, xã hội và chính trị của Sài Gòn - Gia Định trong giai đoạn từ năm 1969 - 1975.

- Chương II: Trình bày cụ thể những phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị từ năm 1969 - 1972. Những phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức và khẩu hiệu khác nhau tiêu biểu của công nhân, của sinh viên, học sinh, phong trào đấu tranh của lực lượng báo chí tiến bộ Sài Gòn - Gia Định và đặc biệt là phong trào chống bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu.

- Chương III: Trình bày phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Sài Gòn - Gia Định từ năm 1973 - 1975. Các phong trào đấu tranh ở giai đoạn này tiếp tục khí thế đấu tranh trước đó nhưng với những khẩu hiệu đấu tranh mới, thích hợp với tình hình thực tiễn là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, là xuống đường của “Ký giả đi ăn mày” và cuối cùng là đỉnh cao của phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Gia Định phối hợp cùng các lực lượng khác tiến đến giải phóng thành phố trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975.

• ***Nguyễn Thị Ánh Xuân***

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG GIÁO PHÁI Ở MIỀN NAM VIỆT NAM
THỜI KỲ 1954 - 1960

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2007)

Từ những kết quả nghiên cứu bước đầu về lực lượng vũ trang giáo phái, luận văn góp phần làm rõ bản chất, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù xâm lược thực dân cũ cũng như chủ nghĩa thực dân mới, đồng thời làm rõ ý chí, bản lĩnh, sáng tạo của cách

mạng miền Nam, trong hoàn cảnh lực lượng cách mạng phải thi hành Hiệp định Genève khi trong tay không còn lực lượng vũ trang nhưng vẫn phải chiến đấu để bảo vệ cách mạng, bảo vệ nhân dân trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt của thời kỳ 1954 - 1960.

- **Mai Thanh Xuân**

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA “CHÍNH PHỦ SÀI GÒN” (GIAI ĐOẠN 1965 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2010)

Luận văn tái hiện lại bức tranh tổng thể toàn diện về bộ máy vận hành của “Chính phủ Sài Gòn” giai đoạn 1965 - 1975. Trong đó, luận văn tập trung khai thác những mối tương quan giữa các cơ quan trong nội bộ Chính phủ, giữa hành pháp với các cơ quan khác của kết cấu công quyền trung ương. Đó là mối quan hệ giữa Tổng thống VNCH với các thành viên khác của Chính phủ và mở rộng hơn nữa qua các mối quan hệ giữa Tổng thống với các cơ quan khác. Thông qua việc tìm hiểu về các cơ cấu tổ chức của Chính phủ, luận văn làm sáng tỏ hơn quá trình phát triển của “Chính phủ Sài Gòn”. Bên cạnh đó, luận văn giới thiệu những chính sách cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự và văn hóa tư tưởng của “Chính phủ Sài Gòn” trong giai đoạn này ở miền Nam Việt Nam.

- **Nguyễn Thị Phương Yển**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA PHỤ NỮ Ở VÙNG ĐÔ THỊ NAM BỘ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (GIAI ĐOẠN 1954 - 1975)

(Luận văn Thạc sỹ Sử học, năm 2005)

Luận văn đã cố gắng khôi phục lại một phần bức tranh lịch sử về phong trào đấu tranh của phụ nữ tại các đô thị Nam Bộ với những sự phức tạp, thăng trầm của nó. Trên cơ sở đó, luận văn

nêu lên một số đặc điểm chủ yếu về phong trào đấu tranh của giới phụ nữ trong cuộc đấu tranh chung của quần chúng nhân dân tại các đô thị Nam Bộ chống Mỹ - ngụy. Từ việc mô tả, phục dựng và khái quát hóa lịch sử, luận văn cố gắng chỉ ra, phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của phụ nữ tại đô thị Nam Bộ và hệ quả, ảnh hưởng từ phong trào đấu tranh của phụ nữ tại các đô thị Nam Bộ đối với phong trào đấu tranh chung của nhân dân miền Nam chống Mỹ - ngụy.

- ***Hồ Sơn Diệp***

TRÍ THỨC NAM BỘ TRONG SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN
CHỐNG XÂM LƯỢC (GIAI ĐOẠN 1945 - 1975)

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2006)

Luận án đã sưu tầm, tập hợp, hệ thống nhiều nguồn tư liệu lịch sử, trong đó có một số tư liệu đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II lần đầu tiên được phát hiện và công bố. Trên cơ sở đó, luận án phục dựng được toàn cảnh bức tranh lịch sử về trí thức Nam Bộ trong 30 năm kháng chiến chống xâm lược, đồng thời góp phần hiệu đính những sự kiện lịch sử chưa chính xác đã công bố trong các ấn phẩm xuất bản trước đây. Đồng thời luận án làm rõ những thành quả và hạn chế của phong trào đấu tranh và các hoạt động kháng chiến của đội ngũ trí thức yêu nước, cách mạng Nam Bộ ở vùng tạm chiếm, vùng chiến khu, vùng giải phóng trong mối quan hệ với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân khác. Làm rõ đặc điểm, vai trò, vị trí của đội ngũ trí thức yêu nước, cách mạng Nam Bộ trong công cuộc kháng chiến chống xâm lược; qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng, tập hợp lực lượng trí thức, xây dựng mặt trận đoàn kết toàn dân và liên minh công - nông - trí.

- **Nguyễn Thị Hiển Linh**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NỮ TÙ CHÍNH TRỊ TẠI CÁC NHÀ TÙ CỦA MỸ - NGUYỄN Ở MIỀN NAM (GIAI ĐOẠN 1954 - 1975)

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2005)

Luận án tập trung tái hiện diễn biến các phong trào đấu tranh, tinh thần chiến đấu dũng cảm của tập thể nữ tù chính trị, với những sự kiện đúng như nó đã diễn ra tại các nhà lao Mỹ - ngụy. Trên cơ sở hệ thống hóa, phân loại và tập hợp tư liệu để có những kết quả nghiên cứu xác thực về phong trào đấu tranh của nữ tù chính trị miền Nam, luận án còn trình bày một số nhận xét, phân tích và so sánh với các cuộc đấu tranh của tù chính trị nam, nhằm nêu bật sự khác biệt về hình thức, phương pháp đấu tranh đặc thù của giới nữ. Với kết quả nghiên cứu đó, luận án là một công trình khoa học tổng hợp, khẳng định những giá trị lịch sử về vai trò và vị trí của phụ nữ đối với cách mạng dân tộc, đặc biệt trong giai đoạn chống Mỹ.

- **Đỗ Văn Biên**

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TUYÊN HUẤN TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (GIAI ĐOẠN 1961 - 1975)

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2016)

Luận án đã khái quát được quá trình hình thành, phát triển hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và những hoạt động chủ yếu của hệ thống tổ chức Ban Tuyên huấn TW Cục miền Nam qua các giai đoạn kháng chiến. Cụ thể là:

- Hệ thống bộ máy tổ chức của BCH TW Cục gồm ban lãnh đạo, các cơ quan trực thuộc như: Văn phòng, Thông tấn xã giải phóng, Đài Phát thanh Giải phóng, Tiểu ban Tuyên truyền, Tiểu ban Văn nghệ, Tiểu ban Giáo dục, Tiểu ban Tuyên truyền Đối ngoại...

- Các hoạt động chủ yếu và xuyên suốt: huấn học, tuyên truyền, giáo dục, văn hóa - văn nghệ, thông tấn - báo chí, trong những đợt trọng tâm, trọng điểm của cách mạng miền Nam, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong BCH TW Cục và giữa BCH TW Cục với các cơ quan của TW Cục, ban ngành khác là cơ quan chính quyền thuộc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam trong hoạt động kháng chiến ở chiến trường Nam Bộ.

- ***Nguyễn Văn Hiệp***

NHỮNG CHUYẾN BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 1945 - 2005

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2007)

Luận án đã sưu tầm, tập hợp, hệ thống nhiều nguồn tư liệu lịch sử, trong đó có một số tư liệu lần đầu tiên được phát hiện và công bố. Trên cơ sở đó, luận án phục dựng bức tranh toàn cảnh về kinh tế, xã hội tỉnh Bình Dương trong 60 năm (từ năm 1945 - 2005); đồng thời, góp phần hiệu đính những sự kiện lịch sử chưa chính xác đã công bố trong các ấn phẩm xuất bản trước đây.

Luận án làm rõ những thành quả và hạn chế của quá trình phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Bình Dương từ năm 1945 - 2005. Từ đó, rút ra một số kinh nghiệm cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong mối quan hệ, tác động qua lại với các địa phương khác ở Nam Bộ và cả nước qua từng thời kỳ lịch sử.

Luận án làm rõ hơn về vai trò, vị trí của kinh tế, xã hội tỉnh Bình Dương trong nền kinh tế, xã hội cả nước, nhằm phát huy hơn nữa vai trò, vị trí của Bình Dương trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn của Bình Dương, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoàn

thiện đường lối đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- **Nguyễn Đức Hòa**

QUÂN VÀ DÂN MIỀN NAM ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG VŨ KHÍ HÓA HỌC CỦA MỸ TRONG NHỮNG NĂM 1961 - 1972

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2008)

Từ việc tập hợp, đối chiếu, thẩm định và giới thiệu khối lượng lớn các tài liệu có giá trị, luận án phục dựng lại một cách chân thực cuộc đấu tranh của quân và dân miền Nam phòng chống vũ khí hóa học của Mỹ từ năm 1961 - 1972 nằm trong bối cảnh chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Và từ sự nghiên cứu cuộc đấu tranh của quân và dân miền Nam phòng chống vũ khí hóa học Mỹ, luận án đưa ra những kiến nghị có tính chất tham khảo nhằm góp phần khắc phục những hậu quả chất độc hóa học của Mỹ và giúp đỡ thiết thực cho các nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam, đặc biệt các nạn nhân là đồng bào dân tộc ít người.

- **Nguyễn Xuân Hoài**

CHẾ ĐỘ VNCH Ở MIỀN NAM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1955 - 1963

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2011)

Nguồn tài liệu quan trọng và sử dụng chủ yếu nhất trong luận án gồm các văn bản luật, sắc lệnh, nghị định; các báo cáo, tờ trình, phúc trình... được khai thác từ các phong lưu trữ, hiện được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, gồm: Phong Phủ Tổng thống ĐỊCH (từ năm 1954 - 1963) với 23.507 hồ sơ; phong Phủ Thủ tướng QGVN (từ năm 1949 - 1954) với 3.411 hồ sơ; phong Phủ Thủ tướng VNCH (từ năm 1954 - 1975) với 34.938 hồ sơ; phong Hội đồng QNCM với 200 hồ sơ; phong Cơ quan Viện trợ Quốc tế Hoa Kỳ với 5.436 hồ sơ;... về hoạt động kinh tế, quân sự,

chính trị, ngoại giao và văn hóa xã hội; các chính sách và chương trình viện trợ của Hoa Kỳ,... được sản sinh trong quá trình hoạt động của Chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong đó, có nhiều tài liệu được Hoa Kỳ - Diệm xếp vào loại “mật”, “tối mật”,...

Với việc sử dụng những nguồn tài liệu gốc, luận án đã góp phần tái hiện bức tranh tổng thể, toàn diện về quá trình hình thành, hoạt động và sụp đổ của chế độ VNCH giai đoạn 1955 - 1963 với những điều kiện, hoàn cảnh và đặc điểm chung và riêng của chế độ tay sai Ngô Đình Diệm.

Luận án phân tích những đặc điểm của thể chế chính trị VNCH, một mô hình “nhà nước dân chủ” với bản chất của chế độ tay sai phục vụ cho chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Trong đó, chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm là công cụ chính trị quan trọng nhất, nhằm thực hiện những âm mưu và thủ đoạn chiến tranh thực dân mới của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam.

Luận án khẳng định sự sụp đổ tất yếu không thể tránh khỏi của chế độ Ngô Đình Diệm và tất cả những chính quyền tay sai sau đó ở miền Nam Việt Nam. Sự sụp đổ này là kết quả vận động của nhiều nhân tố nội tại và ngoại biên, nhưng quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là từ sự phát triển của lực lượng và phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam đấu tranh chống lại chính quyền và chế độ ấy.

- **Hà Minh Hồng**

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 1969 - 1972: CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH NÔNG THÔN Ở NAM BỘ

(Luận án Tiến sĩ Lịch sử, năm 1997)

Luận án cho rằng: giai đoạn 1969- 1972 là giai đoạn giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước,

cũng là giai đoạn quyết định số phận cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Trong đó, năm 1972 lại là năm quan trọng nhất, đánh dấu bước phát triển cao nhất của diễn biến chiến tranh của cả ta và địch giai đoạn 1969 - 1972.

Luận án cũng khẳng định: chống phá bình định những năm 1969 - 1972 ở Nam Bộ là một trong những trận tuyến cam go của cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng thời là trận tuyến góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng miền Nam trong giai đoạn này.

Luận án còn chứng minh: Nam Bộ và nhất là nông thôn Nam Bộ có vị trí chiến lược cần được đặc biệt chú trọng trong quá trình xây dựng và phát triển cách mạng cả trong thời chiến lẫn thời bình.

- ***Ku Su Jeong***

MỐI QUAN HỆ VIỆT - HÀN TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH CỦA MỸ TẠI VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1955 - 2005)

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử Việt Nam, năm 2008)

Tài liệu về quan hệ giữa VNCH với Đại Hàn Dân quốc giai đoạn 1955 - 1975 được sử dụng nghiên cứu phục vụ luận án này chủ yếu là những tư liệu gốc hiện đang được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II ở Tp.HCM. Các tài liệu này được chia thành hai nguồn, gồm: Văn bản về quan hệ hai nước lưu trữ ở phòng tài liệu Phủ Tổng thống và Phủ Thủ tướng; Tư liệu thống kê từ các cơ quan chức năng. Các tư liệu trên tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II được lưu trữ trong hai phong là phong Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1955 - 1963) và phong Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa (1964 - 1975).

Cùng với việc nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu gốc, Luận án đã dựng lại toàn cảnh mối quan hệ Việt - Hàn trong suốt

những năm từ năm 1955 đến nay, góp phần giúp cho nhân dân hai nước hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, cùng nhau hướng đến tương lai.

- ***Huỳnh Thị Liêm***

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁ ÁP CHIẾN LƯỢC
Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ (GIAI ĐOẠN 1961 - 1965)

(Luận án Tiến sỹ Lịch sử, năm 2006)

Luận án trình bày một cách có hệ thống âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - ngụy trong quốc sách áp chiến lược mà chúng thực hiện trong giai đoạn triển khai chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam nói chung và đặc biệt là ở miền Đông Nam Bộ nói riêng. Qua đó phục dựng toàn diện phong trào chống phá áp chiến lược của nhân dân miền Đông Nam Bộ trong giai đoạn chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy; Làm rõ nghệ thuật sáng tạo kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và binh vận, cũng như việc vận dụng sáng tạo phương châm đấu tranh trên ba vùng chiến lược làm thất bại quốc sách áp chiến lược của địch.

- ***Dương Kiều Linh***

BÁO CHÍ SÀI GÒN THỜI KỲ 1954 - 1963

(Luận án Tiến sỹ lịch sử, năm 1999)

Luận án đi sâu tìm hiểu hoạt động cụ thể của báo chí tôn giáo Sài Gòn thời kỳ 1954 - 1963 bao gồm: các chính sách của Chính quyền Ngô Đình Diệm đối với báo chí tôn giáo - từ đó đưa ra một số nhận định, đánh giá về đặc điểm của chúng nhằm làm rõ hơn vai trò và vị trí của báo chí tôn giáo trong đời sống chính trị và văn hóa - xã hội ở Sài Gòn dưới thời Ngô Đình Diệm.

2. XUẤT BẢN PHẨM

- ***Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh - Bộ Tư lệnh quân khu 7***

CHIẾN THẮNG TUA HAI VÀ PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

(Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân)

Cuốn sách này là tập hợp các báo cáo khoa học đã được tuyển chọn từ Hội thảo “Chiến thắng Tua Hai (ngày 26/01/1960) và phong trào đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ” do BCH Đảng bộ tỉnh Tây Ninh phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức thực hiện.

Các báo cáo được tuyển chọn tựu trung đề cập xung quanh bốn chủ đề:

- Bối cảnh lịch sử, tình hình địch, tình hình xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang ở Tây Ninh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ trước năm 1960.

- Diễn biến trận đánh tập kích Tua Hai, từ chủ trương, kế hoạch đến quá trình chuẩn bị, diễn biến, kết quả.

- Vai trò của quân và dân Tây Ninh trong chiến thắng Tua Hai.

- Nguyên nhân, vị trí ý nghĩa lịch sử, bài học, đặc điểm và mối quan hệ giữa chiến thắng Tua Hai với phong trào đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ và Nam Bộ.

Nhiều báo cáo khoa học đã giới thiệu những tư liệu mới hoặc đề xuất những ý kiến đánh giá sâu sắc về vị trí và ý nghĩa lịch sử, về đặc điểm loại hình, và các bài học vận dụng vào điều kiện lịch sử hiện nay.

- **Bộ Tư lệnh Quân khu 7**

400 TRẬN ĐÁNH CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU 7
(GIAI ĐOẠN 1945 - 1989)

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2014)

Miền Đông Nam Bộ là một trong những địa bàn trọng điểm của cả nước, cả trong thời kỳ chiến tranh giải phóng cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nơi đây đã từng diễn ra hàng ngàn trận đánh lớn nhỏ khác nhau với nhiều hình thức chiến thuật phong phú, độc đáo. Mỗi trận đánh là một hình ảnh thu nhỏ cuộc giao tranh quyết liệt giữa lực lượng vũ trang cách mạng với thế lực thực dân đế quốc và bè lũ tay sai trên địa bàn miền Đông Nam Bộ; là một bài học sống động về tinh thần quả cảm chiến đấu, mưu trí sáng tạo, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang Quân khu 7. ♦

Dựa vào nguồn tài liệu còn lưu trữ được và trí nhớ của người trong cuộc, các tác giả đã nghiên cứu, trình bày một cách tóm tắt tình hình địch - ta, địa hình, bối cảnh, thời điểm diễn ra trận đánh, quá trình diễn biến trận đánh, từ đó bước đầu đánh giá kết quả, nêu ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.

Cuốn sách được chia làm ba phần:

Phần 1: Những trận đánh thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, gồm 91 trận (từ tháng 8/1945 đến tháng 7/1954).

Phần 2: Những trận đánh thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, gồm 260 trận (từ tháng 8/1954 đến ngày 30/4/1975).

Phần 3: Những trận đánh thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, gồm 49 trận (từ tháng 02/1976 đến tháng 12/1988).

400 trận đánh được sưu tầm, biên soạn trong cuốn sách này chưa phải là toàn bộ những trận đánh điển hình của lực lượng vũ trang Quân khu 7. Nhưng, về cơ bản, cuốn sách đã đáp ứng được mục đích, yêu cầu đặt ra, thể hiện được tính khoa học, sự đa dạng phong phú về địa bàn tác chiến, thời gian, lực lượng thực hiện trận đánh, đối tượng tác chiến, về các loại hình chiến thuật, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn Quân khu 7 hiện nay cũng như trong tương lai.

- ***Chi nhánh Nhà xuất bản Lao động***

MẬU THÂN 1968 CUỘC ĐỔI CHIẾN LỊCH SỬ

(Nhà xuất bản Lao động, năm 2007)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân 1968 đã làm rung chuyển không chỉ chính quyền ngụy Sài Gòn mà còn làm chao đảo cả chính trường nước Mỹ lúc bấy giờ. Nó đã làm thay đổi cục diện cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, quyết định cho sự ký kết Hiệp định Paris năm 1973 và là tiền đề cho sự toàn thắng của cuộc tổng công kích năm 1975, giải phóng và thống nhất hoàn toàn đất nước. Có thể nói, cuộc tổng công kích này cho tới tận hôm nay đã trở thành biểu tượng của ý chí tiến công và lòng quả cảm của người Việt Nam.

Cuốn sách chia làm ba phần chính:

Phần thứ nhất: Diễn biến chính

Phần này miêu tả diễn biến tổng quan của hai đợt tổng công kích của quân và dân ta trên toàn bộ các mặt trận, đồng thời cũng có cả chi tiết các trận đánh ở những thành phố lớn như: Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Buôn Mê Thuột, Vĩnh Long...

Phần thứ hai: Ý nghĩa lịch sử

Phần này tập hợp có chọn lọc những bài viết, bài phân tích, đánh giá về ý nghĩa, vị trí, vai trò của cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm Mậu Thân 1968 của các nhà chính trị, các tướng lĩnh, các nhà nghiên cứu quân sự trong và ngoài nước.

Phần thứ ba: Phụ lục

Phần này bổ sung những tư liệu liên quan tới cuộc tổng công kích và nổi dậy năm Mậu Thân như: điện mật chỉ đạo của Bộ Chính trị, những trích đoạn hồi ký của nhân viên tình báo, nhà chính trị, ngoại giao trong nước và trên thế giới, những bài bút ký của các nhà văn liên quan và phản ánh trực tiếp sự kiện Mậu Thân. Đặc biệt cuốn sách có sử dụng tư liệu tham khảo trong ấn bản của phía VNCH thời bấy giờ, với mục đích giúp bạn đọc có thêm những tư liệu để so sánh, đối chiếu, nhằm làm rõ hơn nữa diện mạo cũng như tính chất oanh liệt của cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta.

• *Lê Cung*

VỀ PHONG TRÀO ĐÔ THỊ MIỀN NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (GIAI ĐOẠN 1954 - 1975)

(Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM, năm 2015)

“Hát cho đồng bào tôi nghe”, “Hãy nổi dậy làm chủ phố phường và làm chủ đời mình”, “Bàn Phật xuống đường”... là những phong trào xuất phát từ lòng yêu nước, khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước nhân dân các đô thị miền Nam ở nhiều giai tầng xã hội đã thực sự góp phần trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Cuốn sách gồm 27 bài viết của 20 tác giả, từ người lãnh đạo cao nhất của Đảng - Tổng Bí thư Lê Duẩn, người đứng đầu “Đội

quân tóc dài” - Nguyễn Thị Định, những người từng trực diện hứng chịu dùi cui, ma trắc, tù đầy,... - Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm, Hồ Hữu Nhựt, đến những nhà nghiên cứu uy tín của các trường đại học đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh khá sinh động về phong trào đô thị miền Nam từ năm 1954 - 1975.

Chúng ta sẽ được sống lại không khí đấu tranh hào hùng, sôi nổi của đồng bào các đô thị miền Nam trong phong trào hòa bình sau Hiệp định Genève (ngày 21/7/1954) với những tên tuổi như: Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Thị Lưu; phong trào Phật giáo năm 1963, tiêu biểu là cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, được xem là “một kỳ công không cách gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, với tầm cỡ thế giới”; “phong trào tự trị, ly khai” của “Hội đồng nhân dân cứu quốc” năm 1964; “Bàn Phật xuống đường” năm 1966; cuộc tự thiêu của Nhất Chi Mai năm 1967; phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe” từ cuối những năm 1960, đầu những năm 1970,... cuối cùng là phong trào “Hãy nổi dậy làm chủ phố phường và làm chủ đời mình” trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

- ***Hồ Sơn Diệp***

TRÍ THỨC NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP
(GIAI ĐOẠN 1945 - 1954)

(Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, năm 2003)

Nội dung cuốn sách tập trung vào việc phục dựng lại toàn cảnh bức tranh lịch sử trí thức ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp một cách sinh động, trung thực. Qua đó, bước đầu phân tích rút ra một vài đặc điểm, vai trò, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của lực lượng trí thức ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp.

Cuốn sách gồm bốn chương:

Chương I: Trình bày tình hình xã hội và tầng lớp trí thức Nam kỳ lục tỉnh từ khi thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ đến Cách mạng tháng Tám; sự ra đời của tầng lớp trí thức mới và truyền thống yêu nước của trí thức ở Nam Bộ trước khi cùng cả nước bước vào cuộc thử lửa lịch sử chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai.

Chương II: Trình bày sự phân hóa của lực lượng trí thức ở Nam Bộ khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Đó là sự phân định rạch ròi các hướng đi của lực lượng trí thức Nam Bộ khi đất nước bị họa xâm lăng và cuộc thử lửa lịch sử bắt đầu bằng các phong trào đấu tranh chính trị ở các nội thành, nội thị và sự hình thành các mặt trận kháng chiến chống Pháp ngoài bưng biển trên khắp các tỉnh Nam Bộ.

Chương III: Trình bày hoạt động của trí thức yêu nước trên tất cả các mặt trận đấu tranh nội đô và ngoài bưng biển khi họ đã vượt qua cuộc chuyển mình quan trọng, dần nhập thành một đội ngũ, thẳng tiến trên con đường kháng chiến chống Pháp từ đầu năm 1947 và đỉnh cao là cao trào đấu tranh chính trị trong những tháng đầu năm 1950.

Chương IV: Trình bày quá trình củng cố lực lượng, đẩy mạnh hoạt động trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế... trong nội đô và ngoài bưng biển; quá trình lực lượng trí thức yêu nước tham gia tích cực cùng quân và dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phần kết luận trình bày đặc điểm, vai trò của trí thức Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).

Phần phụ lục giới thiệu tóm tắt tiểu sử một số trí thức yêu nước ở Nam Bộ giai đoạn 1945 - 1954.

- **Hồ Sơn Đài**

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2016)

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp với sự giúp sức của thực dân Anh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Đối diện với đội quân xâm lược ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã triển khai rộng khắp cuộc chiến tranh nhân dân khiến thực dân Pháp bị tiến công mọi lúc, mọi nơi. Cuộc chiến trường kỳ ấy cuối cùng đã dẫn đến thất bại thảm hại của thực dân Pháp vào năm 1954.

Ở miền Nam Việt Nam, trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, cuộc chiến tranh nhân dân của quân và dân ta được phát huy tới cao độ. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc đã được huy động với lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quân và dân miền Đông Nam Bộ với việc xây dựng được một thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, một hệ thống căn cứ địa vững chắc, liên hoàn có thể hỗ trợ tốt cho nhau, tạo được những nơi an toàn để xây dựng lực lượng, huấn luyện, tiếp nhận sự chi viện vũ khí, lực lượng từ miền Bắc đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho những “quả đấm” của bộ đội chủ lực tác chiến, từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều khiến thực dân Pháp vô cùng khôn quẩn và cuối cùng phải chấp nhận thất bại. Trận địa chiến tranh nhân dân ấy cũng đã tạo ra những cơ sở rất quan trọng để sau này đánh bại đế quốc Mỹ nhảy vào tham chiến ở Việt Nam nói chung và miền Nam, Đông Nam Bộ nói riêng.

Trong cuốn sách này, từ tư liệu mới sưu tầm và một số nghiên cứu đã công bố rải rác lâu nay, tác giả viết mới và sắp xếp lại các vấn đề theo định hướng: chiến tranh nhân dân chống thực dân Pháp ở miền Đông Nam Bộ. Định hướng ấy bao gồm các chuyên đề: đặc

điểm địa lý quân sự, vai trò lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam, hoạt động của các lực lượng vũ trang, tiến trình kháng chiến của nhân dân địa phương, phong trào công nhân cao su và căn cứ địa. Mỗi chuyên đề lại tùy vào đặc điểm mà trình bày hoặc cả địa bàn Đông Nam Bộ hoặc chỉ nêu một số địa phương có khả năng đại diện.

- ***Đảng ủy - Chỉ huy Lữ đoàn Đặc công Hải quân 126***

NHỮNG ANH HÙNG ĐẶC CÔNG HẢI QUÂN LỮ ĐOÀN 126

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2016)

Ngày 13/4/1966, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Đoàn Huấn luyện trinh sát đặc công mang phiên hiệu Đoàn 126 trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân (gọi là Đoàn Đặc công Hải quân 126). Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đoàn đã lập nên nhiều kỳ tích hiếm có trong lịch sử quân sự, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Cuốn sách “Những anh hùng Đặc công hải quân Lữ đoàn 126” được xuất bản nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đoàn cũng là ngày truyền thống của đặc công hải quân. Cuốn sách ghi lại chiến công thầm lặng của các cán bộ, chiến sỹ đặc công hải quân trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

- ***Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7***

LỊCH SỬ BỘ CHỈ HUY MIỀN (1961 - 1976)

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2004)

“Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền” gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và công tác của các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam, gắn liền với cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai tại chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên (gọi tắt là B2).

Đối với kẻ thù, B2 là địa bàn chiến lược để thực hiện tập trung nhất chủ nghĩa thực dân kiểu mới với các chiến lược và chiến thuật chiến tranh nhằm chia cắt đất nước Việt Nam, duy trì ách thống trị của đế quốc Mỹ và chế độ ngụy quyền tay sai.

Đối với ta, B2 là chiến trường trọng điểm toàn miền Nam, nơi TW Đảng tập trung chỉ đạo giải quyết những vấn đề chiến lược chủ yếu nhất tại chiến trường, nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến đích thắng lợi. B2 là địa bàn thể hiện đầy đủ sự vận dụng đường lối chính trị và quân sự của Đảng ta về tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Đồng thời, B2 còn là nơi thể hiện trực tiếp truyền thống đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của hai dân tộc Việt Nam - Campuchia.

Cuốn sách gồm chương mở đầu và 4 chương:

Chương mở đầu: Chiến trường Nam Bộ - Cực Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên (B2) và quá trình thành lập ban quân sự Miền (từ tháng 7/1954 - đầu năm 1961).

Chương I: Bộ Chỉ huy Miền trong giai đoạn đánh thắng chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy (từ giữa năm 1961 - giữa năm 1965).

Chương II: Bộ Chỉ huy Miền trong giai đoạn đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ - ngụy (từ giữa năm 1965 - 1968).

Chương III: Bộ Chỉ huy Miền trong giai đoạn đánh thắng chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ - ngụy (từ năm 1969 - 1972).

Chương IV: Bộ Tư lệnh Miền chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang B2 đánh bại kế hoạch phá hoại Hiệp định Paris của địch, tạo thế, tạo lực cùng cả nước tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam và củng cố vững chắc thành quả cách mạng (từ năm 1973 - 1976).

• **Edward Miller**

LIÊN MINH SAI LÂM: NGÔ ĐÌNH DIỆM, MỸ VÀ SÓ PHẬN
NAM VIỆT NAM

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2016)

Với độ lùi thời gian 50 năm, dựa trên nguồn tư liệu phong phú do cá nhân nghiên cứu và khai thác được từ kho lưu trữ của các nước phương Tây, đặc biệt là các tư liệu tiếng Việt của Chính quyền VNCH, tác giả Miller tập trung luận giải về xung đột giữa Diệm và đồng minh Mỹ trong chiến lược xây dựng quốc gia. Dù cùng chung mục tiêu “chống Cộng”, nhưng giữa hai đồng minh vẫn thường xuyên xảy ra bất đồng, tạo nên xung đột và cạnh tranh liên quan đến những vấn đề cốt lõi mà Miller gọi là “nguyên lý xây dựng quốc gia”, vốn đã hình thành và chi phối toàn bộ lịch sử quan hệ đồng minh giữa Mỹ và Diệm từ lúc mới hình thành cho đến lúc sụp đổ. Theo Miller, chính xung đột giữa vô số tâm nhìn và chiến lược khác nhau của người Mỹ và Ngô Đình Diệm về vận mệnh của miền Nam Việt Nam thời kỳ hậu thực dân là tác nhân gây ra mối quan hệ đầy thăng trầm Mỹ - Diệm và cả số phận Chính quyền VNCH, dẫn đến sự sụp đổ của liên minh Mỹ - Diệm vào năm 1963.

Trong nội dung sách, dựa trên quan điểm, lập trường của mình và nguồn tư liệu khai thác, tác giả có những luận giải, đánh giá về một số sự kiện, nhân vật khác với đánh giá của chúng ta, như đánh giá về Chủ tịch Hồ Chí Minh; về chủ nghĩa CS, cách mạng miền Nam, phong trào Đồng khởi, về cá nhân Ngô Đình Diệm; về nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của chính quyền Sài Gòn.

• **Trịnh Thị Hồng Hạnh**

VÀNH ĐAI DIỆT MỸ Ở CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM
(1965 - 1973)

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2014)

Xuất hiện ngay sau khi quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam cho đến khi buộc phải rút hết khỏi nước ta (từ năm 1965 - 1973), vành đai diệt Mỹ trở thành một phương thức tác chiến độc đáo, thể hiện tư tưởng làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ của thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thế trận đó khiến quân Mỹ tại chiến trường miền Nam lâm vào mâu thuẫn giữa tập trung lực lượng để tiến công, càn quét với phân tán lực lượng để giữ đất và bình định trên các chiến trường, đặc biệt là từ Trung Trung Bộ đến Nam Bộ.

Bằng sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc, cuốn sách “Vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam (1965 - 1973)” của tác giả Trịnh Thị Hồng Hạnh đã góp phần tái hiện sự ra đời và hoạt động của vành đai diệt Mỹ; đưa ra những luận giải làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của TW Đảng; nêu bật tinh thần chủ động, sáng tạo của các cấp bộ đảng miền Nam trong chủ trương, trong chỉ đạo việc xây dựng, bảo vệ và hoạt động của các vành đai diệt Mỹ trên chiến trường; khắc họa rõ nét hơn cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khó trên mặt trận vành đai và vai trò của vành đai diệt Mỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo Đảng trên mặt trận nóng bỏng và rất quyết liệt này vào việc xây dựng khu vực phòng thủ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

• **Hà Minh Hồng - Võ Văn Sen** (chủ biên)

NHỚ VỀ CHIẾN THẮNG HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN
KHÔNG NĂM 1972

(Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM, năm 2012)

Từ ngày 18 - 30/12/1972, Hoa Kỳ mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược (chủ yếu là B52) đánh liên tục cả ngày lẫn đêm vào Hà Nội, Hải Phòng, chủ yếu là thủ đô Hà Nội, nhằm dùng sức mạnh quân sự tối đa đưa miền Bắc “trở lại thời kỳ đồ đá”, đồng thời nhằm thỏa mãn những yêu cầu của chính quyền Sài Gòn, gây sức ép buộc đối phương thay đổi một số nội dung điều khoản có lợi hơn trước khi ký kết Hiệp định Paris. Hoa Kỳ đã rải thảm bom bằng máy bay B52 hủy diệt phố Khâm Thiên - một khu dân cư, Bệnh viện Bạch Mai, cũng không phải mục tiêu quân sự... Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn không chỉ không lường trước được những bất ngờ từ đầu năm 1972 cho đến hết năm 1972, mà còn không lường trước được hậu quả từ những hành động có tính toán chặt chẽ của quốc gia đã có 18 năm trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh này. Chiến dịch Linebacker II của họ trở thành trận “phản đòn” khá hiếm; mọi cố gắng nỗ lực để thể hiện sức mạnh của một đế quốc “sen đầm quốc tế”, cuối cùng bị buộc chặt vào việc đem lại danh dự cho nước Mỹ đã thua trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, trận đánh cuối cùng 12 ngày đêm ấy cũng chỉ là con số 0. Không thể “đảo ngược thế cờ”, vẫn phải ký Hiệp định Paris để rút khỏi Việt Nam sau 18 năm chiến tranh và vẫn phải kết thúc hoàn toàn cuộc chiến tiêu biểu nhất trong lịch sử gần 200 năm của Hoa Kỳ vào ngày 30/4/1975. Trên bầu trời và dưới mặt đất của Hà Nội những tháng ngày cuối năm 1972 nóng bỏng căm thù và rực lửa chiến công. Rồng lửa Thăng Long vút lên, vút đầu quân giặc trời, chìm chúng xuống nước hồ Ngọc Hà. Cùng lúc ấy,

các chiến trường, cả hậu phương miền Bắc lẫn tiền tuyến miền Nam, từ trận địa pháo ven thủ đô đến thành cổ Quảng Trị, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long... những hoạt động phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả, chia lửa và chung sức, tạo nên thắng lợi từ lòng quả cảm, trí sáng tạo, tinh thần đoàn kết hiệp đồng của chiến tranh nhân dân Việt Nam thời hiện đại. Đã 40 năm rồi kể từ sau 12 ngày đêm lịch sử ấy, chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không vẫn âm vang trong lòng dân tộc, vẫn mòn một trong ký ức những lớp người kiên cường tranh đấu cho độc lập tự do và thống nhất đất nước, vẫn hào hùng trong khí phách những thế hệ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

“Nhớ về chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không năm 1972” là cuốn sách biên khảo lịch sử về sự kiện cách đây 40 năm, gồm những bài viết của nhiều người trong cuộc ngày ấy và những người đang giảng dạy, nghiên cứu, làm nghiệp vụ khoa học lịch sử. Mỗi phần trong ba phần của cuốn sách đều được khái quát để dẫn tới các bài viết từ tâm huyết nhân chứng và hậu sinh.

- **Nhiều tác giả**

LỊCH SỬ PHONG TRÀO ĐÔ THỊ HUẾ 1945 - 1975

(Nhà xuất bản Trẻ, năm 2015)

Công trình “Lịch sử Phong trào đô thị Huế 1954 - 1975” nói về phong trào đô thị Huế nhưng đồng thời cũng thể hiện phong trào đô thị của cả nước. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, sự tranh đấu của học sinh, sinh viên, Phật giáo đơn thuần chỉ xuất phát từ lòng yêu nước mà không từ bất kỳ động cơ nào. Đặc biệt, đây là cuốn sách được chính những người tham gia phong trào, nhân chứng lịch sử kể lại với các chi tiết, sự kiện được ban biên soạn kể lại tỉ mỉ, khách quan.

“Lịch sử phong trào đô thị Huế 1954 - 1975” gồm năm chương:

Chương I: Khái quát giai đoạn 1954 - 1963 với các chính sách của Chính quyền Ngô Đình Diệm ở Thừa Thiên và Huế.

Chương II: Giai đoạn 1964 - 1968 gồm diễn biến các phong trào chống Nguyễn Khánh, phong trào chống Trần Văn Hương, phong trào chống Mỹ - Thiệu - Kỳ.

Chương III: Giai đoạn 1969 - 1972 gồm phong trào đô thị Huế với những phong trào đạt đến đỉnh điểm và những tổn thất nặng nề.

Chương IV: Thành ủy Huế giai đoạn 1973 - 1975 khái quát tình hình đô thị Huế sau Hiệp định Paris và các hoạt động đấu tranh.

Chương V: Nhìn lại phong trào đô thị Huế giai đoạn 1954 - 1975.

Công trình đã chuyển tải một phần hình ảnh đấu tranh giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân, trong đó có phong trào đô thị Huế với 4 giai đoạn chính từ những năm 1954 – 1975. Qua đó, những thế hệ từng sống trong thời kỳ đấu tranh gian khổ của đất nước lại hồi tưởng về những cuộc chiến đấu vì lý tưởng, khát vọng hòa bình và tự do cho dân tộc, đồng thời thế hệ trẻ ngày hôm nay cũng có dịp hiểu biết thêm về những giai đoạn lịch sử thăng trầm của dân tộc.

• **Nhiều tác giả**

NỘI CÁC CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN NHỮNG NGÀY CUỐI THÁNG 4/1975

(Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 2015)

Công trình “Nội các chính quyền Sài Gòn những ngày cuối tháng 4/1975” được các tác giả sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn từ

những nguồn tư liệu đã được nghiên cứu, kết luận khoa học, có bổ sung những chi tiết, tư liệu mới phát hiện của các tác giả Gabrien Côncô, Alen Oátmét, Nguyễn Văn Sự, Alen Đaoxon, Nguyễn Hữu Hạnh, Phạm Xuân Thệ và được chính thức phổ biến rộng rãi.

Cùng với những cố gắng thể hiện và cắt nghĩa cuộc chiến tranh một cách tổng thể, toàn diện trên một không gian lớn cả trong và ngoài nước, cả phía ta và đối phương, từ những nhà lãnh đạo kiệt xuất, những chính khách tài ba nổi tiếng đến những binh nhất, binh nhì trực tiếp cầm súng quyết định số phận cuộc chiến trên chiến trường... các tác giả đã tập trung phân tích làm rõ tầm vóc to lớn, ý nghĩa thời đại của sự kiện lịch sử này, tìm ra nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của dân tộc ta, tổng kết những bài học kinh nghiệm sâu sắc,... của đấu tranh và chiến thắng để không chỉ khẳng định quá khứ anh hùng, thể hiện lòng biết ơn vô hạn với thế hệ cha anh, mà còn cố gắng tìm ra những lời giải đáp từ trong quá khứ cho những vấn đề nóng bỏng đang hàng ngày, hàng giờ đặt ra cho chúng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày nay.

- **Nhiều tác giả**

TRẦN TUYẾN CÔNG KHAI GIỮA SÀI GÒN

(Nhà xuất bản Trẻ, năm 2015)

Cuốn sách “Trần tuyến công khai giữa Sài Gòn” cố gắng thể hiện khuôn mặt tinh thần của báo chí cách mạng công khai và phong trào đấu tranh của báo chí với tính cách đặc thù Nam Bộ - Sài Gòn, miền đất mới của Tổ quốc hơn trăm năm trong công xiềng thống trị của thực dân, đế quốc để cùng nhau chia sẻ niềm tự hào về quá khứ hào hùng của dân tộc.

Tác phẩm không thiên về phương pháp khoa học chính sử mà bằng phản ánh, lấy sự kiện và con người làm trung tâm miêu

tả, bình thuật theo trật tự tương đối về không gian, thời gian từng giai đoạn, từng phong trào, qua đó hệ thống hóa cảm thụ lịch sử, khái quát và sống động, mong góp phần tường trình nhẹ nhàng lịch sử với người đọc, đồng thời cung cấp một phần tư liệu báo chí và phong trào công khai có chiều sâu phức tạp, quyết liệt, trong trường hợp cần nghiên cứu.

Trận tuyến công khai giữa Sài Gòn chia làm hai tập:

Tập 1, gồm 2 phần: Ngọn cờ tiên phong (thời kỳ bí mật trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945) và Mặt trận “kháng chiến” công khai giữa Sài Gòn (từ tiền khởi nghĩa tháng 8/1945 đến Hiệp định Genève năm 1954).

Tập 2 sẽ trình bày với bạn đọc báo chí công khai và phong trào đấu tranh Bước qua máu lửa xích xiềng thời Sài Gòn là thủ đô, là sào huyệt của địch từ năm 1954 đến ngày 30/4/1975.

- ***Nhóm nhân văn trẻ***

HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Nhà xuất bản Trẻ, năm 2008)

Cuốn sách được trình bày theo dạng hỏi - đáp, mỗi tập sách đi sâu vào tìm hiểu một giai đoạn cụ thể, đảm bảo tính chính xác khoa học nhưng cũng rất súc tích, ngắn gọn, dễ đọc. Độc giả có thể dễ dàng tra cứu theo mục lục để tìm thấy các nhân vật lịch sử mình muốn tìm hiểu.

Đây là một bộ sách gồm mười tập về từng thời kỳ khác nhau, trong đó có ba tập sử dụng tài liệu lưu trữ giai đoạn 1945 - 1975 là: tập 7 (Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai, giai đoạn 1945 - 1954), tập 8 (Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giai đoạn 1954 - 1965) và tập 9 (Từ Xuân Mậu Thân đến chiến dịch Hồ Chí Minh, giai đoạn 1965 - 1975).

- ***Võ Văn Sen***

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1954 - 1975)

(Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM, năm 2004)

Tác phẩm có bố cục gồm năm chương nội dung và phần kết luận.

Chương I: Đề cập một cách khái quát sự phát triển các thành phần kinh tế ở miền Nam, chủ yếu là Nam Kỳ trước năm 1954. Đây là tiền đề cho việc đi sâu nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản sau này.

Chương II: Xem xét các nhân tố tác động đến sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam thời kỳ 1954 - 1975.

Chương III: Phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp miền Nam (từ năm 1954 - 1975) thông qua việc khảo sát sự phát triển của những “công xưởng, nhà máy” trong công nghiệp, các quá trình cơ bản của sự chuyển biến nền công nghiệp miền Nam từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa và vị trí của tư bản nhà nước, tư bản nước ngoài trong công nghiệp.

Chương IV: Phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong thương nghiệp, ngân hàng ở miền Nam (từ năm 1954 - 1975) bằng cách khảo sát sự lưu thông hàng hóa, những đặc điểm của hệ thống thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, của hệ thống ngân hàng và hoạt động ngân hàng miền Nam thời kỳ này.

Chương V: Phân tích sự phát triển bước đầu của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, nông thôn miền Nam (từ năm 1954 - 1975) bao gồm từ việc khảo sát quá trình xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, quá trình trung nông hóa và quá trình phân hóa nông

dân, bước đầu hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp đến chỗ khảo sát một số biến đổi trong sản xuất nông nghiệp miền Nam theo hướng thương mại hóa và hiện đại hóa.

Phần kết luận: Đưa ra một số nhận định, đánh giá về con đường ra đời, những nhân tố tác động, những mặt tiêu cực, nhịp độ phát triển, tính chất và trình độ phát triển cũng như vị trí và những mặt tích cực về phát triển lực lượng sản xuất và xã hội hóa lao động của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam (từ năm 1954 - 1975).

• ***Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam***

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 40 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

(Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM, năm 2015)

Cách nay 40 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của cả dân tộc, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 - đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hòa chung vào công cuộc xây dựng đất nước, từ sau ngày giải phóng đến nay, Tp.HCM không ngừng phát triển, là một đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước.

Đây là cuốn sách tập hợp các tham luận của hội thảo. Các tham luận thể hiện tâm huyết, tình cảm và trách nhiệm của từng tác giả về một vấn đề cụ thể trong quá trình xây dựng, phát triển

và hội nhập của Tp.HCM trong 40 năm qua. Vì hạn chế của khuôn khổ nên cuốn sách chỉ chọn đăng được 106 bài tham luận.

• ***Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước***

ĐỊA CHÍ BÌNH PHƯỚC

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2015)

Bình Phước là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Nam Bộ, được tái lập từ năm 1997 sau khi tách ra từ tỉnh Sông Bé (cũ). Gần 20 năm qua kể từ ngày tái lập, tỉnh Bình Phước đã có nhiều nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, tạo nên những chuyển biến quan trọng đánh dấu bước phát triển rõ nét trong tiến trình lịch sử lâu dài của địa phương.

“Địa chí Bình Phước” là một công trình khoa học có quy mô lớn, được khảo cứu và biên soạn tổng hợp về địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương trong mối quan hệ mật thiết với miền Đông Nam Bộ, với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và với cả nước. Đây có thể xem là bộ “bách khoa toàn thư” của tỉnh Bình Phước; là tài liệu hữu ích đối với tất cả những ai muốn tìm hiểu về thiên nhiên, con người và các lĩnh vực trong đời sống xã hội Bình Phước; đồng thời là phương tiện giáo dục truyền thống, khơi dậy và phát huy lòng tự hào của người dân Bình Phước đối với quê hương.

“Địa chí Bình Phước” gồm 1.524 trang, chia thành hai tập. Tập 1 gồm các phần: Tự nhiên - Dân cư, Lịch sử - Sự kiện - Nhân vật, các Huyện - Thị. Tập 2 gồm các phần: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội. Trong mỗi tập, mỗi phần, bên cạnh những trang viết, còn có các hình ảnh, bản đồ, biểu đồ... minh họa cho nội dung.

“Địa chí Bình Phước” góp phần cung cấp cho các nhà lãnh đạo, quản lý những luận cứ khoa học và thực tiễn sát hợp để hoạch

định chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển; phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương trong công cuộc đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

• **TTLTII**

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM NĂM 1968 (QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN)

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2010)

Cuốn sách “Cuộc Tổng tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 (qua tài liệu lưu trữ của chính quyền Sài Gòn)” được Trung tâm Lưu trữ quốc gia II biên soạn, xuất bản từ hàng ngàn trang tài liệu của cơ quan trung ương của chế độ ngụy quyền Sài Gòn hiện đang bảo quản và lưu trữ tại Trung tâm như: Phòng Phủ Tổng thống VNCH, phòng Phủ Thủ tướng VNCH, phòng Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo,... trong đó có nhiều tài liệu được chính quyền Sài Gòn xếp loại “mật” và “tối mật”. Cuốn sách giới thiệu một hướng tiếp cận tài liệu từ phía đối phương, giúp các nhà nghiên cứu cũng như độc giả có cơ sở nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn về thắng lợi của cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Nội dung cuốn sách gồm bốn phần:

- Phần mở đầu: Tổng quan về tổ chức “lãnh thổ” chế độ Sài Gòn và phân chia lãnh thổ quân sự của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Phần I: Tình hình chiến trường miền Nam trước cuộc Tổng tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 thông qua các hoạt động quân sự, kinh tế của Mỹ - chính quyền Sài Gòn và khái quát hoạt động quân sự của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam từ năm 1967.

- Phần II: Chủ trương, diễn biến cuộc Tổng Tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 cũng như phản ứng và hoạt động đối phó của Mỹ - chính quyền Sài Gòn.

- Phần III: Thắng lợi của cuộc Tổng Tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 thể hiện qua phong trào phản đối chiến tranh, chống can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Các bước xuống thang chiến tranh của Mỹ qua các lời tuyên bố của Chính phủ Mỹ và chính quyền Sài Gòn, cũng như qua diễn tiến của cuộc đàm phán sơ bộ tại Paris năm 1968.

• TTLTH

VỀ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2010)

Nhân dịp kỷ niệm 35 năm Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II biên soạn, xuất bản cuốn sách “Về đại thắng mùa Xuân năm 1975 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn” dựa trên cơ sở tập hợp những tài liệu của chính quyền Sài Gòn thu thập, ghi chép về những sự kiện lịch sử diễn ra trong giai đoạn từ khi Hiệp định Paris năm 1973 được ký kết đến khi kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1975.

Cuốn sách gồm ba chương:

Chương I: Chính quyền Sài Gòn với Hiệp định Paris năm 1973.

Chương II: Từ thất thủ Phước Long đến phòng tuyến Phan Rang.

Chương III: Từ cửa tử Xuân Lộc đến sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn.

• **TTLTII**

LỊCH SỬ PHÚ QUỐC QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2012)

Phú Quốc - nay thuộc tỉnh Kiên Giang, là hòn đảo lớn nhất Việt Nam, có diện tích khoảng 567 km², có điều kiện tự nhiên đa dạng, phong phú, hội tụ đủ các cảnh quan rừng, núi, đồi, đồng bằng, bờ biển, đảo và giá trị lịch sử hình thành, truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng hào hùng. Với lịch sử trên 300 năm, đảo Phú Quốc là một trong những địa danh đặc biệt của đất nước ta nói chung và của tỉnh Kiên Giang nói riêng. Năm 2006, Phú Quốc đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới. Đây chính là một trong những điều kiện thuận lợi để Phú Quốc tiếp tục đẩy mạnh, phát triển các ngành mũi nhọn và trọng tâm trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và du lịch, xứng đáng trở thành hòn đảo ngọc của Việt Nam và thế giới.

Nhân dịp khánh thành Khu di tích nhà tù Phú Quốc, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II khai thác tài liệu lưu trữ hiện có tại Trung tâm, chủ yếu là tài liệu của chính quyền thực dân Pháp và tư liệu của chính quyền Mỹ - ngụy, nhằm đem đến cho độc giả một cách tiếp cận mới, một nguồn thông tin, tư liệu để nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển cũng như truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của Phú Quốc trong giai đoạn từ thế kỷ XVII đến năm 1975.

Cuốn sách gồm năm phần:

Phần mở đầu: Vùng đất và con người.

Phần I: Phú Quốc trong lịch sử mở cõi về phương Nam.

Phần II: Phú Quốc những năm Pháp thuộc.

Phần III: Phú Quốc trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Phần IV: Nhà tù chế độ thực dân mới ở Phú Quốc.

• **TTLTII**

TỪ XUÂN - HÈ NĂM 1972 ĐẾN “ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG” QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2012)

Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của quân và dân ta có một ý nghĩa hết sức to lớn, đã làm chuyển biến thế và lực trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đánh dấu sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, mặt khác, tạo ra một bước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giáng một đòn mạnh mẽ vào nguy quân nguy quyền và quốc sách bình định của đối phương.

Chiến lược Xuân - Hè năm 1972 tại miền Nam Việt Nam thắng lợi vẻ vang buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris vào đầu năm 1973, tạo ra thế và lực mới của cách mạng, góp phần làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975.

Để giúp độc giả có thêm nguồn thông tin nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề này, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đã biên soạn và xuất bản ấn phẩm “Từ Xuân - Hè năm 1972 đến “Điện Biên Phủ trên không” qua tài liệu chính quyền Sài Gòn”.

Cuốn sách gồm ba phần:

Phần I: Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

Phần II: Chiến trường miền Nam Việt Nam Xuân - Hè năm 1972.

Phần III: Tại sao 12 ngày đêm.

• **TTLTII**

“HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM NĂM 1973 QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN (TẬP 1): THẾ TRẬN ĐÁNH VÀ ĐÀM (1968 - 1972), (TẬP 2): KÝ KẾT VÀ THỰC THI (1973 - 1975)

(Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2013)

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày ký kết Hiệp định Paris về chấm

dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, được sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước - Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II biên soạn, xuất bản ấn phẩm: “Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn” gồm hai tập: Tập 1 “Thế trận đánh và đàm (1968 - 1972)”, Tập 2 “Ký kết và thực thi (1973 - 1975)”.

Cuốn sách được biên soạn chủ yếu từ các báo cáo, tường trình, biên bản các cuộc họp,... của chính quyền Sài Gòn - là những tư liệu, tài liệu gốc nhằm cung cấp một nguồn sử liệu quan trọng, giới thiệu đến độc giả, các nhà nghiên cứu hàng nghìn trang tài liệu của các cơ quan trung ương chính quyền Sài Gòn, các cơ quan của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam về quá trình đàm phán tại Paris từ năm 1968 - 1972.

Tập 1: Thế trận đánh và đàm (1968 - 1972)

Tập 1 gồm ba chương: Chương I: Chính quyền Sài Gòn với Hiệp định Paris năm 1973, Chương II: Từ thất thủ Phước Long đến phòng tuyến Phan Rang, Chương III: Từ cửa tử Xuân Lộc đến sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn.

Tập 2: Ký kết và thực thi (1973 - 1975)

Trong tập 2 của bộ sách về Hiệp định Paris, Ban Biên soạn giới thiệu đến bạn đọc một số tài liệu của các cơ quan Trung ương chính quyền Sài Gòn, các cơ quan của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam về vấn đề ký kết và quá trình thực thi Hiệp định Paris của các bên liên quan từ sau khi có Hiệp định Paris cho đến cuối năm 1974.

Về bố cục, tập 2 gồm ba phần:

Phần 1: Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973: giới thiệu tài liệu gốc bản văn Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa

binh ở Việt Nam ngày 27/01/1973 cùng các nghị định thư và định ước của Hội nghị Quốc tế về Việt Nam.

Phần 2: Thực thi Hiệp định. Tại phần này, giới thiệu: cơ cấu thực thi Hiệp định, gồm: Hội nghị Hai bên tại La Selle Saint Cloud, hoạt động của Ban Liên hợp Quân sự bốn bên, Tổ Liên hợp Quân sự bốn bên, Ban Liên hợp Quân sự hai bên, Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát; hai nội dung của Hiệp định được thực hiện: đó là việc trao trả tù binh, việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và các nước đồng minh.

Phần 3: “Ngừng chiến, không ngừng bắn”. Phần này phản ánh hành động của Hoa Kỳ với vấn đề Việt Nam sau Hiệp định Paris; hành vi của chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Paris.

• **TTLTII**

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM QUA TÀI LIỆU, TƯ LIỆU LƯU TRỮ (1960 - 1975)

(Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM, năm 2016)

MTDTGPMNVN là tổ chức công khai, hợp pháp, hợp hiến nhất tại miền Nam đại diện cho lực lượng cách mạng trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền tay sai cứu nước. MTDTGPMNVN không chỉ là một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân mà còn làm nhiệm vụ như một tổ chức chính quyền công khai đối lập với chính quyền tay sai ở miền Nam, thực hiện những nhiệm vụ quản lý hành chính chính thức ở vùng giải phóng. MTDTGPMNVN đã chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cần thiết như chính quyền cơ sở, đất và dân... từ đó tiến tới thành lập Chính phủ trung ương - Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam năm 1969.

Đối với cách mạng Việt Nam, MTDTGPMNVN và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là tổ chức chính trị và là Chính phủ công khai vừa quản lý, lãnh đạo công việc nội bộ, vừa tăng cường mối quan hệ bang giao và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Sự trưởng thành theo năm tháng của MTDTGPMNVN cho thấy chủ trương trong cương lĩnh chính trị về đại đoàn kết toàn nhân dân miền Nam đúng về cùng một chiến tuyến là đúng đắn; và sự ra đời Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là sự chín muồi của cách mạng miền Nam và là một bước phát triển của quá trình hoạt động của MTDTGPMNVN.

Đối với chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ, MTDTGPMNVN ra đời và đi vào hoạt động năm 1960, rồi kế tiếp là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam năm 1969 là một “dị vật”. Ở trong nước, chính quyền Sài Gòn ra sức công kích, xuyên tạc, chống đối, phủ nhận sự hiện hữu của Mặt trận Giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời; trên trường quốc tế, Hoa Kỳ nỗ lực không ngừng vận động các nước và Liên Hiệp quốc không công nhận tổ chức và Chính phủ đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam. Tuy nhiên, ý chí và hành động can thiệp của Hoa Kỳ không lung lay được vị thế quốc tế ngày một vững vàng của Mặt trận Giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Năm 2016, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II xuất bản ấn phẩm “Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam qua tài liệu, tư liệu lưu trữ (1960 - 1975)”.

Cuốn sách gồm ba chương:

Chương I: Sự ra đời của MTDTGPMNVN, dựng lại bối cảnh miền Nam Việt Nam trong những năm sau Hiệp định Genève 1954 cho đến phong trào Đồng Khởi năm 1960 bằng tài liệu lưu trữ, góp phần khẳng định thêm sự ra đời của MTDTGPMNVN là một tất yếu của lịch sử. Từ hoàn cảnh lịch sử dẫn đến Hội nghị thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng với chương trình 10 điểm cũng được trình bày ở chương I. Chương I còn thể hiện cơ cấu nhân sự và sự thay đổi cơ cấu nhân sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng trong những tháng sơ khai.

Chương II: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong đấu tranh chống Mỹ xâm lược (1960 - 1969), đi sâu vào hoạt động đối nội và đối ngoại của Mặt trận Dân tộc Giải phóng ở miền Nam Việt Nam. Về đối nội, MTDTGPMNVN đã thực hiện vai trò đại đoàn kết toàn nhân dân miền Nam như Cương lĩnh chính trị năm 1967 đề ra trong đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai, xây dựng hậu phương, thiết lập chính quyền cơ sở. Về đối ngoại, MTDTGPMNVN đảm đương nhiệm vụ là một tổ chức đại diện hợp pháp và chính thức cho nhân dân miền Nam tham gia các hội nghị quốc tế, các tổ chức quốc tế, thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, đón nhận sự hưởng ứng phản đối Hoa Kỳ gây chiến ở Việt Nam của nhân dân thế giới tiến bộ, và đến giai đoạn quyết định thì đại diện cho nhân dân miền Nam bước vào bàn đàm phán Paris.

Chương III: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (6/1969 - 4/1975), trình bày về bối cảnh ra đời và tổ chức hoạt động của Chính phủ Trung ương của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ở trong nước, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vừa có những điều chỉnh về nhân sự và địa giới hành chính vừa thực hiện nhiệm vụ của mình như

phát triển kinh tế, củng cố an ninh, đảm bảo dân sinh trong vùng giải phóng. Về mặt quân sự, Chính phủ Cách mạng lâm thời cùng với nhân dân và lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đến đại thắng mùa Xuân năm 1975; trên trường quốc tế, Chính phủ Cách mạng lâm thời được công nhận là một chính phủ có đủ dân và đất, có mối quan hệ ngoại giao cấp nhà nước với rất nhiều quốc gia và đến năm 1969 thay thế MTDTGPMNVN tham gia Hội nghị bốn bên cho đến ngày Hiệp định Paris được ký kết.

Cuốn sách được biên soạn từ nguồn tài liệu lưu trữ là những tuyên bố, báo cáo, sắc lệnh, nghị định, các bản tin tức,... thuộc các phong như phong Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954 - 1975), phong Phủ Tổng thống ĐỊCH (1954 - 1963), phong Phủ Tổng thống ĐIICH (1967 - 1975), phong Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần (1945 - 1959), phong Hội đồng QNCM (1963 - 1965)... nhằm giới thiệu đến độc giả những trang tài liệu của cơ quan trung ương chính quyền Sài Gòn và các cơ quan của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Viết về một tổ chức, một chính phủ của cách mạng nhưng lại sử dụng nguồn tài liệu lưu trữ được sản sinh trong quá trình hoạt động của đối phương - chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ tại miền Nam, Ban Biên soạn mong muốn đưa ra một hướng tiếp cận khác cho độc giả để làm phong phú hơn tính đa chiều trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam.

3. BÀI VIẾT, THAM LUẬN VÀ BÁO CÁO KHOA HỌC

- **Phạm Thị Huệ**

CHÍNH SÁCH BÓP NGHỆT TỰ DO BÁO CHÍ, TỰ DO NGÔN LUẬN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ NGUYỄN VĂN THIỆU (QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 4/2000))

Với mưu đồ kéo dài sự thống trị của chế độ bán nước hại dân sau bao phen đổi chủ, nhà cầm quyền Sài Gòn đã dùng một bộ

máy đàn áp khủng bố bao trùm mọi lĩnh vực,... kể cả lĩnh vực tư tưởng và ngôn luận. Bằng những sắc luật hà khắc, nhà cầm quyền Nguyễn Văn Thiệu đưa ra biết bao điều cấm kỵ vô lý để phong tỏa báo chí, nhằm mục đích triệt tiêu quyền tự do ngôn luận của nhân dân. Trong bài viết, tác giả đi sâu vào một vài chính sách bóp nghẹt tự do báo chí và các thủ đoạn tiêu diệt tự do ngôn luận ở miền Nam Việt Nam dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu.

- **Nguyễn Thị Dung**

TÌM HIỂU MỘT SỐ LOẠI VĂN BẢN TRONG TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA THỜI KỲ NGUYỄN QUYỀN Ở MIỀN NAM (1954 - 1975)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 4/2000))

Trong quá trình chỉnh lý và tìm hiểu tài liệu thời kỳ Nguyễn quyền ở miền Nam, tác giả nhận thấy ngoài một số loại văn bản hành chính có tên gọi giống với hệ thống văn bản của Nhà nước ta ban hành như: luật, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị, thông cáo, biên bản, báo cáo, phiếu gửi, còn có nhiều loại văn bản có tên gọi khác với hệ thống văn bản của Nhà nước ta như: điệp văn, bưu điệp, phúc trình, phiếu luân chuyển, chuyển văn, sao văn, tư văn, sự vụ văn thư, sự vụ lệnh, công vụ lệnh, nhiệm vụ lệnh,... Trong phạm vi bài viết, tác giả nêu tóm lược những đặc điểm cơ bản của một số thể loại văn bản nêu trên để độc giả dễ phân biệt các loại hình văn bản từ hình thức, nội dung và các cấp ban hành.

- **Phạm Thị Huệ**

GIỚI THIỆU BẢN TUYÊN NGÔN CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 3 (tháng 6/2001))

Năm 1954, Hiệp định Genève ký kết, hòa bình được lập lại ở Đông Dương, nhân dân ta bước sang giai đoạn mới: Giai

đoạn đầu tranh chính trị để củng cố hòa bình, thực hiện độc lập dân chủ, thống nhất đất nước. Nhưng ở miền Nam, ngay sau khi Hiệp định Genève về Việt Nam được ký kết, được sự tiếp sức của Mỹ, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã cố tình phá hoại Hiệp định. Diệm chỉ thi hành những điều khoản nào xét thấy có lợi cho y. Bước quan trọng nhất trên đường phá hoại Hiệp định Genève là Mỹ - Diệm tính bầu quốc hội riêng rẽ, tức là từ chối tổng tuyển cử tự do theo quy định của Hiệp định. Nhận rõ được âm mưu xảo quyệt của đế quốc Mỹ nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngay từ khi mới thành lập (ngày 10/9/1955) đã ra lời “Tuyên ngôn”, vạch trần âm mưu đen tối của đế quốc Mỹ, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân trong nước, kiều bào nước ngoài và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới đoàn kết lại, đấu tranh đòi thi hành triệt để Hiệp định Genève, thực hiện thống nhất nước nhà, góp phần tích cực vào việc giữ gìn và củng cố hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới. Nhân kỷ niệm 46 năm ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đã giới thiệu bản “Tuyên ngôn” đó.

- ***Phạm Thị Huệ***

TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II - NGUỒN SỬ LIỆU CÓ GIÁ TRỊ NHIỀU MẶT

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 5 (tháng 10/2001))

Nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (29/11/1976 - 29/11/2001), tác giả bài giới thiệu tới độc giả một số thông tin cơ bản về thành phần và nội dung tài liệu, tư liệu lưu trữ đã và đang được bảo quản tại Trung tâm, đồng thời nêu lên một số hiệu quả về công tác tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ trong 25 năm mà Trung tâm đã đạt được.

- **Phạm Thị Huệ**

VÀI NÉT VỀ CHÍNH QUYỀN ÔNG NGUYỄN VĂN THIỆU
(1967 - 1975)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 4/2003))

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả giới thiệu sơ lược về chính quyền ông Nguyễn Văn Thiệu (giai đoạn 1967 - 1975), về tổ chức bộ máy của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu: Cơ quan lập pháp, Cơ quan hành pháp và Cơ quan tư pháp.

- **Trung tâm Lưu trữ quốc gia II**

GIỚI THIỆU CUỐN NHẬT KÝ CỦA MỘT CHIẾN SỸ GIẢI PHÓNG QUÂN TRONG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 5 (tháng 10/2005))

Trong bài viết, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II giới thiệu toàn văn cuốn “Nhật ký” của một chiến sỹ giải phóng quân. Cuốn “Nhật ký” chỉ có 10 trang nhỏ, nhưng đó là kỷ vật vô giá - nói lên một phần chân dung người chiến sỹ CS đầy ý chí, nghị lực nhưng cũng dạt dào tình cảm yêu thương, lạc quan, tin tưởng ngày thắng lợi, cho dù trước mắt còn nhiều gian khổ, hy sinh. Cuốn “Nhật ký” nằm trong “Tập tài liệu của Tham mưu biệt Bộ, Khu 31 Chiến thuật về việc khai thác tài liệu tịch thu của VC trong cuộc hành quân tại Chiến khu D - năm 1962”.

- **Trung tâm Lưu trữ quốc gia II**

KHÔNG QUÂN MỸ ĐÃ NHÌN THẤY NHỮNG GÌ TỪ TRÊN
KHÔNG NĂM 1972 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ?

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 02/2006))

Trong cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược, lực lượng phòng không, không quân Việt Nam đã lập lên kỳ tích. Nhìn lại tài liệu lưu trữ do ngụy quyền Sài

Gòn để lại càng thấy rõ thêm điều đó. Ngay từ năm 1972, không ảnh của Mỹ đã chụp được những trận địa tên lửa của chúng ta rõ như nhìn gần. Vậy mà lực lượng phòng không, không quân của ta vẫn tài tình nguy trang, di chuyển để thắng địch. Trong bài viết, tác giả giới thiệu một vài tài liệu lưu trữ thu được của địch để minh chứng cho sự tài tình của lực lượng phòng không của ta trong chiến tranh chống Mỹ xâm lược.

- ***Trung tâm Lưu trữ quốc gia II***

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÀI LIỆU GHI ÂM SỰ KIỆN THỜI KỲ ĐIICH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 3 (tháng 6/2006))

Khối tài liệu ghi âm được hình thành trong quá trình hoạt động của Phủ Tổng thống ĐIICH. Khối tài liệu này góp phần phản ánh đầy đủ và sinh động quá trình hoạt động của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu từ năm 1967 - 1975. Trong bài viết này, tác giả giới thiệu sơ bộ một số nội dung cơ bản của tài liệu ghi âm thời kỳ ĐIICH, bao gồm 5 nhóm tài liệu sau: nhóm tài liệu về hoạt động của Quốc hội (năm 1969), nhóm tài liệu về hoạt động của Hội đồng Đô - Tỉnh - Thị (năm 1971 - 1972), nhóm tài liệu về hoạt động của Chính phủ (từ năm 1968 - ngày 22/4/1975), nhóm tài liệu về hoạt động của Tổng thống và Phu nhân (từ năm 1968 - tháng 12/1973), nhóm tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, đoàn thể (từ năm 1969 - 1973).

- ***Nguyễn Thị Dung***

NHÂN NGÀY 30/4, NGHĨ VỀ MỘT VĂN BẢN ĐẦU TIÊN CỦA CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2007))

Ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Trong niềm vui chung của cả nước, hàng trăm công việc đặt ra, đòi hỏi

chính quyền cách mạng cần giải quyết để ổn định tình hình. Một trong những công việc trọng tâm hàng đầu của Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định là tổ chức cho việc trình diện và đăng ký nộ vũ khí của sỹ quan, binh lính, cảnh sát và nhân viên ngụ quyền Sài Gòn. Ngày 05/5/1975, Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định ra Mệnh lệnh số 1 về việc ra trình diện đăng ký nộ vũ khí của sỹ quan binh lính, cảnh sát và nhân viên ngụ quyền. Ngày 07/5/1975, Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định ra tiếp Thông cáo hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Mệnh lệnh trên đối với từng đối tượng và địa điểm trình diện. Chính những hoạt động này của chính quyền cách mạng đã góp phần rất quan trọng và nhanh chóng ổn định trật tự thành phố Sài Gòn sau ngày thành phố giải phóng. Nhân kỷ niệm ngày miền Nam giải phóng (30/4/2007), tác giả giới thiệu bản Thông cáo cùng bạn đọc.

- **Nguyễn Thị Hiếu**

NHỮNG NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN
THỜI KỲ 1945 - 1975

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 7 (năm 2007))

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả giới thiệu vài nét về sự thay đổi thể chế chính trị và danh sách những người đứng đầu chính quyền Sài Gòn trong những năm 1945 - 1975, qua ba thời kỳ: thời kỳ Chính phủ Cộng hòa lâm thời Nam Kỳ (từ ngày 20/5/1946 - 22/5/1948), thời kỳ Chính phủ QGVN từ năm 1949 - 1955, thời kỳ VNCH (từ ngày 16/10/1955 - 30/4/1975).

- **Phạm Thị Huệ**

LUẬT LƯU TRỮ CỦA CHẾ ĐỘ VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 7 (tháng 7/2007))

Trong bài viết, tác giả giới thiệu một văn bản quy phạm pháp luật cao nhất dưới chế độ VNCH. Đó là Luật số 020/73

“Về Văn khố tại Việt Nam”. Văn bản này do Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu ký ban hành ngày 26/12/1973 với 4 chương, 14 điều. Chương I gồm 4 điều: Quy định về Tài nguyên Văn khố. Chương II gồm 3 điều: Quy định về Tổ chức và Điều hành đối với Văn khố Quốc gia. Chương III gồm 4 điều: Quy định về hình phạt đối với những vi phạm pháp luật về Văn khố Quốc gia. Chương IV gồm 3 điều: Ghi các điều khoản phụ tạp, quy định về khai thác sử dụng tài liệu Văn khố.

- **Cù Thị Dung - Hà Kim Phương**

GÓP PHẦN TÌM HIỂU CHÂN DUNG NHÀ LƯU TRỮ NGÔ ĐÌNH NHU

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 9 (tháng 9/2007))

Bài viết góp phần giúp độc giả tìm hiểu về chân dung nhà lưu trữ Ngô Đình Nhu. Ngô Đình Nhu (1910 - 1963) xuất thân từ một gia đình quan lại ở Đại Phong, tỉnh Quảng Bình (Đồng Hới). Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, trong khi nhiều thanh niên Việt Nam hoặc xuất dương theo tiếng gọi của phong trào vô sản và phong trào giải phóng dân tộc, hoặc đang hăng hái đấu tranh cho độc lập của Tổ quốc, thì Ngô Đình Nhu được chính quyền Pháp cấp học bổng du học tại Trường Ngôn ngữ phương Đông (Pháp). Năm 1935, Ngô Đình Nhu là người Việt Nam đầu tiên thi đậu và được nhận vào học Trường Quốc gia Chartes của Pháp. Ba năm sau, Ngô Đình Nhu tốt nghiệp Trường Quốc gia Chartes với thứ hạng III. Từ đó, con đường công danh của Ngô Đình Nhu ngày càng sáng lạn. Năm 1938, Ngô Đình Nhu được bổ nhiệm làm Cố vấn Quản thủ hạng 3 tại Nha Văn khố và Thư viện Đông Dương. Nhiều tài liệu cho thấy rằng, trong quá trình làm việc tại đây, Ngô Đình Nhu đã tỏ ra là một con người rất có khả năng và chăm chú vào việc chuyên môn một cách thuần túy, không màng tới chính

sự. Con đường công danh của ông lên như “điều gặp gió”, liên tục được thăng hạng từ Cố vấn Quân thủ hạng I chỉ trong vòng 6 năm (từ năm 1938 - 1943), từ Cố vấn Quân thủ trở thành Quân thủ Sở Lưu trữ và Thư viện của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế năm 1943. Nhìn con đường thăng tiến của Ngô Đình Nhu, có lẽ nhiều người An Nam cùng thời với ông đều “thèm thuồng” và thâm khâm phục tài năng cũng như sự cần mẫn của một nhà “khoa học” thực thụ. Song ít người biết rằng, để thành danh như vậy, ngoài tài năng, Ngô Đình Nhu còn rất khôn khéo tận dụng thế lực, mối quan hệ của gia đình trong việc tiếp xúc với các giới chức người Pháp, mà điển hình là Paul Boudet - Giám đốc Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương. Một số tài liệu khác còn cho thấy rằng, trong thời gian làm Quân thủ và thời gian “ở ẩn” tại Đà Lạt, Ngô Đình Nhu đã tập hợp một số nhân vật để thành lập một nhóm và ra sức “thuyết giảng” những quan điểm mà sau này được tập hợp thành chủ thuyết Nhân Vị - nền tảng tư tưởng của chế độ độc tài gia đình trị ở miền Nam do Ngô Đình Diệm đứng đầu (từ năm 1954 - 1963).

- ***Nguyễn Thị Dung***

GIỚI THIỆU BỨC THƯ CỦA THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG
GỬI TỔNG THỐNG VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 11 (tháng 11/2007))

Hiệp nghị Genève lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, thế giới phải công nhận nền độc lập và thống nhất của nước Việt Nam. Căn cứ vào Hiệp nghị này và theo nguyện vọng của toàn dân, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm 1955 - 1958 đã nhiều lần gửi thư cho chính quyền ở miền Nam - “Cộng hòa Việt Nam” đề nghị mở hội nghị hiệp thương bàn về việc tổng tuyển cử trong cả nước nhằm thực hiện thống nhất nước

nhà theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp. Nhưng thiện chí và cố gắng của Chính phủ ta không được đáp lại, các bức thư gửi đi không được chính quyền Sài Gòn trả lời, hiệp thương không thể thực hiện. Lợi dụng cơ hội này, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường can thiệp sâu vào miền Nam Việt Nam trên mọi phương diện, chứng tỏ âm mưu chuẩn bị chiến tranh, uy hiếp hòa bình ở Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung. Với mong muốn Bắc - Nam sum họp, nước nhà thống nhất, đồng bào được sống yên vui, thể theo ý chí toàn dân, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi thư cho nhà đương cục có thẩm quyền của “Cộng hòa Việt Nam” ở miền Nam, đề nghị mở hội nghị hiệp thương giữa đại diện Chính phủ hai miền để bàn về vấn đề tổng tuyển cử tự do nhằm thống nhất nước nhà. Qua bài viết, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II giới thiệu tới độc giả bức thư được gửi năm 1957 của Thủ tướng.

- ***Nguyễn Xuân Hoài - Hà Kim Phương***

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN NĂM 1968 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (năm 2008))

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

THẮNG LỢI MẬU THÂN 1968 VỚI CUỘC ĐÀM PHÁN SƠ BỘ Ở PARIS

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2008))

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Qua nguồn tài liệu gốc về chủ đề này đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, tác giả bài viết góp thêm những thông tin giá trị đối

với việc đánh giá một cách chính xác, khách quan thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Cụ thể, đó là những thông tin về lực lượng hai bên trước Tết Mậu Thân năm 1968, diễn tiến của cuộc Tổng tiến công, phản ứng và nhận định của Chính quyền VNCH.

- **Nguyễn Xuân Hoài**

HỒ SƠ VỀ VỤ QUÂN ĐỘI MỸ SÁT HẠI DÂN THƯỜNG Ở SƠN MỸ (MỸ LAI) NGÀY 16/3/1968

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2008))

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, hoang mang và lúng túng trong bố trí thể chiến lược ở chiến trường, Mỹ - ngụy chuyển sang chiến lược “quét và giữ”, liên tục mở các cuộc hành quân càn quét vào ven đô. Ở miền Trung, bị tổn thất nặng nề trong Tết Mậu Thân năm 1968, Mỹ - ngụy điên cuồng đốt phá, giết hại đồng bào vô tội, gây ra những tội ác rất man rợ, đặc biệt là vụ lính Mỹ thuộc Lữ đoàn 11, Sư đoàn American gây nên vụ tàn sát ở Sơn Mỹ - Quảng Ngãi. Ngày 16/3/2008, Giáo sư người Nhật - Fujio Shimoharu về tưởng niệm các nạn nhân ở Sơn Mỹ bị quân đội Mỹ sát hại ngày này cách đây 40 năm đã xúc động nói: “Sơn Mỹ và Hiroshima; Nagasaki sẽ là biểu tượng lên tiếng nhắc nhở thế giới không để xảy ra chiến tranh, hãy xây dựng một nền hòa bình công bằng, bình đẳng và hạnh phúc”.

- **Hà Kim Phương**

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MẬU THÂN NĂM 1968 ĐỢT II (TỪ NGÀY 05/5 - 19/5) - SỰ KHẲNG ĐỊNH THỂ VÀ LỰC CỦA CÁCH MẠNG

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 6 (tháng 6/2008))

Trong đợt I cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Quân Giải phóng đã giáng cho Mỹ - ngụy một đòn choáng váng

hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây, cả về quân sự và chính trị. Ngay trong tháng 02/1968, khi đợt I Tổng tiến công đang diễn ra, Chính phủ Hoa Kỳ đã đặt vấn đề “gấp gở” chính thức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để bàn thảo về việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình chiến trường miền Nam Việt Nam từ sau đợt I đến trước đợt II Tổng tiến công cho thấy, những tuyên bố của Chính phủ Hoa Kỳ giống như “đòn gió” hòng xoa dịu dư luận nước Mỹ và thế giới. Hoạt động quân sự vẫn là đòn tấn công chủ lực chính của Mỹ - nguy, đánh vào cách mạng, nhằm tìm kiếm sự chủ động trên chiến trường, tạo sức ép trên bàn đàm phán. Trước tình hình đó, chủ trương tiến hành đợt II cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là hoàn toàn cần thiết. Đó là sự khẳng định sức mạnh của cách mạng, đập tan ý chí tấn công của kẻ thù.

- ***Nguyễn Xuân Hoài - Hoàng Văn Thụ***

VÀI NÉT VỀ LUẬT LƯU TRỮ CỦA VNCH

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 7 (tháng 7/2008))

Luật Lưu trữ của chế độ VNCH là “Luật số 020/73 về Văn khố tại Việt Nam”, do Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu ký ban hành ngày 26/12/1973, gồm 4 chương, 14 điều, được in trên 3 trang giấy khổ A4. Để thực thi Luật này, theo quy định, Chính quyền VNCH sẽ ban hành tiếp các văn bản dưới luật là các sắc lệnh liên quan. Nhưng những văn bản đó đã không được ban hành. Tuy nhiên, qua tìm hiểu những tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, tác giả nhận thấy những văn bản liên quan về tổ chức cơ quan phụ trách Văn khố Quốc gia, Quy chế tài liệu Văn khố Quốc gia đang được hình thành. Khi nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển về Văn khố VNCH, chúng ta cần tham khảo một số nội dung trong những tài liệu này.

- **Nguyễn Xuân Hoài**

KHÔI TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH (1954 - 1975) -
MỘT NGUỒN SỬ LIỆU QUÝ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 11 (tháng 11/2008))

Cuộc chiến tranh chống Mỹ đã lùi vào dĩ vãng, Chính quyền VNCH đã bị đập tan. Nhưng trong quá trình hoạt động, Chính quyền VNCH đã để lại một khối lượng tài liệu tương đối lớn (giai đoạn 1954 - 1975) còn lưu giữ được khoảng 5.000 mét. Đây là nguồn sử liệu vô cùng quý giá phục vụ cho việc nghiên cứu về cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân ta cũng như tìm hiểu về bộ máy của Chính quyền VNCH. Trong bài viết, tác giả giới thiệu khái quát về nội dung tài liệu của 4 phong lưu trữ tiêu biểu là: Phủ Tổng thống ĐỊCH, Phủ Tổng thống ĐIICH, Phủ Thủ tướng VNCH, Hội đồng An ninh Phát triển.

- **Hà Minh Hồng**

30 THÁNG 4 NĂM 1975 - NGHĨ VỀ MỘT HÀNH ĐỘNG
ĐÚNG THỜI ĐIỂM LỊCH SỬ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2010))

Trong dòng chảy liên tục của lịch sử có những bước ngoặt phát triển chỉ tính bằng hành động của con người trong chốc lát. Lúc 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm ấy - 1975, ông Dương Văn Minh (1916 - 1975) đã làm một hành động có một không hai trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: xưng danh Tổng thống chế độ tay sai xin đầu hàng Cách mạng. Đó là một lựa chọn không dễ dàng và đơn giản chút nào, nhưng không phải ai cũng có thể nhìn nhận đây là một hành động đúng thời điểm lịch sử. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả bộc bạch một vài suy nghĩ của bản thân về hành động này của Đại tướng Dương Văn Minh.

- **Phí Thị Nhung - Đào Thị Hạnh**

SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN QUA NHỮNG TRANG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2010))

Những ngày tháng Tư năm 1975, dưới khí thế hào hùng của đoàn quân chiến thắng, quân giải phóng miền Nam từ khắp các cửa ngõ tiến vào Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tổng thống Dương Văn Minh đã thay mặt Chính quyền VNCH tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chính quyền Sài Gòn hoàn toàn sụp đổ. Nhân kỷ niệm 35 năm thống nhất đất nước, tác giả bài viết giới thiệu một số nét về sự sụp đổ đó qua những trang tài liệu của Chính quyền VNCH để lại, đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

- **Hà Kim Phương**

PHÒNG TUYẾN PHAN RANG, XUÂN LỘC - TRẮC NGHIỆM CUỐI CÙNG CỦA NGƯỜI MỸ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2010))

Trong những ngày cuối Xuân năm 1975, trong giờ phút nguy quyền hấp hối, khi Quân Giải phóng hoàn toàn làm chủ 6 tỉnh cao nguyên và một số tỉnh duyên hải miền Trung, với hy vọng mong manh nhằm cứu vãn tình thế, Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã hết ban hành Công điện khẩn đến Nhật lệnh kêu gọi, ra lệnh quân đội Sài Gòn “tử thủ” ở những tỉnh còn lại. Song tất cả đã quá muộn. Tại Nhà Trắng, bàng hoàng trước sự thất thủ nhanh chóng của quân đội Sài Gòn, Tổng thống Ford lập tức phái tướng Weyand - Tổng Tham mưu Trưởng Liên quân Mỹ, trực tiếp sang thị sát chiến trường miền Nam Việt Nam. Ngày 02/4/1975, sau khi hoàn thành thị sát, tướng Weyand tổ chức cuộc họp hỗn hợp Mỹ - chính quyền Thiệu ngay tại Sài Gòn nhằm thống nhất kế hoạch phòng thủ. Kết thúc cuộc họp, chính quyền

Sài Gòn bắt tay ngay vào thiết lập tuyến phòng thủ kéo dài từ Phan Rang, qua Xuân Lộc đến Tây Ninh với hai “tử điểm” là Phan Rang và Xuân Lộc. Cùng ngày, tại Hoa Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ James Schlesinger, trong một cuộc họp báo cũng công bố kế hoạch thiết lập phòng tuyến cổ thủ của Mỹ - Thiệu tại miền Nam Việt Nam cho đó là một cuộc “trắc nghiệm mới” với thời hạn trong vòng 30 ngày.

- **Nguyễn Hồng Trang**

NHÌN LẠI HỒ SƠ CÁC BÁO SÀI GÒN TỪ NĂM 1973 – 1975

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2010))

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giới báo chí thành thị miền Nam và các giới nhân sỹ yêu nước thành thị miền Nam đã góp phần không nhỏ cho sự thắng lợi chung của nhân dân cả nước. Tiếng nói của các giới: trí thức, dân biểu cũng như các linh mục, sư sãi yêu nước công khai tố cáo quyết liệt chế độ Sài Gòn như những quả pháo nã thẳng vào đầu não của chế độ phản dân hại nước. Vì vậy, chính quyền Sài Gòn càng điên đầu, càng ra sức đàn áp, bắt bớ, tù đầy những người yêu nước. Từ năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, quân Mỹ rút toàn bộ về nước để miền Nam Việt Nam cho chính quyền Thiệu đảm trách. Kể từ đó, chính quyền Sài Gòn càng bộc lộ sự yếu kém, nội bộ thì mâu thuẫn, các lao động đang kêu trời. Đó là vấn đề mấu chốt để báo chí và những người yêu nước công khai lên tiếng vạch trần bộ mặt của chế độ Thiệu.

- **Nguyễn Thị Việt**

KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ NĂM 1963 - PHẬT GIÁO BỊ ĐÀN ÁP ĐẮM MÁU TẠI SÀI GÒN

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 10 (tháng 10/2010))

Từ sau hàng loạt những thất bại về quân sự trong Đồng Khởi cộng với sự thối nát và độc tài, chính quyền họ Ngô dần mất đi

vị trí và niềm tin không chỉ với Hoa Kỳ mà cả với các tướng lãnh dưới quyền. Trước sự thất sủng và nguy cơ có thể xảy ra một cuộc đảo chính như hồi đầu năm 1960, anh em nhà họ Ngô đã cố công tìm kiếm mọi giải pháp để “tử thủ” cho ngôi vị của mình.

Tuy nhiên, đã từ lâu, trong lòng Chính quyền Ngô Đình Diệm luôn có những thế lực sẵn sàng thực hiện đảo chính khi có thời cơ thuận lợi. Được Chính phủ Hoa Kỳ bật đèn xanh, đầu tháng 4/1963, lực lượng phản đối gia đình Ngô Đình Diệm mà đứng đầu là Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Kim, Trần Văn Đôn,... đã gặp gỡ, bàn thảo và âm mưu tiến hành một cuộc đảo chính lật đổ anh em họ Ngô. Tuy nhiên, để thực hiện được âm mưu này, họ cũng phải tìm ra cho mình một cái cớ thích hợp. Lực lượng này biết rõ rằng Chính quyền Ngô Đình Diệm được lòng những người Công giáo, nhất là Công giáo di dân rất ủng hộ, và ngược lại anh em Ngô Đình Diệm cũng có mối quan hệ, lợi ích rất khăng khít với những người Công giáo.

Trong khi đó, tại miền Nam, trong khoảng 15 triệu người dân thì Phật giáo chiếm gần 11 triệu tín đồ với khoảng 4 triệu người hành đạo, số còn lại thờ cúng ông bà và có thiên hướng ủng hộ và theo Phật giáo. Giữa Phật giáo và Công giáo trong bản thân Chính quyền Ngô Đình Diệm đã có sự phân biệt đối xử. Ở nhiều nơi, Phật giáo bị chính quyền đàn áp vì cho rằng đó là lực lượng ủng hộ và theo “Cộng sản”. Lợi dụng mâu thuẫn này, những người chủ xướng đảo chính đã cài bẫy và đẩy Chính quyền Ngô Đình Diệm đi đến việc quyết định đàn áp các lực lượng Phật giáo vào đầu tháng 5/1963. Chính quyết định nôn nóng và sai lầm của Ngô Đình Diệm dẫn đến sự nổi dậy của toàn bộ tín đồ Phật giáo Việt Nam chống lại sự đàn áp của chính quyền họ Ngô và cũng là hồi chuông báo trước sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền này.

- **Trần Thị Vui**

ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO CỦA MTDTGPMNVN TRONG NHỮNG NĂM CUỐI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 12 (tháng 12/2010))

Thành lập ngày 20/12/1960, MTDTGPMNVN ngay lập tức đã nắm lấy sứ mệnh và trở thành người tổ chức, lãnh đạo và đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ và bẻ gãy tay sai. Đó là quá trình đấu tranh kiên cường không ngừng nghỉ trên nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự và ngoại giao. Đặc biệt trong lĩnh vực ngoại giao, Mặt trận đã đạt được nhiều thắng lợi lớn. Trong những năm 1962 đến 1966, đặt được 13 tòa đại diện thường trực ở các nước, 10 cơ sở đại diện thông tin ở nước ngoài và 2 ban thường trực cạnh Hội đồng Đoàn kết Á phi ở Le Caire và Liên hiệp Công đoàn Thế giới ở Prague. Thành quả trên là nhờ sự nỗ lực của Mặt trận trong cuộc đấu tranh giằng co trên mặt trận ngoại giao với chính quyền Sài Gòn, nhất là trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- **Đinh Kim Ngân**

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ Ở NÔNG THÔN MIỀN NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 12 (tháng 12/2010))

Đế quốc Mỹ sau khi thay chân thực dân Pháp thống trị miền Nam đã ráo riết thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta. Cuối tháng 6/1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng Chính phủ VNCH. Sau khi lên cầm quyền, Ngô Đình Diệm đã thi hành một loạt chính sách phản động, vi phạm các điều khoản trong Hiệp định Genève, tăng cường các lực lượng

quân sự, khủng bố trả thù cách mạng. Trước tình hình đó, Hội nghị BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 (khóa II) đã họp từ ngày 15 đến ngày 17/7/1954 để bàn về tình hình và nhiệm vụ mới. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị là chuyển cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam sang đấu tranh chính trị trong hòa bình. Thực hiện chủ trương của Đảng, song song với mũi tiến công về quân sự rất lợi hại, các tầng lớp nhân dân ta ở nông thôn miền Nam không phân biệt tôn giáo, dân tộc, xu hướng chính trị đã đoàn kết một lòng dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dồn dập tiến công địch về chính trị, tạo nên sức mạnh hết sức to lớn, làm suy yếu và tan rã hàng ngũ địch, góp phần đè bẹp ý chí xâm lược của giặc Mỹ.

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

VÀI NÉT VỀ VAI TRÒ CỦA MỸ ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ TỒN TẠI CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2011))

Có thể nói, quá trình phá hoại Hiệp định Genève của Mỹ - Diệm gắn liền với quá trình áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tập trung mọi cố gắng tạo ra một chính quyền tay sai bù nhìn mang bộ mặt độc lập dân chủ giả hiệu. Năm 1957 - 1958, bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm ở miền Nam Việt Nam cơ bản hoàn bị, cũng là thời điểm gia đình họ Ngô đạt tới đỉnh cao của quyền lực với việc nắm giữ ba thiết chế quan trọng nhất của đời sống xã hội: bộ máy công quyền của Ngô Đình Diệm, tư tưởng chính trị trong tay Ngô Đình Nhu và tôn giáo thuộc về Ngô Đình Thục. Do đó, quá trình thiết lập nền “dân chủ”, Mỹ đã đưa đến chế độ gia đình trị họ Ngô. Đồng thời cũng là quá trình Mỹ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp nhân dân miền Nam, vừa nhằm thực hiện âm mưu của Mỹ, vừa tăng cường địa vị thống trị của gia

đình họ Ngô. Song trước sự đoàn kết của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, âm mưu thiết lập chính quyền mang mác độc lập, dân chủ ở miền Nam Việt Nam của Mỹ bị phá sản.

- **Đinh Nguyễn**

NGUYÊN TẮC BẢO MẬT TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỆ NHỊ VNCH

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 2/2011))

Đảm bảo sự vận hành của bộ máy chính quyền đồ sộ, quan liêu từ TW đến địa phương của Chính quyền VNCH là một tổ chức, hệ thống hành chính hoạt động đặc lực trợ giúp cho chính quyền trong việc quản lý tất cả các hoạt động của xã hội. Trong hoạt động của công tác văn thư, lưu trữ của Chính quyền VNCH thời bấy giờ có rất nhiều vấn đề nhạy cảm, việc bảo mật thông tin được xem là chuyện sống còn của chế độ. Vì vậy, công tác văn thư, lưu trữ đối với các loại tài liệu bảo mật trong các cơ quan hành chính của Chính quyền VNCH được đặc biệt quan tâm. Chính vì tính chất quan trọng của các tài liệu mật ảnh hưởng và quyết định trực tiếp đến vận mệnh của mỗi một thực thể chính trị như vậy nên việc sản sinh, lưu giữ... và vận chuyển các tài liệu này phải được tuân thủ theo những nguyên tắc rất nghiêm ngặt và cụ thể do chính các cơ quan có thẩm quyền của Chính quyền VNCH Đệ nhị đề ra. Trong bài viết, tác giả giới thiệu tới độc giả những quy định của Chính quyền VNCH Đệ nhị đối với từng hoạt động liên quan đến văn thư, lưu trữ, đó là: việc soạn thảo và lưu hồ sơ mật, việc phổ biến hồ sơ mật, thiết lập và sao lục hồ sơ mật, chuyển vận và thông đạt các hồ sơ mật, giữ gìn hồ sơ mật, tiêu hủy hồ sơ mật, việc vào sổ văn thư mật đến và đi, xem văn thư mật, gửi văn thư mật.

• **Trần Thị Vui**

ĐÔI NÉT VỀ TỔ CHỨC PHỤ NỮ “PHONG TRÀO LIÊN ĐỐI PHỤ NỮ VIỆT NAM” DƯỚI THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2011))

Vào ngày 20/5/1958, khi chủ tọa Đại hội Toàn quốc của các nữ công chức trong Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia, Trần Lệ Xuân đã đề nghị thành lập một tổ chức phụ nữ ở miền Nam, trong vùng chính quyền Sài Gòn - VNCH kiểm soát và lấy tên là Phong trào Liên đới Phụ nữ Việt Nam, đặt dưới quyền điều khiển của Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia. Sau đó, Trần Lệ Xuân muốn tách tổ chức phụ nữ ra khỏi sự điều khiển của Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia để trở thành người lãnh đạo trực tiếp tổ chức này. Trần Lệ Xuân ngộ nhận rằng miền Bắc bắt chước miền Nam mà cụ thể là bắt chước ý tưởng khi cũng thành lập một tổ chức của phụ nữ gọi là Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Sự thực là tổ chức phụ nữ ở miền Bắc đã được thành lập từ ngày 20/10/1930. Đến những năm 1950 thì được đổi tên thành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và cái tổ chức mà Trần Lệ Xuân tự cho là một sáng kiến tốt đẹp của mình cũng chỉ là một tổ chức “theo đuôi” của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Có thể nói, Phong trào Liên đới Phụ nữ Việt Nam của Trần Lệ Xuân được tổ chức khá quy củ, có những điều lệ rõ ràng và mục đích tôn chỉ hoạt động cụ thể với những mỹ từ như: hạnh phúc, hòa bình, quyền lợi... của chị em phụ nữ, nhưng thực chất nó chỉ là một công cụ của chế độ Ngô Đình Diệm. Trần Lệ Xuân đã lợi dụng sức mạnh của khối phụ nữ ở miền Nam Việt Nam để gia cố quyền lực của bản thân và gia đình Diệm. Phong trào Liên đới Phụ nữ Việt Nam chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn tính từ ngày chính thức được thành lập. Tuy nhiên, chính âm mưu của

Trần Lệ Xuân đã phần nào biến tổ chức phụ nữ này trở thành một màng bảo vệ cho chế độ Ngô Đình Diệm tồn tại một thời gian ở miền Nam Việt Nam.

- **Nguyễn Xuân Hoài**

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II - 35 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 11 (tháng 11/2011))

Trong bài viết, tác giả giới thiệu về Trung tâm Lưu trữ quốc gia II qua 35 năm xây dựng và trưởng thành, với các nội dung chủ yếu như: quá trình hình thành Trung tâm, chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm, cơ cấu tổ chức các phòng ban chuyên môn và tổ chức nhân sự, quá trình phát triển và những thành tích đã đạt được của Trung tâm trong 35 năm.

- **Trần Thuận**

TỔ CHỨC VĂN KHỐ Ở NAM VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1975

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 11 - 12 (tháng 11, 12/2011))

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả giới thiệu về tổ chức văn khố ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Các nội dung chính như: tổ chức văn khố dưới thời Nguyễn, hoạt động văn khố thời Pháp thuộc, sự chuyển giao văn khố giữa Pháp và “Quốc gia Việt Nam”, hoạt động văn khố dưới thời VNCH.

- **Trần Thị Vui**

ĐÀI PHÁT THANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VÀ CUỘC ĐƯƠNG ĐẦU VỚI CHÍNH QUYỀN VNCH TRONG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2012))

Sau phong trào Đồng Khởi năm 1960, tình hình cách mạng ở miền Nam Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, đó là kiên trì con đường bạo lực cách mạng, để giải phóng miền Nam, thống

nhất đất nước, song song với con đường đấu tranh vũ trang là đấu tranh chính trị trên mọi mặt. Nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của chiến trường miền Nam về vận động tuyên truyền, Đài Phát thanh Giải phóng miền Nam được thành lập. Đài thực hiện vai trò là một trong những vũ khí đấu tranh chính trị trong công cuộc kháng chiến ở miền Nam Việt Nam. Ngược lại, đối với chính quyền Sài Gòn, Đài Phát thanh Giải phóng miền Nam là một thứ “kẻ thù” làm “rối trí” dân chúng miền Nam. Dù kẻ thù tìm mọi cách, sử dụng mọi phương tiện kỹ thuật hiện đại do Hoa Kỳ trang bị hòng ngăn chặn, phá hoại Đài Phát thanh Giải phóng, nhưng chúng vẫn phải công nhận rằng chúng không thể kiểm soát hết được các làn sóng mới, tần số mới, thời gian phát mới và nhất là các đài mới thành lập. Với sự kiên cường, ý chí quyết tâm của người chiến sỹ cách mạng, Đài Phát thanh Giải phóng miền Nam luôn bám trụ trong điều kiện khó khăn, máy móc thiết bị kỹ thuật thiếu thốn. Hơn nữa, Đài đã không ngừng sáng tạo, kiên cường trong cuộc đương đầu với mọi thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

- ***Nguyễn Thị Thiêm***

PHONG TRÀO CHỐNG CHIẾN TRANH VIỆT NAM TẠI MỸ
(1971 - 1972) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 5 (tháng 5/2012))

Cuộc tổng công kích Mậu Thân năm 1968 là đòn bất ngờ góp phần quyết định chiều hướng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, làm phá sản “chiến tranh cục bộ” của Mỹ, làm chần chừ động dư luận nước Mỹ và thế giới. Sau đòn bất ngờ này, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi rút hết quân đội về nước của nhân dân dậy lên khắp nước Mỹ. Có thể nói đây chính là một trong những nhân tố thúc đẩy dẫn đến thất bại của quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam. Đồng thời, phong trào này đã có tác dụng cổ

vũ mạnh mẽ các phong trào chống chiến tranh Việt Nam trên toàn thế giới và góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến oanh liệt giải phóng, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.

- ***Lê Thị Vị - Nguyễn Thị Tươi***

VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH (1968 - 1972) QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 6 (tháng 6/2012))

Trong những năm 1968 - 1972, đế quốc Mỹ đã đẩy mạnh hơn nữa cuộc chiến tranh bằng việc đưa quân can thiệp trực tiếp vào chiến trường Việt Nam. Phong trào học sinh, sinh viên Sài Gòn - Gia Định phát triển sang một bước mới và có sự thay đổi về chất. Đây là thời kỳ phong trào phát huy tối đa các hình thức đấu tranh, các biện pháp đấu tranh, huy động tối đa lực lượng tham gia và để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho phong trào ở giai đoạn sau.

- ***Quỳnh Lưu***

CHIẾN DỊCH GIẢI PHÓNG QUẢNG TRỊ NĂM 1972 QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2012))

Nhằm tạo thế và lực trên bàn ngoại giao và phá vỡ chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Nixon, Quân Giải phóng quyết tâm mở chiến dịch Xuân - Hè 1972. Điểm mở đầu của chiến dịch là vùng địa đầu của cái gọi là “nước VNCH”. Chiến dịch Quảng Trị trở thành tiêu điểm của cả năm 1972 với cao điểm 81 ngày đêm chiến đấu anh dũng tại thành cổ Quảng Trị của những chiến sỹ kiên cường.

- **Thanh Lưu**

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN VỀ CÔN ĐẢO (1956 - 1963) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 11 (tháng 11/2012))

Ngay khi Hiệp định Genève còn chưa ký kết, Mỹ - Diệm đã ráo riết chuẩn bị thiết lập một Chính phủ mới, tiến tới cho ra đời cái gọi là “quốc gia riêng ở miền Nam Việt Nam”. Vì cho rằng “Mỹ không ký Hiệp định Genève nên không bị ràng buộc bởi Hiệp định”, nên Mỹ - Diệm đi đến việc biến miền Nam - từ Nam vĩ tuyến 17 thành một quốc gia riêng theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng cũng nhanh chóng chiếm giữ các hòn đảo và quần đảo phía Nam, trong đó có Côn Đảo. Sau khi tiếp nhận Côn Đảo từ tay Pháp, Chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn sử dụng Côn Đảo làm nơi giam giữ tù nhân các loại - đặc biệt là những người yêu nước và các chiến sỹ cách mạng. Côn Đảo đã biến thành một trại tù biệt lập với đất liền. Mặc dù chỉ là một khu giam giữ tù nhân với một số gia đình viên chức sinh sống, nhưng chính quyền Diệm lại quyết định tách Côn Đảo thành tỉnh Côn Sơn - một tỉnh hành chính giống như các tỉnh ở đất liền với Sắc lệnh số 143-NV ngày 22/10/1956. Trong bài viết, tác giả đã đi sâu phân tích bộ máy tổ chức hành chính của tỉnh Côn Sơn để làm rõ: thực chất tỉnh Côn Sơn là một tên sáo rỗng mà chính quyền Diệm dùng để lừa bịp nhân dân Việt Nam và dư luận thế giới. Bởi lẽ, chỉ có ở một nơi gọi là “tỉnh” Côn Sơn mới có chuyện dân cư chính là tù nhân.

- **Quỳnh Lưu**

PHẢN ỨNG CỦA NGUYỄN VĂN THIỆU - MỘT CÁI CỜ TRÌ HOẢN HỘI NGHỊ PARIS CỦA NIXON

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2013))

Cuối năm 1972, tình hình tại Hoa Kỳ không cho phép Chính phủ tiếp tục kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Tập đoàn Nixon

đã xuống thang chiến tranh, tính đến vấn đề rút khỏi “vùng lầy” Việt Nam. Vì thế, Hội đàm Paris đã lóe những tia sáng hy vọng. Thành quả của những mật nghị giữa Lê Đức Thọ và Kissinger là bản dự thảo Hiệp định hoàn chỉnh tháng 10/1972. Tuy nhiên, sau đó Nixon thay đổi quyết định và vin có là vấp phải sự phản kháng của Nguyễn Văn Thiệu ở Sài Gòn, hoãn ngày ký dự thảo Hiệp định vô thời hạn.

- ***Nguyễn Xuân Hoài***

THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỘI DÂY MẠU THÂN 1968 VỚI CUỘC ĐÀM PHÁN SƠ BỘ Ở PARIS

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 02/2013))

Ngay từ năm 1965, trước nguy cơ sa lầy trong cuộc chiến ở Việt Nam, Chính phủ Hoa Kỳ đã mong muốn tìm một “lối thoát” ra khỏi cuộc chiến khả dĩ có thể chấp nhận được. Do đó, từ đầu năm 1967, Tổng thống Hoa Kỳ Johnson ra lệnh cho Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Hoa Kỳ phải đẩy mạnh đến mức tối đa chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam và chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam Việt Nam. Về phương diện chính trị và ngoại giao, ngày 28/01/1967, Tổng thống Johnson tuyên bố: “Hoa Kỳ sẵn sàng đi bất cứ nơi nào để gặp gỡ Bắc Việt bàn định hòa bình”. Song, ông ta cũng không ngại cho thế giới biết sẽ không thể có cuộc đàm phán dễ dàng và Hoa Kỳ phải là nước có lợi trước nhất trong bàn đàm phán. Tại Antonio, ngày 30/02/1967, Tổng thống Johnson đề ra công thức Antonio với tuyên bố “Hoa Kỳ đồng ý chấm dứt ngay các cuộc không kích và hải kích đối với Bắc Việt nếu sự kiện này dựa trên những cuộc đàm phán có lợi ích. Lẽ tất nhiên là khi đàm phán, đối phương (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) không được lợi dụng việc ngưng hay hạn chế ném bom để xâm nhập Nam Việt Nam”. Tuy nhiên, sau đợt I của cuộc

Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân - 1968, bị giáng một đòn chí mạng, Chính phủ Hoa Kỳ phải chính thức đặt vấn đề “gặp gỡ” Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để bàn thảo việc chọn địa điểm và thời gian cho một cuộc hội nghị về hòa bình ở Việt Nam.

- ***Trần Thuận - Nguyễn Văn Báu***

ĐÀO TẠO NHÂN SỰ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH (GIAI ĐOẠN 1955 - 1975)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 02/2013))

Sau khi Chính quyền VNCH thành lập năm 1955, những người có kinh nghiệm về công tác lưu trữ được tuyển dụng để thực hiện công việc lưu trữ trong các cơ quan. Tuy nhiên, số lượng nhân sự được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện công việc chuyên môn, các phòng lưu trữ thuộc các cơ quan luôn trong tình trạng thiếu nhân sự. Do không có người có đủ chuyên môn đáp ứng cho công tác văn khố, cấp quản trị buộc phải tuyển chọn những nhân viên không đủ khả năng chuyên môn đảm nhận công vụ. Trước thực trạng đó, tháng 3/1957, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục (VNCH) đã trình Tổng thống về việc thiết lập ngạch Giám thủ. Trên tinh thần đó, từ năm 1959 trở đi, Chính quyền VNCH chú ý đến việc đào tạo nhân sự phục vụ hoạt động lưu trữ qua các khóa và chương trình đào tạo như: đưa người đi đào tạo ở nước ngoài, mở các lớp nghiệp vụ lưu trữ từ 3 tháng đến 6 tháng.

- ***Trịnh Mai Linh***

CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN VỚI TRƯỜNG HỌC CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1955 - 1963) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2013))

Các trường học của người Hoa ở miền Nam Việt Nam là một hình thức của một tổ chức xã hội của người Hoa. Mọi Lý Sự Hội quán đều có tài sản là các trường học, chùa, bệnh viện, nghĩa

trang... Sự hiện diện của các trường Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam là một sự kiện đặc biệt quan trọng của khối cộng đồng người Hoa sống trên lãnh thổ do chính quyền Sài Gòn quản lý. Ngay từ thời Pháp thuộc, chính quyền cũng đã có một sự lưu tâm đặc biệt để quản lý các trường của Hoa kiều. Sau khi chính quyền Sài Gòn thi hành chính sách Việt tịch hóa người Hoa ở miền Nam Việt Nam, họ cũng đề ra những biện pháp kinh tế, văn hóa và giáo dục nhằm đưa khối cộng đồng người Hoa phải hòa mình vào xã hội miền Nam trên tất cả các lĩnh vực.

- **Minh Phong**

TRẬN ĐÁNH CỦA BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN VÀO TÒA ĐẠI SỨ HOA KỲ TẠI SÀI GÒN TRONG DỊP TẾT MẬU THÂN NĂM 1968 DƯỚI GÓC NHÌN CỦA BÁO CHÍ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 6 (tháng 6/2013))

Trong dịp Tết Mậu Thân năm 1968, Biệt động Sài Gòn đã đóng góp nhiều công sức và nhiều hy sinh trong việc tạo nên sự bất ngờ, táo bạo và tiếng vang cho đợt đầu của Cuộc Tổng tiến công ở miền Nam Việt Nam. Do đặc điểm vừa là dân vừa là lính nên Biệt động Sài Gòn đã thực hiện những trận đánh chớp nhoáng, gây sốc cho đối phương và đặt đối phương vào thế dò dẫm. Trong dịp đầu năm 1968, Biệt động Sài Gòn đã thực hiện những trận đánh gây xôn xao dư luận quốc tế, đặc biệt là trận tập kích vào tòa đại sứ Hoa Kỳ - cơ quan đầu não điều khiển chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

- **Nguyễn Văn Thỏa**

VỀ THÂM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA TỔNG THỐNG VNCH (GIAI ĐOẠN 1955 - 1963)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 6 (tháng 6/2013))

Sau khi thiết lập chế độ VNCH năm 1955, để tiến hành hoạt

động quản lý, điều hành bộ máy chính quyền và quản lý xã hội ở miền Nam Việt Nam, Chính quyền VNCH đã kế thừa những quy định của chế độ “Quốc gia Việt Nam” trước đó và tiếp tục xây dựng, củng cố hệ thống văn bản lập pháp và lập quy làm cơ sở cho hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hệ thống văn bản này là các văn bản quy định về thẩm quyền ban hành văn bản của các chức danh nhà nước và cơ quan thuộc hệ thống chính quyền của VNCH. Trong đó, những quy định về thẩm quyền ban hành văn bản của Tổng thống VNCH là một bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống pháp luật về ban hành văn bản lập pháp và lập quy của Chính quyền VNCH trong giai đoạn 1955 - 1963 (thường được gọi là ĐỊCH).

- **Hải Anh**

TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN ĐỐI VỚI SỰ THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC CỦA HOA KỲ Ở VIỆT NAM

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2013))

Cuộc đổ sức trực tiếp và dành thắng lợi trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 đã khẳng định sức mạnh của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam hoàn toàn có thể đánh thắng quân Mỹ xâm lược. Từ thực tiễn chiến trường, quân và dân ta quyết định chuyển cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam Việt Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng tiến công và nổi dậy, đánh thẳng vào trung tâm đầu não của chính quyền Sài Gòn ở các đô thị trên toàn miền Nam. Thực hiện quyết tâm chiến lược, đúng vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân năm 1968, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đồng loạt tiến công ở hầu khắp các đô thị của miền Nam Việt Nam.

- **Lê Minh Khang**

SỰ THẬT VỀ VỤ THẨM SÁT TẠI NHÀ TÙ PHÚ LỢI DƯỚI CHẾ ĐỘ MỸ - DIỆM NĂM 1958

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 12 (tháng 01/2013))

Vụ thảm án Phú Lợi đã xảy ra cách đây 55 năm, nhưng vẫn còn nhiều điều bí ẩn sau bức màn truyền thông sai sự thật của chế độ Mỹ - Diệm. Mỗi lần lật lại hồ sơ lưu trữ, lại có thêm những sự thật được tiết lộ. Đó là sự thật: có một vụ đầu độc thực phẩm đã diễn ra ở nhà tù Phú Lợi; sự thật về sự độc đoán của chế độ trên phương diện truyền thông; và sự thật về một cuộc đấu tranh quyết liệt của những tù nhân kháng chiến cũ và những người yêu nước chống đối chế độ tù đầy và chế độ Mỹ - Diệm. Cuộc đấu tranh ấy cũng thể hiện sự phát triển của phong trào kháng chiến chống Mỹ - Diệm ở miền Nam sau Hiệp định Genève.

- **Lê Tường Uyên - Hải Anh**

VAI NÉT VỀ TÌNH HÌNH AN NINH, PHÒNG THỦ VÀ QUẢN LÝ TÙ NHÂN TẠI NHÀ TÙ PHÚ LỢI (GIAI ĐOẠN 1957 - 1964) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 4 (tháng 4/2014))

Với mưu đồ phá hoại Hiệp định Genève, bằng thủ đoạn mị dân rồi khủng bố và đến các chiến dịch “tố Cộng”, “diệt Cộng”, chỉ trong vòng 2 đến 3 năm, Mỹ - Diệm đã gây không biết bao nhiêu tội ác trên cả miền Nam. Bằng khẩu hiệu “Thà bắt nhầm hơn bỏ sót”, chúng đã cho xây dựng thêm nhiều nhà tù ở đây. Nhà tù Phú Lợi còn được chính quyền Sài Gòn gọi là Trung tâm Cải huấn Phú Lợi - một trong những nhà tù lớn của Mỹ - Diệm ở miền Nam Việt Nam. Từ giữa năm 1957, trại giam Phú Lợi được xây dựng bố trí ngay bên cạnh một căn cứ quân sự với

tổng diện tích khoảng 12 ha. Một hệ thống an ninh, phòng thủ đã được chính quyền Sài Gòn xây dựng nhằm chặn đứng áp lực của quân cách mạng tấn công và để tội phạm không thể vượt trại khi bị tấn công.

- **Vũ Minh Giang**

GIÁ TRỊ SỬ LIỆU CỦA TÀI LIỆU LƯU TRỮ DƯỚI THỜI VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2014))

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung phân tích, làm rõ giá trị sử liệu của tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu lưu trữ dưới thời VNCH nói riêng, với vai trò quan trọng “là minh chứng hết sức trung thực cho những sự kiện đã qua và hơn thế, còn có thể làm bằng chứng lịch sử và pháp lý cho những phán quyết không thể chối cãi”.

- **Phí Thị Nhung**

HOẠT ĐỘNG CHỐNG PHÁ ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 10 (tháng 10/2014))

Trong chiến tranh, vấn đề đảm bảo mạch máu giao thông nhằm cung cấp những điều kiện cần và đủ cho tiền tuyến luôn giữ vai trò quan trọng, mang tính chất quyết định thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn là hệ thống giao thông huyết mạch, nối liền hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam. Ý thức được điều này nên cả hai phía, ta và địch, đã có những hành động quyết liệt về quân sự đối với con đường. Những hoạt động tìm, phát hiện và đánh giá một cách quyết liệt hệ thống giao thông nhằm cắt đứt sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam luôn là mục tiêu chiến lược của

bộ máy chiến tranh mà đế quốc Mỹ và chính quyền ngụy đã thực hiện trong suốt gần 20 năm trong chiến tranh Việt Nam. Toàn bộ hệ thống tổ chức tác chiến của VNCH đã mở hết công suất để tìm ra “biện pháp hữu hiệu nhất” - như cách nói trong các văn bản của họ - nhằm triệt phá đường Trường Sơn.

- ***Trình Việt Dũng***

HỆ THỐNG TIẾP VẬN ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1959 - 1968 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 10 (tháng 10/2014))

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (giai đoạn 1954 - 1975), đường Trường Sơn - đường mòn Hồ Chí Minh đảm nhiệm trọng trách chuyển tải sức mạnh tổng hợp của hậu phương lớn miền Bắc cho cách mạng miền Nam. Xác định vị trí, vai trò và tầm ảnh hưởng của đường mòn Hồ Chí Minh có thể nguy hại đến sự tồn vong của chế độ, Chính quyền VNCH với sự tham giúp trực tiếp của đế quốc Mỹ đã chỉ đạo các cơ quan quân sự, bảo an, tình báo tiến hành theo dõi sát sao sự hình thành và phát triển của đường mòn Hồ Chí Minh, nghiên cứu, phân tích mô hình tổ chức tiếp vận, quy luật hoạt động của quân ta trên đường mòn Hồ Chí Minh, qua đó làm cơ sở vững chắc cho việc lập và tổ chức kế hoạch chống phá con đường. Và cũng chính từ những hoạt động này, các văn bản trong khối tài liệu lưu trữ về đường mòn Hồ Chí Minh, trong đó có các nghiên cứu về hệ thống tổ chức tiếp vận của “miền Bắc”, quy luật hoạt động của các đơn vị tiếp vận trên đường mòn Hồ Chí Minh,... của Chính quyền VNCH được hình thành. Đó cũng chính là những nội dung được tác giả giới thiệu trong khuôn khổ bài viết.

- **Hà Thảo Hà**

CHIẾN DỊCH BÌNH GIÃ GÓP PHẦN LÀM PHÁ SẴN “QUỐC SÁCH ÁP CHIẾN LƯỢC” QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA HOA KỲ VÀ CHÍNH QUYỀN VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2015))

Trong chiến tranh Việt Nam, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Hoa Kỳ được áp dụng đầu tiên nhằm kết thúc cuộc chiến một cách nhanh chóng. Xương sống của chiến lược này là kế hoạch Staley - Taylor với “bình định miền Nam” trong vòng 18 tháng, hòng giúp cho chế độ VNCH của Ngô Đình Diệm giành thể chủ động sau phong trào Đồng Khởi của quân và dân miền Nam nổ ra vào cuối năm 1959 và đầu năm 1960. Song với chiến dịch Bình Giã, hệ thống “áp chiến lược” được chế độ gia đình trị Diệm - Nhu nâng lên thành “quốc sách” và được Hoa Kỳ xây dựng thành một trong hai nòng cốt để thực thi kế hoạch Staley - Taylor: “bình định miền Nam” trong vòng 18 tháng đã báo hiệu sự thất bại hoàn toàn.

- **Trần Thị Vui**

NIXON ĐỔI MẶT VỚI NHỮNG HẬU QUẢ TỪ QUYẾT ĐỊNH TÁI “OANH TẠC” MIỀN BẮC BẰNG B52 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2015))

Trong khi rất muốn kết thúc cuộc chiến ở Việt Nam, rút hết lính Mỹ để làm yên lòng nhân dân Mỹ, chính quyền Nixon vẫn cố tung thêm những “cú đấm” về phía Bắc Việt Nam nhằm thể hiện sức mạnh của một cường quốc, đồng thời cố tình trì hoãn việc ký Dự thảo Hiệp định tháng 10/1972. Với luận điệu là Dự thảo Hiệp định đang còn những chỗ “mập mờ” cần phải làm sáng tỏ cũng

không đủ sức thuyết phục nhân dân thế giới về hành động dã man của Nixon khi ra lệnh dội bom rải thảm Hà Nội và Hải Phòng. Hành động “ra đi trong danh dự” của tập đoàn Nixon không chỉ ghi thêm tội ác của Mỹ ở Việt Nam, mà còn gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho chính nước Mỹ.

- **Trần Thị Vui**

QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP QUAN HỆ GIỮA MTDTGPMNVN VÀ LIÊN HIỆP QUỐC TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 3 (tháng 3/2015))

Trong những năm 1960 - 1975, MTDTGPMNVN (Mặt trận Giải phóng) là đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là một cuộc đấu tranh bền bỉ, gian nan trên khắp các mặt trận, từ chính trị tới quân sự, từ trong nước ra nước ngoài. Trong đó, đấu tranh trên mặt trận ngoại giao cũng không kém phần cam go gian khó như trên mặt trận quân sự. Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết ngày 27/01/1973 là thắng lợi to lớn, là kết quả tốt đẹp của một chặng đường đấu tranh kiên cường của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- **Vũ Văn Tâm**

CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN - NHỮNG NGÀY CUỐI

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 5 (tháng 5/2015))

Hiệp định Paris được ký kết năm 1973 đối với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là một thắng lợi khi đuổi được Mỹ khỏi Việt Nam. Với chính quyền Sài Gòn là sự “hụt hẫng” khi mất đi sự hậu thuẫn đặc lực liên quan

đến sự tồn vong. Ngay từ năm 1974, TW Đảng ta đặt quyết tâm giải phóng miền Nam Việt Nam trong hai năm 1975 - 1976, rồi cuối cùng thực hiện quyết tâm ấy trong năm 1975 đã đẩy chính quyền Sài Gòn vào thế bị động hoàn toàn, liên tục tháo chạy khỏi các vùng trọng yếu, co cụm ở Sài Gòn và các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Trong những ngày cuối cùng của tháng 4/1975, chính quyền Sài Gòn đã đi từ “tuyệt vọng” tới “châm hết” khi Quân Giải phóng áp sát Sài Gòn từ tứ phía bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- **Lê Thị Hồng**

HOẠT ĐỘNG CỦA PHỦ ĐẶC ỦY TRUNG ƯƠNG TỈNH BÁO
VNCH – NHỮNG NGÀY HẤP HỔI

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 6 (tháng 6/2015))

Phủ Đặc ủy TWTB VNCH được thành lập vào năm 1961 và tồn tại đến tháng 4/1975. Đây được coi là cơ quan “siêu quyền lực” của chế độ ngụy quyền Sài Gòn với nhiệm vụ điều tra, thu thập tin tức tình báo chiến lược về miền Bắc Việt Nam và các nước có liên quan nhằm tập trung chủ yếu vào việc đánh phá cách mạng miền Nam. Hàng ngày, nơi đây luôn nhận được những thông tin chiến sự của các tỉnh báo, tướng lĩnh ở các chiến trường báo cáo về. Thế nhưng, chính trong các tổ chức này có các chiến sỹ tình báo của ta - góp phần không nhỏ trong việc cung cấp các thông tin tình báo đó. Ngược lại, với những tin tức mà chiến sỹ tình báo của chúng ta điều tra, thu thập được gửi về cơ quan tham mưu của Quân Giải phóng đã giúp cho Bộ Chỉ huy các chiến dịch đánh giá, dự đoán đúng chuyển biến của các giai đoạn chiến lược và đề ra những quyết sách đúng, góp phần đưa đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- **Tô Tuấn Đạt**

KẾ HOẠCH PHÁT HUY TINH THẦN LIÊN ĐỐI ÁP CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ - DIỆM Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1961 - 1963)

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 10 (tháng 10/2015))

Trong bài viết, tác giả trình bày về kế hoạch liên đới “ấp chiến lược”, một kế hoạch phụ trợ cho chủ trương gom dân lập “ấp chiến lược” trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Các nội dung chính được trình bày là: lý do của kế hoạch, các nguyên tắc thực hiện kế hoạch, nội dung kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và các giai đoạn của kế hoạch.

- **Vũ Quý Tùng Anh**

TỔ CHỨC QUÂN LỰC VNCH (GIAI ĐOẠN 1955 - 1963) QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 10 (tháng 10/2015))

Quân lực VNCH là một sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Nó được xây dựng, trang bị và chỉ đạo huấn luyện theo lẽ lối của quân đội Mỹ. Trong bài viết này, tác giả trình bày tổ chức của quân lực VNCH (từ năm 1955 - 1963) trên các mặt: tổ chức chỉ huy, tổ chức quân sự theo lãnh thổ, tổ chức lực lượng cơ động, quân số và trang bị. Qua bài viết, tác giả mong muốn giúp độc giả hiểu rõ hơn đội quân được coi là công cụ của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam và từng một thời được Mỹ, chính quyền Sài Gòn “tung hô” là mạnh nhất nhì châu Á và đứng thứ 5 trên thế giới.

- **Vũ Văn Tâm**

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM VỚI HỘI ĐÀM PARIS TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 1 (tháng 01/2016))

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, Hoa Kỳ buộc phải nghiêm

chính chọn hướng đàm phán nhằm kết thúc cuộc chiến tại Việt Nam. Trong những lần tiếp xúc đầu tiên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ, hai bên đề cập tới nhiều vấn đề trong đó có bàn đến khía cạnh chọn đại diện cho Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tham dự Hội đàm Paris. Hoa Kỳ chấp nhận MTDTGPMNVN với tư cách pháp nhân được tham gia đàm phán bốn bên. Ngay từ đầu, chính quyền Thiệu đã phản đối đặt họ ngang hàng với MTDTGPMNVN trên chiếc bàn tròn Paris. Nhưng cuối cùng, với sức ép của Hoa Kỳ, chính quyền Thiệu phải chấp nhận như một sự công nhận tư cách đại diện nhân dân miền Nam Việt Nam của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Cho tới giữa năm 1969, MTDTGPMNVN đã tham gia một số phiên họp và làm tốt vai trò đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của mình, rồi nhường lại vai trò đó cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

• **Trần Thị Vui**

TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ QUA NHỮNG BỨC THƯ THỜI CHIẾN
TỪ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 2 (tháng 02/2016))

Làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ là sức mạnh của toàn quân và nhân dân Việt Nam, là sự đóng góp của từng cá nhân cụ thể, trong đó có những người lính giải phóng quân và người thân của họ. Sự động viên của người thân và của đồng đội là nội lực thúc đẩy những anh lính cụ Hồ dũng cảm hy sinh. Những bức thư họ để lại lột tả nhiều cung bậc của đời sống anh giải phóng quân. Và hơn thế nữa, từ những bức thư mang tính cá nhân gửi lời thăm hỏi, động viên nhau ấy lại khắc họa thêm một góc nhìn khác về tình hình chiến sự và những khó khăn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mà nhân dân Việt Nam đã trải qua.

- **Vũ Văn Tâm**

VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT ĐÌNH CHIẾN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN TẠI HỘI NGHỊ GENÈVE

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 3 (tháng 3/2016))

Vấn đề đình chiến tại Đông Dương năm 1954 được giải quyết bằng việc ký kết Hiệp định đình chiến giữa các bên tham chiến. Song song với nó là việc kiểm soát đình chỉ chiến sự - một vấn đề khá khó khăn để tìm được tiếng nói chung giữa các phái đoàn tham dự Hội nghị Genève về Việt Nam năm 1954. Đại diện phái đoàn của các nước Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hoa Kỳ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc... đều đưa đề nghị thành lập một ủy ban kiểm soát với tên gọi và các thành phần khác nhau có lợi cho mình. Cuối cùng, khi các phiên họp không thể kéo dài thêm, các phái đoàn đã nhượng bộ lẫn nhau và đều chấp nhận đề nghị của Liên Xô về thành phần và tên gọi là Ủy hội quốc tế Kiểm soát đình chiến Đông Dương.

- **Nguyễn Văn Báu**

VỀ DỰ ÁN VĂN KHỐ NĂM 1967 CỦA CHÍNH QUYỀN VNCH

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 3 (tháng 3/2016))

Sau những năm nội bộ “bất ổn”, đến năm 1967, VNCH chuyển sang một giai đoạn mới - nền ĐIIICH. Cùng với việc củng cố xây dựng chính quyền ngày một hiện đại, VNCH đã có những quan tâm đến xây dựng công tác lưu trữ. Dự án văn khố năm 1967 là dự án tương đối toàn diện về công tác lưu trữ và có rất nhiều điểm mới so với tổ chức lưu trữ của chế độ VNCH trước đó. Dự án này là sự khởi đầu của một kế hoạch xây dựng và quản lý lưu trữ ngày càng chuyên nghiệp và hiện đại.

- **Bùi Văn Tiếng**

ĐÀ NẴNG TRONG QUÁ TRÌNH CÙNG CỐ VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

(Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2016))

Trên cơ sở những tư liệu của Chính phủ VNCH đang được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, tác giả bài viết đi sâu nghiên cứu Đà Nẵng trong quá trình củng cố và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa - thời kỳ Đà Nẵng thuộc Chính phủ QGVN nằm trong Liên hiệp Pháp (từ năm 1950 - 1955) và thuộc Chính phủ VNCH (từ năm 1955 - 1975).

- **Trần Thị Vui**

VỀ PHI TRƯỜNG NÚI BÀ RÁ QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 8 (tháng 8/2016))

Phi trường Núi Bà Rá là tên gọi từ thời thực dân Pháp xâm lược, phi trường Phước Long là tên gọi thời kỳ VNCH, đã được xây dựng trước năm 1954 với mục đích dân sự và quân sự. Thực dân Pháp rút đi, phi trường này bị bỏ hoang. Nhưng khi kiểm soát miền Nam, Chính quyền Ngô Đình Diệm đã khôi phục lại và biến thành sân bay quân sự phục vụ các hoạt động chuyển quân lên Phước Long trong các chiến dịch “truy quét CS”. Khi Phước Long thất thủ đầu năm 1975, sân bay này trở thành điểm trung chuyển tháo chạy của các quan chức đầu não của VNCH.

- **Hà Thảo Hà**

ĐỒNG CHÍ PHẠM HÙNG VÀ HIỆP THƯƠNG CHÍNH TRỊ TỔ CHỨC TỔNG TUYỂN CỬ THỐNG NHẤT NĂM 1976

(Tập chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, Số 5 (tháng 5/2016))

Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, tại Tp.HCM, Đoàn Đại biểu miền Bắc và Đoàn Đại biểu miền Nam đã tiến hành Hội nghị Hiệp thương chính trị để bàn về vấn đề thống nhất nước Việt Nam về mặt nhà nước. Diễn văn của đồng chí Phạm Hùng, Trưởng Đoàn Đại biểu miền Nam là một trong những văn kiện quan trọng trong Hội nghị này và trong toàn bộ quá trình tổ chức Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa VI, năm 1976.

2. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử

• Nguyễn Hữu Đạo

TRẬN HẢI CHIẾN CỦA QUÂN VIỆT NAM CỘNG HÒA
CHỐNG QUÂN TRUNG QUỐC XÂM CHIẾM TRÁI PHÉP QUẦN
ĐẢO HOÀNG SA THÁNG 01/1974

(Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 6/2014)

Cách đây 40 năm, từ ngày 19 - 24/01/1974, Trung Quốc đã huy động lực lượng hải quân và không quân để xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Mặc dù quần đảo Hoàng Sa là một phần lãnh thổ bất khả xâm phạm của Việt Nam, nhưng Trung Quốc đã sử dụng bạo lực bằng quân đội để xâm lược và chiếm đóng.

• Lưu Anh Rô

THỦ ĐOẠN “NGƯ PHỦ - TÀU LẠ” CỦA TRUNG QUỐC SỬ DỤNG ĐỂ LẤN TỪNG BƯỚC, RỒI THỰC HIỆN MỘT CUỘC “TIỂU CHIẾN TRANH” CƯỚP ĐOẠT QUẦN ĐẢO HOÀNG SA CỦA VIỆT NAM QUA TƯ LIỆU LƯU TRỮ CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA

(Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 6 (năm 2014))

Bài viết của tác giả dựa trên việc khai thác các tài liệu lưu trữ liên quan đến quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam trong thời kỳ Chính quyền VNCH từ năm 1954 - 1975, phần lớn tài liệu được lưu giữ ở phòng Phủ Tổng thống, phòng Phủ Thủ tướng - những tài liệu mật và tuyệt mật, hiện nay đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Tác giả đã tìm đọc và sử dụng những tài liệu này để phân tích, trích dẫn và chứng minh rằng chiêu trò của Trung Quốc sử dụng là “Ngư phủ lạ, tàu lạ, cờ lạ” để dần dần xâm lấn Hoàng Sa trong một thời gian nhất định, nhằm đánh chiếm Hoàng Sa bằng một cuộc “tiểu chiến tranh” vào năm 1974. Trong bài viết, tác giả có một số kết luận, bài học và những giải pháp về pháp lý cho vấn đề Hoàng Sa.

ARCHIVES.GOV.VN

BẢNG CHỈ DẪN ĐỊA DANH

An Giang, 67, 71, 72, 86, 109, 131, 138, 186, 251, 284	Campuchia, 38, 64, 83, 100, 109, 120, 129, 225, 292, 297, 298, 302, 345
An Lạc, 150	Cần Giờ, 283
An Sương, 150	Cần Thơ, 87, 117, 119, 159, 165, 209, 241, 242, 250
Australia, 305	Côn Đảo, 19, 71, 148, 385
Ấn Độ, 298, 299	Côn Lôn, 73
Ấp Bắc, 251	Củ Chi, 217, 227, 228, 238, 274
Bà Rịa, 73, 116, 135	Chợ Lớn, 37, 102, 128, 139, 140, 142, 144, 157, 174, 217, 227, 239, 250, 255, 257, 266, 272, 289, 319, 324, 325
Bạc Liêu, 66, 109, 132, 210	Chương Thiện, 69, 213, 241
Bến Tre, 174, 284, 322	Đà Lạt, 19, 51, 53, 76, 81, 91, 94, 116, 135, 136, 141, 142, 147, 159, 167, 210, 250, 298, 371
Biên Hòa, 19, 65, 66, 90, 98, 105, 109, 122, 135, 136, 162, 163, 182, 199, 214, 234, 238, 247, 252, 301	Đà Nẵng, 34, 74, 77, 78, 93, 172, 178, 190, 216, 217, 227, 233, 237, 246, 286, 309, 340, 398, 399
Bình Chánh, 223	Đài Loan, 38, 42, 165, 176, 199, 292, 306
Bình Dương, 107, 109, 115, 149, 158, 162, 172, 200, 206, 227, 230, 234, 238, 249, 260, 273, 318, 327, 332, 333	Đắk Lắk, 18, 68, 73, 79, 80, 81, 82, 94, 162, 178, 188, 232, 236, 251, 252
Bình Định, 18, 19, 86, 94, 215, 217, 218, 231, 246, 248, 262, 277, 306, 321	
Bình Giả, 24, 256, 393	
Bình Phước, 64, 65, 70, 162, 355, 356	
Bình Thạnh, 214	
Cà Mau, 19, 65, 69, 210	

Đắc Nông, 68, 81
 Đắc Nông, 120
 Đăkmil, 72
 Điện Biên Phủ, 290, 301, 349, 359
 Đồng Khởi, 12, 174, 268, 284, 377, 383, 393
 Đồng Nai, 98, 135, 163, 238, 247, 266, 316, 325
 Đồng Tháp, 67
 Gò Công, 108, 213, 283
 Gò Vấp, 277, 278
 Gia Định, 34, 66, 89, 102, 111, 132, 146, 147, 148, 157, 165, 184, 193, 195, 214, 223, 227, 242, 250, 254, 255, 257, 263, 265, 269, 272, 273, 281, 283, 288, 289, 309, 325, 326, 327, 328, 369, 384
 Gia Lai, 79, 82, 151, 190, 202, 258
 Hàn Quốc, 293, 300, 307
 Hoa Kỳ, 11, 23, 24, 32, 34, 37, 38, 48, 49, 61, 68, 75, 77, 84, 85, 89, 91, 93, 102, 103, 104, 113, 118, 128, 129, 131, 136, 156, 172, 175, 177, 185, 196, 197, 200, 204, 205, 216, 225, 236, 241, 264, 266, 269, 273, 277, 280, 281, 283, 284, 285, 287, 293, 295, 296, 299, 303, 305, 306, 307, 308, 316, 334, 346, 349, 361, 362, 364, 377, 378, 384, 386, 387, 389, 396
 Hỏa Lựu, 229
 Hoàng Sa, 36, 68, 75, 77, 149, 218, 242, 304, 398, 399, 400
 Hồ Nai, 136, 325
 Huế, 19, 34, 114, 117, 118, 122, 127, 142, 150, 153, 155, 166, 167, 172, 180, 216, 261, 274, 298, 340, 350, 371
 Hương Thủy, 122
 Indonesia, 294, 295, 297
 Kiên Giang, 18, 66, 68, 71, 85, 109, 251, 358
 Kon Tum, 83
 Kontum, 63, 79, 82, 83, 94, 123, 151, 152, 188, 237, 259, 265
 Lâm Đồng, 76, 81, 91, 97, 209, 236, 259
 Liên Khương, 141
 Long An, 18, 89, 184, 213, 264, 265, 284
 Mondul Kiri, 120
 Mộ Đức, 72
 Mỹ, 5, 11, 12, 13, 18, 20, 23,

24, 31, 33, 34, 37, 38, 39, 47, 170, 209, 249, 256, 264, 268,
 50, 57, 59, 74, 84, 85, 93, 103, 271, 281, 289, 325, 330, 332,
 104, 107, 108, 110, 117, 128, 335, 336, 337, 338, 342, 343,
 131, 132, 142, 145, 146, 163, 344, 345, 347, 352, 355
 168, 173, 180, 181, 183, 185, Nam Bộ, 7, 34, 70, 73, 90, 156,
 188, 193, 195, 196, 197, 198, 198, 213, 214, 229, 236, 265,
 199, 202, 211, 213, 214, 215, 267, 284, 312, 321, 322, 330,
 217, 218, 219, 220, 222, 223, 331, 333, 338, 343, 349, 395
 224, 225, 229, 230, 231, 234, Nam Yết, 148
 238, 239, 240, 244, 245, 251, Nhà Bè, 97, 282, 284
 259, 260, 261, 262, 264, 265, Nhật, 42, 85, 92, 113, 154, 166,
 266, 267, 269, 270, 276, 277, 171, 173, 176, 199, 300, 301,
 279, 281, 283, 285, 286, 289, 303, 304, 306, 367, 373, 376
 290, 293, 295, 296, 297, 299, Nhật Bản, 113, 173, 199, 300,
 300, 301, 302, 303, 305, 312, 301, 306
 315, 316, 318, 319, 320, 321, Phong Dinh, 69, 79, 82, 86,
 322, 323, 324, 325, 326, 327, 209, 229, 241
 330, 331, 333, 334, 335, 336, Phú Lợi, 149, 206, 261, 390,
 339, 341, 343, 344, 345, 346, 391
 347, 348, 350, 353, 354, 357, Phú Quốc, 71, 191, 358, 359
 358, 359, 360, 361, 363, 366, Phú Yên, 67, 69, 79, 82, 91, 94,
 367, 371, 372, 373, 374, 376, 157, 208, 217
 377, 378, 379, 380, 383, 384, Phước Long, 65, 70, 79, 82,
 385, 386, 388, 389, 390, 391, 109, 115, 130, 144, 158, 162,
 392, 393, 394, 395, 396, 397, 190, 229, 230, 236, 248, 249,
 398 253, 254, 256, 358, 360, 399
 Mỹ Tho, 108, 142, 239, 251, Phước Tuy, 73, 79, 82, 89, 116,
 261, 283 162, 256, 284
 Nam Bộ, 65, 73, 109, 130, 158, Quảng Bình, 279, 370

Quảng Đức, 53, 72, 73, 80, 81, 91, 178, 180, 236, 253, 341
 Quảng Nam, 72, 74, 77, 78, 178, 217, 218, 226, 227, 237, 240, 242, 246, 276, 279, 285, 286
 Quảng Ngãi, 18, 37, 72, 74, 78, 178, 217, 218, 223, 227, 235, 237, 240, 246, 248, 276, 279, 286
 Quảng Trị, 18, 49, 74, 78, 178, 217, 219, 224, 225, 240, 248, 257, 268, 269, 270, 275, 276, 279, 349, 385
 Quy Nhơn, 67, 231, 246
 Sài Gòn, 154
 Sài Gòn, 13, 23, 24, 32, 33, 34, 36, 38, 46, 47, 48, 58, 59, 69, 84, 98, 100, 103, 108, 110, 111, 116, 117, 118, 119, 125, 126, 127, 128, 130, 131, 132, 136, 139, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 150, 153, 154, 157, 158, 159, 160, 161, 163, 165, 166, 168, 170, 171, 173, 174, 175, 177, 178, 180, 181, 183, 185, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 201, 202, 203, 205, 206, 215, 216, 217, 223, 227, 231, 239, 242, 243, 245, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 255, 257, 260, 263, 265, 266, 267, 269, 270, 272, 273, 274, 275, 277, 281, 282, 288, 289, 298, 302, 306, 309, 310, 315, 317, 318, 319, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 337, 339, 347, 348, 351, 352, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 364, 365, 367, 369, 371, 375, 376, 377, 379, 381, 383, 384, 385, 386, 388, 390, 391, 394, 395, 396
 Sóc Trăng, 67, 69, 70, 174
 Song Tử Tây, 148
 Sông Bé, 65, 130
 Tây Ninh, 12, 18, 63, 71, 95, 152, 188, 220, 223, 228, 244, 287, 299, 337, 338, 376
 Tây Nguyên, 34, 178, 179, 184, 187, 211, 231, 236, 256, 259, 268, 322, 345, 349
 Tiên Hiệp, 226
 Tiên Phước, 226
 Tp.HCM, 10, 58, 99, 102, 114, 125, 139, 144, 149, 153, 159, 162, 165, 183, 217, 313, 314, 315, 336, 340, 348, 353, 354,

355, 361, 399
 Thái Lan, 67, 240, 292, 297, 302
 Thừa Thiên Huế, 122, 152, 153, 167, 227, 270
 Trung Hoa, 38, 75, 130, 139, 164, 176, 292, 303, 306
 Trường Sa, 19, 36, 68, 75, 148, 218, 304
 Vị Thanh, 229
 Việt Nam, 5, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 23, 24, 31, 32, 33, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 45, 46, 47, 49, 51, 52, 53, 56, 58, 62, 64, 67, 73, 75, 76, 79, 81, 82, 83, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 91, 93, 95, 97, 98, 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 109, 110, 111, 113, 114, 115, 117, 118, 122, 124, 125, 126, 128, 129, 130, 131, 132, 134, 135, 136, 138, 139, 140, 142, 144, 145, 147, 148, 151, 154, 155, 156, 157, 158, 161, 164, 166, 167, 168, 170, 172, 173, 175, 176, 177, 178, 180, 181, 185, 186, 187, 190, 193, 196, 197, 199, 200, 204, 207, 209, 211, 212, 216, 218, 220, 221, 222, 223, 225, 230, 235, 236, 237, 240, 241, 244, 245, 249, 253, 255, 257, 260, 262, 263, 264, 266, 267, 268, 269, 270, 272, 273, 275, 277, 280, 283, 285, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 310, 311, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 333, 334, 335, 336, 339, 343, 345, 346, 347, 348, 349, 351, 354, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400
 Vĩnh Long, 51, 57, 67, 85, 89, 109, 111, 212, 230, 231, 265
 Vĩnh Thạnh, 87
 Vũng Tàu, 73, 116, 122, 140
 Vương quốc Anh, 295
 Yên Bái, 73

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
80B Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.39423346 * Fax: 024.38224784
Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: LÊ TỬ GIANG

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN HỒNG KỲ

Biên tập: PHẠM QUANG HUÂN

Sửa bản in: NGÔ THỊ BÍCH DIỆP
TRẦN THỊ NGÀ

SÁCH KHÔNG BÁN

In 320 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Trung tâm Tu bổ - Phục chế tài liệu lưu trữ.

Địa chỉ: 02 Phố Trạm - Long Biên - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2758-2017/CXBIPH/1-116/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-1412-7.

Quyết định xuất bản số: 170/QĐ-GTVT ngày 08 tháng 9 năm 2017.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2017.



TUYỂN TẬP ĐỀ TÀI

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Tập 2

**ĐỀ TÀI KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ
HÌNH THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 1955 - 1975**

ISBN: 978-604-76-1412-7



9 786047 161412 7